

Đại tướng

Võ Nguyên Giáp

Đường tôi

ĐIỆN BIÊN PHỦ



HỘI ỨC

Jack.info

THUẬT MẬT thể hiện

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Đại Tướng
Võ Nguyên Giáp

Đường Tới Điện Biên Phủ

Hồi ức
Hữu Mai thể hiện
(In lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

Nhà Xuất Bản Quân Đội Nhân Dân
Hà Nội — 2001

Chịu trách nhiệm xuất bản: TS PHẠM GIA ĐỨC
Biên tập: ĐỖ TÁT THẮNG
Trình bày: PHẠM VĂN BẢNG
Sửa bản in: DUY TIẾN - VĂN THÊM
Bìa: LẠC VIỆT Design

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế, Hà Nội, ĐT: 8455766
Cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh
Số 1 Kỳ Đồng, quận 3, ĐT (QS): 652165 - (08) 9311953

ĐƯỜNG TỚI ĐIỆN BIÊN PHỦ
Bắt đầu in: 7 - 2001
In xong, nộp lưu chiểu: 8 - 2001
Khổ sách: 14,5 x 20,5 cm
Số trang: 380
Số lượng bản in: 1.000
Giấy phép xuất bản: 08-518/XB-QLXB
In và đóng sách: Xưởng in Bình Hòa

Chương Một: VẬN HỘI MỚI

1

Năm năm chiến đấu trong vòng vây, từ ngày 23 tháng 9 năm 1945 đến mùa Hè năm 1950, đã đưa dân tộc thoát khỏi hiểm họa mất nước lần thứ hai. Nếu như nhiều sử gia về chiến tranh Đông Dương có chung nhận định: từ đầu năm 1950, Pháp đã thất bại trong ý đồ tái chiếm Việt Nam bằng quân sự, thì đó chỉ là điều rút ra sau cuộc chiến. Giới cầm quyền Pháp lúc này chưa hề cảm thấy đã tới lúc đạo quân xâm lược phải cuốn gói ra đi.

Tháng 7 năm 1949, Rove (*Revers*), Tổng tham mưu trưởng quân đội Pháp, báo cáo với chính phủ những khó khăn mà quân viễn chinh sẽ phải đương đầu khi Quân giải phóng Trung Quốc tiến xuống biên giới Việt — Trung.

Nhưng Rove vẫn tin có thể cứu vãn tình hình bằng cách rút bỏ Cao Bằng và Đông Khê, thu hẹp hành lang Đông Tây, rút ngắn những đường nội tuyến để bảo vệ vững chắc đồng bằng Bắc Bộ, và đưa chiến tranh Đông Dương vào chiến lược của Mỹ.

Các-păng-chiê (*Carpentier*), Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương cho rằng việc rút khỏi Cao Bằng và Đông Khê là không cần thiết, bộ đội Việt Minh dù có thêm vũ khí mới của phe Cộng sản cũng chưa trở thành đe dọa với những tiền đồn vững chắc như Cao Bằng. Alét-xăng-đrê (*Alessandri*), chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ, còn dự tính cả một cuộc tiến công Việt Bắc với quy mô và phương tiện lớn hơn cuộc tiến công mùa Đông năm 1947. Từ Đờ Lát (*Jean De Lattre de Tassigny*) tới Nava (*Henri Navarre*), đều nung nấu quyết tâm tìm một trận đánh quyết định với chủ lực ta. Tất cả những người chỉ huy quân viễn chinh không bao giờ có ý nghĩ là sẽ thua trong cuộc chiến tranh này.

Về phía chúng ta, niềm tin vào thắng lợi cuối cùng đã hoàn toàn củng cố, nhưng chặng đường phía trước vẫn còn rất dài và lắm

chông gai.

Tuy nhiên, từ đây những biến cố lớn trên chiến trường bắt đầu diễn ra dồn dập hơn.

Việt Bắc bước vào mùa Hè năm 1950 trong không khí khẩn trương.

Sau khi đánh chiếm những tỉnh đồng bằng và trung du, quân Pháp đã áp sát cửa ngõ tỉnh Thái Nguyên ở hướng đông — nam. Tiếng bom đạn từ Vĩnh Yên, Phúc Yên vọng về. Những chiếc *Spitfire*, *King Cobra* lồng lộn trên bầu trời như tức giận vì những con đường phá hoại ở khu căn cứ đang được sửa chữa lại. Máy bay trinh sát bay thấp dọc theo rặng núi Hồng, nơi có nhiều cơ quan của Trung ương. Một vùng chu vi khoảng 10 kilômét vuông ở tỉnh Tuyên Quang bị địch ném hàng trăm trái bom và bắn phá liên tục trong một giờ. Thịnh thoảng lại có tin đồn địch đã chiếm Tam Đảo, tiến xuống Khuôn Chu, hay tiến lên Tuyên Quang. Đồng chí Lêô Phighe (*Léo Figuières*), ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, tới Việt Bắc vào trung tuần tháng Năm đã khuyên ta đề phòng một cuộc tiến công đại quy mô của quân Pháp nhằm vào khu căn cứ.

Vào những mùa hè khác, bộ đội thường đầy ắp khu căn cứ, vì đây là thời gian luyện quân. Nhưng năm nay, phần lớn các đơn vị chủ lực của Bộ đang chiến đấu tại các chiến trường Trung Du, Bắc Bắc, trên đường số 4, một số đơn vị sang Trung Quốc nhận trang bị mới. Sự vắng mặt của đại đoàn 308 sẽ là khó khăn nếu địch mở cuộc tiến công lớn vào khu căn cứ. Nhưng mọi người vẫn bình tĩnh vì đã có kinh nghiệm đối phó với địch trong chiến dịch Việt Bắc. Các cơ quan đều triệt để quân sự hóa và thường xuyên di chuyển địa điểm. Lực lượng vũ trang còn lại ở khu căn cứ chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu cầm chân quân địch, bảo đảm cho bộ đội yên tâm tác chiến trên chiến trường chính.

Điều gây căng thẳng lúc này lại là khó khăn gay gắt về mặt lương thực. Những tỉnh miền núi ít đất trồng trọt, dân cư thưa thớt. Từ ngày kháng chiến phải đón nhận nhiều cơ quan trung ương và đồng bào từ miền xuôi tản cư lên. Bộ đội tập trung về Việt Bắc mỗi năm càng đông. Địch chiếm đóng các tỉnh trung du dồn thêm lên Việt Bắc

một số đồng bào chạy giặc. Cư dân miền núi vốn không đông lại phải tham gia mọi công tác chính quyền, đoàn thể, đi bộ đội, đi dân công làm đường, phục vụ chiến dịch. Số người không sản xuất nông nghiệp quá nhiều. Những lương thực, thực phẩm chính là gạo, muối phải trông cậy vào miền xuôi. Địch biết rõ điều này. Từ giữa năm 1949, chúng đẩy mạnh bao vây chặt chẽ ta về kinh tế, lương thực, đặc biệt là gạo và muối. Chúng thực hiện chính sách đốt sạch, phá sạch trong những cuộc càn, dùng máy bay đánh phá những đập nước, pháo binh, xe lội nước cản trở việc sản xuất lương thực. Trong năm 1949, giá gạo bắt đầu tăng vọt. Ở Thái Nguyên, đầu năm giá 1 kilôgam gạo là 4,3 đồng, giữa năm tăng lên 14,2 đồng, cuối năm lên 22 đồng. Tiền sinh hoạt phí của bộ đội chỉ đủ mua 7 — 8 kilôgam gạo. Đến mùa hè này thì hầu như có tiền cũng không mua được gạo! Cán bộ từ các tỉnh lên làm việc với cơ quan trung ương phải mang gạo theo, hoặc là mang thuốc lào, vải vóc để có thể đổi lấy gạo. Đồng tiền Việt Nam mất giá rất nhanh. Một quả chuối, giá 15 đồng, một quả dứa, 60 đồng! Nhìn bữa ăn của bộ đội, cán bộ, thật đau lòng.

Tuy vậy, trong mùa Hè năm 1950, tình hình các chiến trường nhìn chung vẫn yên tĩnh.

Quân viễn chinh Pháp đã mở phạm vi chiếm đóng ra phần lớn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, đồng bằng Bắc Bộ.

Tại Trung Bộ, địch làm chủ vùng đồng bằng từ Quảng Bình tới Quảng Nam. Pháp vẫn chiếm những tỉnh địa đầu trên biên giới phía bắc, từ Lai Châu, Lào Cai đến Cao Bằng, Lạng Sơn, Hải Ninh. Pháp đã vơ vét được thêm từ chính quốc 13 tiểu đoàn để tăng cường sang Đông Dương, và bắt lính ở vùng tạm chiếm, đưa quân số lên 180.000 người. Đội quân viễn chinh Pháp gồm lục, hải, không quân với hỏa lực mạnh và phương tiện cơ động nhanh vẫn hoàn toàn làm chủ vùng trời, vùng biển, khống chế chiến trường ban ngày, và có thể mở những cuộc hành binh lớn bất cứ lúc nào vào vùng tự do của ta. Tuy nhiên, vì chiến tranh nhân dân đã triển khai rộng khắp vùng tạm bị chiếm, quân địch phải lo bảo đảm an toàn hậu phương, nên chúng chỉ có 12 tiểu đoàn cơ động chiến lược trong tổng số 124 tiểu đoàn. Ba phần tư lực lượng cơ động chiến lược của địch (9 tiểu đoàn) được tổ chức thành 3 binh đoàn¹ bố trí trên chiến trường Bắc Bộ.

Chúng ta vẫn làm chủ vững chắc vùng căn cứ địa Việt Bắc, ba tỉnh tự do Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, vùng đồng bằng Liên khu 5 gồm các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Lực lượng bộ đội trên cả nước đã lên tới con số 166.542 người, trong đó có 45.000 bộ đội địa phương. Dân quân du kích ước lượng trên 2 triệu người.

Bắc Bộ đã trở thành chiến trường chính, khối chủ lực cơ động chiến lược đã sớm hình thành ở đây. Bộ Tổng tư lệnh có 30 tiểu đoàn trực thuộc, với quân số 53.921 người.

Nhìn chung, về số quân, ta không thua kém địch nhiều (166.000/180.000); lần đầu, ta có một lực lượng cơ động chiến lược đông hơn địch. Tuy nhiên, quân đội ta vẫn đơn thuần là bộ binh, trang bị còn rất yếu kém, phương tiện di chuyển vẫn là đôi chân, mọi thứ vũ khí, kể cả sơn pháo, đều nằm trên vai chiến sĩ.

Để kiện toàn bộ máy chỉ đạo quân sự, từ tháng 6 năm 1950, các cơ quan Bộ Quốc phòng — Tổng tư lệnh được tổ chức lại thành ba bộ phận: Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp. Ban Thường vụ Trung ương Đảng cử anh Nguyễn Chí Thanh làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, anh Trần Đăng Ninh làm Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp. Anh Hoàng Văn Thái vẫn đảm nhiệm chức Tổng tham mưu trưởng.

Trong năm 1949, bộ đội chủ lực ta đã tiến bộ nhiều trong đánh vận động tập kích, phục kích, tiêu diệt những đồn binh do đại đội Âu Phi chiếm đóng. Để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, cần phải tiêu diệt những khu, hoặc phân khu của địch. Hỏa lực những đơn vị công đồn lúc này vẫn rất thiếu thốn. Phần lớn xung kích còn phải trang bị bằng mác búp đa. Súng lấy được của địch hỏng hóc nhiều, và rất ít đạn. Súng cối do ta chế tạo thường thiếu độ chính xác.

Cách mạng Trung Hoa thành công đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ trước mắt phải nhanh chóng giải phóng một vùng biên giới phía bắc tiếp giáp với khối xã hội chủ nghĩa. Đây sẽ là hậu phương lớn của cách mạng ba nước Đông Dương. Chỉ có mở thông đường giao lưu quốc tế, ta mới có điều kiện tiếp nhận sự chi viện từ các nước anh em.

Đầu năm 1950, Bộ Tổng tư lệnh quyết định mở chiến dịch Tây Bắc (Lê Hồng Phong I) nhằm khai thông biên giới ở hướng Lào Cai, một khâu yếu trong tuyến phòng ngự của Pháp ở biên giới Việt — Hoa. Bộ đội ta đã tiêu diệt thị trấn Phố Lu, đồn Bản Lầu, buộc địch phải rút khỏi Nghĩa Đô, nhưng cũng bị tiêu hao nhiều (trận Phố Lu hy sinh 100, bị thương 180, trong đó có 13 cán bộ), chiến dịch phải tạm ngừng. Hạ tuần tháng Tư năm 1950, Bộ Tổng tư lệnh quyết định chuẩn bị chiến trường để tiếp tục chiến dịch Tây Bắc vào tháng Sáu, nhằm tiêu diệt phân khu Lào Cai, giải phóng thị xã Lào Cai, nơi có con đường xe lửa chạy sang Vân Nam. Từ rất sớm, ta luôn luôn coi trọng chiến trường Tây Bắc tiếp giáp với Lào và Trung Hoa.

Sau khi đi Trung Quốc và Liên Xô về, Bác trao đổi trong Thường vụ nên chuyển hướng từ giải phóng Lào Cai sang Cao Bằng. Ngay từ cuối năm 1940, khi mới về nước, Bác đã đặc biệt chú ý tới vị trí chiến lược của tỉnh cực bắc Cao Bằng. Cao Bằng có biên giới chung với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, đường giao lưu quốc tế rất thuận lợi. Cao Bằng là đầu mối những trục đường chiến lược cực kỳ quan trọng: Đường số 4 chạy dọc biên thùý Đông Bắc tới miền duyên hải vịnh Bắc Bộ, dọc đường có ba cửa khẩu thông sang Trung Quốc; đường số 3 nối liền với Bắc Cạn, Thái Nguyên, Hà Nội. Địa thế hầu hết là núi rừng trùng điệp, hiểm trở. Người dân được thử thách, tôi luyện từ ngày thành lập Việt Minh và qua những năm kháng chiến. Bác coi Cao Bằng là một căn cứ chiến lược "tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ". Mở chiến dịch ở Cao Bằng, ta có khả năng tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch quan trọng, chiến thắng ở đây sẽ tạo đà thuận lợi chuyển qua giai đoạn mới. Cao Bằng nằm trong Khu Biên thùý Đông Bắc, là nơi có tỉ lệ quân Âu Phi cao và thuộc loại tinh nhuệ nhất Đông Dương. Binh lực địch gồm 11 tiểu đoàn và 9 đại đội bộ binh, 17 khẩu pháo các loại, 8 máy bay, 4 đại đội cơ giới và 4 đại đội công binh. Công trình phòng ngự ở đây rất vững chắc. So với hướng Tây Bắc thì địch ở Đông Bắc mạnh hơn rất nhiều.

Đầu tháng 7 năm 1950, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định chuyển hướng chiến dịch từ Tây Bắc sang Đông Bắc, tập trung chủ yếu vào khu vực Cao Bằng — Lạng Sơn. Bộ Tổng tư lệnh trao cho Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Cung cấp triển khai công tác chuẩn bị

cho tới đầu tháng 9 năm 1950. Có nhiều ý kiến nên đánh thị xã Cao Bằng để mở đầu chiến dịch khi lực lượng ta còn nguyên vẹn và sung sức. Anh Trần Đăng Ninh, rồi anh Hoàng Văn Thái lên đường chuẩn bị chiến dịch.

Ngày 25 tháng 7 năm 1950, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định thành lập Đảng ủy Mặt trận Biên Giới và Bộ chỉ huy chiến dịch. Tôi được chỉ định làm Bí thư Đảng ủy và Chỉ huy trưởng kiêm Chính ủy chiến dịch. Đảng ủy viên gồm các anh: Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thái, Bùi Quang Tạo, Lê Liêm. Anh Hoàng Văn Thái là Tham mưu trưởng, anh Lê Liêm là Chủ nhiệm Chính trị, anh Trần Đăng Ninh là Chủ nhiệm Cung cấp của chiến dịch.

Không khí cơ quan hết sức nhộn nhịp. Mọi người nô nức chuẩn bị nhanh chóng lên đường. Quyết định của Trung ương mở một chiến dịch lớn đã xua tan sự căng thẳng một thời gian dài chờ đợi từ ngày có chủ trương chuẩn bị chuyển sang Tổng phản công.

Tôi biết là có rất nhiều thử thách đang đợi ở phía trước.

2

Tôi muốn trở lại chuyến đi thăm Trung Quốc và Liên Xô hồi đầu năm của Bác.

Như đã nói ở tập *Chiến đấu trong vòng vây*, ngay từ đầu năm 1948, Đảng ta đã có tiếp xúc với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Qua những phái viên, đôi bên đã thông báo cho nhau tình hình phát triển cách mạng ở mỗi nước, và cùng phối hợp hoạt động khi điều kiện cho phép.

Không đầy một tháng sau khi tuyên bố thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Trung Quốc báo tin sắp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hòa, và đề nghị ta sớm cử đại sứ tới Bắc Kinh. Tiếp theo Trung Quốc là Liên Xô, rồi tất cả các nước xã hội chủ nghĩa công nhận ta. Thường vụ Trung ương thấy cần sớm có cuộc gặp gỡ giữa Bác với những nhà lãnh đạo của hai đảng lớn, sẽ góp phần quan

trọng vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Dọc đường để giữ bí mật, Bác đóng vai một thành viên trong đoàn. Nhưng thái độ tôn kính của mọi người đối với Bác, đã làm cho các bạn Trung Quốc phát hiện Hồ Chủ tịch đang có mặt trong đoàn, và kịp thời thông báo về Nam Ninh. Khi Bác tới Nam Ninh, đồng chí Trương Quân Dật, ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nguyên Tư lệnh Tân tứ quân, là Bí thư kiêm Chủ tịch tỉnh Quảng Tây ra tận bờ sông đón Bác. Đồng chí Trương nói Quảng Tây sẵn sàng làm bất cứ gì mà Việt Nam cần sau khi Bác đã gặp Mao Chủ tịch.

Những ngày ở Nam Ninh, Bác gặp đồng chí Trần Canh, Phó tư lệnh Đại quân khu Tây Nam, Tư lệnh Quân khu Vân Nam, đi công tác qua đây. Bác biết Trần Canh từ cuối năm 1924, khi làm phiên dịch cho phái đoàn cố vấn của Chính phủ Liên Xô, do M.M.Bôrôđin dẫn đầu, đến giúp chính phủ Quốc dân đảng Trung Quốc. Ngày đó, Trần Canh còn là một học viên trẻ tại trường Hoàng Phố ở Quảng Châu. Trần Canh rất xúc động, không ngờ đồng chí Vương thời đó lại là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trần Canh rất quyến luyến, gợi ý Bác đề nghị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc cho mình sang Việt Nam làm cố vấn quân sự. Bác tới Bắc Kinh chỉ gặp và làm việc với các đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức. Mao Trạch Đông đã qua Liên Xô trước đó một thời gian. Các đồng chí Trung Quốc nói Bác sẽ gặp Mao Chủ tịch ở Liên Xô. Bác lưu lại Bắc Kinh ít ngày, rồi đi tiếp sang Liên Xô.

Trong một buổi làm việc ở Mátxcova cùng với Xtalin, có cả Mao Trạch Đông, Bác đề nghị Liên Xô giúp trang bị cho 10 đại đoàn bộ binh và 1 trung đoàn pháo cao xạ. Xtalin nói: “Yêu cầu của Việt Nam không lớn. Nên có sự phân công giữa Trung Quốc và Liên Xô. Liên Xô hiện đang phải lo nhiều cho các nước Đông Âu. Trung Quốc sẽ giúp Việt Nam những thứ đang cần. Những thứ gì Trung Quốc chưa có, thì hãy lấy trong số hàng Liên Xô đã viện trợ cho Trung Quốc chuyển cho Việt Nam, và sẽ được Liên Xô hoàn trả”. Xtalin nói vui: “Trung Quốc sẽ không thiệt vì trao cho Việt Nam những thứ đã dùng rồi, sẽ nhận lại ở Liên Xô những thứ mới. Trong quan hệ quốc tế phải có đi có lại. Liên Xô viện trợ Trung Quốc một xe tăng, Trung Quốc trả lại một con gà, một khẩu pháo, trả một quả trứng. Việt

Nam trả Trung Quốc thế nào, thì tùy...”. Mao Trạch Đông nói: “Việt Nam cần trang bị 10 đại đoàn để đánh thắng Pháp, trước mắt hãy trang bị cho 6 đại đoàn có mặt ở miền Bắc. Việt Nam có thể đưa ngay một số đơn vị sang nhận vũ khí trên đất Trung Quốc. Tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam”.

Khi trở về Bắc Kinh, Bác đề nghị Trung Quốc cử cố vấn sang giúp Việt Nam nay mai sẽ đi vào đánh lớn. Bác gợi ý bạn cử đồng chí Trần Canh. Phía Trung Quốc trả lời đồng chí Trần đã được bố trí công tác rồi, và đưa ra danh sách gồm 4 người: La Quý Ba, Trung ương ủy viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, Trưởng đoàn cố vấn, Vi Quốc Thanh, Trưởng đoàn cố vấn về quân sự, Mai Gia Sinh, cố vấn về công tác tham mưu, Mã Tây Phu, cố vấn về công tác hậu cần.

Ngay sau khi Bác trở về nước cuối tháng 3 năm 1950, các bạn Trung Quốc đã nhanh chóng thực hiện những cam kết. Tháng 4 năm 1950, 2 trung đoàn của 308 đi theo đường Hà Giang qua Mông Tự (Vân Nam) nhận vũ khí.

Tiếp đó, 1 trung đoàn của 312 đi theo đường Cao Bằng qua Hoa Đồng (Quảng Tây). Bạn cũng chở gấp vũ khí sang Cao Bằng để trang bị tiếp cho 2 trung đoàn khác phải ở lại chiến trường đối phó với quân địch.

Những đơn vị sang Trung Quốc, ngoài việc trang bị lại vũ khí còn được bạn huấn luyện thêm về chiến thuật công kiên, đặc biệt là kỹ thuật đánh bọc phá, trước đây vì không có thuốc nổ ta chưa hề sử dụng kỹ thuật này.

Qua ba tháng luyện tập, được bắn đạn thật, các chiến sĩ tiến bộ khá nhanh. Nhiều đồng chí Trung Quốc rất ngạc nhiên khi thấy bộ đội ta, từ cán bộ tới chiến sĩ, nghe giảng bài đều ghi chép rất nhanh, tỏ vẻ nghi ngại là trong quân đội Việt Nam có quá nhiều phần tử trí thức! Ta phải cố gắng làm cho bạn hiểu số đông cán bộ ta là học sinh, còn hầu hết chiến sĩ là thanh niên nông thôn, nhiều người chỉ bắt đầu học chữ sau khi vào bộ đội.

Các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam là những tỉnh miền núi của Trung Quốc giải phóng chưa lâu, còn gặp rất nhiều thiếu thốn. Nhưng nhân dân hai tỉnh đã hết lòng giúp đỡ bộ đội Việt Nam (được gọi bằng bí

danh: bộ đội Lương Quảng). Mỗi khi bộ đội ta tới đâu, nam nữ thanh niên Trung Quốc nhảy xuống ca đón chào.

Lần đầu, cây mác xung kích được đưa ra khỏi đội hình chiến đấu của những trung đoàn chủ lực. Giải phóng quân Trung Quốc lúc này còn thiếu những vũ khí hiện đại. Bạn không có một số vũ khí mà ta đang rất cần, đó là súng chống tăng và súng phòng không. Trung liên Breno, đại liên *Maxim* nặng và cồng kềnh, không thích hợp với tầm vóc bé nhỏ của bộ đội. Trung đoàn 174, mấy năm qua chiến đấu trên đường số 4, thu được nhiều vũ khí chiến lợi phẩm của Pháp, Mỹ nhẹ và hiện đại, đề nghị giữ lại những trang bị đã có. Bộ Tổng tham mưu đã chỉ thị cho các đơn vị chủ lực của Bộ, đều phải nhận vũ khí mới để thống nhất việc cung cấp đạn dược. Những năm qua, mỗi chiến sĩ chỉ ước mơ có một khẩu súng trong tay. Bây giờ không chỉ có súng, mà đạn dược cũng khá dồi dào. Sức mạnh hỏa lực của trung đoàn bộ binh ta đã hoàn toàn thay đổi so với trước.

Tháng 6 năm 1950, đồng chí La Quý Ba tới Việt Bắc với cương vị vừa là Đại sứ Trung Quốc vừa là Trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam.

Cuối tháng Bảy, ba cơ quan tiền phương của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục cung cấp đều có mặt ở biên giới.

Tôi bàn giao các công việc ở nhà cho anh Nguyễn Chí Thanh, rồi sang Tân Trào chào Bác trước khi lên đường. Đây là chiến dịch lớn đầu tiên của quân đội ta. Bác đã bàn trong Thường vụ lần này Bác sẽ đi chiến dịch. Ngoài đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc, Bác đã mời đồng chí Trần Canh cùng tham gia chiến dịch.

Bác hẹn cuối tháng Tám hoặc đầu tháng Chín sẽ có mặt ở Cao Bằng.

Khi chia tay, Bác nói:

— Chiến dịch này hết sức quan trọng, chỉ được thắng không được thua!

Đã ba năm tôi mới trở lại Cao Bằng. Lần trước lên đây năm 1947, còn làm việc với các đồng chí lãnh đạo tỉnh ngay trong thị xã. Lần này, thị xã đã trở thành vùng tạm chiếm. Có cảm giác như đi trên đường về giải phóng quê hương. Đối với tôi cũng như những người đã hoạt động ở chiến khu trước Tổng khởi nghĩa, Việt Bắc nói chung, đặc biệt là Cao Bằng, đã trở thành quê hương thứ hai.

Từ đầu tháng Bảy, một số trục đường ở Việt Bắc, Thái Nguyên — Cao Bằng, Thái Nguyên — Tuyên Quang — Phú Thọ, Tuyên Quang — Hà Giang — Lào Cai đã sửa xong. Những con đường này đều bị phá hoại triệt để từ ngày đầu kháng chiến để làm chậm bước tiến cơ giới địch. Việc sửa đường được giao cho Liên khu ủy Việt Bắc. Anh Trần Đăng Ninh, một lần nữa lại được Bác cử làm đặc phái viên của Chính phủ đôn đốc công tác này.

Hàng trăm đội sửa đường của công binh, giao thông công chính, và dân công các địa phương, giữa mùa mưa lũ đã lấp hố, san mặt đường, bắc cầu, làm ngầm qua suối rất vất vả, nhưng cũng rất phấn khởi. Kháng chiến đang chuyển qua một giai đoạn mới. Sau ba tháng, công việc sửa hàng trăm kilômét đường đã hoàn thành. Đồng bào các dân tộc Việt Bắc lúc này đều thiếu ăn. Chiến thắng đang vẫy gọi, đã giúp cho chiến sĩ, đồng bào vượt qua cực nhọc và thiếu đói.

Chiếc xe du lịch cất giấu trong rừng sâu lâu ngày, được kéo ra sửa chữa lại để đi mặt trận. Ban ngày, máy bay địch kiểm soát chặt chẽ những tuyến đường mới sửa xong. Không thể che giấu ý đồ của ta, vì tất cả các con đường mới phục hồi đều hướng về biên giới phía bắc. Xe phải đi ban đêm. May đúng tuần trăng. Núi rừng Việt Bắc mờ ảo. Dọc đường gặp bộ đội, dân công mang vác nặng, cùng đi lên phía bắc. Nhiều người đứng dừng nhìn chiếc xe rồi hò reo. Sự xuất hiện trở lại phương tiện giao thông cơ giới này tại khu căn cứ, báo hiệu những ngày chạy giặc đen tối đã qua, đường thắng lợi bắt đầu mở ra phía trước, mang lại niềm vui cho mọi người đêm nay.

Đến Nà Phạc, để bảo đảm bí mật, chúng tôi bỏ xe, đi ngựa về Nguyên Bình, rồi vòng lên phía bắc thị xã quân địch còn chiếm đóng, đi tới Quảng Uyên nằm ở đông — bắc thị xã 25 kilômét. Tại đây có

đường xe chạy thẳng tới biên giới Việt — Trung sang Hoa Đông, Trịnh Tây, nơi mấy trung đoàn của ta đang tập kết trên đất bạn đợi lệnh trở về nước.

Đọc đường, nghĩ về nhiệm vụ, tôi cảm thấy có điều gì chưa ổn. Mục tiêu đặt ra cho chiến dịch có vượt quá sức của bộ đội ta hiện nay không? Ta có thể huy động đủ lương thực cho một số lượng rất lớn bộ đội, dân công trong một chiến dịch dài ngày không?

Lực lượng ta trong chiến dịch gồm 5 trung đoàn chủ lực của Bộ, đều là những đơn vị được thử thách qua nhiều chiến dịch, 3 tiểu đoàn chủ lực của Liên khu Việt Bắc và những đơn vị vũ trang của hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn. Có thể nói ta đã tập trung những vốn quý vào trận đánh sắp tới. Quân địch ở Khu Biên thùý Đông Bắc cũng có số lượng xấp xỉ với bộ đội chủ lực ta, phần lớn là lính Âu Phi thiện chiến. Khi chiến dịch nổ ra, lực lượng địch có khả năng lên tới trên 20 tiểu đoàn.

Nhìn chung, ta không có ưu thế về quân số, và địch có những vũ khí, phương tiện chiến tranh ưa việt hơn ta rất nhiều.

Địch chỉ có một nhược điểm lớn mà ta có thể khai thác, đó là toàn bộ binh lực, hỏa lực của chúng đều phân tán hình thành những vị trí cô lập cách nhau hàng chục kilômét, rải thành tuyến dài hàng trăm kilômét giữa vùng rừng núi hiểm trở, khó bề ứng cứu lẫn nhau vì điều kiện đường sá cũng như thời tiết. Ta chỉ có khả năng giành thắng lợi nếu biết khoét sâu vào nhược điểm của địch, và khai thác tối đa tính năng cơ động của bộ đội chủ lực ta.

Lấy thị xã Cao Bằng làm điểm đột phá để mở đầu chiến dịch có phải là sự lựa chọn đúng không?

Cao Bằng là một vị trí đột xuất nằm sâu trong hậu phương ta ở phía bắc. Ở đây, địch có 2 tiểu đoàn. Nếu đánh thắng, ta sẽ giải phóng được một thị xã quan trọng ở biên giới, ảnh hưởng chính trị sẽ rất lớn. Nhưng bộ đội ta chưa hề đánh một vị trí 2 tiểu đoàn Âu Phi. Cao Bằng như tôi đã biết, nằm giữa hai con sông, và có ngôi thành cổ rất vững chắc. Đánh Cao Bằng sẽ thực sự là một trận công kiên lớn mà chúng ta còn chưa có kinh nghiệm.

Trong tư tưởng của tôi từ trước, điểm đột phá trên chiến trường này phải là Đông Khê. Ở đây địch đóng 1 tiểu đoàn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, Cao Bằng sẽ trở nên hoàn toàn cô lập. Địch nhất định phải chiếm lại Đông Khê. Bộ đội ta sẽ có điều kiện tiêu diệt bộ binh địch trên địa hình rừng núi. Tôi đã nói với Bộ Tổng tham mưu, tạm thời chưa độn vào những vị trí địch trên đường số 4, chưa đánh động chúng.

Trận đánh Đông Khê của trung đoàn 174 ngày 25 tháng 5 năm 1950 vừa qua, nằm ngoài ý định của Bộ Tổng tư lệnh. Bộ đội ta tiêu diệt Đông Khê đã làm rung động Khu Biên thùy Đông Bắc. Địch đã rút hầu hết những vị trí nhỏ về tổ chức thành những cụm cứ điểm, với lực lượng chiếm đóng từ 2 đại đội trở lên, với hỏa lực tăng cường, công sự vững chắc, hệ thống giao thông hào, hầm ngầm, một số nơi có cả sân bay.

Mặc dù công tác chuẩn bị giải phóng Cao Bằng đã được triển khai, nhưng tôi vẫn rất phân vân. Nếu trận đánh không thành công, những trung đoàn ưu tú của Bộ sẽ bị tiêu hao ngay từ khi mở đầu chiến dịch!

Cao Bằng đã có không khí giải phóng với những bản làng yên vui, chợ búa nhộn nhịp, nơi nào cũng gặp bộ đội, dân công. Phố Nước Hai chỉ cách thị xã 10 kilômét, vẫn có nhiều hàng quán, người mua bán qua lại tấp nập. Rõ ràng là quân Pháp ở đây với lực lượng rất mạnh vẫn không thể lập lại bộ máy thống trị cũ ngay chung quanh những đồn binh lớn.

Chiều ngày 3 tháng 8 năm 1950, tôi tới Quảng Uyên, một vùng nhiều núi đá nhỏ giống như một vịnh Hạ Long trên cạn. Sở chỉ huy chiến dịch nằm ở bản Tả Phay Nưa không xa đường cái nhưng vẫn kín đáo.

Ta chủ trương giữ bí mật mục tiêu mở màn chiến dịch, nhưng thấy bộ đội về đông, nhiều người tin là sắp đánh Cao Bằng.

Tôi gặp anh Hoàng Văn Thái và anh Trần Đăng Ninh để nắm tình hình.

Anh Hoàng Văn Thái báo cáo đang gấp rút hoàn chỉnh kế hoạch giải phóng thị xã Cao Bằng. Việc điều tra tình hình địch gặp một số

khó khăn. Tỉnh không có đội trinh sát chuyên môn, chỉ tổ chức nắm tình hình thông qua những tổ chức quần chúng ở thị xã, thị trấn chung quanh những vị trí địch. Phương tiện thông tin rất thiếu, phải dựa vào đường dây bưu điện không bảo đảm bí mật, dùng liên lạc chạy chân thì mất nhiều thời gian. Lực lượng trinh sát của Bộ Tổng tham mưu vừa phải khẩn trương hướng dẫn về chuyên môn cho cán bộ địa phương, vừa phải tổ chức nắm tình hình trực tiếp. Trinh sát của Bộ đã kết hợp với quân báo Liên khu 1 bố trí những đài quan sát để nắm các mục tiêu, làm binh yếu địa chí và bám sát các vị trí địch.

Ngày hôm trước, mùng 2 tháng 8, Bộ Tổng tham mưu đã triệu tập các đơn vị tham gia chiến dịch từ cấp trung đoàn trưởng trở lên, phổ biến sơ bộ nhiệm vụ trên sa bàn. Dự kiến trong đợt 1 chiến dịch, ta sẽ tập trung ưu thế binh hỏa lực tiêu diệt thị xã Cao Bằng, đồng thời diệt quân viện bằng đường không và đường bộ. Đại đoàn 308, trung đoàn 174, và trung đoàn pháo binh mới thành lập, đảm nhiệm tiến công tiêu diệt quân địch ở thị xã và quân nhảy dù tại khu vực chung quanh thị xã. Trung đoàn 209 và tiểu đoàn 246 có nhiệm vụ tiêu diệt quân viện bằng đường bộ và đường không từ Đông Khê đến Cao Bằng.

Anh Thái cho biết khi thảo luận, một số cán bộ băn khoăn về việc chọn Cao Bằng làm mục tiêu mở màn chiến dịch. Ban tham mưu tổ chức cho các trung đoàn trưởng đi trinh sát thực địa. Cùng đi, có cả một số cố vấn Trung Quốc của đại đoàn 308. Anh Trần Đăng Ninh dự kiến số người trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến dịch sẽ có khoảng 30.000. Như vậy, yêu cầu vật chất sẽ lên tới 3.000 tấn, trong đó có 2.700 tấn gạo và 200 tấn vũ khí, đạn dược.

Tinh thần phục vụ chiến dịch của đồng bào dân tộc hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn rất cao. Việc vận chuyển lương thực, đạn dược phải qua nhiều con đường nhỏ hẹp, hiểm trở, nhiều dốc cao, suối sâu lại lầy lội, sụt lở vì đang mùa mưa, và luôn luôn bị đại bác, máy bay địch cản trở. Vừa qua, đại đội dân công của Bắc Sơn khi vượt đường số 4 bị máy bay địch phát hiện, oanh tạc làm chết và bị thương 71 người. Đại đội dừng lại một ngày mai táng các liệt sĩ, cấp cứu người bị thương, rồi lại lên đường tiếp tục chuyển gạo tới Pò Mã. Đồng bào đã bán cho bộ đội hàng trăm tấn lương thực, nhưng hoàn toàn

không có khả năng đáp ứng yêu cầu rất to lớn về lương thực của chiến dịch. Ta có thể chuyển một số lương thực từ trung du lên, nhưng đường vận chuyển quá xa.

Anh Trần Đăng Ninh đã đề nghị với tỉnh Quảng Tây chỉ viện cho ta một số lương thực. Tỉnh Quảng Tây mặc dù cũng đang gặp khó khăn về lương thực, đã sốt sắng nhận lời.

Anh Trần Đăng Ninh chuẩn bị sang Quảng Tây đón Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc.

Tôi yêu cầu anh Hoàng Văn Thái tổ chức gấp cho mình đi trình sát vị trí Cao Bằng.

Chập tối, củi chụm trên bếp nhà sàn vừa bén lửa thì các anh, chị lãnh đạo tỉnh tới. Toàn những đồng chí trung kiên của chiến khu Cao Bắc Lạng trước đây. Gặp lại nhau, tay bắt mặt mừng. Lần nào gặp lại các đồng chí cũ tôi cũng cảm thấy ấm lòng. Các anh, chị cho biết Cao Bằng đang ở thời kỳ giáp hạt, nhưng đồng bào các dân tộc đã vét từng cân thóc, cân ngô bán cho bộ đội.

Hai phần ba số cán bộ của tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn được cử đi huy động dân công và thóc gạo phục vụ chiến dịch. Nhiều đồng bào người Mông, người Dao lần đầu xuống núi đi vận chuyển gạo, đạn. Khi lội suối, lúc gặp trời mưa, dân công thà chịu ướt người, chứ không chịu để ướt gạo, ướt đạn... Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đều mong khi kết thúc chiến dịch sẽ gặp lại chúng tôi ở thị xã Cao Bằng.

Chương Hai: ĐIỂM ĐỘT PHÁ

1

Sáng ngày 5 tháng 8 năm 1950, đoàn nghiên cứu thực địa lên đường rất sớm. Sương mù dày đặc. Chúng tôi phóng ngựa trên con đường đá chưa có người qua lại. Đoàn khá đông. Ngoài tham mưu phó chiến dịch Phan Phác, trưởng phòng quân báo, phó văn phòng Bộ, còn có anh Lâm Kính, Tham mưu trưởng đại đoàn 308, và anh Nguyễn Huy Tường, nhà văn, anh Vũ Năng An, nhà nhiếp ảnh. Nhiều văn nghệ sỹ sớm có mặt ở chiến dịch. Anh Lê Liêm, Chủ nhiệm chính trị, đã đề nghị với Bộ cho hai văn nghệ sỹ cùng đi. Năm trước, Trần Đăng, một nhà văn trẻ rất có triển vọng của ta, đã hi sinh tại mặt trận này.

Mặt trời đứng bóng, chúng tôi tới đèo Mã Phục, ở đây có ngã ba Quảng Uyên — Trà Lĩnh — thị xã Cao Bằng. Đồng chí Quốc Trung, trưởng đài quan sát, đã đứng đón. Chúng tôi để ngựa lại, bỏ đường cái, bắt đầu đi theo đường rừng.

Trời không mưa, nhưng đường rất lầy lội. Trèo đèo, lội suối, qua nhiều khu rừng rậm rịt, mãi nửa buổi chiều mới tới một đỉnh núi ở ngoại vi thị xã Cao Bằng. Đài quan sát đặt tại đây với một kính viễn vọng có bội số quang học lớn. Trưởng đài nhắc mọi người chú ý ngụy trang, không đi lại, không đứng lơ nhố, vì ngọn núi này nằm ngay cạnh sân bay, trong vòng lượn của máy bay. Tiểu đội bảo vệ nhanh chóng bố trí cảnh giới.

Tôi tới vị trí quan sát nhìn xuống phía dưới chỉ thấy một biển sương mù. Tôi hỏi trưởng đài:

— Từ đây tới thị xã bao xa?

— Báo cáo anh, khoảng 1000 mét theo đường chim bay. Khi trời quang nhìn thị xã bằng mắt thường rất rõ. Ngọn núi này nằm ở phía đông thị xã.

Chúng tôi đứng chờ khá lâu. Chưa nhìn thấy chút bóng dáng thị xã. Tôi nói:

— Đi trình sát thời tiết này có một ưu điểm: bảo đảm bí mật. Dịch không thể nhìn thấy mình?

Mọi người đều mỉm cười. Tôi hỏi Quốc Trung:

— Phải chờ tới khi nào ?

— Nếu trời có gió là nhìn rõ thị xã ngay.

Bỗng nghe tiếng hát và tiếng đàn từ đâu đây vọng lại rất gần. Quốc Trung nói:

— Đó là tiếng máy hát ở một đồn tiền tiêu.

Người chiến sĩ đứng gác máy quan sát bỗng quay lại nói:

— Trời bắt đầu có gió to. Sắp nhìn thấy thị xã.

Tôi trở lại vị trí đặt kính viễn vọng. Sương mù phía dưới đang trôi đi. Thung lũng hiện ra với những mỏm đồi đỏ loét, rồi vệt sáng lấp lánh ánh vàng của một con sông.

Một người nói:

— Sông Bằng Giang?

Cả thị xã đã nằm trước mặt. Tôi đã nhiều lần qua lại Cao Bằng nhưng lúc này nhìn từ trên cao, qua kính viễn vọng, Cao Bằng rất khác.

Hai con sông Bằng và sông Hiến như đôi cánh tay ôm vòng lấy ba mặt thị xã. Những đường phố hầu như nguyên vẹn với hai dãy nhà quét vôi trắng và những hàng cây xanh. Một chiếc đakôta nằm trên sân bay dưới chân núi, bên tả ngạn sông Bằng. Nổi bật lên ở một góc thị xã là tòa thành cũ, bộ đội thường gọi là pháo đài, có tường cao và dày bao bọc. Cái tôi mới nhìn thấy lần đầu là ngoài hai con sông, còn có một hệ thống những đồn tiền tiêu địch đã xây dựng trên những quả đồi bao quanh thị xã. Màu đỏ ối của những vị trí này và những hàng rào dây thép gai như đập vào mắt. Tôi lần lượt đếm được 15 vị trí.

Đồng chí Phan Phác bước lại đứng bên tôi, trở con đường số 4 nằm quanh co bên sườn núi chạy vào thị xã, sân bay Nà Cạn, chiếc cầu màu đen nằm vắt ngang sông Bằng. Đây là một trục đường mà quân ta có thể tiến vào thị xã. Anh lại trở tiếp lần lượt từ trái qua phải, pháo đài Cao Bằng, trại lính lê dương, trại lính ngụy, phố xá, cổng ra vào thị xã, trụ sở ngụy quyền...

Tôi hỏi đồng chí Cao Pha, trưởng phòng quân báo:

— Trình sát của ta đã vào tới sân bay và bờ sông chưa?

Tổ trưởng trinh sát báo cáo đã cho hai trinh sát viên hai lần lợi dụng ban đêm tiềm nhập nhưng đều chưa tới được sân bay và bờ sông, vì cách sân bay 500 mét địch đã lập một hệ thống đồn bốt ngăn chặn, ngày đêm có quân canh lê dương đi tuần tra.

Tôi quay lại hỏi tiếp Phan Phác:

Đồng chí đã trực tiếp quan sát phía nam pháo đài và phía tây thị xã lần nào chưa?

— Tôi đã hai lần đến thực địa quan sát cả hai phía ấy. Ở phía tây thị xã, địa hình và cách bố phòng của địch cũng như hướng này, có sông, có công sự kiên cố và chướng ngại vật vững chắc. Ở phía nam thì có thành dựng đứng với nhiều lỗ châu mai, hai bên đều có lô cốt và tháp canh, bên ngoài là bãi trống bằng phẳng, chằng chịt dây thép gai. Ở cả hai hướng này, đường từ ngoài đi vào thị xã có nhiều đồi trọc nối tiếp nhau.

Tôi lần lượt quan sát từng vị trí, hỏi kỹ số lượng và thành phần binh lính, cách bố phòng, những con đường bộ đội có thể tiến vào, thử hình dung những khó khăn mà các mũi sẽ gặp trên thực địa, và nghĩ xem có thể vượt qua bằng cách nào.

Tôi đã hiểu vì sao bộ chỉ huy Pháp chưa chịu rút quân khỏi Cao Bằng. Với một vị trí được phòng thủ như thế này, địch chưa phải lo ngại một cuộc tiến công của ta.

Đèn ở thị xã đã bật sáng.

Đồng chí trưởng đài quan sát nhắc tôi ra về vì mùa này ban đêm hay mưa. Chúng tôi chợt nhớ ra khi đi không ai đem theo áo mưa.

Trời tối rất nhanh, và bắt đầu mưa lâm thâm. Xuống tới lưng chừng núi thì mưa như trút. Quốc Trung đề nghị vào lán của tổ trinh sát nghỉ tạm, chờ tạnh mưa sẽ đi tiếp.

Chiếc lán quá chật. Anh em bảo vệ đều phải đứng ngoài. Mưa vẫn không hề ngớt. Nhìn đồng hồ thấy đã hơn 7 giờ tối, tôi quyết định cứ đi tiếp.

Các chiến sĩ bảo vệ đốt hai bó đuốc. Nhưng đi được một quãng thì hai bó đuốc đều tắt ngấm. Không còn nhìn thấy lối đi. Chúng tôi mỗi người cài lên mũ một mảnh tre mục để người đi sau nhận ra người đi trước qua những đốm sáng lân tinh: Người chiến sĩ dẫn đường quyết định đi lần theo dòng nước từ trên núi đổ xuống. Cuối cùng, xuống tới chân núi chúng tôi gặp lại con suối đã đưa tới đây. Đã nhận ra đường về. Nhưng dòng suối không còn êm đềm nên thơ như buổi sáng. Nó trở nên hung dữ. Nước chảy xiết. Lòng suối lở nhón đá đầy rêu trơn. Mọi người đều ngã lên ngã xuống. Riêng tôi ngã nhiều nhất. Không phải vì tôi chưa quen lội suối; sáng nay, đồng chí cần vụ khuyên tôi nên đi giày da để chống gai. Có lần ngã nước ngập tới thắt lưng.

Chúng tôi bì bõm hết lội suối lại lội bùn suốt đêm trong rừng. Quần áo ướt sũng. Gần sáng ghé vào một bản bỏ hoang nghỉ tạm. Đồng bào ở đây đã rời đi nơi khác. Các chiến sĩ kiểm củi nhen một đống lửa. Chúng tôi đều cởi quần áo, vắt cho hết nước rồi hong trên lửa. Cả đoàn công tác ngồi kín ngôi nhà sàn. Chưa lần nào có cuộc đi trinh sát đông đảo thành phần như lần này! Tôi nói với nhà văn Nguyễn Huy Tưởng: .

— Ngày hôm nay, trong *bulletin* của nó chắc lại nhận xét: Không có hiện tượng gì đáng kể chung quanh Cao Bằng?

Tác giả “Vũ Như Tô” nở một nụ cười dễ thương.

Sau chuyến đi trinh sát, mọi người có vẻ trầm ngâm.

Tôi nói tiếp:

— Không chuẩn bị kỹ không bảo đảm thắng lợi!

Trời sáng, khi trở về Trà Lĩnh, chúng tôi đã có được bộ quân phục khô ráo.

Người và ngựa lại rong ruổi trên con đường về Quảng Uyên. Tôi nói với các đồng chí Phan Phác, Lâm Kính trước khi chia tay:

Chuyến đi trinh sát lần này vất vả một chút, nhưng rất hữu ích: thấy rõ thực địa, nắm được thực chất !

Cùng thời gian này, chỉ huy trưởng các trung đoàn cũng đi trinh sát thực địa.

2

Tôi yêu cầu cơ quan tham mưu mang tới một bản đồ Cao Bằng tỉ lệ lớn. Nhưng chỉ có loại bản đồ 1/500.000.

Qua chuyến đi nghiên cứu thực địa Cao Bằng, tôi càng nhận thấy không thể chọn thị xã này làm điểm đột phá cho chiến dịch. Quân địch ở Cao Bằng không quá đông, nhưng địa hình núi, sông hiểm trở đã tạo cho chúng cái thế như người xưa nói: "Một người giữ ải, muôn người khó vượt qua". Đánh Cao Bằng sẽ phải giải quyết một loạt vấn đề chiến thuật mà bộ đội ta còn ít kinh nghiệm. Phải tổ chức vượt sông: Nhiều khả năng phải đột phá tung thâm sâu, dẫn tới đánh ban ngày, đánh dài ngày. Phải đối phó với quân dù, hỏa lực máy bay, đại bác trên những địa hình trống trải. Phải tiêu diệt những công trình phòng ngự rất kiên cố trong khi bộ binh ta chỉ có hầu hết là vũ khí nhẹ... Và phải chẳng chúng ta làm trái lời dạy của người xưa: đánh thành là hạ sách?

Trước đây ta dự kiến tiến công Cao Bằng sẽ có điều kiện đánh quân viện để giành một thắng lợi lớn. Nhưng lúc này nhìn trên bản đồ, tôi thấy ít có khả năng địch đưa viện binh lớn lên Cao Bằng theo đường bộ. Đoạn đường từ Thất Khê lên Cao Bằng đã trở thành quá nguy hiểm đối với quân địch. Những tháng qua, Cao Bằng chỉ nhận được tiếp tế bằng máy bay. Đoạn đường này cũng quá xa đối với những binh đoàn tăng viện nếu phải mở một con đường máu! Như

vậy, trong trường hợp Cao Bằng bị uy hiếp mạnh, có nhiều khả năng địch sẽ hi sinh đội quân đồn trú ở đây, và rút những lực lượng ở Đông Khê, Thất Khê về Lạng Sơn một cách an toàn trong khi hầu hết chủ lực ta đang tập trung để giải quyết Cao Bằng!

Đánh Cao Bằng sẽ khó bảo đảm nguyên tắc "trận đầu phải thắng" của quân đội ta. Và nếu đánh thắng, cũng khó tránh khỏi tổn thất lớn trong khi ta chỉ tiêu diệt được một bộ phận nhỏ quân địch: 2 tiểu đoàn?

Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch và giải phóng Cao Bằng. Làm cách nào để đạt được mục tiêu này?

Tôi nghĩ cách mở đầu chiến dịch tốt nhất vẫn là đánh Đông Khê. Đông Khê là cứ điểm quan trọng nối liền Thất Khê với Cao Bằng. Cứ điểm Đông Khê mặc dù đã được củng cố, vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Mất Đông Khê, địch hoặc sẽ phải chiếm lại, hoặc sẽ phải rút khỏi Cao Bằng. Ta sẽ có điều kiện tiêu diệt sinh lực địch ngoài công sự. Nếu địch không chiếm lại Đông Khê, ta sẽ đánh tiếp Thất Khê. Cuối cùng, ta sẽ chấn chỉnh lực lượng quay lên giải phóng Cao Bằng. Khi đã mất cả Đông Khê và Thất Khê, tinh thần quân địch sẽ khác, đánh địch sẽ thuận lợi hơn hiện nay nhiều. Tùy tình hình, không nhất định phải giải phóng Cao Bằng bằng một số trận công kiên, mà cũng có thể bao vây buộc quân địch đầu hàng.

Tôi quyết định nêu vấn đề này trong cuộc hội ý Đảng ủy Mặt trận ngày hôm sau. Đảng ủy đều nhận thấy đánh Cao Bằng không chắc thắng, nên chuyển sang đánh Đông Khê. Nhưng cũng có ý kiến: "Thường vụ đã có quyết định đánh Cao Bằng, mọi công tác chuẩn bị về tham mưu, hậu cần đã hướng cả về Cao Bằng, nếu bây giờ thay đổi, chiến dịch sẽ bị chậm lại".

Tôi kết thúc cuộc hội ý:

— Thường vụ quyết định mục tiêu chiến dịch là tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch quan trọng, giải phóng Cao Bằng để mở thông biên giới. Chủ trương mở đầu chiến dịch bằng đánh Cao Bằng là do Tổng quân ủy đề xuất. Nếu thấy mở đầu chiến dịch như vậy không bảo đảm thực hiện mục tiêu chiến dịch, ta cần báo cáo để xin quyết

định của Thường vụ. Trong khi chờ đợi sự chỉ đạo của Trung ương, mọi công tác chuẩn bị vẫn tiếp tục.

Các đơn vị bắt đầu phản ánh ý kiến của cán bộ sau khi đi trinh sát về. Đại đoàn 308 được trao nhiệm vụ tiến công tiêu diệt pháo đài, nhận thấy công sự của địch quá vững chắc, lo khó giành thắng lợi. Trung đoàn 209 phải vượt sông Bằng, ngại khó khăn vì sông sâu, nước chảy xiết, và không giải quyết được hỏa lực bắn chéo sườn của địch. Trung đoàn 174 đề nghị nên đánh Đông Khê, chưa nên đánh Cao Bằng.

Ngày 12 tháng 8, anh Trần Đăng Ninh sang Quảng Tây đã trở về cùng với Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc. Đoàn gồm các đồng chí Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh, Đặng Nhất Phan... đã có mặt ở Tả Phay Tử. Đồng chí Vi Quốc Thanh, Trưởng đoàn, bắt đầu gặp các chuyên gia Trung Quốc đã sang trước cùng với cán bộ 308 để nắm tình hình.

Ngày 15 tháng 8, tôi nhận được điện của Bác chấp thuận chuyển hướng chiến dịch sang Đông Khê. Tôi thấy cần triệu tập ngay cuộc họp liên tịch Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch mở rộng tới một số trưởng phòng chủ chốt của ba cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp.

Ngày 16 tháng 8, cuộc họp được tiến hành.

Anh Hoàng Văn Thái nói Chỉ huy trưởng chiến dịch đã trực tiếp đi nghiên cứu thực địa Cao Bằng, và báo cáo dự kiến kế hoạch, nêu lên những thuận lợi, khó khăn và sự cân nhắc của Đảng ủy Mặt trận nên nhón Cao Bằng hay Đông Khê để mở đầu chiến dịch.

Hội nghị trao đổi xung quanh vấn đề nên đánh Cao Bằng hay Đông Khê. Nhiều ý kiến ngả sang nên đánh Đông Khê. Mọi người nhận thấy đánh Đông Khê không khó, tuy nhiên, công tác chuẩn bị sẽ phải làm lại từ đầu. Đông Khê cách Cao Bằng 45 kilômét về phía nam. Không chỉ điều tra vị trí Đông Khê, đã thay đổi nhiều sau trận đánh hồi tháng 5 năm 1950, mà còn phải điều tra đoạn đường số 4 từ Thất Khê lên Đông Khê, và từ Đông Khê lên Cao Bằng. Hậu cần chiến dịch thay đổi nhiều. Phải di chuyển toàn bộ hệ thống kho, trạm, bệnh viện đã được bố trí hướng về Cao Bằng, nay đưa sang

phía Đông Khê, Thất Khê. Riêng đường vận tải ô tô từ Trung Quốc sang mới thông tới Quảng Uyên, nay phải sửa thêm đường từ Quảng Uyên qua Phục Hoà lên tới Thủy Khẩu dài hơn 30 kilômét. Ngoài ra còn có ý kiến đánh Đông Khê không tạo nên sự bất ngờ đối với quân địch, cũng không đạt được chiến thắng vang dội mở đầu chiến dịch. Tôi kết luận:

— Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch đã nghe các cấp chỉ huy đi trình sát Cao Bằng về báo cáo. Sau khi phân tích và cân nhắc kỹ mọi mặt, thấy muốn đạt được những mục tiêu chiến dịch của Trung ương đề ra, cần phải thay đổi phương án tác chiến. Phương án tác chiến mới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phê chuẩn. Mở đầu chiến dịch, tập trung lực lượng tiêu diệt Đông Khê, đồng thời tiêu diệt quân tiếp viện, đặc biệt là quân dù. Sau đó tập trung lực lượng tiêu diệt Thất Khê. Nếu địch ở Thất Khê chưa tăng viện thì nhanh chóng chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê ngay. Nếu địch đã kịp tăng viện cho Thất Khê thì có thể chưa đánh Thất Khê mà chuyển sang đánh các cứ điểm nhỏ và quân cơ động địch ở phía nam Thất Khê trước. Sau khi đã tiêu diệt Đông Khê, Thất Khê và một bộ phận quân ứng chiến, bộ đội ta sẽ nghỉ ngơi một thời gian để chấn chỉnh, rồi tập trung toàn bộ lực lượng tiến công Cao Bằng. Phương án cũ đánh Cao Bằng trở thành kế hoạch nghi binh. Tôi biết quyết định này không chỉ đảo lộn công tác chuẩn bị đã triển khai rất vất vả một tháng qua, mà còn làm mất đi hào hứng của nhiều người muốn được tham gia vào trận đánh đầu tiên giải phóng một thị xã. Nhưng không thể khác. Chiến thắng đòi hỏi sự táo bạo. Nhưng nó không chấp nhận bất cứ hành động phiêu lưu nào.

Sau cuộc họp, tôi tới Tả Phay Tử gặp đoàn cố vấn. Đồng chí Vi Quốc Thanh hơn tôi chừng vài tuổi, từ vẻ mặt đến tác phong đều biểu lộ sự chân tình, chín chắn, chừng mực của một cán bộ cách mạng lâu năm. Anh Vi là Tư lệnh binh đoàn, đang chuẩn bị đi làm đại sứ ở Anh thì được cử sang Việt Nam. Chúng tôi có cảm tình với nhau ngay từ lần gặp đầu tiên. Anh Vi là Cố vấn Bộ trưởng Quốc phòng — Tổng tư lệnh cho tới hết kháng chiến chống Pháp. Tôi trình bày về tình hình chuẩn bị chiến dịch. Anh Vi lắng nghe nhưng chưa phát biểu, và nói đang chờ đồng chí Trần Canh sang.

Trong tổ chức giải phóng quân Trung Quốc lúc đó, cao nhất là dã chiến quân (tương đương với phương diện quân của Liên Xô), rồi tới binh đoàn (tương đương với tập đoàn quân). Đồng chí Trần Canh là Phó tư lệnh dã chiến quân, và là Trung ương ủy viên dự khuyết của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tôi nghĩ thời gian này đồng chí Vi dành quyền phát biểu cho đồng chí Trần Canh.

Sau hội nghị liên tịch, mọi người khẩn trương bắt tay vào công việc không một lời kêu ca. Quan hệ giữa ba cơ quan với bộ phận lãnh đạo trong Bộ Tổng tư lệnh những năm chống Pháp là quan hệ mẫu mực giữa những người đồng chí cùng chung trách nhiệm, vừa nghiêm túc, vừa thân thiết như những người con trong một gia đình.

Ngày 21 tháng 8, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch đã họp lại để nghe ba cơ quan báo cáo kế hoạch chuẩn bị.

Anh Thái trình bày dự thảo kế hoạch tác chiến Đông Khê. Anh Lê Liêm báo cáo kế hoạch công tác chính trị.

Anh Ninh báo cáo kế hoạch cung cấp. Mọi người đều biểu thị quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ mới. Tôi nhắc anh Thái nhanh chóng hoàn chỉnh kế hoạch dự thảo tác chiến thành phương án chính thức để đưa lên phê duyệt.

Hai ngày 25 và 26 tháng 8 năm 1950, Đảng ủy Mặt trận triệu tập hội nghị cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên. Hội nghị họp ở bản Nậm Tấu, cách huyện lỵ Quảng Uyên 6 kilômét.

Đây là hội nghị trao nhiệm vụ chiến đấu nên các đơn vị đều có mặt. Tôi biết rõ khả năng và tính cách những người ngồi đây. Họ đều được thử thách, rèn luyện trong lửa đạn suốt mấy năm qua. Các anh Vương Thừa Vũ, Lê Quảng Ba, Cao Văn Khánh, Lê Trọng Tấn, Quang Trung, Vũ Yên, Thái Dũng, Vũ Lăng, Hồng Sơn, Đặng Văn Việt, Doãn Tuế... lần đầu đi vào một trận đánh hiệp đồng lớn, mỗi người đều như mang tới đây niềm tự hào của đơn vị và lời hẹn ước thi đua chiến đấu lập công.

Ban chỉ huy mặt trận Đông Khê được chỉ định gồm các đồng chí: Hoàng Văn Thái, chỉ huy trưởng, Lê Liêm, chính ủy, Lê Trọng Tấn, chỉ huy phó.

Lực lượng đánh Đông Khê gồm hai trung đoàn: 174 và 209.

Nhiệm vụ đánh viện trao cho đại đoàn 308.

Thời gian các đơn vị vào vị trí tập kết là ngày 14 tháng 9 năm 1950.

Sau khi trao nhiệm vụ cho các đơn vị, tôi nói thêm:

— Tiêu diệt Thất Khê xong, bộ đội nghỉ ngơi, chỉnh đốn từ 10 đến 15 ngày sẽ lên đánh Cao Bằng. Nếu sau khi tiêu diệt Đông Khê, địch bỏ Cao Bằng rút chạy về phía nam thì ta tập trung lực lượng tiêu diệt địch rút chạy trên quãng đường Cao Bằng — Đông Khê... Thay đổi mục tiêu mở màn chiến dịch như vậy là: trước đánh cứ điểm nhỏ, sau đánh cứ điểm lớn, trước đánh cứ điểm yếu, sau đánh cứ điểm mạnh, vừa đánh vừa rèn luyện bộ đội. Nếu Đông Khê bị mất và quân ứng chiến bị tiêu diệt, địch ở Cao Bằng sẽ lâm vào tình thế không thể giữ được mà chỉ có tìm cách chạy. Ta sẽ có khả năng tiêu diệt nhiều sinh lực địch hơn và tạo điều kiện căn bản để giải phóng Cao Bằng hoàn thành các mục tiêu của chiến dịch.

3

Những ngày đầu tháng Chín hết sức khẩn trương.

Ngày 1 tháng 9 năm 1950, Đảng ủy Mặt trận đang họp nghiên cứu địch trên đường số 4 thì có điện từ Cục 2 ở hậu phương lên báo cáo từ ngày 28 tháng 8, địch mở cuộc hành binh "Con nhộng" (*Chrysalide*) lên Phú Thọ và đang tập trung quân ở Lạng Sơn. Chúng tôi thấy phải xúc tiến nhanh công tác chuẩn bị, tham mưu cần phải thảo xong mệnh lệnh tác chiến và mọi chỉ thị trước ngày 3 tháng 9. Nhưng chỉ ngày hôm sau mệnh lệnh tác chiến đã được trình duyệt và gửi đi các đơn vị.

Ngày 3 tháng 9 năm 1950, Ban chỉ huy trận Đông Khê đi thực địa về báo cáo pháo đài trung tâm chỉ huy của địch có một số thay đổi, ở hướng bắc, dọc đường bộ đội ta sẽ tiến vào bám đầu cầu, cây cối trên đồi đã bị chặt trụi không còn chỗ ẩn nấp.

Ngày 9 tháng 9 năm 1950, Đảng ủy và Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập cuộc họp cán bộ chỉ huy từ trung đoàn trở lên thông qua kế hoạch đánh Đông Khê lần cuối.

Chưa có trận đánh nào được chuẩn bị kỹ lưỡng như lần này. Kế hoạch tiến công được hoạch định đến từng chi tiết. So với trận đánh hồi tháng Năm, ta đã huy động một lực lượng gần gấp ba. Trung đoàn 174 chiến thắng ở Đông Khê lần trước được chọn làm đơn vị chủ công. Phối hợp tác chiến là trung đoàn 209. Lực lượng sơn pháo phối thuộc với từng trung đoàn cũng mạnh hơn. Ta còn điều thêm những đội súng không giật giỏi của đại đoàn 308 sang tăng cường cho các mũi xung kích.

Sắp hết giờ làm việc buổi sáng thì được tin Bác đã tới Tả Phay Tử.

Tôi thúc ngựa phóng nhanh trên con đường lầy lội tới nơi Bác đang chờ.

Bác gầy và đen sau một tuần lễ đi đường. Bác nói:

— Dự cuộc họp Hội đồng Chính phủ ngày 2 tháng 9 xong, mình đi ngay, không ai biết mình lên đây. Năm nay ở cơ quan trung ương không tổ chức kỷ niệm ngày Độc Lập. Trên này chắc các chú cũng quên?

— Thưa Bác, không quên, nhưng không tổ chức gì!

Tôi mời Bác về sở chỉ huy.

Bác trùm chiếc khăn bông che bộ râu, đội mũ rồi lên ngựa cùng tôi về sở chỉ huy.

Buổi trưa, tôi báo cáo với Bác quyết tâm của Bộ chỉ huy chiến dịch: mở đầu bằng tiêu diệt Đông Khê, tiếp theo là diệt quân viện, đánh Thất Khê, cuối cùng là tập trung lực lượng giải phóng Cao Bằng.

Người giờ từng ngón tay, nói:

— Một là, đánh Đông Khê. Hai là, đánh quân viện. Ba là đánh Thất Khê. Bốn là, đánh Cao Bằng. Tất cả là bốn bước.

— Dạ.

— Đông Khê không lớn nhưng rất quan trọng, vì mất Đông Khê thì Cao Bằng hoàn toàn bơ vơ. Địch buộc phải cho quân ứng cứu, bộ đội sẽ có cơ hội đánh vận động.

— Chúng tôi đã có dự kiến.

— Nhưng bộ đội ta chưa quen đánh vận động lớn?

— Thừa Bác, mùa Hè vừa rồi được luyện tập, anh em tiến bộ nhiều. Cao Bằng là địa hình rừng núi, tôi nghĩ sẽ thuận lợi.

Bác trầm ngâm rồi nói:

— Mình muốn gặp một cán bộ cấp tiểu đoàn.

— Thừa Bác, cán bộ về hợp toàn cấp trung đoàn. Nhưng tôi sẽ nói đơn vị cử một tiểu đoàn trưởng lên gặp Bác vào tối mai.

Hội nghị làm việc sang ngày thứ hai. Buổi chiều, không khí sôi nổi hẳn lên khi thấy Bác xuất hiện với chiếc áo bộ đội bạc màu. Sự có mặt hoàn toàn bất ngờ của bác nói lên tầm quan trọng đặc biệt của chiến dịch.

Bác nhìn mọi người với cặp mắt đầm ấm rồi nói:

— Bộ chỉ huy chiến dịch nói là các chú họp lần cuối cùng để chuẩn bị trận đánh. Đây chưa phải là lần cuối cùng! Chưa đánh thắng thì chưa được coi là đã chuẩn bị xong. Quân sự thì phải chuẩn bị mãi. Thắng xong trận này cũng mới chỉ là chuẩn bị xong một đợt. Khi nào toàn thắng mới là chuẩn bị xong. Trong quân sự phải kiên quyết và bạo dạn. Bạo dạn, dũng cảm không phải là liều. Liều là dại. Dũng cảm là khôn. Không phải chỉ một người kiên quyết và bạo dạn, mà phải toàn bộ, tất cả mọi người. Muốn toàn bộ kiên quyết, dũng cảm thì phải có kỷ luật. Kỷ luật là động lực giữ sức mạnh cho bộ đội... Các chú đã nghe Bộ chỉ huy chiến dịch phổ biến quyết tâm của Trung ương Đảng mở chiến dịch Biên Giới. Các chú đã được trao nhiệm vụ cụ thể. Bác không có gì phải nói thêm. Chỉ nhắc các chú: thời gian lúc này vô cùng quý báu, cần tranh thủ thời gian thật tốt để chuẩn bị chiến đấu cho đầy đủ. Chỉ có chuẩn bị đầy đủ thì mới giành được chiến thắng lớn mà đỡ tổn xương máu chiến sĩ. Chiến dịch Cao Bắc Lạng rất quan trọng, chúng ta phải quyết tâm đánh thắng trận này. Các chú có quyết tâm không?

Tiếng trả lời ran ran:

— Thưa Bác có ạ!

— Bác chúc các chú thành công.

3

Buổi tối, Bác và tôi đi gặp đồng chí Trần Canh.

Đồng chí Trần từ Vân Nam đi thẳng sang đây đã tới Tả Phay Tử, trong khi chờ gặp Bác đã tranh thủ thời gian làm việc với Đoàn cố vấn. Về danh nghĩa đồng chí Trần là khách mời của Bác.

Bác nói với tôi.

— Trong những năm chiến tranh ở Trung Quốc, đồng chí Trần Canh thường được cử tới những nơi nào có khó khăn. Đồng chí Trần là khách, nhưng mình cố gắng tranh thủ ý kiến và kinh nghiệm.

Trần Canh chưa tới năm mươi tuổi, vóc người đậm, nước da sáng, đeo kính trắng, thoạt nhìn có vẻ nghiêm nghị.

Sau khi giới thiệu chúng tôi với nhau, Bác nói từ nay để giữ bí mật mọi người sẽ gọi đồng chí Trần là đồng chí Đông. Trần Canh hỏi tôi:

— Nghe nói Võ Tổng biết cả chữ Hán?

— Tôi chỉ nhớ chút ít vì học từ ngày còn nhỏ.

— Võ Tổng có biết vì sao Hồ Chủ tịch đặt tên cho tôi là Đông không?

Tôi mỉm cười đáp chưa hiểu.

Trần Canh nói:

— Hồi còn là học viên trường Hoàng Phố, tôi rất nghịch ngợm. Chữ Trần có bộ “nhĩ” đứng bên, bỏ bộ “nhĩ” thành chữ Đông. Sang Việt Nam, tôi bị Hồ Chủ tịch “cắt tai”!

Bác và tôi cùng phì cười.

— Trước khi sang Việt Nam, nhìn bản đồ thấy nơi nào cũng có quân Pháp, tưởng không còn đường mà đi. Nhưng một tháng qua đi hàng trăm kilômét vẫn thấy đất trời thênh thang. Có nơi chợ họp, người mua bán tấp nập, không khí đại hậu phương, hỏi "cách địch bao xa?". Đồng chí dẫn đường nói: "10 kilômét"! Chỗ này cách thị xã Cao Bằng bao xa?

— 25 kilômét.

— Hồ Chủ tịch cũng ở đây, có mạo hiểm không?

— Lần này thì không. Vì phía sau chúng tôi là đại hậu phương.

Trần Canh cười rồi nói:

— Đồng chí La Quý Ba mới về nước. Chúng tôi đã biết rõ khó khăn trước mắt về lương thực của Việt Nam. Chắc từ nay đến cuối năm sẽ có thêm lương thực gửi sang.

Tôi mở bản đồ trình bày về tình hình địch, những lực lượng của ta tham gia chiến dịch, rồi nói về phương án tác chiến, những lý do mở đầu chiến dịch bằng đánh Đông Khê.

Trần Canh nhìn trên bản đồ, hỏi về binh lực, địa hình, công sự phòng ngự của địch tại Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, rồi nói:

— Tôi thấy Hồ Chủ tịch và Bộ chỉ huy chiến dịch đã có quyết định đúng. Binh lực Việt Nam trong chiến dịch không nhiều. Chọn Đông Khê làm điểm đột phá là đúng. Đánh Đông Khê để kéo viện binh địch lên là chiến thuật "thanh điểm diệt viện" Giải phóng quân Trung Quốc thường dùng trong chiến tranh chống quân Tưởng. Việt Nam nên vận dụng nhiều chiến thuật này. Đánh Đông Khê, sẽ có điều kiện tiêu diệt sinh lực địch. Vì muốn giải phóng đất đai thì trước hết phải tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Võ Tổng định dùng bao nhiêu binh lực trong trận Đông Khê?

— Địch phòng ngự 1 tiểu đoàn. Lực lượng tiến công của ta sẽ là 9 tiểu đoàn. Lần đầu chúng tôi sử dụng ưu thế binh lực cao như vậy trong một trận công kiên.

— Cũng chưa phải là nhiều. Hãy chờ xem sau khi Đông Khê bị tiêu diệt, địch sẽ phản ứng như thế nào. Tôi tin là với sự có mặt của Hồ Chủ tịch chiến dịch sẽ thành công.

Đêm hôm đó, hướng phối hợp Tây Bắc bắt đầu nổ súng. Trung đoàn 165 đánh đồn Pa Kha, Lao Cai.

Ngày 12 tháng 9, Bác gặp đồng chí Hoàng Cầm, tiểu đoàn trưởng của trung đoàn 209. Bác nghe báo cáo về tình hình chuẩn bị chiến đấu của tiểu đoàn, rồi hỏi:

— Chú có tin trận này ta nhất định thắng không?

Đồng chí Hoàng Cầm trả lời:

— Báo cáo Bác, tin ạ.

Ngày 13 tháng 9, sở chỉ huy tiền phương của chiến dịch di chuyển về Nà Lạn, cách Đông Khê 10 kilômét theo đường chim bay. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định duy trì đài quan sát ở Cao Bằng, để đồng chí Quốc Trung ở lại đây với nhiệm vụ báo cáo kịp thời khi địch có triệu chứng rút quân.

5

Không hiểu vì đâu tin Bác đi chiến dịch đã lan truyền rất rộng. Có thể là do trên dọc đường Bác đã nhiều lần đi cùng bộ đội và dân công. Người rất thích chuyện trò với chiến sĩ và đồng bào, cả miền ngược và miền xuôi Bác vẫn đóng vai một cán bộ lớn tuổi đi công tác tại mặt trận. Dù Bác đã chú ý cải trang, nhưng có người vẫn nhận ra Bác.

Người ta rì rầm với nhau những câu chuyện về Bác. Người nói: "Bác đi bộ từ Thái Nguyên lên Cao Bằng mất tám ngày". Người nói: "Bác thường đi chân đất, chỉ nơi nào nhiều đá mới xỏ dép". Người nói: "Bác đem theo cả chiếu và cũng đeo gạo như chúng ta"... Những chuyện khó xác định đúng, sai.

Có những chuyện ngộ nghĩnh.

Một chiến sĩ nhìn thấy Bác đi dọc đường cứ lẻo đẻo đi sau. Bác đi nhanh anh ta cũng theo nhanh. Bác đi chậm, anh ta cũng đi chậm. Bác e lộ bí mật, khi lội qua một con suối Bác dừng lại giữa dòng và

lấy xà phòng ra giặt chiếc khăn tay. Anh chiến sĩ đi tới sau lưng Bác, cũng dừng lại vốc nước rửa mặt. Bác quay lại nhìn. Anh chiến sĩ nói: "Bác cho cháu xin một tí xà phòng!". Bác nói: "Xà phòng của chú đâu mà lại đi xin xà phòng của người ta?". Bác đưa anh chiến sĩ miếng xà phòng: "Chú cầm lấy đem đi mà dùng". Bấy giờ anh chiến sĩ mới chịu đi vượt lên trước.

Một người còn kể lại chính mình đã gặp Bác và được ngồi nói chuyện với Bác hẳn hoi. Buổi trưa, anh ta ghé vào một ngôi nhà bỏ không bên đường để nghỉ chân, thì thấy Bác và đoàn tùy tùng đã ngồi trong đó. Anh hỏi Bác:

— "Thưa Cụ, đã có lệnh Tổng phản công từ lâu, sao mãi tới bây giờ vẫn chưa bắt đầu?". Bác hỏi lại: "Chú đã có con chưa?". Anh chiến sĩ thưa là mình chưa có vợ. Bác nói:

— Như vậy thì đúng là chú chưa biết rồi! Người phụ nữ khi mang thai cũng phải mất chín tháng mười ngày mới đẻ. Ta muốn Tổng phản công cũng phải có chuẩn bị. Đâu phải cứ nói "Tổng" là làm được ngay!"...!!!

Mọi chuyện về Bác Hồ đều được chăm chú lắng nghe. Người kể, người nghe đều cảm thấy hạnh phúc. Nhưng có điều ít được nói tới là những ngày đi chiến dịch cũng đem lại cho Bác một niềm vui rất lớn.

Đó là khi trời vừa rạng sáng Bác đi ngang một bản nhỏ, thấy nhiều cô dân công ngồi dựa lưng vào nhau ngủ trên những thửa ruộng bậc thang. Bác hỏi một cô đang nhóm lửa thổi cơm sáng: "Các cô ngủ cả đêm ngoài trời ư?". Cô gái đáp: "Nhà dân chật chỉ đủ chỗ chứa lương thực cho khỏi ướt. Chúng cháu ngủ ngoài đồng càng vui!"

Đó là cảnh hàng vạn đồng bào, đủ các dân tộc, từ những bản làng heo hút trong rừng sâu, trên núi cao, từ vùng địch hậu trung du lên, người nối người với những bó đuốc tạo thành những con rồng lửa trong đêm sương giá, trườn qua những vùng núi đá tai mèo tải đạn, tải gạo cho bộ đội.

Từ những năm mười lăm triệu đồng bào còn chìm đắm trong kiếp nô lệ, Nguyễn Ái Quốc đã nhìn thấy sức mạnh văn hóa tiềm ẩn

trong mỗi con người, và từng tin vào chân lý: "Có dân là có tất cả"....

Thu Đông này, Người đang chứng kiến những thành quả sau năm năm kháng chiến, đang hòa vào với cái văn mới, cái đức mới của dân tộc mà mình đã góp phần tạo thành.

Dọc đường đi chiến dịch, Bác đã làm một bài thơ tặng Thanh niên xung phong:

*"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên".*

Trong những ngày ở mặt trận Đông Khê, cơ quan đã kiếm một ngôi nhà sàn sạch sẽ ở liền với sở chỉ huy tại Nà Lạn, dành cho Bác. Nhưng Bác lại muốn ở và làm việc trong lán ven rừng. Anh em vệ binh dựng một chiếc lán nhỏ lợp cỏ tranh bên sườn núi có cây cao gần đó. Ở miền núi, trời đã trở lạnh. Khí hậu trong rừng ẩm thấp, chúng tôi lo cho sức khỏe của Bác. Nhưng thấy Bác làm việc đều, sáng dậy vẫn tập thể dục, tắm suối, chúng tôi tạm yên tâm.

Sau trận Đông Khê, những ngày chờ địch, Bác nói:

Dân mình ghê thật! Chỉ mới năm năm sau tám chục năm mất nước mà đã như thế này! Người ta tính sau ba trăm năm bị đô hộ thì một dân tộc sẽ bị đồng hóa. Giao Chỉ bị đô hộ một ngàn năm! Hai ngón chân cái thay đổi, nhưng dân Việt vẫn tồn tại. Bên trên thay đổi gì thì thay, dưới thôn, làng vẫn thế! Vẫn đèn miếu thờ phụng Hai Bà Trưng, Bà Triệu... Lần này sẽ có một trận như Chi Lăng!...

Sự có mặt của Bác là một nhân tố quan trọng cho thành công của chiến dịch.

Sáng ngày 15 tháng 9 năm 1950, trực ban tác chiến Chiến dịch truyền thư của Bác tới từng đơn vị tham chiến theo đường dây điện

thoại:

"Hỡi các chiến sĩ yêu quý!

Chiến dịch Cao Bắc Lạng rất quan trọng. Chúng ta quyết đánh thắng trận này. Để thắng trận này, các chiến sĩ ở mặt trận ấy phải kiên quyết, dũng cảm trăm phần trăm, các chiến sĩ các khu, các mặt trận khác phải ra sức thi đua giết giặc lập công để hết sức tiêu diệt địch, kiềm chế địch, không cho chúng tiếp viện mặt trận Cao Bắc Lạng... .

Tôi đang chờ để khen thưởng các chú."

Đêm hôm đó, các mũi tiến công của ta bí mật tiếp cận đồn địch.

Anh Hoàng Văn Thái, Chỉ huy trưởng mặt trận, bất thần bị một cơn sốt rét. Sáng hôm sau đã nổ súng, tôi rất lo.

Sáng ngày 16, Bác và tôi dậy sớm đi lên đài quan sát mới bố trí trên một mỏm núi liền với bản Nà Lạn. Ngọn núi này cách Đông Khê khoảng 10 kilômét theo đường chim bay. Từ đây có thể theo dõi tình hình chung của trận đánh qua ống nhòm.

Trên đài quan sát có đặt máy điện thoại và điện đài. Vệ binh đã dựng mấy chiếc lều cỏ để tạm trú mưa.

Trời sáng. Sương mù tan dần. Qua ống nhòm đã nhìn thấy Đông Khê nằm trên đường số 4 với đồn to, những vị trí Phì Khoá, Cạm Phảy, đồi Yên Ngựa và những dãy nhà dọc phố.

Đúng 6 giờ, pháo 75 của ta bắt đầu nổ nhằm vào đồn chính. Sau đó, tất cả các loại pháo của ta nổ giòn giã vào các mục tiêu. Cả Đông Khê chìm trong khói pháo. Thung lũng Đông Khê như sôi lên.

Giờ đầu địch chưa kịp phản ứng trước đòn tiến công bất ngờ.

Ban chỉ huy Đông Khê báo cáo về, ở hướng bắc và đông — bắc, trung đoàn 174 làm nhiệm vụ chủ công đã chiếm lĩnh đầu cầu. 9 giờ, 174 chiếm đồi Yên Ngựa. 10 giờ 30, chiếm tiếp Phì Khoá. Địch chưa phản kích. Nhưng vẫn chưa có báo cáo của trung đoàn 209 ở hướng đông — nam.

Máy bay địch xuất hiện. Từ đài quan sát nhìn rõ 6 chiếc *Hellcat* lồng lộn trên bầu trời, nối nhau lao xuống bắn phá. Quân địch trong

vị trí đã trấn tĩnh. Từ pháo đài ở đồn to, địch bắn dữ dội vào đội hình tiến công của 174. Tôi bắt đầu lo. Vì hướng đông — nam chưa hoạt động nên quân địch có thể dồn toàn bộ sức mạnh đối phó với 174. Trận đánh kéo dài giữa ban ngày. Địch có công sự vững chắc và được máy bay yểm hộ. Ta đang lâm vào thế bất lợi. Tôi đã nhắc anh Thái ra lệnh cho 209 đánh mạnh ở hướng đông — nam, nhưng hướng này vẫn im ắng.

Buổi trưa, anh Thái báo cáo: Một bộ phận của trung đoàn 209 hành quân lạc, nên trung đoàn không kịp bố trí trận địa tiến công. Đề nghị tạm ngưng trận đánh, chấn chỉnh đội hình ở phía đông — nam, chờ khi trời tối, cả hai mũi sẽ cùng phối hợp tiến công giải quyết vị trí địch.

Mặc dù chuẩn bị kỹ lưỡng, nhưng trận đánh ngay từ những giờ đầu đã có sự trục trặc. Tôi chấp nhận đề nghị.

Bác ngồi trên đài quan sát, nhìn những vị trí máy bay địch lao xuống bắn phá rồi đối chiếu với bản đồ. Người tỏ vẻ xúc động khi những tin vui từ mặt trận báo về. Khi trận đánh gặp trắc trở, Người bình thản đề cán bộ chỉ huy giải quyết công việc. Nhưng lúc này không ai biết trong đầu Người đang nảy ra những tứ thơ.

Những trận công kiên kéo dài thường gây nhiều thương vong. Không khí sở chỉ huy có chiều căng thẳng.

Một cán bộ muốn Bác yên lòng, nói với người đứng bên:

— Tối nay, chỉ cần hai tiếng là giải quyết xong.

Bác quay lại nói nhẹ nhàng:

— Chú đừng chủ quan.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt suốt đêm ngày 16. Địch dồn sức đối phó với hướng tây bắc. 4 giờ sáng ngày 17, trung đoàn 174 mới chiếm thêm Cạm Phẩy. ở phía nam, trung đoàn 209 cũng chỉ chiếm được khu phía nam Đông Khê, gồm Phủ Thiện, Nhà cũ và Trường học thì vấp phải những hỏa điểm ngầm và hỏa lực súng cối bắn chặn phải dừng lại. Cả hai mũi đều không phát triển được nữa.

Đồng chí Trần Canh nói: "không nên để trận đánh kéo dài". Bác nhấn mạnh: "Dù khó khăn thế nào, trận đầu cũng phải thắng".

Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ thị cho ban chỉ huy Đông Khê: "Lệnh cho hai trung đoàn chặn chính lại bộ đội, rút kinh nghiệm để khắc phục những thiếu sót về chiến thuật, kỹ thuật, đặc biệt là về quan hệ hợp đồng chiến đấu giữa các mũi xung kích, giữa bộ binh với pháo binh. Cần dứt điểm trong đêm 17 tháng 9.

Trung đoàn trưởng 174 Đặng Văn Việt đề nghị Bộ cho chuyển hướng đột phá của trung đoàn 209 qua phía đông pháo đài, bỏ hướng bắc vì địch tập trung đối phó, và chỉ thị cho 209 đánh một mũi từ phía nam lên, một mũi vào phía sau lưng pháo đài. Đề nghị của đơn vị chủ công được chấp thuận.

8 giờ 30 ngày 17 tháng 9, đồng chí Hoàng Văn Thái ra lệnh tổng công kích. Sau khi pháo binh chế áp các mục tiêu một mũi tiến công của 174 chiếm đầu cầu phía đông pháo đài, mũi ở phía bắc chiếm nhà thương, thọc sâu đến lô cốt số 7 thì bắt liên lạc được với 1 tiểu đoàn của 209, cùng phối hợp đánh vào sau lưng pháo đài. Bộ binh các hướng phối hợp nhịp nhàng cùng tiến công vào đồn lớn.

Đã xuất hiện nhiều gương chiến đấu cực kỳ dũng cảm. Phía 174, tiểu đội trưởng La Văn Cầu chỉ huy tổ bộc phá đánh lô cốt đầu cầu, anh em đều bị thương, Cầu vẫn hăng hái ôm bộc phá tiếp tục xông lên. Vượt đến giao thông hào thứ ba, Cầu trúng đạn ngất đi. Khi tỉnh dậy, nhận thấy một cánh tay đã gãy nát, nhưng nhiệm vụ chưa hoàn thành, Cầu bảo đồng đội chặt bỏ cánh tay mình cho khỏi vướng, rồi lại ôm bộc phá lao tới đánh tan lô cốt, mở đường cho toàn đơn vị xung phong. Phía 209, đại đội trưởng Trần Cừ dẫn xung kích vượt qua một lô cốt vừa bị tiêu diệt bằng bộc phá, thì một tên lính còn sống sót bất thần từ trong bắn ra. Khẩu liên thanh ào ạt nhả đạn chặn đứng đợt xung phong. Trần Cừ bị thương nặng, nhưng vẫn cố lết về phía lô cốt, bất ngờ nhào lên ép thân mình vào lỗ châu mai, tạo ra khoảnh khắc ngừng tiếng súng cho xung kích ta ào ạt vượt qua, xông lên tiêu diệt đồn cao. Chị Đinh Thị Dậu, dân công hỏa tuyến, dầm mình trong lửa đạn, công thương binh từ trận địa về nơi an toàn. Chị đã đưa 7 thương binh ra khỏi đồn địch. Chị Triệu Thị Soi, một cô gái Nùng vốn rất sợ máu, làm nhiệm vụ chuyển đạn ra trận địa pháo, khi trở về đã dùng thắt lưng lụa buộc thương binh

nặng trên lưng, vượt những dốc núi đá cheo leo. Máu chiến sĩ ta đổ khiến chị xót xa, quên cả sợ.

4 giờ 30 ngày 18 tháng 9 năm 1950, bộ đội ta đánh vào sở chỉ huy Đông Khê bắt sống viên đại úy đồn trưởng và các sĩ quan tham mưu. 10 giờ, trận đánh kết thúc.

Trận Đông Khê đã toàn thắng. Địch chết và bị bắt 300 tên. Một số chạy thoát về Thất Khê. Ta thu toàn bộ vũ khí.

Số thương vong của ta lớn hơn dự kiến. Trận đánh phải kéo dài tới 52 giờ.

Ban chỉ huy mặt trận Đông Khê được giải tán để các đơn vị nhanh chóng chuyển sang chuẩn bị đánh viện.

Bác viết bức thư gửi các chiến sĩ bị thương:

"Chính phủ, đồng bào đều biết ơn các chú. Tôi gửi lời khen ngợi các chú và chúc các chú mau lành mạnh để trở lại hàng ngũ tiếp tục chiến đấu giết giặc".

Chương Ba: GIẢI PHÓNG BIÊN GIỚI

1

Sau ngày Đông Khê giải phóng, địch tăng cường bằng đường không lên Cao Bằng 1 tiểu đoàn lê dương, và ném xuống Thất Khê 1 tiểu đoàn dù.

Chúng tôi cho rằng vì trận Đông Khê kéo dài, địch biết ta tập trung bộ đội chủ lực trên chiến trường Đông Bắc, nếu muốn chiếm lại Đông Khê, không thể chỉ sử dụng quân dù như hồi tháng Năm. Ta dự kiến địch sẽ đưa bộ binh từ Thất Khê lên theo đường số 4 và đường Pò Mã — Bố Bạch, phối hợp với quân dù nhảy thẳng xuống Đông Khê và vùng phụ cận. Lực lượng đi theo đường bộ có thể từ 2 đến 3 tiểu đoàn. Lực lượng dù có thể là 1 tiểu đoàn.

Các đơn vị tham gia chiến dịch được chia làm hai bộ phận. Một bộ phận đánh quân dù gồm hai trung đoàn 174 và 209, ém quân ngay tại Đông Khê. Một bộ phận đánh bộ binh địch, gồm cả ba trung đoàn 36, 88, 102 của 308 chưa tác chiến, hãy còn đầy sinh lực. Đại đoàn 308 cơ động trong khu tam giác Lũng Chà — Bình Xiên — Nà Pá, chuẩn bị tiêu diệt địch tại Nà Pá, Lũng Phầy, Khâu Luông.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho lực lượng vũ trang địa phương tạm ngưng mọi hoạt động phá đường, phục kích, quấy rối trong khu vực từ Lạng Sơn lên Thất Khê để cho địch lên.

Ta bố trí lực lượng trinh sát chung quanh Thất Khê và Cao Bằng. Bộ phận trinh sát kỹ thuật Ban 2 có nhiệm vụ bám sát các làn sóng vô tuyến điện của địch, kịp thời báo cáo với Bộ chỉ huy mọi dấu hiệu điều động lực lượng.

Những ngày chờ đợi căng thẳng. Một hôm có tin 3 tiểu đoàn địch vừa ra khỏi Thất Khê đi về hướng Đông Khê. Tôi điện gấp cho anh Vương Thừa Vũ, đại đoàn trưởng 308. Anh Vũ lập tức trao nhiệm vụ cho anh Cao Văn Khánh, đại đoàn phó, đưa 3 tiểu đoàn đi đón lõng quân địch. Sau đó mới biết là hoang báo.

Cả tuần chưa hề thấy động tĩnh của quân địch. Hậu cần thông báo nếu thời gian chờ đợi kéo dài, sẽ không đủ gạo và muối cho bộ đội. Anh Trần Minh Tước, ủy viên Ban Cung cấp chiến dịch nói với Bộ chỉ huy: "Lương thực chưa phải cạn kiệt, đồng bào còn nhiều ngô, nhưng khó huy động vì nằm rải rác mỗi nhà một ít ở những nơi xa, đường rất khó đi". Một dấu hiệu đáng lo ngại là bộ đội nằm lâu chờ địch trong rừng ẩm thấp, nhiều muỗi vắt, sức khỏe giảm sút, nhiều người yếu mệt.

Đồng chí Trần Canh nói với tôi:

— Võ Tổng thấy thế nào! Hay là thu quân thôi! Viện binh địch không lên. Quân địch ở Thất Khê đã tăng lên 4 tiểu đoàn. Bộ đội Việt Nam đánh công kiên quá kém. Không thể đánh Thất Khê. Cũng không thể đánh Cao Bằng. Muốn đánh Cao Bằng phải xây dựng một trận địa chiến hào như Giải phóng quân đánh Hoài Hải!

Tôi nói:

— Trận Đông Khê ta sử dụng nhiều binh lực, nhưng chọn hướng đột phá chưa đúng, các mũi phối hợp kém nên đánh kéo dài. Hồi tháng Năm, chỉ một mình trung đoàn 174 đã nhanh chóng diệt gọn Đông Khê, tổn thất rất ít. Tôi thấy nên kiên trì chờ viện, đồng thời, chuẩn bị tiêu diệt Thất Khê theo như kế hoạch.

Kết quả chiến dịch sẽ ra sao nếu dừng lại ở Đông Khê? Đại đoàn 308 với những trung đoàn mạnh nhất của Bộ còn chưa được sử dụng. Ta chưa phải đã hết hy vọng giải phóng Cao Bằng. Chúng không thể rút bằng máy bay vì lực lượng quá đông, ngoài 3 tiểu đoàn còn gia đình binh lính ngụy và bọn tay sai ở thị xã mà chúng không thể bỏ lại. Nếu địch rút Cao Bằng thì cũng sẽ là thời cơ để ta tiêu diệt sinh lực địch.

Cuối cùng, Bác và đồng chí Trần Canh đồng ý trong khi chờ đợi quân viện, dùng một bộ phận nhỏ đánh những đơn vị nhỏ của địch, và chuẩn bị giải phóng Thất Khê.

Ngày 25 tháng 9 năm 1950, Bộ chỉ huy chiến dịch ra mệnh lệnh số 5, gấp rút chuẩn bị bộ đội, chuẩn bị chiến trường để khi có điều kiện thì tập trung tiêu diệt Thất Khê. Cùng với mệnh lệnh là quyết định thành lập mặt trận Thất Khê do anh Vương Thừa Vũ làm chỉ

huy trưởng kiêm chính ủy, các anh Cao Văn Khánh, Lê Trọng Tấn làm chỉ huy phó, anh Trần Độ là phó chính ủy. Thời gian hoạt động bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 1950.

Để chuẩn bị đánh Thất Khê, lực lượng tham gia chiến dịch được bố trí lại. Đại đoàn 308 ở Bản Mán, Bản Niêm, Pò Mã. Trung đoàn 209 ở Nà Gianh. Trung đoàn 174, lực lượng dự bị chiến dịch, chuyển xuống vùng Thiên Lân, phía nam Thất Khê. 174 sẽ hoạt động mạnh đánh lạc hướng quân địch, và chuẩn bị chiến trường, sẵn sàng cùng các đơn vị khác tập trung tiêu diệt Thất Khê.

Trung đoàn 174 bắt đầu hành quân xuống phía nam. Cùng lúc, đại đoàn 308 đưa một số cán bộ cấp trưởng đi nghiên cứu chiến trường Thất Khê, và cho hai phần ba quân số tới Thủy Khẩu lấy gạo chuẩn bị cho nhiệm vụ mới.

Một điều chúng tôi chưa lường trước là cán bộ chiến sĩ sau nhiều ngày nằm im chờ đợi, nhận được lệnh mới hầu như quên nhiệm vụ tiếp tục chờ viện, mà chỉ còn nghĩ tới việc sắp đánh Thất Khê. Các đơn vị của đại đoàn 308 đưa hai phần ba quân số đi lấy gạo, chỉ để lại những người yếu mệt làm nhiệm vụ trông coi vũ khí. Suốt trận địa đánh quân viện của đại đoàn bỗng chốc không có cả người trực chiến.

Giữa lúc đó cả binh đoàn Lopagior (*Lepage*) Luồn rừng êm ả vượt qua trận địa phục kích của 308.

2

Những Cuốn Sách Việt Nam và Pháp viết về chiến tranh Đông Dương đã đề cập nhiều đến sự kiện mà người Pháp gọi là "thảm họa Cao Bằng". Ngày nay, đã có điều kiện nhìn rõ cả hai phía trong cuộc đổ sức mở đầu một thời kỳ mới của chiến tranh.

Hội đồng Quốc phòng Pháp đã có quyết định rút Cao Bằng và Đông Khê trước đó hơn một năm. Nhưng những người chỉ huy quân viễn chinh ở Đông Dương không thi hành, vì thấy không có gì đe dọa

Cao Bằng. "Nó có những công sự tốt nhất để chống cự cuộc tiến công của 15 tiểu đoàn dù được pháo binh yểm trợ", Alétxăngđrê đã nói như vậy họ đều đồng ý với nhau nếu giữ Cao Bằng sẽ ngăn chặn được người Trung Hoa tiếp xúc với Việt Minh, và kìm hãm việc chuyển giao vũ khí cho Việt Minh. Nhưng bắt đầu từ tháng 7 năm 1950, vấn đề này được xem xét lại. Các đồn binh trên đường số 4 không còn khả năng bít kín những con đường sang Trung Hoa, cũng không thể ngăn vũ khí Trung Hoa lọt vào miền Bắc. Chúng chẳng kiểm soát mà cũng chẳng bảo vệ biên thù! Từ đầu năm 1950, cả Cao Bằng và Đông Khê đều phải tiếp tế bằng máy bay. Những tiền đồn quá cô lập nằm lọt giữa vùng Việt Minh trở nên tốn kém, vô ích và nguy hiểm.

Ngày 2 tháng 9 năm 1950, Cao ủy Pinhông (Pignon) và Tổng chỉ huy Cácpăngchiê đi tới quyết định bỏ Cao Bằng, Đông Khê, và bù lại bằng việc chiếm Thái Nguyên.

Ngày 16 tháng 9 năm 1950, Cácpăngchiê ra mật lệnh rút các tiền đồn Cao Bằng, Đông Khê và đánh chiếm vĩnh viễn Thái Nguyên, hình thành một phòng tuyến mới để bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ chạy từ Kép qua Bố Hạ, Thái Nguyên tới Trung Giã. Thời gian thực hiện là đầu tháng 10 năm 1950. Trước đó, sẽ tăng cường cho Cao Bằng 1 tiểu đoàn. Lộ trình được chọn cho cuộc rút lui là đường số 4. Con đường này tuy khó đi và dễ bị phục kích nhưng là đường ngắn nhất.

Cũng chính ngày hôm đó bộ đội ta tiến công Đông Khê.

Đại tá Côngxtăng (*Constans*), chỉ huy Khu Biên thù Đông Bắc, yêu cầu lập tức đưa 1 tiểu đoàn dù tới giải tỏa cho Đông Khê. Người chỉ huy quân dù coi đó là một công việc quá nguy hiểm sẽ dẫn tới sự hy sinh vô ích, vì tại Đông Khê chỉ có một khu vực nhảy dù duy nhất đã được sử dụng vào cuối tháng 5 năm 1950, yếu tố bất ngờ không còn. Tướng Mácsăng (*Marchand*), quyền chỉ huy Bắc Bộ (thay Alétxăngđrê về Pháp nghỉ phép) đành cho đưa 1 tiểu đoàn dù tới Thất Khê.

Ngày 18 tháng 9, giữa lúc Tổng chỉ huy Cácpăngchiê đang có mặt ở Lạng Sơn thì nhận được tin Đông Khê thất thủ. Cácpăngchiê càng

quyết tâm rút Cao Bằng đồng thời đánh chiếm Thái Nguyên, như mệnh lệnh ông ta đã ký ngày 16 tháng 9.

Cácpăngchiê nói rõ chủ trương của mình với Côngxtăng, và đưa ra những chỉ thị tại chỗ. Chiếm Thái Nguyên và rút Cao Bằng sẽ được thực hiện cách nhau ba ngày. Trước khi rút, phải tăng cường cho Cao Bằng 1 tiểu đoàn Tabo (*Tabor*). Côngxtăng sẽ đưa binh đoàn Lopagior từ Thất Khê lên đón cánh quân của Sác tông (*Charton*) từ Cao Bằng rút về. Cánh quân Cao Bằng không được mang theo đồ lễ công kênh, đi thật nhanh để gặp cánh quân của Lopagior, tốt nhất là sau chặng hành quân đêm đầu tiên. Côngxtăng sẽ quy định những thể thức và ấn định thời gian tùy theo điều kiện thời tiết tại địa phương. Cácpăngchiê căn dặn phải tuyệt đối giữ bí mật về dự kiến, để tạo nên những hành động nhanh chóng và bất ngờ.

Sau đó, Cácpăngchiê lên ngay Cao Bằng báo cho Sác tông biết sẽ được tăng cường tiểu đoàn 3 Tabo bằng đường không, và cho sơ tán thường dân trong chuyến máy bay quay về. Tổng chỉ huy không hề dả động tới việc rút khỏi thị xã. Cácpăngchiê đã quy định với Mácsăng và Côngxtăng, việc rút khỏi Cao Bằng chỉ được thông báo cho những người thực hiện vào phút chót.

Ngày 20 tháng 9 năm 1950, ở Hà Nội, Cácpăngchiê thông báo quyết định của mình với Alétxăngđrê vừa từ Pháp quay về, nắm lại quyền chỉ huy Bắc Bộ từ tay Mácsăng. Alétxăngđrê phản ứng dữ dội. Cácpăngchiê khẳng định là những biện pháp chủ yếu đều được nghiên cứu tỉ mỉ, và mệnh lệnh đã phát đi.

Ngày hôm sau, Cácpăngchiê trở về Sài Gòn. Với cương vị tổng chỉ huy, ông ta thấy mình làm như vậy là quá nhiều, và không còn gì phải lo lắng. Thực ra, Cácpăngchiê đã tính toán một cách rất đơn giản. Ông ta coi việc rút lui khỏi Cao Bằng chỉ là một cuộc hành binh bình thường. Trên chiến trường Bắc Bộ, chưa hề có một binh đoàn tác chiến nào của quân Pháp bị Việt Minh tiến công. Hai binh đoàn với những tiểu đoàn thiện chiến nhất trong quân đội viễn chinh, được sự yểm trợ của không quân, sẽ khiến cho bộ đội Việt Minh phải lẩn tránh như mọi khi. “Và nếu ông ta có nhấn mạnh đến tầm quan trọng của sự giữ bí mật, đến tính bất ngờ và nhanh chóng nhằm bảo

đảm thắng lợi của cuộc hành binh, thì không phải do linh cảm khả năng một thảm họa mà chỉ nhằm tránh những trận đánh và những thiệt hại không cần thiết”². Ngày 29 tháng 9, Alétxăngđrơ mở cuộc tiến công lên Thái Nguyên. Hầu như toàn bộ quân ứng chiến còn lại ở Bắc Bộ, gồm 6 tiểu đoàn bộ binh, được tung vào chiến dịch mang tên "Hải cầu" (*Pho que*). Quân Pháp đi theo đường số 8 từ Phủ Lỗ lên, và từ Vĩnh Yên lên qua Đèo Nhe. 1 hải đoàn xung kích cũng tiến lên theo sông Cầu. 1 tiểu đoàn dù nhảy xuống phía bắc sông Cầu thiết lập một đầu cầu. Ngày 1 tháng 10, quân Pháp chiếm thị xã Thái Nguyên không người. Ngày 30 tháng 9, Lopagior được lệnh của Côngxtăng đưa binh đoàn từ Thất Khê tiến lên Đông Khê, và phải có mặt ở Đông Khê vào sáng ngày 2 tháng 10 để có thể nhận tiếp nhiệm vụ mới.

Binh đoàn của Lopagior được tổ chức ngày 19 tháng 9 năm 1950, lúc đầu gồm 3 tiểu đoàn Bắc Phi (*1er Tabor, 11è Tabor, 118 RTM*) tại Lạng Sơn, tới Thất Khê được bổ sung thêm tiểu đoàn 1 dù (*1er BEP*) đã có mặt tại đó ngày 20 tháng 9, thành 4 tiểu đoàn. Binh đoàn mang tên Baya (*Bayard*), người "Hiệp sĩ không biết sợ và không có điều gì đáng chê trách" hồi đầu thế kỷ thứ XVI. Lopagior linh cảm thấy những mối nguy hiểm đang chờ mình phía trước, đề nghị hoãn cuộc hành binh 24 giờ đợi thời tiết tốt hơn, có sự yểm trợ của không quân. Nhưng Lạng Sơn chỉ trả lời ngắn gọn "thi hành đúng mệnh lệnh".

13 giờ, Lopagior cho binh đoàn hành quân về hướng Đông Khê, với tiểu đoàn dù làm nhiệm vụ mở đường. Dịch tiến quân rất thận trọng, và đi suốt đêm. Sau 28 giờ hành quân, binh đoàn mới vượt được cung đường 28 kilômét từ Thất Khê đến Đông Khê. Dọc đường, không gặp sự kháng cự nào vì cả trận địa dài 10 kilômét của 308 đã bị bỏ trống.

Tối ngày 1 tháng 10, anh Lê Trọng Tấn khẩn cấp báo cáo với Bộ chỉ huy chiến dịch, rất đông quân địch đã xuất hiện trước Đông Khê. Dịch gồm lính dù và lính Bắc Phi (*Tabor*). Trung đoàn 209 đã nổ súng đánh địch.

Tôi hỏi:

— Chúng từ đâu tới?

— Từ phía Thất Khê lên. Chắc là chúng muốn chiếm lại Đông Khê.

— Trung đoàn 209 bằng mọi giá không được để địch chiếm lại Đông Khê. Đây là quân viện mà ta chờ đợi. Ngăn địch lại, chờ 308 đến hợp vây để tiêu diệt.

Cả sở chỉ huy vui mừng. Sự xuất hiện quân địch đã làm tiêu tan những căng thẳng suốt thời gian qua. Nhưng không hiểu vì sao địch ở Thất Khê lên, lại an toàn lọt qua trận địa của 308?

Tôi gọi điện thoại ngay cho anh Vương Thừa Vũ.

— Đồng chí có biết quân viện của địch vừa đi qua trận địa của 308 không?

— Báo cáo anh... một số cán bộ cấp trưởng đi chuẩn bị chiến trường. Hai phần ba bộ đội đi lấy gạo. Anh em ở nhà sơ suất, mất cảnh giác nên không phát hiện quân địch qua ban đêm. Bộ tư lệnh đại đoàn xin nhận khuyết điểm.

— Các đồng chí dồn mỗi tiểu đoàn thành một đại đội, chỉ định người chỉ huy, cho anh em tiến về phía Đông Khê đánh địch ngay. Đồng thời cử người chạy đi các nơi gọi cán bộ và bộ đội đi lấy gạo quay về. Có bao nhiêu lực lượng, đánh bấy nhiêu. Không cho địch quay trở lại Thất Khê. Chú ý những điểm cao xung quanh Đông Khê, đặc biệt là Cốc Xá và Khâu Luông. Nếu không vào được Đông Khê, có thể địch sẽ trú quân tại đây. Không được bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt quân viện!

— Xin chấp hành mệnh lệnh. Nội nhật ngày mai, đại đoàn sẽ nổ súng.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Địch đánh lên Thái Nguyên nhằm kéo chủ lực ta về để giải tỏa cho Đông Bắc. Tình hình Thái Nguyên không đáng lo ngại. Các cơ quan và nhân dân đã đề phòng từ lâu. Đồng bào Việt Bắc có nhiều kinh nghiệm đối phó với những cuộc tiến công loại này. Trung đoàn 246 cùng với lực lượng vũ trang của tỉnh sẽ ngăn chặn nếu địch tổ chức càn quét rộng ra chung quanh thị xã. Việc địch đưa quân lên Đông Khê có thể nhằm mục

địch: — địch muốn giành lại Đông Khê. — Hoặc lên đón quân từ Cao Bằng rút về. Dù ý định của địch như thế nào, chúng điều quân lên Đông Khê là hoàn toàn có lợi cho ta. Thời cơ tiêu diệt sinh lực địch đã xuất hiện. Ta cần hình thành nhanh chóng thế bao vây và tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Bác nói:

"Cơ hội rất tốt đã xuất hiện, không được bỏ lỡ".

3

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh: "Tập trung lực lượng tiêu diệt toàn bộ quân địch tiến lên Đông Khê, trọng điểm tiêu diệt từ Đông Khê tới Keo Ái. Trung đoàn 209 kiên quyết không cho địch chiếm lại Đông Khê. Trung đoàn 88 chặn địch ở Keo Ái không cho chúng rút về. Trung đoàn 36 có nhiệm vụ chiếm dãy điểm cao Khâu Luông khống chế cả khu vực, nằm trên đường số 4 ở phía nam Đông Khê. Trung đoàn 102 là lực lượng dự bị chiến dịch".

Toàn mặt trận diễn ra một không khí sôi động và hào hùng. Các chiến sĩ rời những dãy lán lợp lá chuối đã khô héo trong rừng sâu, cầm vũ khí nối nhau chạy trên những con đường mòn đổ ra đường số 4 đang bị những chiếc máy bay hoảng hốt nã súng ngăn chặn. Từ những kho, trạm quân lương, bộ đội đi lấy gạo, người nhận được điện báo tin, người chỉ nghe súng nổ, đều lũ lượt chạy suốt đêm trở về vị trí, vội cầm lấy súng đạn rồi đuổi theo đơn vị đã xuất kích. Có những cán bộ, chiến sĩ bị thương vì máy bay địch, băng bó xong lại cầm súng đi tiếp.

Chiều ngày 1, sau khi tiểu đoàn dù số 1 bị chặn đứng trước Đông Khê, Lopagior đã ra lệnh ngừng tiến công, đưa các đơn vị chiếm những điểm cao ở phía nam Đông Khê, đồn trú qua đêm đợi trời sáng. Những vị trí đóng quân của địch kéo dài trên 10 kilômét dọc đường số 4, từ Đông Khê xuôi về phía nam qua Khâu Luông, Nà Pá, Trọc Ngà tới Lũng Phầy.

Sáng ngày 2 tháng 10, Lopagior dùng 2 tiểu đoàn tiến công Đông Khê. Tiểu đoàn 11 Tabo chiếm được những mỏm núi phía tây và cứ điểm bảo vệ sân bay Đông Khê, rồi bị 209 chặn lại. Tiểu đoàn dù cũng bị chặn đứng trên dãy núi đá phía nam.

Lopagior cảm thấy việc chiếm lại Đông Khê không dễ dàng. Cùng lúc, máy bay trinh sát phát hiện những cánh quân của Việt Minh đang di chuyển trên con đường mòn Bô Bạch về phía Nà Pá. Lopagior yêu cầu thả dù ngay trung đội pháo của binh đoàn còn để lại Na Sầm.

14 giờ 30, máy bay truyền xuống cho Lopagior mệnh lệnh của Côngxtăng, chỉ huy Khu Biên thủy Đông Bắc: Lopagior phải đưa lực lượng về phía Nậm Nàng, bắc Đông Khê 15 kilomet, đón binh đoàn Sác tông, rồi cùng rút về. Khi hai binh đoàn gặp nhau, Lopagior sẽ chỉ huy chung.

Lúc này Lopagior mới biết rõ mục đích chủ yếu của cuộc hành binh Têrêđơ (*Thérèse*) là đón quân đồn trú từ Cao Bằng về. Lopagior ra lệnh ngừng tiến công Đông Khê. Y quyết định để lại phía nam Đông Khê một nửa binh đoàn, gồm tiểu đoàn dù 1 và tiểu đoàn 11 Tabo, tiếp tục duy trì sức ép thu hút quân đối phương vào nhiệm vụ bảo vệ Đông Khê. Lực lượng này sẽ chiếm các điểm cao quan trọng trên đường số 4, từ Đông Khê tới Lũng Phầy, đảm bảo an toàn cho hai binh đoàn khi rút về. Trong lúc đó, Lopagior trực tiếp dẫn 2 tiểu đoàn vòng sang tây Đông Khê, đi lên phía bắc đón Sác tông. Theo mệnh lệnh, cánh quân của Lopagior phải có mặt trước, ở Quang Liệt, đúng trưa ngày 3 tháng 10 năm 1950.

Bộ phận tin kỹ thuật của ta theo dõi sát những cuộc liên lạc của địch qua vô tuyến điện. Trong tình hình gấp gáp, phần lớn những mệnh lệnh đều không dùng mật mã.

Buổi chiều, trung đội pháo binh của Lopagior được thả dù xuống Nà Pá, nơi được Đencrốt (*Delcros*) đặt sở chỉ huy. Những chiếc *King Cobra* cổ dài lồng lộn trút bom xuống con đường đèo đá cạnh Bản Xiên ngăn chặn bộ đội ta tiến ra đường số 4.

Chúng ta đã dự kiến nếu địch dùng viện binh để chiếm lại Đông Khê, sẽ diễn ra cuộc tranh chấp giành quyền kiểm soát những điểm cao ở phía nam nằm dọc đường số 4, chủ yếu là những núi Khâu

Luông và Trọc Ngà. Khâu Luông (có nghĩa là Núi Lớn) cao nhất khu vực, gồm nhiều mỏm nối tiếp, chạy từ phía đông ra tới đường thì cao lên đột ngột. Địa hình núi rất phức tạp, chỗ cây cối rậm rạp, chỗ cỏ tranh cao lút đầu người. Riêng bốn mỏm cao nhất chụm vào nhau ngay bên đường số 4 khổng lồ cả một khu vực rộng lớn. Trọc Ngà ở lui về phía nam Khâu Luông, chân núi nhiều cây cối, đỉnh núi rất tròn, trọc lốc, chỉ có bốn cây thông, nhìn xa như chiếc đầu hói. Núi này tuy nhỏ hơn nhưng lại án ngữ con đường xuất kích của bộ đội ta tập trung ở phía đông đường số 4. Đầu chiến dịch, một số đơn vị của 308 đã trú quân dưới chân núi Trọc Ngà và bố trí đánh quân dù trên đỉnh Khâu Luông nên đã làm quen với địa hình hai núi này.

16 giờ ngày 2 tháng 10 năm 1950, cuộc tiến công của 308 bắt đầu. Số người đi lấy gạo vẫn chưa về kịp, các tiểu đoàn được tổ chức lại thành những đại đội kiên quyết vượt qua đoạn đường đang bị máy bay địch ngăn chặn tiến ra đường số 4. Tiểu đoàn trưởng 29 Hùng Sinh chỉ có trong tay 1 đại đội, quyết định cho các chiến sĩ nguy trang thật kỹ, bí mật tiếp cận quân địch ở Trọc Ngà. Quân địch cũng bí mật phòng ngự trên núi. Không gian hoàn toàn im ắng, chỉ nghe tiếng chim kêu. Những loạt lựu đạn, tiểu liên bất thần nổ. Trước sự xuất hiện đột ngột của chiến sĩ ta, quân địch đông gấp đôi hoảng loạn tháo chạy lên đỉnh núi. Bộ đội ta nhanh chóng đuổi theo. Chỉ sau 10 phút, một trung đội của 29 đã có mặt trên đỉnh Trọc Ngà. Quân địch bị dồn xuống phía dưới. Vừa lúc đó phía bên kia núi cũng rộ lên tiếng lựu đạn và tiểu liên. Tiểu đoàn 18 đã kịp thời đánh lên phối hợp. Cả đại đội của trung đoàn bộ binh Ma rốc số 8 bị loại khỏi vòng chiến đấu, viên quan ba chỉ huy chết, những tên sống sót tháo chạy về Khâu Luông. 17 giờ, trận đánh Trọc Ngà kết thúc.

18 giờ, trung đoàn 36 bắt đầu tiến công Khâu Luông. Pháo binh ta bắn chế áp quân địch đóng trên hai mỏm núi cao nhất cho bộ đội xung phong. Lực lượng tiến công là 2 tiểu đoàn 80 và 84, đã được rút gọn thành 2 đại đội.

Những đơn vị của 36 từ trung du mới lên, lần đầu chiến đấu trên địa hình rừng núi, tiểu đoàn 84 đi lạc đường nên chỉ có tiểu đoàn 80 tiến đánh một trong hai mỏm núi. Tiểu đoàn 11 Tabo đóng tại đây lợi

dụng thế cao đối phó quyết liệt Từ chiều tới nửa đêm, tiểu đoàn 80 tổ chức ba đợt xung phong đều bị quân địch đẩy lui.

Sáng ngày 3 tháng 10, Lopagior ra lệnh cho viên quan tư Đencrốt chỉ huy những lực lượng ở lại bảo vệ Nà Pá, Khâu Luông và điểm cao 615. Lopagior đi trước với 1 tiểu đoàn của trung đoàn bộ binh Ma rốc số 8 về phía tây đường số 4 để đón Sác tông. Tiểu đoàn 1 Tabo phải dựa vào sự yểm trợ của máy bay khu trục rút ra khỏi sân bay Đông Khê, để đi theo Lopagior. Chúng lập tức bị 209 truy kích. Sau 10 giờ hành quân, Lopagior chỉ đi được cách Nà Pá 5 kilômét.

6 giờ sáng ngày 3 tháng 10, tiểu đoàn 80 lại tiếp tục tiến công mỏm núi cao nhất ở Khâu Luông. Pháo ta bắn dồn dập dọn đường cho bộ đội xung phong. Sườn núi dốc ngược, cỏ tranh rất trơn. Các chiến sĩ phải bám vào cỏ kéo theo những khẩu đại liên, súng cối. Cuộc chiến lần này diễn ra bằng lựu đạn và lưỡi lê. Trận địa khét lẹt và sặc sụa mùi bom đạn, cỏ tranh cháy, ngổn ngang xác người và những hố bom đạn. Buổi trưa, tiểu đoàn 80 đã bị tiêu hao và mệt mỏi, được lệnh rút lui. Tiểu đoàn 11 Tabo vẫn còn bám lại trên bốn mỏm núi nhưng đã mất dần sức chiến đấu.

Trước tình hình binh đoàn Lopagior đã chia làm hai bộ phận: 2 tiểu đoàn ở với sở chỉ huy Lopagior, 2 tiểu đoàn tách ra ở Nà Pá, Khâu Luông, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy cần chia cắt quân địch không để chúng yểm trợ cho nhau, và tiêu diệt. Trước hết phải diệt bộ phận ở Khâu Luông, Nà Pá. Những cán bộ, chiến sĩ đi lấy gạo đã trở về. Đội hình các đơn vị của 308 lại đầy đủ.

15 giờ chiều, bộ đội ta tiếp tục tiến công Khâu Luông. Sơn pháo, súng cối, các cỡ đạn liên thanh của ta cùng nổ dồn dập. Lần đầu, trên chiến trường Đông Dương quân địch thấy xuất hiện một hỏa lực mạnh như vậy. Tiếng kèn xung phong nổi lên. Hai tiểu đoàn 11 và 84 đồng thời đánh lên hai mỏm núi. Tiểu đoàn dù 1 đã từ Đông Khê rút về tăng cường cho tiểu đoàn 11 Tabo ở Khâu Luông ra sức chống cự. Nhân lúc trời trong, máy bay địch ném bom và bắn phá gần 3 giờ liền đẩy lùi cuộc tiến công của ta.

17 giờ 30, vừa tắt tiếng máy bay địch, pháo hỏa chuẩn bị của ta lại dồn dập trút lửa xuống tất cả trận địa địch. Trời tối, tiếng kèn xung

phong nổi lên. Những đợt xung phong hết sức quyết liệt. Chớp lửa đạn giằng giạt trên các đỉnh đồi. Không còn phân biệt được âm thanh các loại đạn. Bọn lính lê dương la hét bằng mọi thứ tiếng. Lần này, tiểu đoàn 84 chiếm mỏm núi cao nhất, khống chế được quân địch ở ba mỏm còn lại.

Tiểu đoàn 1 dù và tiểu đoàn 11 Tabo bị thiệt hại nặng sau một ngày chiến đấu. Khâu Luông đứng trước nguy cơ bị tràn ngập. Đencrốt đề nghị với Lopagior cho toàn bộ lực lượng rút chạy về Lũng Phầy trước khi quá muộn. Lopagior không dám quyết định, chuyển đề nghị này về Lạng Sơn, Côngxtăng buộc phải chấp thuận với điều kiện binh đoàn Lopagior vẫn phải hoàn tất nhiệm vụ đón binh đoàn Sác tông rút về an toàn (!).

Nửa đêm, tiểu đoàn Tabo còn khoảng 1 đại đội, bắt đầu rời Khâu Luông. Tối Trọc Ngà, chúng bị những loạt đạn của các chiến sĩ quân báo ta từ trong rừng bắn ra. Tường rơi vào ổ phụt kích, những tên lính Tabo nổ súng loạn xạ rồi chạy quay lại với tiểu đoàn 1 dù đi phía sau. Viên quan tư chỉ huy tiểu đoàn dù Xocrêtanh (*Secrétain*) quyết định đưa tất cả, cùng với những cáng thương binh, luồn rừng đi về điểm cao 765, nơi Lopagior đang trú quân. Mỗi giờ chúng chỉ đi được vài trăm mét. 1 giờ chiều, chúng mới tới điểm cao 765, kiệt sức vì đói, khát và ba ngày chưa được ngủ.

Trước thất bại của các tiểu đoàn dù và Tabo trong ngày 3 tháng 10, Lopagior quyết định không đi tiếp lên phía bắc, mà chỉ đưa toàn bộ lực lượng do mình chỉ huy nhích dần về phía Cốc Xá, gần với điểm hội quân đã được quy định là dãy điểm cao 477, nơi có con đường chạy về Thất Khê.

14 giờ, Lopagior ra lệnh hành quân. Đêm 4 tháng 10, binh đoàn đến vùng rừng núi Cốc Xá trong tình trạng rệu rã. Tiểu đoàn 1 dù bị rút lại, phải hành quân thâu đêm, và chỉ tới Cốc Xá vào trưa hôm sau.

Qua tin tức thu thập được của địch, chúng ta đã biết Sác tông sẽ rút khỏi Cao Bằng. Từ đầu chiến dịch, cơ quan tham mưu chiến dịch đã bố trí một tổ điện đài nằm gần thị xã theo dõi mọi động tĩnh của địch. Nhưng vẫn thừa có tin tức từ Cao Bằng. Tôi rất sốt ruột. Trưa

ngày 4 tháng 10 năm 1950, bỗng nhận được báo cáo của bộ đội địa phương Cao Bằng qua điện thoại: Sáng ngày 3 tháng 10, Sác tông đã đưa quân rút về phía nam, đến cây số 21, chúng bỏ đường số 4 đi theo đường rừng! Tính ra Sác tông đã rời Cao Bằng được 36 giờ! Sau này, hỏi đồng chí cán bộ được trao nhiệm vụ ở lại phụ trách tổ điện đài, mới biết ta bị địch đánh lừa! Suốt các đêm 3 và 4, đèn điện ở thị xã vẫn sáng, điện đài của địch tiếp tục hoạt động bình thường. Bộ đội địa phương nhìn thấy quân địch rút trên đường số 4, không có điện đài, phải về trạm bưu điện báo tin nên chậm thời gian.

Bộ chỉ huy lập tức ra lệnh cho trung đoàn 209 cấp tốc hành quân lên Quang Liệt làm chậm bước tiến cánh quân Sác tông, và hạ lệnh cho đại đoàn 308 tranh thủ thời gian tiêu diệt binh đoàn Lopagior đã dồn cả vào Cốc Xá trước khi cánh quân Cao Bằng về tới nơi. Tiêu diệt binh đoàn Lopagior xong, sẽ chuyển sang tiêu diệt binh đoàn Sác tông. Đại đoàn 308 được tăng cường thêm 1 tiểu đoàn của 209.

Cũng lúc này, trinh sát kỹ thuật của Bộ báo cáo tin tức thu được qua vô tuyến điện, Sác tông và Lopagior hẹn gặp nhau ở "phía tây núi đá vôi" (*Ouest calcaire*) trên điểm cao 477.

Chúng tôi chụm đầu trên bản đồ. "Núi đá vôi" chắc là Cốc Xá rồi! Còn 477! Nó đây rồi! Rất gần với Cốc Xá, và đúng là ở phía tây.

Tôi gọi điện cho đồng chí Hồng Sơn, trung đoàn trưởng 36. Trung đoàn đã có mặt ở Khâu Luông, ngọn núi cao nhất khu vực này.

— Anh đang ở đâu đấy?

— Thưa anh, tôi đang ở 765, trước Cốc Xá.

— Chỗ anh có nhìn thấy điểm cao 477 không?

— Đúng ở đây có thể nhìn thấy nhiều điểm cao chung quanh. Nhưng báo cáo anh, tôi không đem theo bản đồ.

— Nhìn trong bản đồ thì 477 nằm ở phía tây Cốc Xá, khoảng 3 kilômét...

— Phía đó có một dãy núi đất, bên trên khá đông lính Pháp, chân núi có đường mòn đi về Thất Khê.

— Như vậy là đúng rồi. Anh quan sát kỹ địa hình rồi báo cáo với tôi ngay.

Lát sau, Hồng Sơn cho biết đó là một dãy núi đất trên đỉnh toàn cỏ tranh, nhìn xa giống như núi trọc, nhưng dưới chân núi có rất nhiều cây to và rậm.

Bộ chỉ huy chỉ thị tiếp cho 308: "Ngăn không cho Lopagior từ Cốc Xá sang 477 để hội quân với Sác tông!".

Binh đoàn Lopagior đã bị một đòn chí mạng ở Khâu Luông sẽ khó gượng dậy trong những ngày sắp tới.

4

Binh đoàn Sác tông rời thị xã Cao Bằng vào 5 giờ 30 sáng ngày 3 tháng 10 năm 1950.

Khác với Lopagior chỉ được thông báo nhiệm vụ vào giờ phút cuối cùng, Alétxăngđrê tới Cao Bằng đã nói với Sác tông mọi ý đồ của Cácpăngchiê về cuộc hành binh Têredơ. Lực lượng Pháp ở Cao Bằng phải rút thật bất ngờ và nhanh chóng để tránh mọi rủi ro. Theo kế hoạch, chỉ sau một đêm hành quân, Sác tông sẽ gặp Lopagior cách Cao Bằng 35 kilômét, rồi cùng kéo về Thất Khê. Nhưng Sác tông đã thực hiện cuộc rút quân theo ý của mình.

Sác tông rất lo những trận phục kích trên dọc đường số 4 hiểm trở, từ lâu những đoàn quân xa Pháp không dám qua lại. Để phòng ngừa mọi bất trắc, Sác tông đưa một tiểu đoàn đi trước chiếm những mỏm núi cao, sục sạo hai bên ven đường tạo một hành lang an toàn cho cả binh đoàn vượt qua từng chặng theo kiểu sâu đo. Với kiểu hành quân này, cả ngày đầu đoàn quân chỉ đi được 17 kilômét.

Sáng ngày 4 tháng 10, Sác tông nhận điện của Côngxtăng ra lệnh bỏ ngay đường số 4, chuyển sang đường mòn Quang Liệt ở phía tây, và chiều ngày 4, phải có mặt ở Lũng Phầy. Tại đây sẽ được quân Lopagior trên các điểm cao 760, 765 bảo vệ.

Sáctông buộc phải bỏ lại pháo, đạn đại bác, và toàn bộ xe cộ trên đường số 4. Con đường mòn in hình rõ nét trên bản đồ, từ lâu không có người qua lại, nhiều quãng đã bị cây cối phủ kín. Binh lính phải phát cây mở đường, mỗi giờ chỉ đi được 300 mét. Mặc dù Côngxtăng luôn luôn thúc giục, nhưng ngày hôm đó, đoàn quân chỉ đi thêm được 7 kilômét.

Ngày 5 tháng 10, Sáctông tìm mãi trên bản đồ không ra cái đèo dẫn tới thung lũng Quang Liệt. Đội hình 3 tiểu đoàn và 500 người dân sự, trong đó có viên tỉnh trưởng Cao Bằng, đã kéo rất dài. Vừa tới Khâu Né, phía tây Đông Khê, thì chạm bộ đội ta. Một bộ phận của trung đoàn 209 đã kịp có mặt để làm chậm bước tiến quân địch, lập tức nổ súng. Sáctông phải bỏ đường mòn, đi vòng trên những đỉnh núi tới Tân Bể. Ở đây quân địch lại vấp phải trận địa của đại đội Tô Văn, trung đoàn 88. Một lần nữa, Sáctông phải tìm đường vòng đi tiếp. Buổi chiều, tiểu đoàn 3 Tabo đi đầu, tới Nà Lạn. Binh đoàn chỉ đi được thêm 6 kilômét. Nhưng cái đuôi còn ở mãi Pò La.

Ngày 6 tháng 10, tiểu đoàn 8 Tabo bắt đầu đặt chân lên dãy núi 477, địa điểm hội quân. Đội hình của binh đoàn kéo dài 5 kilômét. Tiểu đoàn nguy binh đi sau không có liên lạc vô tuyến với sở chỉ huy, tự động đi về phía Tân Bể, bị tiểu đoàn 18 đánh chặn, phải quay lại. Trong ngày hôm đó binh đoàn Sáctông chỉ đi thêm được 4 kilômét.

Sau bốn ngày hành quân, Sáctông mới vượt qua 45 kilômét, dù sao cũng đã tới điểm hẹn với binh lực hầu như nguyên vẹn. Nhưng Lopagior đâu? Sao y không có mặt ở đây đón mình? Sáctông không biết cách đó hai ngày, ngay khi tới Cốc Xá, Lopagior đã ra lệnh cho tiểu đoàn 1 dù tới chiếm 477, nhưng không thể vượt qua một phân đội của tiểu đoàn 18 chặn đường chúng bằng trung liên và lựu đạn, buộc phải quay lại Cốc Xá. Và cũng đã hai ngày nay, binh đoàn Lopagior bị bao vây chặt chẽ tại dãy núi đá vôi này.

5 giờ chiều ngày 6 tháng 10, lần đầu Sáctông bắt được liên lạc vô tuyến điện với Lopagior, người chỉ huy hai binh đoàn khi đã hội quân. Sáctông tưởng mình sắp thoát nạn. Nhưng người đang bị nguy khốn lúc này lại chính là Lopagior! Lopagior nói với Sáctông: "Hãy chờ tôi ở 477 và 533 !"

Chúng ta nhận định: Cả hai binh đoàn Lopagior và Sác tông đã dồn lại trong khu vực Cốc Xá và 477, gồm 5 tiểu đoàn. Lực lượng địch tuy còn đông nhưng tinh thần rất sa sút. 2 tiểu đoàn (*1è BEP, 1è Tabor*) của Lopagior ở Cốc Xá đều bị thiệt hại nặng qua các trận giao chiến, chỉ còn lẩn tránh quân ta. 3 tiểu đoàn (*3è Tabor, 3è REI*, tiểu đoàn ngự) của Sác tông ở 477 tuy chưa bị tổn thất, nhưng mệt mỏi nhiều sau những ngày lún lách trong rừng sâu, chỉ còn nghĩ tới chuyện nhanh chóng rút lui. Chúng đều ở trong thế bị bao vây.

Bộ đội ta đã vận động đánh địch liên tục sáu ngày đêm, thiếu ngủ, cũng rất mệt mỏi, nhưng tinh thần phấn chấn vì đang ở thế thắng, nhiều đơn vị, chiến sĩ còn chưa có cơ hội gặp địch, khao khát lập công.

Thời tiết đang chuyển xấu, mưa và sương mù nhiều hạn chế hoạt động không quân địch, có lợi cho ta.

Sở chỉ huy cũng trải qua nhiều ngày căng thẳng vì phải bám sát tình hình mặt trận biến động từng giờ. Phái viên đi về không kể ngày đêm. Tuy không thể so với sự vất vả của những người đang trực tiếp đánh nhau với quân địch, nhưng ai nấy mắt đều sâu trũng vì thiếu ngủ, có những đồng khí giọng khản đặc vì hò hét nhiều qua máy điện thoại.

Có ý kiến nên cho bộ đội nghỉ một ngày lấy lại sức trước trận quyết định. Bác nói: "Sao lại nghỉ lúc này! Mình mệt một thì địch mệt mười, chạy thi gần tới đích sao lại nghỉ!".

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển phần lớn lực lượng sang bao vây địch ở 477, để lại một bộ phận ở Cốc Xá nhanh chóng kết liễu số phận của binh đoàn Lopagior.

Thế trận của bộ đội ta đã hình thành, trải dài từ Quang Liệt tới Thất Khê. Phía bắc, 2 tiểu đoàn của 209 từ Quang Liệt áp xuống. Phía nam, trung đoàn 174 đã tiến lên Cốc Tồn — Khâu Pia cắt đứt đường về của quân địch. Vòng vây của 308 đang nhanh chóng siết chặt chung quanh Cốc Xá và 477.

Bác viết một lá thư ngắn cho bộ đội: "*Hiện nay tình hình rất có lợi cho ta. Vậy các chiến sĩ phải quyết tâm tiêu diệt địch cho kỳ hết để giành lấy toàn thắng*".

Tất cả lực lượng chiến dịch đã được huy động vào những trận đánh quyết định. Trong cuộc chạy đua giữa rừng rậm và núi đá tai mèo, nếu địch có buổi sáng chỉ đi được 300 mét, thì bộ đội ta cũng có đêm chỉ đi được 1 kilômét. Chúng ta thường chỉ tới đích trước quân địch một, hai giờ. Nhiều đơn vị vừa hành quân vừa tổ chức chiến đấu, vừa đi vừa ăn, vừa đi vừa ngủ, vừa hành quân vừa tìm đường, tìm địch. Không chỉ có những chiến sĩ cầm súng tham gia cuộc chạy đua. Sau lưng họ còn có những đoàn rất dài anh nuôi, dân công đuổi theo tiếp tế cơm nước và đạn dược. Trong những đoàn này cũng có đôi ba người mang vũ khí để phòng gặp địch, gặp những tàn quân rải rác trong rừng. Anh nuôi là những chiến sĩ địch vận đã lập nhiều thành tích. Họ giơ cao những nắm cơm trong khi đi trên dọc đường rừng để dụ những tên địch đói khát ra hàng. Những nắm cơm đã có tác dụng hơn những lời kêu gọi, giải thích.

Trước trận Cốc Xá và 477, tôi viết bản nhật lệnh truyền tới bộ đội qua đường dây điện thoại:

"Đêm qua trời mưa, các đồng chí ướt, nhưng lửa của người chiến sĩ vệ quốc, của người chiến sĩ cách mạng luôn hun nấu tinh thần xung phong của các đồng chí."

Quân địch chắc đói rét hơn ta, bị thương và chết rất nhiều, chúng lại chỉ có tinh thần một lũ bại binh xâm lược cho nên ta phải cố lên nữa, tiêu diệt cho thật nhiều địch. Mưa, mù càng có lợi cho ta."

Phía nam, có bộ đội của ta sau khi tiêu diệt liên tiếp mấy đồn địch đã gấp rút tiến lên ngang Thất Khê để phối hợp tác chiến."

Các đồng chí tiến lên!"

Cốc Xá cách tây — nam Đông Khê 6 kilômét, là một khu vực địa hình rất hiểm trở, có thung lũng, lòng chảo với núi đá vôi dốc đứng bao quanh. 2 tiểu đoàn của Lopagior cùng với bộ phận tàn binh từ

Khâu Luông chạy về, dựa vào một số hang làm nơi trú ẩn, và lợi dụng những hẻm núi, mỏm đá bố trí một khu phòng thủ với hỏa lực nhiều tầng. Từ dãy núi đá đi xuống thung lũng Cốc Xá chỉ có một con đường duy nhất nằm giữa hẻm núi giống như hình lưỡi kiếm. Đầu con đường là điểm cao 765. Ngày 3 tháng 10, Lopagior đã đứng chân ở đây, nhưng khi chuyển vào khu vực núi đá, y đã quên để lại một lực lượng bảo vệ điểm cao này. Một phân đội của 308 đã nhanh chóng chiếm ngay điểm cao bí kín con đường chạy xuống thung lũng.

Những đơn vị của 308 và 209 từ đường số 4 đổ về Cốc Xá. Với tinh thần sớm có mặt ở trận địa, nhiều chiến sĩ cứ nhằm hướng máy bay địch đang thả dù tiếp tế rồi phát bụi, chặt cây mở đường mà đi. Các trung đoàn trưởng thấy đơn vị nào, chiến sĩ nào tới là xếp vào đội hình chiến đấu ngay. Ba cánh quân đã nhanh chóng hình thành siết chặt vòng vây chung quanh Cốc Xá.

Theo kế hoạch dự kiến, 308 sẽ dùng toàn bộ lực lượng 3 trung đoàn tiến công tiêu diệt Cốc Xá. Nhưng binh đoàn Sác tông đã về tới 477, phần lớn lực lượng được chuyển sang phía đó. Trước giờ tiến công, ở Cốc Xá chỉ còn lại 3 tiểu đoàn. Trung đoàn trưởng Hồng Sơn được trao nhiệm vụ chỉ huy các đơn vị này ngăn chặn không cho quân địch chạy sang 477, và nhanh chóng tiêu diệt chúng tại chỗ.

Hồng Sơn quyết định sử dụng tiểu đoàn 11 tiến công chính diện cắt đứt con đường độc đạo dẫn sang 477, tiểu đoàn 154 của 209 sẽ đánh xuống từ hướng bắc. Riêng tiểu đoàn 89 của 36, do tiểu đoàn trưởng Sơn Mã chỉ huy, tiến công từ hướng đông – nam, sẽ dùng một đại đội leo qua những đỉnh núi đánh từ trên xuống đúng khu trung tâm của quân địch. Tối ngày 5, các tiểu đoàn chiếm lĩnh trận địa ban đêm, và sẽ nổ súng vào 5 giờ sáng 6 tháng 10.

Cũng chính đêm đó, Lopagior quyết định bỏ tất cả thương binh lại Cốc Xá với hai bác sĩ, toàn bộ lực lượng mở một con đường máu tiến sang 477.

Suốt đêm ngày 5 tháng 10, tiểu đoàn 1 dù bốn lần mở đường tiến ra đều bị tiểu đoàn 11 đánh bật trở lại, thương vong rất nhiều.

Sáng ngày 6, lợi dụng sương mù còn dày đặc, tiểu đoàn dù lặng lẽ dẫn đầu cả binh đoàn đi trên con đường nhỏ hẹp gồ ghề tiến xuống thung lũng Cốc Xá. Bất thần phía trước từ trong sương mù, đạn trung liên và lựu đạn trút về phía chúng. Tất cả đoàn quân bị đẩy lui về phía trong. Tiểu đoàn 11 của ta tiến vào nhưng không thể phát triển nhanh vì đường hẹp và quân địch nấp sau những mỏm đá bắn ra dữ dội.

Phía trong bỗng xuất hiện những chớp lửa cùng với những tiếng nổ. Đại đội 395 của tiểu đoàn 89 đã từ trên đỉnh núi liên tiếp lao những trái đạn cối 60 và lựu đạn xuống giữa đội hình tiểu đoàn 1 Tabo đang tập trung đông đặc bên dưới. Quân địch trở nên cực kỳ rối loạn.

Lính Ma rốc bỏ hàng ngũ chạy ra nắm dây leo và bám những búi cây bên thành vách đá phía bắc tụt xuống thung lũng. Tiểu đoàn 154 của ta đang chờ chúng ở đây.

Lopagior hạ lệnh cho tất cả chạy ào về phía trước, trên con đường độc đạo tiểu đoàn 11 đang tiến vào. Hơn mười khẩu trung liên của tiểu đoàn 11 nhả đạn liên hồi. Địch chết và bị thương rất nhiều, nhưng chúng vẫn không ngừng lao ra vì phía trong còn ghê rợn hơn. Lopagior cũng trà trộn trong số quân cùng đường này.

Buổi trưa, những binh lính sống sót của binh đoàn Lopagior lần lượt đến 477 trong tình trạng thê thảm. Lopagior điểm lại hàng ngũ. Chỉ còn 650 trong tổng số 2.500 người của binh đoàn. Riêng tiểu đoàn 1 dù còn 9 sĩ quan và 121 binh lính.

Cũng từ 6 giờ sáng ngày 6 tháng 10, tất cả các vị trí của Sác tông tại 477 đều bị tiến công.

477 là một dãy núi đất gồm 5 mỏm nằm cách Cốc Xá 3 kilômét về phía tây và cách Thất Khê 20 kilômét về phía tây — bắc. ở đây có con đường đi về Bản Ca xuôi xuống Thất Khê.

Lực lượng đánh 477 của ta có 5 tiểu đoàn, các tiểu đoàn 23, 18, 29 của 308 và 130, 166 của trung đoàn 209. Sáng ngày 6 tháng 10, 2 đại đội của ta đã nhanh chóng làm chủ 3 mỏm đồi, trong đó có điểm cao 500 nằm trên con đường chạy về Thất Khê, hy vọng cuối cùng của cả Sác tông và Lopagior. Sác tông đốc thúc binh lính với sự yểm trợ của 6

máy bay khu trục, cố giành lại những điểm cao đã mất, nhưng tới buổi trưa chỉ chiếm được hai mỏm, riêng điểm cao 500 vẫn nằm trong tay đại đội 261 của tiểu đoàn 18. Sác tông đang bối rối thì đám tàn quân của Lopagior từ Cốc Xá kéo sang, mang tới cho binh lính ở đây nỗi khiếp đảm. Tiểu đoàn 1 dù lừng danh cùng với cả binh đoàn Lopagior đã coi như bị xóa sổ!

Sác tông đề nghị Lạng Sơn cho nhảy dù ngay xuống Bản Ca 1 tiểu đoàn để mở đường về Thất Khê. Nhưng Côngxtăng chỉ nhắc đi nhắc lại lối thoát duy nhất lúc này là luồn rừng về phía tây, rồi lợi dụng đêm tối lao nhanh xuống phía nam, tới cho được Na Cao, nơi Labôm (*De Labaume*) đang chờ. Sáng hôm đó, Côngxtăng đã vét được 4 đại đội trao cho viên quan tư Labôm chỉ huy, với mệnh lệnh đi về phía tây Lũng Phầy tới điểm cao 515 và Na Cao bảo vệ sườn cho đoàn quân rút lui. Y biết ném một tiểu đoàn dù xuống Bản Ca lúc này chỉ là nướng quân vô ích!

4 giờ chiều, điểm cao 477 bỗng trở nên rối loạn. Binh lính tiểu đoàn 8 Tabo tương đối phương sắp tiến công, tự động bỏ vị trí chạy về đồi Yên Ngựa, nơi có tiểu đoàn 3 lê dương.

Sác tông biết tình hình đã trở nên tuyệt vọng. Bây giờ chỉ còn cách tự cứu. Y thu thập khoảng vài trăm binh lính lạng lẽ rời 477, đi luồn rừng để tránh những vị trí của ta. Với lực lượng này, y hy vọng khi cần có thể mở một con đường máu chạy về Na Cao. Nhưng khi y quay lại nhìn thì phần lớn binh lính đã bỏ trốn. Sác tông cùng với những sĩ quan tham mưu và một số binh lính còn lại phải đối chiếu bản đồ, theo đường rừng đi về phía nam.

Nhưng tới đâu y cũng thấy có người. Phần lớn là những anh cấp dưỡng, những chị dân công. Một số người có đem theo súng. Sự lo ngại của y không thừa. Một cô dân công chợt nhìn thấy dấu giày. Cô gọi các anh cấp dưỡng, và bảo giờ cơm nắm lên gọi hàng. Nhưng hai anh cấp dưỡng đã hăng hái cầm súng lao lên rừng. Một loạt đạn từ trong rừng bắn ra. Hai anh cấp dưỡng lùi lại và gọi những người khác tới vừa dàn trận bao vây, vừa chạy đi gọi bộ đội. Nghe tiếng súng nổ, một tiểu đội của đại đội 263, tiểu đoàn 18, trung đoàn 102 (đang phối thuộc với 88) ở Bản Ca vội vã lao tới, đánh thốc lên rừng.

Phía trên có người nói tiếng Việt lơ lơ: "Đừng bắn nữa! Chúng tôi xin hàng". Một viên sĩ quan đeo kính trắng nhô ra khỏi gốc cây, giơ cao hai tay trên đầu, nói: :

— Trên đó có "ông Năm"

— Lopagior phải không!

— Thưa ông không, ông Sác tông.

Khi bộ đội ta chạy lên thì thấy vũ khí, đạn dược đã xếp đống. Sác tông đứng giữa những viên sĩ quan, mặt vàng, đôi môi khô trắng. Y nói:

— Chúng tôi không muốn đổ máu vô ích. Tôi bị thương.

Trong số những người bị bắt có cả Hai Thu, viên tỉnh trưởng Cao Bằng.

Từ 13 giờ, Lopagior mất liên lạc vô tuyến điện với Sác tông. Y tập hợp chỉ huy các tiểu đoàn tuyên bố chờ khi trời tối, từng người hãy tìm cách chạy về Thất Khê. Lopagior chọn một số tùy tùng cùng đi với mình. Y đã qua một đêm hãi hùng giữa rừng. Đi tới đâu cũng nghe tiếng súng nổ. Trong bóng tối lúc nào cũng như có người sắp lao tới chop lấy cổ mình. Khi trời sáng, Lopagior nghĩ ra một lối thoát thân khôn ngoan bằng cách đi trên những đỉnh núi. Từng nửa giờ, y lại liên lạc với Đờ Labôm. Lopagior đã lọt qua "cái đó" của ta ở Bản Ca. Sáng ngày 8, nhìn trên bản đồ, y chỉ còn cách Labôm vài kilômét. Tiếng súng của quân Labôm rất gần. Nhưng giữa lúc đó thì tên nguy binh mang điện đài biến mất. Y đoán nó đã nộp mình cho đối phương, và tai họa sẽ ập tới. Bỗng chung quanh có tiếng người lao xao. Những tên lính Tabo nhón nhác nhìn nhau. Một viên sĩ quan liên lạc leo lên cây quan sát rồi hốt hoảng tụt xuống nói: "Bị vây rồi, xung quanh rất đông!".

Lopagior ra lệnh:

— Đánh mở đường sang 515!

Nhưng tất cả sĩ quan và binh lính đi theo y không ai nhúc nhích. Y nghĩ "Thế là hết".

Đại đội trưởng Trần Đăng Khiêm, chỉ huy một đại đội của 88, đang đứng bên một hàng binh Pháp, hướng dẫn cho y gọi các sĩ quan

và binh lính Pháp còn lẩn trốn trong rừng ra hàng, thì chợt nhìn thấy một viên sĩ quan Pháp nhô ra khỏi rừng, khum tay làm loa, nói to:

— Chúng tôi muốn gặp ông chỉ huy!

— Hãy xuống đây. — Khiêm đáp.

Viên sĩ quan đi xuống. Y đeo lon đại úy. Y giơ tay chào, rồi đưa cho anh một quyển sổ:

— Thưa ông, đây là sổ nhân sự của binh đoàn Baya, và đề nghị ông nhận sự đầu hàng của đại tá Lopagior.

Khiêm đi theo viên đại úy lên rừng cùng với mấy chiến sĩ.

Anh nói với Lopagior và các sĩ quan:

— Tôi chấp nhận sự đầu hàng của đại tá Lopagior. Tất cả bỏ vũ khí!

Lopagior đưa nộp khẩu súng ngắn và nói:

— Tôi và các người của tôi ở đây, từ giờ dưới quyền chỉ huy của ông. Ông đại úy ạ, tôi tin rằng ông sẽ được thăng chức thiếu tá.

— Ông Sác tông và cơ quan chỉ huy đã tới đây từ chiều hôm qua.

Lopagior quay lại nhìn các sĩ quan Pháp thở dài rồi nói:

— Sác tông lại gặp chúng ta ở nơi mà chúng ta không muốn tới!

Sáng ngày 8 tháng 10, cả hai binh đoàn Lopagior và Sác tông đã hoàn toàn bị xóa sổ. Trong ngày, các đơn vị trên toàn mặt trận nhận được thư Bác. Bác viết:

“Các chú không quản nhọc mệt, đói rét, chỉ ra sức thi đua giết địch, các chú đã đánh tan đoàn quân tinh nhuệ của địch”.

...Bác và Tổng tư lệnh đã ra lệnh khao các chú một bữa thịt bò. Bác hôn tất cả các chú”.

Sau khi Lopagior và Sác tông bị bắt, Bộ chỉ huy Chiến dịch quyết định chỉ để lại một bộ phận nhỏ thu dọn chiến trường, càn quét tàn binh địch, đại bộ phận nhanh chóng chuyển xuống bao vây Thất Khê và tiêu diệt một số đồn ở ngoại vi, triệt đường rút của quân địch về phía nam. Nhiệm vụ bao vây và tiến công Thất Khê được trao cho đại đoàn 308 và hai trung đoàn 174, 209.

Ngày 7 tháng 10, Cácpăngchiê được Côngxtăng báo cáo Thất Khê đang bị đe dọa, cần tăng viện ngay 1 tiểu đoàn. Ngày 8 tháng 10, Cácpăngchiê ném tiểu đoàn 3 dù (3è BCCP) xuống Thất Khê. Tiểu đoàn này vừa chân ướt chân ráo từ chiến trường Lào về Hà Nội, quân số chỉ còn 280 người, phải bổ sung thêm một đại đội lê dương dù mới từ Angiêri sang.

Ngày 9 tháng 10, tiểu đoàn 79 của trung đoàn 102 tiêu diệt đồn Bản Ne, phía bắc Thất Khê 5 kilômét.

Buổi tối, cầu Bản Trại trên đường số 4, phía nam Thất Khê 6 kilômét bị đánh sập.

Quân của Labôm rút về cùng với tiểu đoàn dù vừa tăng viện, đưa quân số địch tại Thất Khê lên 1.500 người. Nhưng một số binh lính sống sót qua các trận Cốc Xá, 477 chạy về đã làm cho tình hình thị trấn trở nên hỗn loạn. Cácpăngchiê cho rằng những vị trí trên đường số 4 không thể đứng vững trước những cuộc tiến công của đối phương, cần tránh cho Thất Khê một thảm họa giống như Cao Bằng, ra lệnh cho Đờ Labôm rút ngay khỏi Thất Khê. Côngxtăng đưa 1 tiểu đoàn dù lê dương từ Lạng Sơn lên Na Sầm đón đoàn quân từ Thất Khê rút về.

Ngày 9 tháng 10, Bác và tôi xuống thăm trung đoàn 88, đơn vị đã bắt được Lopagior, ở Lũng Phầy. Tình hình mặt trận vẫn còn đang khẩn trương, Bác chỉ gặp một số cán bộ và ban chỉ huy trung đoàn. Ban đêm, đơn vị bố trí cho Bác và tôi một chỗ nghỉ ấm cúng trong một hốc đá. Hôm sau, được báo cáo quân Pháp đã rút khỏi Thất Khê. Tôi gọi điện thoại về sở chỉ huy ra lệnh gấp cho các đơn vị truy kích địch. Bác quay trở về sở chỉ huy, tôi đi cùng bộ đội vào Thất Khê.

Kho tàng của địch còn nguyên vẹn, chúng tỏ chúng sợ ta phát hiện nên không dám phá hủy trước khi rút. Dân chúng cho biết quân

Pháp bắt đầu rút từ sáng, nhưng những tên lính cuối cùng mới rời khỏi đây.

Tôi vào sở chỉ huy của Đờ Labôm. Tài liệu mật vút bừa bãi khắp nơi. Một cán bộ mở chiếc tủ trong phòng ăn thấy một chiếc đùi gà rán không hiểu vì sao vẫn còn nóng.

Vừa ra khỏi sở chỉ huy của địch thì nghe nhiều tiếng nổ. Một cán bộ chạy tới báo cáo kho đạn bị cháy, khuyên tôi nên rời khỏi đây ngay. Tôi nhắc anh em làm tốt việc quân quản, canh gác các kho tàng, tìm hiểu vì sao lại có vụ nổ, rồi trở về sở chỉ huy chiến dịch.

Các tiểu đoàn 322, 11, 79 của 308, tiểu đoàn 130 của 209 và toàn trung đoàn 174 đã được lệnh truy kích địch về phía Na Sầm. Khi đó chúng ta chưa biết trong ngày, quân địch đã dừng lại nhiều giờ cách Thất Khê 6 kilômét, trước cầu Bản Trại mới bị phá đêm trước, để chờ một cơ hội tiêu diệt sinh lực địch.

Hàng ngàn binh lính của Labôm và dân chúng đã đồn lại ở bờ bắc sông Kỳ Cùng. Công binh Pháp chỉ có 6 chiếc xuồng nên tổ chức vượt sông rất chậm. Những đơn vị lê dương dẫn đầu, cùng quân đồn trú sau khi qua sông chỉ còn nghĩ làm sao đi cho nhanh về phía nam. Tiểu đoàn dù 3 mới tăng viện bị bỏ quên bên bờ bắc.

Những lính dù phải xoay xoả tự tìm cách qua sông. Chúng bị rút lại phía sau khá xa. 9 giờ tối, tới Đèo Khách. Binh sĩ trong đồn đã chạy theo Labôm. Tiểu đoàn bộ đội địa phương 428 đã làm chủ cứ điểm. Bị bộ đội ta chặn đánh, viên quan ba chỉ huy ra lệnh cho binh lính chạy vào rừng. Chúng lang thang suốt đêm trong rừng tre rậm rạp dưới trời mưa như trút. Chúng đi tiếp cả ngày hôm sau, mỗi lúc một bị các đơn vị lê dương đi trước bỏ xa. Khi tới đồn Lũng Vài thì các chiến sĩ 174 đã chờ ở đó. Cả tiểu đoàn, một lần nữa lại lao vào rừng. Nhưng lần này chúng không thoát vì đây là chiến trường quen thuộc của 174. Chỉ có 2 sĩ quan và 3 tên lính tiểu đoàn dù 3 chạy về tới Đồng Đăng.

Ngày 13 tháng 10, quân địch rút khỏi Na Sầm.

Ngày 17 tháng 10, địch bỏ Đồng Đăng.

4 giờ sáng ngày 18 tháng 10, địch bắt đầu rút quân khỏi Lạng Sơn. Điều này nằm ngoài dự kiến của chúng ta. Trước đó, bộ chỉ huy Pháp chưa bao giờ tính đến chuyện bỏ Lạng Sơn. Lạng Sơn là một bộ phận quan trọng trong hình chữ nhật lịch của kế hoạch Rove, tuyến phòng ngự cơ bản để bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ. Binh lực địch ở đây gồm 6 tiểu đoàn cùng với những đơn vị thiết giáp pháo binh. Lạng Sơn có địa hình hiểm trở không kém Cao Bằng, được bảo vệ rất cẩn mật, và dễ tăng viện từ đồng bằng lên khi bị tiến công.

Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho các tiểu đoàn độc lập 426, 428 và 888 truy kích địch trên dọc đường Đồng Đăng — Lạng Sơn — Lộc Bình, trung đoàn 98 tiếp cận ngay đường số 4 trên đoạn Lạng Sơn — Tiên Yên: Nhưng 98 không tới kịp vì tình hình chuyển biến quá nhanh.

Cũng trong ngày 18, địch rút khỏi Lạng Giai.

Thảm họa Cao Bằng tiếp đến tiểu đoàn 3 dù vừa được tăng cường cho Thất Khê bị tiêu diệt đã khiến cho Côngxtăng mất hết tinh thần. Là người trực tiếp điều khiển cuộc hành binh Têredo, Côngxtăng đã nghe những tiếng kêu cứu tuyệt vọng của Lopagior và Sác tông. Y biết rõ những cuộc điều binh cực kỳ mau lẹ của ta, và khả năng giáng những đòn sấm sét của "quân đoàn tác chiến Việt Minh" mới được tổ chức. Y cho rằng 18 tiểu đoàn chủ lực của đối phương trên đà thừa thắng, đang đe dọa Lạng Sơn. Côngxtăng đã đề nghị với Cácpăngchiê phải cho toàn bộ lực lượng ở Khu Biên thùy Đông Bắc rút lui khi còn có thời gian. Bức điện báo cáo của Côngxtăng đã khiến Cácpăngchiê nhận xét: "Những tin tức mà chúng ta nhận được đêm thứ bảy và sáng chủ nhật thật kinh hoàng... Đã có sự đột khởi của quân phản nghịch ở vùng Lạng Giai, trên quốc lộ 1. Đường số 4 và đường số 1 đã bị phong tỏa, người chúng ta ở Lạng Sơn đã bị nhốt cùng với tất cả pháo binh và những đại đội vận tải, có nguy cơ sa vào bẫy chuột...". Chiều ngày 16 tháng 10, Cácpăngchiê cùng bàn bạc với Pinhông và đi tới quyết định cho Côngxtăng rút khỏi Lạng Sơn từ sáng ngày 17.

Trước đà đổ vỡ của toàn bộ Khu Biên thùy và tình hình hoảng loạn của quân địch, tôi định ra lệnh cho bộ đội tiếp tục truy kích tới

Tiên Yên. Nhưng đồng chí Trần Canh góp ý kiến là không nên. Vì Tiên Yên ở xa, chiến dịch đã thành công lớn, ta cần giữ một chiến thắng trọn vẹn. Trần Canh đã chỉ huy nhiều trận đánh lớn nên có kinh nghiệm về vấn đề này.

Ngày 20 tháng 10, địch rút Lộc Bình và Đình Lập. Đình Lập là vị trí bảo vệ cho vùng bờ biển Tiên Yên.

Ngày 23 tháng 10, địch rút khỏi An Châu.

Có tin thị xã Móng Cái nằm ở nút đường số 4 bên bờ biển cũng chuẩn bị di tản.

Chỉ tháng mười ngày, từ ngày 13 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950, địch đã rút khỏi phòng tuyến dài 100 kilômét trên đường số 4 từ Đồng Đăng, Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu tới sát Tiên Yên. Sở chỉ huy Khu Biên thủy Đông Bắc đã chuyển về vùng bờ biển Tiên Yên.

Một vùng rộng lớn ở Đông Bắc không còn quân giặc. Bên kia biên giới là cả một hậu phương vô cùng rộng lớn, chạy dài từ Á sang Âu. Lúa chín vàng trên cánh đồng Thất Khê. Bộ đội giúp dân gặt lúa, cắt dây thép gai, gỡ mìn do địch để lại. Bản làng yên vui, nhộn nhịp tiếng chày giã gạo, những cô gái Tày gánh lúa từ đồng về bước chân thoăn thoắt.

Tôi từ Thất Khê trở về Nà Lạn. Bác ngỏ ý muốn gặp cán bộ, chiến sĩ 308. Đại đoàn đã chuyển về gần Thất Khê chuẩn bị làm nhiệm vụ trao trả tù binh bị thương. Dọc đường, gương mặt Người lộ vẻ vui trước không khí một vùng vừa giải phóng kẻ địch không còn hi vọng quay trở lại.

Trời tối, tới đơn vị. 308 vừa được tặng thưởng huân chương Quân công hạng nhì. Anh Vương Thừa Vũ chuẩn bị đón Chủ tịch nước theo đúng nghi thức. Các chiến sĩ quân phục tề chỉnh xếp thành ba khối trên bãi cỏ rộng, đứng chờ Bác từ phía đường cái đi vào. Bác bảo người dẫn đường đi vòng ra sau, rồi từ trong núi đi ra. Những người đứng phía trong nhìn thấy Bác trước, bất thần cất tiếng hoan hô. Những người đứng phía ngoài nhón nhác quay lại khi nhìn thấy Bác cũng hoan hô vang dậy. Các chiến sĩ vẫy mũ, tung mũ, đặt mũ trên đầu súng giơ cao quay tròn để mong Bác nhìn thấy. Bác đi tới đâu tiếng hò reo như sấm tới đó. Những chiến sĩ đứng sau cổ

nhảy lên để được nhìn rõ Bác. Nghi thức đón tiếp bị phá vỡ. Đồng chí đại đoàn trưởng đành đi tới chào Bác, và mời Bác tới chỗ đã được bố trí để Bác đứng nói chuyện. Bác mỉm cười lắc đầu, đi thẳng xuống giữa bãi cỏ, rồi ra hiệu cho bộ đội đứng thành vòng tròn chung quanh. Tiếng cười, tiếng hò reo từng đợt, từng đợt lại nổi lên. Bác ra hiệu mọi người ngồi xuống, rồi bắt đầu nói chuyện.

Bác thay mặt Đảng và Chính phủ khen ngợi đại đoàn đã chấp hành mệnh lệnh tốt, vượt nhiều khó khăn, chiến đấu dũng cảm, chiến đấu tốt.

Bác đi đi lại lại giữa vòng người, hỏi chiến sĩ này vì sao ta thắng to? hỏi chiến sĩ khác "Có chấp hành các chính sách không? có giữ vệ sinh không?"... Mỗi câu trả lời của chiến sĩ là một tràng cười rộ lên.

Bác trao cho đại đoàn trưởng một gói quà nhỏ có những ngôi sao đỏ để tặng cho cán bộ, chiến sĩ xuất sắc.

Trung đoàn trưởng Thái Dũng, thay mặt cán bộ, chiến sĩ hứa hẹn tiếp tục chiến đấu lập công. Bác bước lại ôm hôn Thái dũng trong tiếng hò reo đầy hân hoan. Ai cũng thấy cái hôn đó Bác dành cho tất cả mọi người. Bác quay nhìn một vòng các cán bộ, chiến sĩ rồi nói:

— Bây giờ Bác bận, không thể ở lâu với các chú được. Bác chúc các chú khỏe và cố gắng. Cố gắng luôn luôn để khi Bác bảo đi là đi, Bác bảo đánh là đánh thắng!

Bộ đội tiễn Bác bằng những tiếng vỗ tay. Bác đi một quãng lại dừng, quay lại vẫy tay. Khi Bác đi khuất, cán bộ, chiến sĩ còn đứng ngẩn ngơ hồi lâu nhìn theo.

Chúng ta mất thêm ít ngày để truy quét số tàn binh còn lẩn trốn trong rừng. Không có sự cố gì xảy ra. Khi gặp bộ đội hoặc dân công, những binh lính Âu Phi cao lớn, vẫn còn vũ khí trong tay, đều ngoan ngoãn đầu hàng. Trung đội trưởng Nguyễn Quốc Trị dẫn một toán tù binh về trại, khi điểm lại bỗng nhận thấy số người đã tăng lên gấp

ruồi! Hóa ra trên dọc đường rừng, một số binh lính còn ẩn nấu đã "bí mật" tham gia hàng ngũ tù binh. Những chiến sĩ đi bắt tàn quân đã bắt chước sáng kiến của anh nuôi, cầm một nắm cơm lên đầu cây gậy tre giờ cao thay những lời kêu gọi bằng tiếng Pháp mà họ không biết. Cử chỉ binh vận thiện chí và hòa bình này tỏ ra có nhiều sức thuyết phục.

Dọc đường rút chạy, địch không hề phá phách. Không còn thấy sự hung dữ và thái độ ngênh ngang của chúng trước đây trong những trận càn. Đòi Trần, nhân dân ta đã có lần gọi quân Nguyên Mông trên đường rút chạy là "giặc Phạt". Trung đoàn phó Vũ Lăng gặp viên quan tư Xơcrêtanh, chỉ huy tiểu đoàn 1 dù lê dương, đang nằm trên cáng thương, hỏi:

— Anh có biết chúng tôi là ai không!

Viên quan tư nhìn anh rồi lắc đầu.

— Mùa xuân năm 1949, chúng ta đã gặp nhau ở Hạ Bằng. Xơcrêtanh kêu lên một tiếng kinh ngạc, rồi giờ bai tay lên trời, nhắm mắt lại, nói:

— Thưa ông, tôi nhớ ra rồi! Vâng, tôi nhớ ra rồi!

Mùa xuân một năm trước đó, tiểu đoàn dù này đã gây cho tiểu đoàn 54 của Vũ Lăng không ít khó khăn ở Hạ Bằng.

Số tù binh rất đông, lại có nhiều người bị thương, là một gánh nặng quá lớn đối với ngành hậu cần. Bác đã chỉ thị phải cứu chữa thương bệnh binh, và không được để tù binh thiếu ăn. Trong khi đó, lương thực và thuốc men cho bộ đội ta không hề dư dật. Chúng ta đồng ý trao trả cho phía Pháp tất cả những tù binh bị thương tại Thất Khê.

Chiến sĩ công binh của ta và một số hàng binh phải làm công việc gỡ mìn trên sân bay Thất Khê cho máy bay Pháp hạ cánh. Đầu sân bay, nổi bật lên một chiếc lều căng bằng dù trắng với lá cờ đỏ sao vàng và lá cờ Hồng thập tự bay phấp phới. Tám trăm thương binh địch nằm trong những chiếc lều bạt gần sân bay. Chúng ta đã điều trị bước đầu cho những người thương binh này, với mong muốn họ

không quay trở lại cầm súng, và sẽ trở thành những người đấu tranh cho hòa bình ở Việt Nam.

Anh Cao Văn Khánh, đại đoàn phó 308, được phân công làm nhiệm vụ trao trả thương binh cho Hồng thập tự Pháp.

Trước ngày trao trả, ta tổ chức một tối lửa trại. Hầu hết thương binh địch đều có mặt. Có những thương binh nặng nằm trong lều khi nghe tiếng hát, tiếng đàn, tiếng vỗ tay và tiếng cười vui từ ngoài vọng vào, đã đề nghị các chị hộ lý khiêng cáng ra để được cùng dự cuộc vui. Quanh ngọn lửa hồng bốc cao, các chiến sĩ, bác sĩ, hộ lý, dân công hát những bài ca cách mạng với niềm tha thiết, tự hào. Thương binh hát những bài ca của quê hương mình bằng tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng một số nước châu Phi. Bất thần những tiếng "Vive Ho Chi Minh!"... "Vive Ho Chi Minh!" (Hồ Chí Minh muôn năm!) nổi lên. Tất cả đều hô theo. Rồi một thương binh ôm cánh tay cắt đứng dậy, nghẹn ngào nói: "tôi là người Đức bị Pháp bắt rồi vào lính lê dương. Năm năm rồi, tôi sống rất khổ mà không thèm khóc. Bây giờ tôi khóc vì tôi rất sung sướng. Tôi sẽ không quên buổi hôm nay... mãi mãi, nhớ đến nó tôi sẽ lại khóc. Cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh". Những tiếng "Vive Ho Chi Minh!" lại rộ lên hưởng ứng câu nói của anh thương binh Đức.

Người tới Thất Khê đón thương binh là đại tá quân y Huya (Huard). ông mặt thường phục, thái độ rất khiêm nhường. Huya gặp lại ở đây những người sinh viên cũ ở trường Đại học Y khoa Hà Nội mà ông đã từng là giảng viên. Họ đã trở thành những y bác sĩ trong Quân đội Việt Nam. Mấy năm sau đó, ông sẽ còn gặp lại họ ở Điện Biên Phủ trong một hoàn cảnh tương tự.

Một thương binh đã được khiêng ra đường bằng xin được ở lại đi chuyển sau, và đề nghị gặp ông chính trị viên đeo kính trắng. Đó là đồng chí Nguyễn Duy Liêm, phó ban địch vận của đại đoàn 308. Anh đã từng tranh luận với người thương binh này về vấn đề "dân chủ tư sản và dân chủ vô sản". Khi anh tới, người thương binh nói: "Tôi biết mình chỉ còn sống mấy ngày nữa thôi ông ạ. Suốt đời tôi sống cô đơn, chung quanh tôi chỉ là sự lừa gạt, tôi căm ghét tất cả, kể cả đàn bà đẹp. Vì thế mà tôi đi lính lê dương để bắn giết, để trả thù đời!

Đêm hôm qua, tôi không ngủ. Tôi kêu khát năm lần. Cả năm lần cô y tá đều mang nước cho tôi, vẻ mặt dịu hiền. Tôi hỏi: Tại sao cô không căm ghét tôi? Cô trả lời: "Nếu gặp anh ở mặt trận, tôi sẽ bắn anh như bắn một con chó dại. Nhưng ở đây anh là kẻ bại trận, anh đã bị thương, chúng tôi đối xử với anh như với những con người". Tôi chỉ còn sống ít ngày nữa, nhưng chính thời gian ngắn ngủi đó lại là quãng đời tốt đẹp nhất của tôi. Quân đội ông sẽ thắng quân đội Pháp. Ông hãy tự hào. Xin ông nhận lấy lời chúc tụng đầy kính trọng của một kẻ bại trận, bại trận mà sung sướng! Vĩnh biệt ông!".

Tôi thấy cần tranh thủ thời gian đi xem những vị trí địch trên đường số 4. Chúng ta sẽ còn gặp nhiều công trình phòng ngự kiểu này trong những trận đánh sắp tới. Tôi nghĩ nếu có thời gian sẽ cho các đơn vị diễn tập đánh công kiên ngay tại đây. Trong cuộc chiến tranh này, dù muốn hay không, cũng khó tránh những công trình phòng ngự ngày càng mạnh của địch.

Tại Đông Khê, tôi nhận thấy một công trình phòng ngự bằng cụm cứ điểm gây cho bộ đội những khó khăn lớn hơn rất nhiều so với đánh một cứ điểm riêng lẻ cũng có quân số tương tự. Trận đánh Đông Khê kéo dài và thương vong nhiều là do ta đã chọn hướng đột phá chủ yếu đúng vào chỗ mạnh nhất của địch. Tôi rẽ sang phía tây thăm Cốc Xá, thấy rõ những gian lao của bộ đội ta trong cuộc chiến đấu trên vùng núi đá tai mèo, và sự đại đột của Lopagior đã dẫn thân vào một "tử địa".

Những vị trí khác trên con đường cho thấy cách phòng ngự theo tuyến như thế này bộc lộ nhiều nhược điểm mà ta có thể khai thác trên cơ sở chiến tranh nhân dân phát triển.

Vị trí địch ở Đồng Đăng gây nhiều ấn tượng với tôi nhất. Công sự ở đây kiên cố hơn Đông Khê và Thất Khê nhiều. Hệ thống hỏa lực rất chặt chẽ. Tôi tự hỏi: Vì sao một vị trí như thế này mà địch lại bỏ! Nếu chúng cố thủ ở đây thì bộ đội ta sẽ gặp không ít khó khăn.

Thị xã Lạng Sơn cũng như thành phố Hải Phòng là những nơi bị quân Pháp chiếm đóng đầu tiên trên miền Bắc. Thị xã với những ngôi nhà cũ kiểu Pháp, trên đường phố có hai hàng cây phượng vĩ, vẫn như khi chưa có chiến tranh nếu địch không biến nó thành một

đồn binh. Chợ Kỳ Lừa vẫn có người họp. Thị xã đầy ắp bộ đội. Dân chúng hồ hởi. Xe ô tô vận tải của ta bật đèn pha ra vào thâu đêm chuyển vận chiến lợi phẩm ra ngoài đề phòng địch oanh tạc.

Địch vội vã bỏ chạy khỏi Lạng Sơn để lại nhiều kho tàng nguyên vẹn. Lần đầu ta tiếp quản một thị xã mới giải phóng nên khá lúng túng, nhiều thứ bị thất thoát. Theo tài liệu của Pháp thì Côngxtăng đã để lại Lạng Sơn: “1.500 tấn trang bị, 2.000 tấn quân nhu, 4.000 khẩu tiểu liên, 10.000 viên đạn pháo, 150 tấn thuốc, ước tính đủ trang bị cho 8 trung đoàn đối phương”.

Tôi nhắc hậu cần đặc biệt chú ý thu thập và bảo quản đạn pháo, chúng ta hiện rất thiếu, và bạn cũng không có nhiều để viện trợ cho ta. Số đạn pháo lấy được ở Lạng Sơn đã rất có ích cho ta sau này. Tôi cũng nói với ủy ban tiếp quản duy trì những công sự phòng thủ đề phòng địch trở lại Lạng Sơn.

Thăm Lạng Sơn xong, tôi quay lại Cao Bằng để kịp chuẩn bị hội nghị tổng kết. Đọc đường cứ tự hỏi: Vì sao quân Pháp vội vã rút lui! Chiến thắng của ta rất lớn nhưng phải chăng là do một loạt sai lầm của quân địch. Chúng chủ quan, quá coi thường lực lượng ta, khi thất bại thì chúng quá hoảng hốt. Ngày đầu chiến dịch, 1 tiểu đoàn quân địch ở Đông Khê đã cầm cự trên 50 giờ với lực lượng của ta đông hơn chúng 9 lần. Nhưng cuối chiến dịch chỉ có 5 tiểu đoàn hỗn hợp của ta, lực lượng đã sút mẻ qua mười ngày giao chiến, đã bao vây tiêu diệt 5 tiểu đoàn của địch ở 477, trong đó 4 tiểu đoàn của Sác tông lực lượng còn nguyên vẹn! Trận 477 không phải là trường hợp cá biệt. Ở Cốc Xá, 3 tiểu đoàn hỗn hợp của ta đã tiêu diệt 2 tiểu đoàn của Lopagior phòng ngự tại một địa hình núi đá hiểm trở. Trên đỉnh Trọc Ngà chỉ 1 trung đội của 88 đã đánh bại 1 đại đội Ma rốc phòng ngự, được trang bị cả đại liên và súng cối... Và nếu địch không rút Đồng Đăng, Lạng Sơn...? Chắc chắn chúng ta lại phải có một chiến dịch Lê Hồng Phong III để đẩy quân địch ra khỏi đường số 4. Sự phản ứng dây chuyền từ một chiến thắng như vừa qua mang lại cho ta bài học gì trong chiến tranh?

Trên chặng đường cuối cùng từ Đông Khê về Cao Bằng, lần đầu từ ngày đi chiến dịch, tôi bỗng cảm thấy mệt, đầu óc nặng trĩu. Nhắm

tính đã mười một đêm không ngủ, nhiều đêm ngồi trên lưng ngựa. Những ngày chiến dịch khẩn trương kéo dài suốt ba tháng đã qua. Niềm vui chiến thắng đã nhường chỗ cho một câu hỏi lớn: Sau chiến dịch này sẽ tiếp tục đánh địch ở đâu?... Chợt nghe từ một bản nhỏ bên đường vang ra những tiếng đàn. Tôi ngõ ngàng cứ như lần đầu nghe thấy những âm thanh này. Những âm thanh thật kỳ lạ. Những mệt mỏi tiêu tan, đầu óc trở nên trong suốt. Nó giống như một lần leo sườn dốc đứng ngọt ngào từ Khuôn Chu lên tới đỉnh Tam Đảo, bỗng được tắm mình trong hơi sương mát lạnh và luồng gió lành đầy sinh khí nơi non cao. Cũng từ đó tôi yêu âm nhạc. Hình như Pythagore, một nhà hiền triết Hy Lạp ở thế kỷ V trước Công nguyên, đã nói âm nhạc có khả năng thanh lọc tâm hồn con người, thậm chí tác động tốt tới cả những bệnh tật trong cơ thể con người! Phải chăng tôi đã có cơ hội nhận biết điều đó.

Tôi dừng ngựa, bàn với anh em vào bản tìm một nhà dân xin nghỉ lại đêm nay, sáng mai dậy sớm đi tiếp. Chúng tôi thu xếp xong chỗ nghỉ thì tiếng đàn đã dừng. Tôi nói với một cán bộ văn phòng đi tìm người vừa đánh đàn, và mời xem có thể mang đàn tới đây chơi một vài bài. lát sau, một chiến sĩ trẻ ôm cây guitar bước vào. Tình hình chung thời gian này không có gì khẩn trương, tôi bảo văn phòng tạm ngừng liên lạc điện đài với các nơi trong một giờ, cùng nhau ngồi nghe âm nhạc.

Trước khi về Lam Sơn, Cao Bằng, nơi sẽ họp hội nghị tổng kết, tôi rẽ sang Thủy Khẩu. Đồng chí Lý Thiên Hữu, Phó tư lệnh Quân khu Quảng tây và Đoàn cố vấn Trung Quốc cũng đang có mặt tại đây.

Suốt thời gian chiến dịch, các đồng chí lãnh đạo và nhân dân tỉnh Quảng Tây đã giúp đỡ chúng ta tận tình. Đồng chí Lý Thiên Hữu đã xuống tận Thủy Khẩu giáp biên giới Việt Nam nhiều ngày, đôn đốc việc vận chuyển gạo.

Cuộc gặp đồng chí Lý và Đoàn cố vấn sau chiến thắng được đánh dấu bằng một bữa rượu khiến tôi nhớ mãi. Tôi không uống được rượu, nhưng hôm đó đã uống một chén đầy và biết như thế nào là say rượu.

Các đơn vị tham gia chiến dịch đã tập trung về Cao Bằng để tiến hành tổng kết bước đầu. Đây là chiến dịch lịch sử lớn đầu tiên của quân đội ta, nên công việc tổng kết được đặc biệt coi trọng. Tổng quân ủy chỉ đạo tiến hành từ cơ sở trở lên. Các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp ngoài việc tổng kết công tác cơ quan mình, còn phải cử cán bộ xuống cơ sở theo dõi, chuẩn bị cho một hội nghị tổng kết lớn hơn của Bộ Tổng tư lệnh sẽ được mở tại Thái Nguyên. Bác gửi thư nhắc nhở cán bộ, chiến sĩ "triệt để lợi dụng vũ khí tốt nhất là phê bình và tự phê bình một cách dân chủ, phát triển thêm ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm để thắng to hơn nữa".

Đoàn cố vấn Trung Quốc đã có mặt ở Cao Bằng. Lần này, đồng chí Vi Quốc Thanh ở lại sở chỉ huy cùng với tôi.

Tại hội nghị, đồng chí Trần Canh đã phát biểu nêu lên những nguyên nhân thành công của chiến dịch. Đồng chí đánh giá rất cao chiến thắng Biên Giới, rút ra những bài học quan trọng, và nói nhiều về bản chất của quân đội cách mạng.

Sau hội nghị, đồng chí Trần Canh, đồng chí Vi Quốc Thanh và tôi ngồi trao đổi với nhau trên nhà sàn quanh một tấm bản đồ trải rộng.

Đồng chí Trần nói:

— Chiến dịch này, bộ đội Việt Nam tiêu diệt và bắt sống khoảng 8.000 quân địch. Điều quan trọng là trong đó có 5 tiểu đoàn Âu Phi, quân ứng chiến tinh nhuệ nhất của Pháp bị tiêu diệt gọn.

Đồng chí Trần trở ngón tay vào con đường số 3 chạy thẳng từ Cao Bằng về Hà Nội, ước lượng:

— 200 kilômét!... Quá gần!

Rồi đồng chí vạch ba vòng tròn ở trung du, phía bắc và phía nam Hà Nội, nói tiếp:

— Phải ba chiến dịch như chiến dịch Biên Giới. Thời gian khoảng một năm.

Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười.

Đồng chí Trần Canh chuẩn bị rời Việt Nam. Đồng chí nhìn tôi, nói:

— Chiến dịch đã kết thúc đại thắng lợi, nay mai Quân đội Việt Nam Nam hạ, tôi muốn mời Võ Tổng cùng qua chơi Quảng Châu mấy ngày.

— Tôi đang lo chuẩn bị phương án tác chiến mới. Mong rằng một thời gian không lâu nữa sẽ gặp đồng chí ở Bắc Kinh, chúng ta cùng đi thăm Vạn Lý Trường Thành.

Sau đó, Trần Canh sang chiến đấu ở Triều Tiên với cương vị Phó tư lệnh Chí nguyện quân Trung Quốc. Khá lâu đồng chí Trần mới trở lại Việt Nam, đến Hà Nội với những vết bỏng bom napan trên mặt. Mỗi lần có dịp qua Trung Quốc, tôi thường tới thăm gia đình đồng chí Trần.

Đồng chí để lại cho tôi ấn tượng đẹp về một soái tướng trong quân đội cách mạng "trí dũng song toàn", giàu tinh thần quốc tế và luôn luôn lạc quan, yêu đời.

Phối hợp với chiến dịch Biên Giới, các chiến trường đã đồng loạt tiến công địch. Trên hướng phối hợp Tây Bắc, từ ngày 12 tháng 9 năm 1950, các trung đoàn 165 và 148 đã chủ động đánh địch khắp nơi, buộc chúng phải bỏ thị trấn Pa Kha, Si Ma Cai, Hoàng Su Phì, Bản Tấu, Bản Phiệt dồn về thị xã Lào Cai. Ngày 2 tháng 11 năm 1950, Các-păng-chiê ra lệnh bỏ thị xã Lào Cai, rút về Than Uyên. Cửa ngõ biên giới Tây Bắc thông sang tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, được tiếp tục mở rộng.

Ở Thái Nguyên, 6 tiểu đoàn địch bị giam chân tại thị xã. Trung đoàn 246 cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích đã chủ động đánh nhiều trận tiêu hao địch. Ngày 10 tháng 10 năm 1950, địch buộc phải nhanh chóng rút khỏi Thái Nguyên.

Tại Liên khu 3, đại đoàn 304 cùng với chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích đã liên tiếp đánh địch ở Phát Diệm, Hà Nam, Hà Đông, tiêu diệt và bức rút trên 50 vị trí địch, phục kích chống càn, bắt 600 quân địch, thu nhiều vũ khí.

Bộ đội Bình — Trị — Thiên mở chiến dịch Phan Đình Phùng đột nhập thị xã Quảng Trị, đánh mìn trên đường Huế — Đà Nẵng, thực hiện tiêu hao và giam chân quân địch tại chỗ.

Liên khu 5 mở chiến dịch Hoàng Diệu. Trung đoàn 108 và bộ đội địa phương đột nhập đánh địch ở thị xã Đà Nẵng, lật đổ một đoàn tàu trên đường Đà Nẵng — Huế. Trung đoàn 803 tiến sâu vào Ninh Hòa, Khánh Hòa phát động chiến tranh du kích, diệt hàng chục tháp canh, thu hàng trăm súng các loại.

Tại Nam Bộ, để chia lửa với chiến dịch Biên Giới, Khu 7 mở chiến dịch Bến Cát ở Thủ Dầu Một, cũng gọi là chiến dịch Lê Hồng Phong, nhằm cắt đứt đường số 7 và đường liên tỉnh 14, đẩy mạnh chiến tranh du kích, mở thông đường tiếp tế về đồng bằng sông Cửu Long. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm các đồng chí Tô Ký, chỉ huy trưởng, Lê Đức Anh, tham mưu trưởng, Nguyễn Duy Hanh, chính trị viên. Đây là chiến dịch đầu tiên được tiến hành ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Sau hơn một tháng tiến hành chiến dịch, các lực lượng vũ trang ta đánh 38 trận tiến công cứ điểm, 2 trận phục kích chặn viện, 43 trận đánh cơ giới, 2 trận chống càn, 204 lần đánh quấy rối, tiêu diệt 509 tên địch, làm bị thương 155 tên, bắt sống 120, đánh sập hàng chục tháp canh, đồn bốt, 12 cầu cống, phá hủy 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, 7 thuyền máy và tàu đổ bộ, thu nhiều súng đạn, trang bị quân sự, lương thực. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy đã đánh giá: "Chiến dịch Bến Cát đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của lực lượng vũ trang Khu 7, của phong trào kháng chiến của quân và dân miền Đông Nam Bộ hòa nhịp với cuộc kháng chiến trên chiến trường cả nước"³.

Khu 8 mở chiến dịch Cầu Ngang ở Trà Vinh, diệt hàng chục tháp canh, lô cốt, nhận chìm 16 tàu thuyền trên sông Vàm Cỏ Đông, phá đường 1 bis và đường 13, giao thông có lúc tắc nghẽn ba ngày liền. Tại xã Long Sơn, bộ đội chặn đánh 2 tiểu đoàn địch đi tăng viện, diệt và làm bị thương 200 tên. Các tỉnh trong khu cũng đánh 93 trận lớn nhỏ, diệt 12 tháp canh, làm chết và bị thương hơn 500 quân địch, thu gần 500 súng.

Quân và dân Khu 9 đánh mạnh ở Long Châu, diệt 30 tháp canh và 180 địch. Ta còn phá kế hoạch lập ngục quyền, ngục quân ở các vùng Hòa Hảo, Cao Đài.

Ở Lào, Liên quân Lào — Việt tiến công vị trí Sầm Tó.

Những hoạt động đều khắp trên các chiến trường đã ghìm chân quân địch ở mọi nơi. Trong mùa Đông năm 1950, bảy tiểu đoàn dù của đội quân viễn chinh, từ cuối tháng Chín, đã được rải ra khắp bốn phương tại Đông Dương: “Tiểu đoàn 1 đi với binh đoàn Lopagior, tiểu đoàn 2 lê dương dù ở Pa Kha, tiểu đoàn 10 dù thuộc địa tăng cường cho Phát Diệm, tiểu đoàn 3 dù thuộc địa ở Lào chỉ trở về Hà Nội vào ngày 5 tháng 10 lại được tức tốc đưa lên Thất Khê và bị tiêu diệt; sau một tháng mệt mỏi vì những cuộc hành binh cảnh sát, tiểu đoàn dù 6 thuộc địa ở Trung Bộ, tiểu đoàn dù 1 thuộc địa ở Nam Bộ, và cuối cùng tiểu đoàn dù 7 thuộc địa đều được đưa về Hà Nội ngày 28 tháng 9 để chiếm thị xã Thái Nguyên. Tổng chỉ huy không còn một lực lượng dự bị nào để đưa lên đường số 4 nếu cuộc chiến đấu chuyển sang hướng xấu”⁴.

Riêng tại chiến dịch Biên Giới, ta đã diệt và bắt trên 8.000 quân địch, gồm 8 tiểu đoàn Âu Phi tinh nhuệ, và 2 tiểu đoàn ngục. Số đơn vị Âu Phi bị diệt chiếm 55% lực lượng cơ động trên chiến trường Bắc Bộ, tức 41% lực lượng cơ động trên toàn chiến trường Đông Dương.

Trên hướng Đông Bắc, ta đã hoàn toàn làm chủ 200 kilômét đường số 4, gấp ba độ dài dự kiến trong kế hoạch, mở thông đường giao thông quốc tế ở hướng quan trọng này, đồng thời mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Ta đã giải phóng 17 thị trấn, 5 thị xã ít nhiều có tầm quan trọng về chiến lược, là: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Thái Nguyên, Hòa Bình. Riêng trên vùng núi Bắc Bộ, với việc tiêu diệt và bức rút 110 vị trí lớn, nhỏ, ta đã giải phóng hai phần ba biên giới Việt — Trung với trên 4.000 kilômét vuông.

Từ ngày đầu chiến tranh, trường học lớn, trường học đích thực của bộ đội ta, là chiến trường. Chiến dịch nào cũng kết thúc bằng một cuộc tổng kết. Chiến dịch lần này phát triển khá thuận lợi. Đã xuất hiện ở nhiều cán bộ, chiến sĩ tư tưởng đánh địch quá dễ, tự bằng lòng. Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo công tác tổng kết chiến dịch phải tiến hành thật nghiêm túc, làm thật kỹ từ đại đội trở lên.

Ngày 27 tháng 11 năm 1950, Hội nghị tổng kết chiến dịch Biên Giới được tổ chức tại Chợ Đồn, Thái Nguyên. Những đơn vị đã tham dự chiến dịch trên mặt trận chính, các mặt trận phối hợp ở miền Bắc đều về dự đông đủ. Chúng ta còn mời thêm hai đại biểu từ Liên khu 5 và Bình Trị Thiên ra, đồng chí Nguyễn Chánh và đồng chí Trần Quý Hai.

Mọi người gặp nhau rất phấn khởi. Sau những trận mưa dầm dề, thời tiết Việt Bắc đã trở lại khô ráo. Nhiều cán bộ xúng xính chiếc *veste canadienne* xanh rêu láng bóng, đi giày da, đeo súng Mỹ thu được từ những kho chiến lợi phẩm còn nguyên vẹn. Mùa đông lạnh lẽo của chiến tranh đã qua. Núi rừng Việt Bắc sạch bóng quân thù. Chân trời mở ra phía trước với những cánh đồng thẳng cánh cò bay. Hà Nội đã hiện lên không còn xa.

Đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh thay mặt Đảng khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ và đồng bào trên các mặt trận đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, riêng các chiến sĩ ở mặt trận Cao Bắc Lạng đã làm vượt mức "chiếm giải quán quân trong phong trào thi đua giết giặc lập công". Về nguyên nhân thắng lợi, đồng chí chỉ rõ: Đó là do quân dân nhất trí, trên dưới một lòng. Bộ đội anh dũng hy sinh giết giặc. Nhân dân ta hăng hái phục vụ bộ đội, tham gia chiến tranh. Ta có chiến lược, chiến thuật đúng, lại được Trung ương trực tiếp chỉ huy chiến dịch, Hồ Chủ Tịch ra tiền tuyến lãnh đạo động viên tinh thần, đồng thời ta được nhân dân nước bạn tận tâm giúp đỡ".

Những tràng pháo tay nổi lên không ngớt khi Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện. Bác đã có mặt ở biên giới từ trước ngày mở chiến dịch. Người cùng đi với dân công, thanh niên xung phong. Người tìm hiểu tâm tư cán bộ, chiến sĩ trước trận đánh. Người ở sở chỉ huy chiến dịch, lên đài quan sát, theo dõi từng giờ những diễn biến của

mặt trận, và có những quyết định, chỉ thị kịp thời. Trong suốt chiến dịch, với những lời hiệu triệu, những bức thư ngắn gửi bộ đội, đồng bào, mọi người lúc nào cũng như thấy Bác ở bên. Sau chiến thắng, Bác đi thăm thương binh, thăm bộ đội, gặp cả Lopagior, Sác tông trong bộ quần áo cải trang, chuyện trò để tìm hiểu tâm trạng của những viên chỉ huy thất trận...

Bác chính là linh hồn của chiến dịch, linh hồn của chiến thắng.

Bác đã có một bài phát biểu rất quan trọng với hội nghị.

“...Chiến dịch này có nhiều kinh nghiệm, tốt xấu đều có cần phải tổng kết, phổ biến và học tập. Tóm lại có mấy điểm chính:

Trung ương lãnh đạo sáng suốt. Các cấp địa phương chỉ đạo đúng đắn. Các cơ quan quân, dân, chính đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, hành động nhất trí.

Chiến sĩ ta rất hăng hái, anh dũng. Những gương chặt nốt tay bị thương cho dễ xung phong, ôm thuốc nổ nhảy vào công sự địch, nhịn đói ba, bốn ngày vẫn cứ hăng, tích cực và quả cảm chiến đấu, v.v... đã tỏ rõ điều đó.

Nhân dân ta rất tốt. Chưa bao giờ có những đoàn phụ nữ Kinh, Mán, Thổ, Nùng, v.v... đi tiếp tế vận tải đông đảo như vậy. Khó nhọc, khổ sở, nguy hiểm, mà vẫn hăng hái, vui vẻ, dũng cảm. Thật là đáng khâm phục...

Giặc chủ quan, khinh địch, không ngờ ta mạnh như vậy và tiến bộ nhanh như vậy, nên chúng hớ hênh không đề phòng cẩn thận.

...Chớ chủ quan tếu, cho rằng từ nay về sau sẽ thắng lợi mãi, không gặp khó khăn thất bại nữa. Trận thắng này mới chỉ là một thắng lợi bước đầu.(...) Từ nay cho tới khi hoàn toàn thắng lợi, ta còn gặp nhiều khó khăn, có thể còn phải trải qua nhiều thất bại. Đánh nhau có thắng bại là thường. Điều cốt yếu là ta giành được thắng lợi cuối cùng.

...Chớ khinh địch. Không phải địch co lại để nằm yên, mà co lại để nhảy ra.

Chúng đang cố tranh thủ thời gian chuẩn bị để trả thù.

...Ta phải tranh thủ thời gian chuẩn bị. Đó là một điều kiện để thắng đối phương. Trong quân sự, thời gian là rất quan trọng... Có tranh thủ thời gian, mới bảo đảm được yếu tố thắng địch. Cũng để tranh thủ thời gian mà hội nghị này phải họp ngắn. Báo cáo phải gọn gàng nêu cho được điểm chính cần thiết, không nên nói dài dòng, mất thì giờ vô ích...”

Những điều Bác căn dặn không chỉ có giá trị quan trọng trong thời gian sắp tới mà trong cả cuộc chiến tranh.

Chúng ta đã rút ra nhiều bài học lớn từ chiến dịch Biên Giới.

Về chỉ đạo chiến dịch, có ưu điểm lớn là chọn đúng điểm đột phá chiến dịch, kiên trì chờ viện, tập trung lực lượng tiêu diệt từng bộ phận quân viện tiến tới tiêu diệt hoàn toàn. Khuyết điểm là không dự kiến được sự tan vỡ của quân địch trên toàn tuyến đường số 4 nên bỏ lỡ thời cơ tiêu diệt quân địch khi rút chạy.

Trong tác chiến, bộ đội đánh vận động lớn lần đầu rất tốt, chỉ sử dụng những lực lượng không nhiều mà vẫn tiêu diệt được những bộ phận đông quân địch, và ít bị tiêu hao. Tuy nhiên, có một số khuyết điểm. Trận Đông Khê, công tác điều tra chưa tốt, không nắm được những hỏa điểm ngầm trong đồn địch, chọn hướng đột phá không đúng, ngày đầu một mũi tiến công đi lạc, nên mặc dù lực lượng ta đông, quân địch trong cứ điểm thấp hơn mức dự kiến (chỉ có 2 đại đội tăng cường) mà trận đánh kéo dài, bộ đội tiêu hao nhiều. Nguyên nhân là do tư tưởng chủ quan vì vị trí này mới bị trung đoàn 174 tiêu diệt không khó khăn hồi tháng Năm. Đại đoàn 308 để trống trận địa một ngày bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt quân viện khi chúng đi qua. Tham mưu không nắm kịp thời địch rút Cao Bằng nên ta không kịp tổ chức đánh địch trên đường di chuyển.

Vấn đề nổi bật trong chiến dịch là chiến thuật đánh điểm diệt viện. Các bạn Trung Quốc đặc biệt coi trọng chiến thuật này. Trước đây do trang bị vũ khí yếu kém, ta chủ trương tránh lực lượng cơ động của địch, chúng bao giờ cũng có hỏa lực mạnh và thường được không quân và pháo binh yểm trợ. Chúng ta chỉ đánh những trận phục kích nhanh ban ngày nhắm vào những đoàn quân xa, hoặc những đơn vị nhỏ di chuyển. Những trận đánh cứ điểm nhỏ của ta

đều phải kết thúc trong đêm. Ở Tây Bắc, nhờ địa hình thuận lợi, anh Lê Trọng Tấn đã vận dụng đánh điểm diệt viện thành công trong trận Mỏ Hẻm. Nhưng cũng tại Tây Bắc, trong trận phố Lu, ta bao vây quân địch dài ngày, nhưng chỉ bố trí một lực lượng nhỏ chờ quân viện tới, xua chúng quay trở lại mà không có kế hoạch tiêu diệt.

Công tác tham mưu đã có một bước trưởng thành trong chiến dịch. Tuy cán bộ chỉ được đào tạo, rèn luyện qua thực tế chiến đấu, còn mang tác phong của chiến tranh du kích, phương tiện thông tin và trinh sát thiếu thốn, nhưng cơ quan tham mưu đã có nỗ lực lớn trong đánh giá tình hình địch, quán triệt đường lối quân sự của Đảng, phát huy sự hiểu biết và kinh nghiệm giúp Bộ chỉ huy chỉ đạo chiến dịch và hạ quyết tâm kịp thời.

Công tác hậu cần trong chiến dịch giữ một vai trò quan trọng góp phần vào thắng lợi. Đây là lần đầu tiên ngành hậu cần bảo đảm một chiến dịch quy mô lớn và dài ngày trên một địa bàn dân cư thưa thớt và rất thiếu lương thực. Trong toàn chiến dịch, cơ quan hậu cần đã cung cấp 1.886 tấn gạo, thực phẩm, 41 tấn đạn, cấp cứu 1.200 thương binh, nuôi dưỡng 3.500 tù binh. Các địa phương ở Việt Bắc, đặc biệt là hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, đã có đóng góp rất lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen đồng bào ba tỉnh Cao — Bắc — Lạng với lời cảm ơn: "Tôi trân trọng thay mặt Chính phủ và Quân đội cảm tạ đồng bào. Anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, trực tiếp phụ trách công tác hậu cần chiến dịch, được Bác biểu dương trong Hội nghị tổng kết chiến dịch.

Nhân dân tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, mặc dù được giải phóng chưa lâu, còn gặp nhiều khó khăn, nhưng đã hết lòng đóng góp lương thực cho chiến dịch. Những đoàn xe vận tải của Quân giải phóng Trung Quốc chạy thâu đêm cả tháng rông trên những con đường cửa khẩu Việt Nam — Trung Quốc.

Cho tới hết năm 1950, ta đã tiếp nhận của Trung Quốc: 1.020 tấn vũ khí đạn dược, 180 tấn quân trang quân dụng, 2.634 tấn gạo, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y, 800 tấn hàng quân giới, 30 ô tô, 120 tấn xăng dầu và phụ tùng ô tô. Viện trợ của Trung Quốc là nguồn cung cấp quan trọng và hiệu quả cho chiến dịch.

Chiến dịch Biên Giới xứng đáng mở đầu một thời kỳ mới, thời kỳ chuyển sang phản công và tiến công của quân đội ta. Đây là một chiến dịch vận động tiến công điển hình trong kháng chiến chống Pháp. Đã có một sự trưởng thành trong chỉ đạo chiến dịch, trong nghệ thuật quân sự thể hiện từ khâu chọn điểm đột phá, bày trận chờ địch, điều binh, chuyển hóa thế trận nhanh chóng, tập trung giải quyết những trận then chốt. Chúng ta đã biết khai thác tối đa những sai lầm của địch, vận dụng tối đa sức mạnh binh lực còn hạn chế của ta, biến kẻ địch mạnh thành kẻ địch yếu, biết khắc phục những sơ suất, những nhược điểm của bộ đội ta lần đầu tiến hành một trận đánh lớn, để cuối cùng giành toàn thắng.

Trong chiến dịch, hôm lên đài quan sát theo dõi trận Đông Khê, Bác đã làm một bài thơ chữ Hán.

ĐĂNG SƠN

*“Huề trượng đặng sơn quan trận địa
Vạn trùng sơn ứng vạn trùng vân
Nghĩa binh tráng khí thôn ngưu đầu
Thề diệt sài lang xâm lược quân”*

Nhà thơ Xuân Diệu dịch như sau:

LÊN NÚI

*“Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đổ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt ngưu đầu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy”.*

Bản dịch hay, chỉ tiếc hai chữ "sài lang" dịch thành "sói cầy" chưa ổn.

Qua bài thơ hiện lên hình ảnh quen thuộc của Người, phong thái ung dung, tự tại giữa chiến trường, hào khí chiến đấu của các chiến sĩ hòa quyện với khí thiêng sông núi. Được làm ra giữa lúc trận đánh mở màn đang gặp khó khăn, nó là sự tiên đoán chiến thắng to lớn trong chiến dịch. Bài Đăng Sơn gợi nhớ những câu thơ bất hủ của Lý Thường Kiệt sau khi đánh thắng giặc Tống 900 năm trước, được coi là Tuyên ngôn Độc lập lần thứ nhất của Việt Nam: "Nam quốc sơn hà Nam đế cư...".

Ít ngày sau chiến thắng Cao Lạng, chúng tôi nhận được mấy câu thơ chúc mừng chiến thắng bằng chữ Hán của Chủ tịch Mao Trạch Đông:

"Thanh niên đích Việt Nam quân .

Nhất minh kinh nhân".

Tạm dịch:

"Quân đội Việt Nam trẻ tuổi

Cất một tiếng người người kinh sợ".

Sở Trang Vương thời Đông Chu lên làm vua đã ba năm, chỉ ham mê săn bắn, vui chơi với mỹ nữ trong cung. Một triều thần kể với nhà vua câu chuyện: "Có một con chim lớn, lông đủ năm sắc, đậu trên gò cao nước Sở, đã ba năm mà không bay, cũng không kêu, không biết là con chim gì?". Sở Trang Vương hiểu ý, nói: "Con chim ấy không phải chim thường, ba năm không bay, bay tất cao đến tận trời; ba năm không kêu, kêu tất làm cho người ta khiếp sợ (Tam niên bất minh, Nhất minh kinh nhân)". Sau đó, Sở Trang Vương được xếp vào một trong "ngũ bá" thời Xuân Thu.

Chủ tịch Mao chỉ mượn bốn chữ của người xưa, mà nói lên được chiến thắng vang dội lần đầu của quân và dân ta trong chiến dịch Biên Giới.

Chiến dịch Biên Giới cũng chính là trận đánh vận động lớn ta khơi luồng đi tới trận đánh quyết định sau này.

Chương Bốn: ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

1

Đầu năm 1951 diễn ra một sự kiện lịch sử trọng đại trong đời sống chính trị của dân tộc: Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II. Đây là đại hội đầu tiên được tổ chức trên đất nước ta.

Từ ngày thành lập 3 tháng 2 năm 1930 cho tới lúc đó, Đảng ta vẫn hoạt động bí mật. Sự xuất hiện đảng của giai cấp công nhân ở một nước phong kiến và thuộc địa, với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nông dân chiếm 90% số dân, là đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà sử học. Hơn hai mươi năm qua Đảng giữ vai trò có tính quyết định đối với vận mệnh dân tộc. Đến với chủ nghĩa cộng sản, Nguyễn Ái Quốc quyết đi tới tận cùng con đường đấu tranh cho độc lập, tự do, hạnh phúc của mọi người. Nhưng những người cộng sản Việt Nam không chỉ là kẻ tử thù của chính quyền thực dân, phong kiến trong nước, mà còn là đối tượng bị theo dõi, đàn áp, săn đuổi ở nhiều nước tư bản, thuộc địa trên các châu lục. Đảng phải tính toán, cân nhắc từng đường đi nước bước của mình. Mặt trận Việt Minh là cách lựa chọn đúng đắn của Nguyễn Ái Quốc để giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Ngày Tổng khởi nghĩa năm 1945 mới có 5.000 đảng viên, nay đã thành một đội ngũ đông đảo: 760.000 người. Trong kháng chiến, mọi hoạt động của Đảng, cũng như những sinh hoạt của đảng viên, vẫn tiến hành bí mật. Chỉ đôi khi những người cộng sản mới xuất hiện dưới danh nghĩa "hội viên Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác".

Đầu năm 1950, sau khi đi gặp các đảng bạn Liên Xô và Trung Quốc trở về, Bác bàn với Trung ương đã tới lúc Đảng ra hoạt động công khai. Tình hình cách mạng trong nước cũng như trên thế giới đã thay đổi nhiều. Qua những năm lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo kháng chiến, uy tín của Đảng trong nhân dân đã trở thành tuyệt đối. Các nước xã hội chủ nghĩa đã công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sự xuất hiện công khai của Đảng sẽ mang lại một nguồn

động viên mới trong nhân dân thúc đẩy cuộc kháng chiến sớm đi tới thắng lợi. Nhưng xét cả về bối cảnh quốc tế cũng như tình hình trong nước, để tập hợp quần chúng thật rộng rãi như chủ trương của Đảng nhiều năm qua, và hạn chế sự tuyên truyền xuyên tạc của kẻ thù, Đảng cần có một cái tên mới. Bác đề nghị lấy tên Đảng Lao động Việt Nam. Việc thay đổi tên Đảng không phải là vấn đề riêng của cách mạng Việt Nam mà còn liên quan đến cách mạng Lào và Campuchia. Những vấn đề lớn này phải do Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định.

Tuy nhiên, tổ chức một đại hội Đảng giữa thời kỳ chiến tranh ác liệt và rất khẩn trương, là điều không dễ dàng. Trung ương quyết định triệu tập đại hội vào tháng 2 năm 1951.

Tôi được Bác và anh Trường Chinh phân công trình bày báo cáo về tình hình quân sự ở đại hội. Nhưng suốt những tháng chuẩn bị đại hội, tôi đều ở mặt trận. Tôi biên thư ngỏ ý lo không có thời gian viết một bản báo cáo đầy đủ, Bác điện trả lời: "cứ chuyên tâm đánh giặc, báo cáo cho Đại hội thì có dần bài là được, sau sẽ thêm".

Chiến dịch Trung Du kết thúc sớm hơn dự kiến. Từ mặt trận, tôi đi thẳng về chỗ Bác, không ngờ được gặp anh Trường Chinh và cả anh Lê Duẩn mới từ Nam Bộ ra dự đại hội. Bác và anh Trường Chinh nhắc tôi làm gấp báo cáo quân sự.

Anh Lê Duẩn cùng hoạt động với chị Nguyễn Thị Minh Khai ở Nam Kỳ. Chị Minh Khai và chị Quang Thái⁵, là hai chị em ruột. Anh Duẩn kể với tôi một câu chuyện về chị Thái. Trước ngày chính quyền thực dân Pháp xét xử những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, chị Thái từ Hà Nội vào Sài Gòn thăm chị Minh Khai (thời gian này tôi đã qua Trung Quốc). Chị Thái gặp chị Minh Khai và anh Lê Duẩn ở phiên tòa đại hình. Trong khi nói chuyện, chị Minh Khai ném cho anh Duẩn một lá thư gấp nhỏ. Đúng lúc đó viên cảnh sát quay lại. Chị Thái lập tức cúi xuống nhặt mẫu giấy bỏ vào mồm nhai và nuốt luôn. Viên cảnh sát đành chịu. Sau đó, chị Minh Khai bị kết án tử hình. Anh Duẩn nói: "nếu bữa đó chị Thái không nhanh trí thì tôi khó gặp anh hôm nay". Sau này cùng làm việc với nhau nhiều năm,

anh Lê Duẩn vẫn còn nhắc lại với tôi và một số đồng chí khác chuyện này.

Tết Tân Mão đến trước đại hội vài ngày. Cuộc họp Hội đồng Chính phủ được triệu tập đúng ngày mùng 1 Tết.

Sáng mùng 1, anh em chúng tôi có người còn ngủ thì Bác đã tới từng phòng chúc Tết. Bác tặng mỗi người một tờ thiệp hồng có bài thơ Xuân:

*"Xuân này kháng chiến đã năm xuân,
Nhiều xuân thắng lợi càng gần thành công.
Toàn dân hăng hái một lòng
Thi đua chuẩn bị Tổng phản công kịp thời".*

Trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ, tôi thay mặt quân đội chúc Tết Bác, cảm ơn Quốc hội và Chính phủ đã hết lòng chăm sóc bộ đội, và hứa hẹn sang năm mới quân đội sẽ cố gắng giành những thắng lợi mới trên chiến trường.

Để chuyển sang giai đoạn mới, Đảng ta đã có chủ trương củng cố bộ máy chính quyền. Trong phiên họp, Bác nhấn mạnh phải vận động nhân dân phê bình cán bộ, phê bình chính quyền, như vậy là thực hiện dân chủ một cách thiết thực và sâu sắc. Người nói: "Trong lúc thực hiện phê bình và tự phê bình, có thể cán bộ sợ bị trừ và dân thì có lúc phê bình mười câu chỉ đúng hai, nhưng ta cứ phải để dân phê bình, nếu không ta sẽ khóa cửa sự phê bình".

Chiều mùng 2 Tết, phiên họp kết thúc. Bác và một số đồng chí lên đường tới địa điểm đại hội. Tôi quay về cơ quan dự cuộc họp Đảng ủy Mặt trận Hoàng Hoa Thám phiên đầu tiên, và tới đại hội vào đúng ngày khai mạc.

Sau một thời gian họp trừ bị, Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II chính thức khai mạc ngày 11 và kết

thức ngày 19 tháng 2 năm 1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết. Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Xiêm Thái Lan là khách mời. Riêng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp tới chậm không kịp dự đại hội.

Những đại biểu về họp đã trải qua nhiều năm dài đấu tranh, bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, tù đày, có người đã nằm trong xà lim án chém. Họ đều là những đảng viên đi đầu phong trào đấu tranh trước tổng khởi nghĩa, cũng như kháng chiến hiện nay. Số đông vào tuổi trung niên. Một số ít mái đầu chớm bạc.

Hội trường và nhà ở của đại biểu bằng nửa lá nhưng cao ráo, hòa hợp với khung cảnh thiên nhiên nơi rừng núi, rõ ràng có bàn tay của một nhà kiến trúc tài hoa. Trước hội trường có sân rộng. Ở bìa rừng là cánh đồng. Thời tiết khô ráo, ấm áp, về đêm lại có trăng. Cuộc họp mặt rất hiếm có trong chiến tranh, vận hội mới của cách mạng đã làm cho mọi người như trẻ lại. Giờ nghỉ, Bác và các đại biểu cùng với khách nước ngoài cầm tay nhau nhảy múa trên sân, ngồi xem phim “Bá Linh sụp đổ”, hoặc đi dạo trên cánh đồng. Tôi cảm thấy mình như trở lại tuổi thanh niên, và không khỏi chạnh lòng khi nghĩ tới chị Minh Khai, chị Quang Thái, anh Lê Hồng Phong.... và bao nhiêu đồng chí khác đầu rơi trên máy chém, chết trong chốn lao tù, không có mặt hôm nay.

Tại đại hội, Bác trình bày Báo cáo Chính trị điểm lại quá trình hoạt động của Đảng từ khi thành lập, nêu lên những nhiệm vụ trong thời kỳ cách mạng mới để đưa kháng chiến đến thắng lợi. Bác nói:

“...Lúc bắt đầu kháng chiến, Quân đội ta là một quân đội thơ ấu, tinh thần dũng cảm có thừa, nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt.

Quân đội địch là một quân đội nổi tiếng trong thế giới. Chúng có hải quân, lục quân, không quân. Chúng lại có đế quốc Anh — Mỹ giúp, nhất là Mỹ.

Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế, cho nên lúc đó có người cho rằng: cuộc kháng chiến của ta là "châu chấu đá voi".

Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật, vì để chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó ta phải dùng gậy tầm vông. Nhưng Đảng ta theo chủ nghĩa Mác — Lênin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng:

Nay tuy châu chấu đấu voi

Nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra

Sự thật đã chứng tỏ rằng "voi" thực dân đã bắt đầu lòi ruột, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng..."⁶.

Người chỉ rõ cách mạng nước ta đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác vì: "Ta có một đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn, mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác — Lênin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ".

Báo cáo Chính trị nêu lên hai nhiệm vụ chính:

1. Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.
2. Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.

"Đảng Lao động Việt Nam phải là một đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để.

Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam.

Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó".

"Kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất dân chủ, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới"⁷.

Anh Trường Chinh trình bày bản báo cáo "Bàn về cách mạng Việt Nam". Đây là cương lĩnh cách mạng trong thời kỳ mới. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn hơn hai mươi năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, đồng chí Tổng bí thư nêu lên trước đại hội toàn bộ đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

"Vấn đề lớn mà tình hình khách quan của xã hội Việt Nam đề ra là: giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với những lực lượng phản động, khiến cho chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam phát triển mạnh mẽ và tiến lên chủ nghĩa xã hội".

"Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, xóa bỏ hình thức bóc lột phong kiến, làm cho người cày có ruộng, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ chống đế quốc và nhiệm vụ chống phong kiến khăng khít với nhau. Nhưng trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại là giải phóng dân tộc. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai. Mũi nhọn của cách mạng chủ yếu chĩa vào bọn đế quốc xâm lược"⁸.

Báo cáo đề ra 12 chính sách để đưa cách mạng đến thắng lợi: Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng. Thi hành từng bước chính sách ruộng đất, tiến tới thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng. Xây dựng, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân về chính trị, kinh tế và văn hóa. Củng cố mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc xâm lược. Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân. Chính sách dân tộc. Chính sách tôn giáo. Chính sách đối với vùng tạm bị chiếm. Chính sách đối với ngoại kiều. Chính sách đối ngoại. Ra sức ủng hộ cách mạng Campuchia và cách mạng Lào. Tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và độc lập dân tộc của nhân dân thế giới.

Đại hội dành ba ngày nghe và thảo luận Báo cáo Chính trị, Luận cương Cách mạng Việt nam.

Trong thời gian họp trừ bị, Bác đã luôn luôn nhắc các đại biểu: "Nhiệm vụ chính của đại hội là đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam, khi thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó!". Nhưng vào đại hội vẫn diễn ra những cuộc thảo luận kéo dài về việc đổi tên Đảng, Đảng của ai? Giai cấp nào lãnh đạo? Chủ nghĩa Mác — Lênin là gì?...

Một vài đại biểu kiên trì viện dẫn những điều trong sách vở, nói Đảng cộng sản phải là đảng của giai cấp công nhân, không thể là của nhân dân lao động nói chung, những phần tử tư sản, thân sĩ, đặc biệt là địa chủ, dù có yêu nước, tiến bộ cũng không thể nằm trong thành phần nhân dân lao động... Cuộc tranh luận có lúc trở nên căng thẳng. Bác ngồi điềm đạm lắng nghe những ý kiến khác nhau, bằng những lời lẽ bình dị Bác khéo léo hướng một số đại biểu đi vào trọng tâm hội nghị. Khi cuộc tranh luận "chủ nghĩa Mác — Lênin là gì?" kéo dài, Bác nhẹ nhàng nói: "Chủ nghĩa Mác — Lênin là cái gì lợi cho cách mạng thì làm!". Câu nói của Bác làm rộ lên những tiếng cười và những tràng vỗ tay kết thúc cuộc tranh cãi. Khi đó Bác không thể nói: "Cách mạng Việt Nam đã làm nhiều điều chưa có trong sách vở!".

Sang ngày thứ tư, các tiểu ban họp riêng. Trung ương họp mở rộng bàn về quân sự dưới sự chủ tọa của Bác và anh Trường Chinh. Tôi báo cáo về tình hình quân sự, âm mưu của địch, chủ trương của ta, phương châm chiến lược và công tác chuẩn bị các chiến dịch sắp tới. Các liên khu Việt Bắc, 3, 4, 5 và Nam Bộ lần lượt phát biểu. Trước yêu cầu phát triển của giai đoạn mới, các nơi nêu lên rất nhiều khó khăn. Bác nói: "Bộ đội ta ngày nay cũng như chú bé Phù Đổng ngày xưa. Từ chỗ là một hài nhi đang nằm trong nôi, đột nhiên lớn vụt, vì vậy mà thiếu áo, thiếu quần, thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu các nhu cầu khác, có thể thiếu vợ nữa... Những khó khăn này lớn thật, nhưng chỉ là khó khăn vì trưởng thành. Chú thần đồng bộ đội ta sẽ

có khả năng hoạt động và có rất nhiều triển vọng, tiền đồ sẽ rất rực rỡ".

Thời gian ở đại hội tôi tranh thủ tìm hiểu tình hình những chiến trường xa. Các đồng chí Khu 5 cho rằng nếu được tăng cường vũ khí sẽ có nhiều khả năng đánh lớn. Khu 5 có ba tỉnh tự do, địa hình rừng núi nhiều, dân chúng rất quật cường, Tây Nguyên là một chiến trường có nhiều thuận lợi mà ta còn chưa khai thác. Tôi có những buổi trao đổi với anh Lê Duẩn. Anh Duẩn nói Pháp sẽ cố gắng bình định miền Nam để dồn sức đối phó với chủ lực ta đang lớn mạnh ở miền Bắc. Từ sau khi có lệnh chuẩn bị Tổng phản công, ở Nam Bộ đã thành lập những trung đoàn, liên trung đoàn chuẩn bị đánh lớn, nhưng khi ta tập trung chủ lực lại, phong trào chiến tranh du kích ở cơ sở lại sa sút. Anh dự kiến Nam Bộ sẽ còn trải qua nhiều thử thách gay gắt. Tôi nói năm 1947, Bộ cũng đã triển khai thành lập một đại đoàn chủ lực, lấy tên là Đại đoàn Độc Lập, những đơn vị từ các khu đã được tập trung về, nhưng trước cuộc tiến công chiến lược của địch vào Việt Bắc, ta đã kịp phân tán thành những đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung nên đối phó thắng lợi với cuộc tiến công. Anh Duẩn hỏi về kinh nghiệm xây dựng bộ đội chủ lực bộ đội địa phương ở miền Bắc và kể những chuyện "xoay vần đánh giặc", những sáng tạo trong cách đánh du kích ở miền Nam, những kinh nghiệm đấu tranh chính trị phong phú ở đô thị, đặc biệt là Sài Gòn.

Chiều ngày 14 tháng 2, tôi trình bày Báo cáo quân sự tại đại hội. Báo cáo nêu lên quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh vũ trang, kiểm điểm sự chủ quan trong đánh giá địch, lượng định những khó khăn của ta trong thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công, như chậm chỉ đạo vận động chiến, coi nhẹ du kích chiến; nêu lên những tiến bộ lớn lao trên chiến trường biên giới và trung du; xác định phương châm chiến lược hiện nay: Trên chiến trường chính, đẩy mạnh vận động chiến, phát triển du kích chiến nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, tiến tới giành ưu thế quân sự chuyển sang Tổng phản công, trên các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ lấy du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ.

Báo cáo đề cập một số vấn đề xây dựng quân đội. Về tổ chức biên chế của quân đội, cần giảm bớt thành phần cơ quan để tăng cường

cho lực lượng chiến đấu thích hợp với yêu cầu của chiến trường và chiến thuật, giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân, nâng cao hiệu suất chiến đấu của bộ đội. Cần cải tiến nội dung huấn luyện quân sự cho thích hợp với phương châm chiến lược, chiến thuật của ta. Về trang bị cần chú trọng cả hai nguồn: vũ khí đoạt được của giặc và vũ khí do ta tự sản xuất; lấy vũ khí của giặc trang bị cho mình vẫn là nguồn chính, nhưng phải ra sức phát triển sản xuất của quân giới, nhất là đối với những vũ khí cơ bản. Về cấp dưỡng, cần kiên quyết cải tiến, quy định chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu của quân đội và khả năng đảm phụ của nhân dân. Về công tác chính trị, phải lấy việc giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng làm trọng tâm, giáo dục mục đích và tính chất của chiến tranh, đường lối và chính sách của Đảng và Chính phủ cho quân đội, đề cao trình độ giác ngộ, rèn luyện tinh thần chiến đấu, củng cố sự đoàn kết trong và ngoài quân đội, do đó rèn luyện cho mỗi người chiến sĩ đều có quan điểm nhân dân, quan điểm quần chúng sâu sắc và vững chắc. Trong xây dựng quân đội, việc xây dựng Đảng phải đặt lên hàng đầu. Cần thiết lập chế độ Đảng ủy thay vào chế độ chính ủy tối hậu quyết định. Đề cao tính Đảng, đề cao ý thức giai cấp, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, kiện toàn chi bộ, đề cao tác dụng lãnh đạo của chi bộ. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ là vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân. Cần tăng cường sự giáo dục cho cán bộ về chính trị, năng lực công tác, tổ chức việc đào tạo và bổ túc cho cán bộ trong các trường huấn luyện cũng như tại chức, mạnh dạn cất nhắc các cán bộ hay chiến sĩ có thành tích chiến đấu lâu năm, chú trọng cất nhắc cán bộ công nông, nâng cao trình độ cán bộ công nông để có khả năng đảm đương những công việc ngày càng quan trọng, đồng thời cải tạo cán bộ trí thức biến họ thành những người luôn luôn trung thành với quyền lợi của giai cấp và dân tộc...

Tinh thần chiến đấu của bộ đội trên các mặt trận, những chiến thắng lớn trong thời gian qua đã mang tới cho đại hội một niềm hưng phấn tốt đẹp. Anh Hoàng Quốc Việt chạy tới ôm lấy tôi hôn, nước mắt chảy ròng. Bác nhìn chúng tôi rồi nói vui:

— Đó là "quân dân nhất trí"!

Khi ấy anh Hoàng Quốc Việt được phân công phụ trách công tác dân vận của Đảng. Tiếng vỗ tay lại tiếp tục rộ lên xen những tiếng cười.

Bác đứng lên biểu dương những gương chiến đấu của bộ đội Việt Nam và nói vì đâu chúng ta có một quân đội như thế. Đó là do kế tục tinh thần quật cường của ông cha ta ngày trước, tinh thần tự lực, sáng tạo của ta ngày nay, và sự học tập kinh nghiệm chiến đấu của các nước anh em, chiến tranh vệ quốc ở Liên Xô, chiến tranh giải phóng ở Trung Quốc, nên bộ đội ta đã trưởng thành nhanh chóng và vượt bậc.

Báo cáo quân sự tại đại hội được thông qua.

Đại hội đã ra nghị quyết về quân sự tiếp tục khẳng định đường lối kháng chiến "toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh".

Nghị quyết nhấn mạnh phải kiên trì lãnh đạo chiến tranh. Đảng chủ trương xây dựng một quân đội nhân dân mạnh mẽ, chân chính với ba đặc điểm: dân tộc, nhân dân và dân chủ. Khẩn trương xây dựng bộ đội chính quy, củng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân du kích.

Phương châm tác chiến vẫn là "lấy du kích làm chính, vận động chiến là phụ, nhưng phải đẩy mạnh vận động chiến tiến lên để vận động chiến trở thành chủ yếu". Tuy vậy, do đặc điểm chiến tranh phát triển không đều nên chỉ đạo phải dựa vào điều kiện cụ thể của mỗi chiến trường mà vận dụng phương châm cho thích hợp. "Phải nắm vững nguyên tắc tiêu diệt chiến".

Về mối quan hệ chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương, Đại hội nghị quyết: "Vì Đông Dương là một chiến trường và cách mạng Việt Nam có nhiệm vụ phối hợp với cách mạng Miên — Lào nên lúc này phải tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến Miên — Lào: phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa".

Với sự kiện Đảng ta ra hoạt động công khai, liên minh chiến đấu của ba nước Việt — Miên — Lào chuyển sang một thời kỳ mới. Đế quốc Pháp xâm lược Đông Dương đã cố kết các dân tộc trên bán đảo trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung. Từ năm 1941, trong Hội

ngợi Trung ương lần thứ tám thành lập Việt Nam Độc Lập Đồng minh, Bác đã nêu ý kiến: "ở Lào và Miên có thể thành lập Ai Lao Độc lập Đồng minh và Cao Miên Độc lập Đồng minh để chuẩn bị Tổng khởi nghĩa". Người cho rằng việc tổ chức một mặt trận đoàn kết dân tộc thật rộng rãi là thích hợp với cả ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giành tự do. Tuy nhiên, tình hình phát triển cách mạng ở ba nước không đều. Tại Lào và Campuchia, cơ sở Đảng mới xuất hiện ở một số thành phố, thị trấn có đông Việt kiều, chưa phát triển được xuống nông thôn. Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ ta đã ký Hiệp định Liên minh quân sự với Chính phủ Ítxala Lào, cùng với Hiệp định thành lập Liên quân Việt — Lào. Chính phủ ta cũng ký với Ủy ban Cao Miên độc lập tuyên bố chung "Đoàn kết Việt — Miên — Lào chống Pháp", và tổ chức lực lượng vũ trang hỗn hợp Liên quân Miên — Việt. Trong những năm kháng chiến, ta đã đưa những đơn vị quân tình nguyện Việt Nam sang hoạt động ở Lào và Campuchia cùng với Liên quân Lào — Việt, Liên quân Miên — Việt, bộ đội giải phóng Ítxala Lào và bộ đội Itxarác Campuchia, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Kháng chiến Lào và ủy ban Dân tộc giải phóng Campuchia. Do chiến trường bị địch chia cắt, ba nước đã tổ chức những mặt trận liên minh chiến đấu hỗn hợp: Liên khu 10 với Thượng Lào, Liên khu 4 với Trung Lào, Liên khu 5 với Hạ Lào, Đông — Bắc Nam Bộ với Đông và Tây — Bắc Campuchia. Những chiến thắng hồi đầu kháng chiến toàn quốc ở Sầm Tớ, Napé, Sêpôn, Thà Khệc, Xiêm Riệp... là những biểu hiện về sức mạnh của khối liên minh chiến đấu ba nước Đông Dương.

Trước đây, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chung phong trào cách mạng ở cả ba nước. Tại đại hội, anh Cayxôn Phômvihản thay mặt những người cộng sản Lào, anh Sơn Ngọc Minh thay mặt những người cộng sản Campuchia tham gia Đoàn Chủ tịch. Nhưng sau đây, cách mạng của mỗi nước nằm dưới sự lãnh đạo độc lập, tự chủ của từng Đảng, liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương sẽ được tiến hành qua bàn bạc thống nhất, phối hợp hành động giữa ba Đảng. Một loạt công việc đặt ra: phải tổ chức Ban vận động thành lập Đảng ở Lào và Campuchia, phải thành lập ngay Mặt trận Đoàn kết

Liên minh Việt — Miên — Lào⁹, tổ chức Hội nghị Liên minh ba nước¹⁰ trên bán đảo Đông Dương...

Yêu cầu trọng tâm ở Lào và Campuchia lúc này là phải đẩy mạnh phong trào kháng chiến: phát triển chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng các khu căn cứ để đáp ứng với yêu cầu của tình hình mới.

Gặp lại anh Cayxôn ở đại hội, tôi thấy cảm giác của mình lần đầu tiếp xúc với anh năm 1948 không lầm. Người sinh viên lúc đó tới Việt Bắc chính là hình ảnh của thế hệ mới nhân dân Lào quyết tâm dẫn bước trên con đường đấu tranh cho độc lập, dân chủ. Tôi nói với anh Cayxôn, thời gian qua phải tập trung đối phó với những hoạt động của địch, bộ đội Việt Nam chưa làm được gì nhiều cho cách mạng Lào, nay đã có điều kiện hơn. Lào cần gấp rút xây dựng một căn cứ địa thật vững chắc, địa điểm thuận tiện hiện nay là Thượng Lào. Anh Cayxôn cho rằng với sự tham gia của Hoàng thân Xuphanuvông, trong giai đoạn mới, cách mạng Lào có điều kiện phát triển nhanh. Cần công khai thành lập Chính phủ kháng chiến Lào. Hoàng thân Xuphanuvông đang có mặt ở Việt Bắc, chuẩn bị cho việc thành lập Mặt trận Đoàn kết Liên minh Việt — Miên — Lào. Sau khi được gặp Bác, Hoàng thân đã có những tình cảm và sự kính trọng rất đặc biệt.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, và đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư.

Đại hội lần thứ II của Đảng được coi là Đại hội kháng chiến. Những đại biểu của lực lượng vũ trang về đây đều như còn mang theo khói súng của chiến trường. Giữa cuộc họp, nhiều đại biểu quân đội đã phải rời đại hội lên đường đi chiến dịch.

Tôi không ở lại đại hội được tới ngày bế mạc, vì phải về cơ quan để kịp dự cuộc họp Đảng ủy Mặt trận lần thứ hai được triệu tập vào ngày 19 tháng 2 năm 1951, quyết định lựa chọn phương án đánh địch trong chiến dịch sắp tới.

Đại hội lần thứ II của Đảng mở ra một thời kỳ cách mạng mới trên bán đảo Đông Dương. Với Đảng Lao động Việt Nam, Đảng ta đã

trở về với tổ chức ban đầu, được quyết định trong hội nghị hợp nhất những người cộng sản ở Đông Dương ngày 3 tháng 2 năm 1930 (Đảng Cộng sản Việt Nam), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Đảng ta ra hoạt động công khai đã chính thức làm nhiệm vụ của một đảng cầm quyền chịu trách nhiệm trước dân tộc. Đại hội cũng mở ra thời kỳ hoạt động mới của hai đảng anh em, Lào, Campuchia, một hình thức liên minh chiến đấu mới giữa ba nước trên bán đảo Đông Dương, dẫn tới thắng lợi cách mạng ở mỗi nước sau này.

Chương Năm: XUỐNG TRUNG DU

1

Thu Đông năm 1950, trên chiến trường cả nước, khoảng 10.000 quân địch đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Riêng tại chiến dịch Biên Giới, chúng ta đã tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ của địch. Các tiểu đoàn dù được coi là lá chủ bài của quân viễn chinh. Lính lê dương, từ ngày đầu chiến tranh đã là chỗ dựa chủ yếu của tướng lĩnh Pháp. Các đơn vị Tabo, từng nổi danh ở Bắc Phi, là những đơn vị đầu tiên vượt sông *Rhin* trong cuộc chiến giải phóng nước Pháp. Số sĩ quan bị chết và bị bắt khá đông: 90 sĩ quan, 200 hạ sĩ quan, trong đó có cả một trường hạ sĩ quan dù đi thực tập, cả bộ máy chỉ huy 2 binh đoàn và cụm cứ điểm Đông Khê. Một số chiến lược quan trọng của địch: phong tỏa biên giới phía bắc, khu tứ giác bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ, hành lang đông tây nhằm cắt đứt Việt Bắc với miền xuôi... đều bị phá sản.

Thất bại hoàn toàn bất ngờ đã gây một chấn động lớn trong giới cầm quyền Pháp ở Đông Dương.

Alétxăngđri, viên tướng đến giờ phút cuối còn phản đối việc rút lui khỏi Cao Bằng, lúc này lại đề nghị rút Móng Cái, Tiên Yên và Hòn Gai để có thêm 4 tiểu đoàn bảo vệ Hà Nội. Valuy (*Valluy*) đồng tình với ý kiến rút Đình Lập, Tiên Yên. Tổng chỉ huy Cácpăngchiê còn tính tới trường hợp nếu áp lực Việt Minh quá mạnh, sẽ bỏ Hà Nội về cố thủ ở Hải Phòng.

Tin tức từ Hà Nội báo ra, cả thành phố đang nơm nớp lo sợ một cuộc tiến công. Lực lượng thiết giáp tập trung ở phía bắc thành phố đề phòng những binh đoàn Việt Minh từ Cao Bằng, Lạng Sơn đổ về. Đường phố lúc nào cũng có cảnh sát vũ trang đứng gác trong công sự đã chiến vừa xây dựng. Pháp kiều được lệnh chuẩn bị di tản.

Những tin không lành từ Bắc Việt Nam lại gây xáo trộn tại thủ đô Pháp.

Phản ứng đầu tiên của Chính phủ Pháp là cử ngay một đoàn điều tra sang Đông Dương, đồng thời cấp tốc tăng viện 7 tiểu đoàn bộ binh cùng với 1 trung đoàn thiết giáp, 2 cụm pháo binh, 1 phi đội máy bay ném bom, một số lượng khá lớn đại bác các loại, và xe bọc thép để đối phó với cuộc tiến công lớn của Việt Minh. Chính phủ Pháp đã rất cố gắng. Nhưng Bộ chỉ huy quân sự Pháp ở Đông Dương đòi hỏi hơn thế rất nhiều: cần có thêm 500.000 quân tinh nhuệ, phải tăng cường lực lượng không quân lên gấp ba, và vẫn phải rút hẹp phạm vi chiếm đóng ở đồng bằng!

Vấn đề chiến tranh Đông Dương thời gian qua tạm lắng xuống trước những khó khăn về kinh tế (ngân sách thiếu hụt 247 tỉ *franc*), giờ lại gây sóng gió trong chính phủ, quốc hội, báo chí và dư luận dân chúng.

Tướng Giăng (*Juin*), thành viên của phái đoàn điều tra từ Đông Dương về, nói với Tổng thống và Thủ tướng Pháp: "Sớm muộn Pháp cũng phải bỏ Đông Dương vì quá xa xôi và tốn kém. Cách tốt nhất là điều đình với ông Hồ Chí Minh hoặc quốc tế hóa cuộc chiến". Nghị sĩ Pháp Măngđét Phăng (*Mandès France*) nhiều lần phát biểu tại quốc hội về bế tắc không thể giải quyết cả về quân sự và chính trị trong chiến tranh Đông Dương, cần phải đi tới "giải pháp tìm kiếm một thỏa hiệp chính trị, một thỏa hiệp tất nhiên là với người đang chiến đấu chống chúng ta!".

Với Quốc hội Pháp, có hai giải pháp: Một, tiếp tục chiến tranh với những điều kiện rất khó khăn của nước Pháp, hoặc dựa vào Mỹ. Hai, chấm dứt cuộc chiến bằng cách điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh, một giải pháp mà chính Măngđét Phăng cũng cho là "nặng nề, xót xa, bất công" nhưng phải lẽ.

Chính phủ Plêven (*Pleven*) tìm ra giải pháp thứ ba.

Từ tháng 6 năm 1949, tại vịnh Hạ Long, Cao ủy Pháp Bôlae (*Bollaert*) đã ký với Nguyễn Văn Xuân và Bảo Đại một tuyên bố chung, trong đó Pháp long trọng thừa nhận "độc lập" và "thống nhất" của Việt Nam. Nhưng chỉ ba ngày sau đó, bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại đã tuyên bố tại quốc hội: Chính phủ Pháp vẫn duy trì sự thống nhất về ngoại giao và quốc phòng trong khối liên hiệp, Việt

Nam chỉ có lực lượng cảnh sát chịu trách nhiệm về nội an, trước mắt quy chế "ba kỳ" trong những hiệp ước ký với triều đình Huế vẫn không thay đổi kể cả quy chế về Nam Kỳ, nếu chưa có quyết định của Quốc hội Pháp (!).

Với sự thúc ép của Mỹ, hai tháng sau, ngày 3 tháng 8 năm 1949, Hiệp ước Êlydê (*Elysée*) giữa Tổng thống Pháp Vanhxăng Ôriôn (*Vincent Auriol*), bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại Cốt Pholôrê (*Coste Floret*) và Bảo Đại mới ra đời. Pháp công nhận Việt Nam độc lập, có một quân đội 50.000 người, với những sĩ quan người Việt, nhưng do người Pháp huấn luyện và điều khiển. Về ngoại giao, Việt Nam chỉ được đặt đại sứ ở Xiêm (Thái Lan), Trung Hoa (Trường Giới Thạch), Ấn Độ và Tòa thánh Vatican. Về vấn đề thống nhất Việt Nam, hiệp ước ghi: "Nước Pháp sẽ không chống lại sự thống nhất ba kỳ...".

Nhưng suốt những năm qua, các nhân vật trong "chính phủ Việt Nam" vẫn là những tên bù nhìn thảm hại. Thảm họa của quân Pháp trên đường số 4 đem lại cho chúng một dịp quấy phá, công khai phê phán tư tưởng chủ nghĩa thực dân của những viên chức Pháp trong các cuộc đàm phán.

Ngày 22 tháng 10 năm 1950, Thủ tướng Pháp Plêven bất thần đề nghị quốc hội thông qua một bản hiệp ước trao cho các nước Đông Dương chủ quyền, độc lập, có chính quyền, ngoại giao và quân đội, chấm dứt sự bảo trợ của Pháp, và chuyển giao quyền hành chính cho người Việt trước ngày 1 tháng 1 năm 1951.

Vì đâu chủ nghĩa thực dân Pháp cực kỳ bảo thủ lại bỗng nhiên trở nên hào phóng dù chỉ là với bọn bù nhìn! Pháp đã thấy không còn lực lượng để tiếp tục cuộc chiến. Hiệp ước này sẽ cho phép có thêm 500.000 quân ngụ do Mỹ trang bị vũ khí và góp phần nuôi dưỡng. Đây là cách duy nhất để đối phó với tình hình đã trở nên cực kỳ bất lợi với quân viễn chinh, cùng với sức ép ngày càng tăng trong quốc hội cũng như dư luận Pháp.

Giới cầm quyền Pháp thừa biết quyết định này sẽ mở đường cho Mỹ nắm quyền và quân đội của nó. Không phải ngẫu nhiên Mỹ nhiều lần thúc ép Pháp làm việc này. Họ cũng biết không thể dựa vào

một số tên bán nước bị đồng bào mình khinh bỉ để chống lại cả một dân tộc chiến đấu cho độc lập, tự do thực sự, đang trên đà thắng lợi. Nhưng họ không còn sự lựa chọn nào khác.

Một quyết định nữa của Chính phủ Pháp là phải thay thế ngay Cápăngchiê đã quá mất tinh thần.

Những người đầu tiên được mời là Giăng và Kôních (*Koenig*) đều thoái thác. Tổng thống Vanhxăng Ôriôn gợi ý chọn Đờ Lát đờ Tátxinhi. Theo ông, viên tướng 5 sao đã chỉ huy tập đoàn quân 1 tiến từ bờ biển Địa Trung Hải miền nam nước Pháp đến sông Đanuýp (*Danube*) cuối thế chiến thứ hai, là người duy nhất có tầm cỡ đưa đội quân viễn chinh thoát khỏi hiểm họa. Nhưng không phải không có người phản bác. Thủ tướng Plêven nói: "Một nửa sĩ quan sẽ bỏ đi vì ông ta nổi tiếng nướng quân". Cuối cùng, chính phủ đồng ý với tổng thống.

Các tướng lĩnh Pháp đã rõ những khó khăn, bế tắc trên chiến trường Đông Dương. Có người cho là Đờ Lát thích những công việc mà mọi người từ nan. Đờ Lát đã nhanh chóng nhận nhiệm vụ chỉ với một điều kiện: phải trao cho mình cả quyền dân sự và quân sự, ông ta không tin có thể xoay chuyển tình hình nếu còn ai đó ở trên mình.

Ngày 6 tháng 12 năm 1950, Hội đồng Bộ trưởng Pháp bổ nhiệm Đờ Lát chức Cao ủy kiêm Tổng chỉ huy ở Đông Dương. Lần đầu có người đảm đương một lúc cả hai chức vụ này.

2

Cuối năm 1950, tổng quân số của ta là 288.884 người. So với mùa Hè thì lực lượng ta đã tăng nhanh. Nhưng cùng thời gian đó, lực lượng địch cũng tăng lên 239.000 người. Đây là năm duy nhất trong suốt cuộc chiến tranh, về mặt số quân, ta và địch có số lượng tương đương. Trên chiến trường cả nước, lực lượng ta phân chia không đều:

Bắc Bộ: 66%. Riêng chủ lực trực thuộc Bộ Tổng tư lệnh chiếm 38%.

Trung Bộ: 19%.

Nam Bộ: 12%.

Thượng Lào: 3%.

Chúng ta không thể phát triển lực lượng nhanh vì gặp khó khăn về trang bị, cấp dưỡng, và những vùng dân cư đông vẫn nằm dưới sự kiểm soát của địch.

Nhiệm vụ giai đoạn mới đòi hỏi ta phải có một khối chủ lực mạnh trên miền Bắc đã trở thành chiến trường chính. Ngoài đại đoàn 308 và 304 đã được tổ chức từ trước, cuối năm 1950, ngày 25 tháng 12, Bộ quyết định thành lập đại đoàn 312. Nòng cốt của đại đoàn là trung đoàn 209 trực thuộc Bộ, cộng thêm trung đoàn 165 điều từ mặt trận Tây Bắc về, trung đoàn 141 mới thành lập với 2 tiểu đoàn 11 và 16 của 308, và 1 tiểu đoàn độc lập của Liên khu Việt Bắc.

Đầu năm 1951, ta thành lập thêm 3 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công binh và pháo binh, thường được gọi là đại đoàn công pháo.

Đại đoàn 320 thành lập ngày 16 tháng 1 năm 1951, gồm 2 trung đoàn chủ lực của Liên khu 3 (48 và 64) và trung đoàn Tây tiến 52.

Đại đoàn 325 thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1951 trên cơ sở của 3 trung đoàn chủ lực của mặt trận Bình — Trị — Thiên.

Đại đoàn 351 (đại đoàn công pháo) thành lập ngày 27 tháng 3 năm 1951, gồm trung đoàn sơn pháo 75 ly với tiểu đoàn pháo của 308, các đại đội pháo của 209 và 174 ghép lại; trung đoàn lựu pháo 105 ly (vốn là trung đoàn bộ binh 34 của Liên khu 3, chuyển binh chủng ở Trung Quốc, tới chiến dịch Điện Biên Phủ mới có mặt trong đội hình); và trung đoàn công binh 151 đã có từ trước.

Đại đoàn 316 được thành lập ngày 1 tháng 5 năm 1951, với trung đoàn 174 trực thuộc Bộ làm nòng cốt, trung đoàn 98 thuộc mặt trận Đông Bắc, và trung đoàn 176 của tỉnh Lạng Sơn.

Khối chủ lực của Bộ gồm 6 đại đoàn: 304, 308, 312, 316, 320, 325 được giữ nguyên vẹn cho tới kết thúc chiến tranh chống Pháp. Đây chỉ là sự tổ chức lại những đơn vị đã có sẵn với chất lượng không đồng đều. Mạnh hơn cả là đại đoàn 308 được thành lập từ trước, đánh tập trung sớm, nên cả ba trung đoàn đều đánh giỏi. 308 được kẻ địch mệnh danh là "Sư đoàn thép". Tiếp đó là đại đoàn 312, có 2 trung đoàn đánh tốt. Các đại đoàn khác có từ 1 tới 2 trung đoàn đánh tốt. Riêng đại đoàn 320 có nhiều kinh nghiệm hoạt động ở địch hậu đồng bằng.

Do chủ lực các liên khu được dồn lên thành đại đoàn nên ở liên khu chỉ còn bộ đội địa phương.

Việc trang bị vũ khí vẫn gặp nhiều khó khăn. Trung Quốc đã đưa Chí nguyện quân sang chiến đấu ở Triều Tiên. Để trang bị cho 6 đại đoàn bộ binh, nhu cầu vũ khí của ta lên tới 1.200 tấn. Trong năm 1950, bạn chỉ giao được 20%. Nguồn vũ khí của ta lúc này một phần dựa vào bạn, nhưng phần chủ yếu vẫn là lấy của địch và do ta tự sản xuất.

Trong tổng quân số viễn chinh vào cuối năm 1950 là 239.000 người, chỉ có 117.000 lính Âu Phi. So với trước chiến dịch Biên Giới, quân số địch tăng lên dăm vạn, chủ yếu là quân ngụy. Tính đơn vị, địch có 118 tiểu đoàn bộ binh, 13 tiểu đoàn pháo binh, 3 trung đoàn thiết giáp, về không quân, địch có 143 máy bay các loại; về hải quân, địch có 263 tàu các loại, trong đó có 1 tuần dương hạm (*Duguay Trouin*), 1 thông báo hạm hạng nặng (*La Grondière*), 1 thông báo hạm hạng nhẹ (*La Moqueure*).

Phân chia lực lượng địch trên các chiến trường như sau:

Bắc Bộ: 54%, với 64 tiểu đoàn. 28 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng (10 tiểu đoàn Âu Phi, 18 tiểu đoàn ngụy). 20 tiểu đoàn cơ động chiến lược (17 tiểu đoàn Âu Phi, 3 tiểu đoàn ngụy). 16 tiểu đoàn cơ động chiến thuật (14 tiểu đoàn Âu Phi, 2 tiểu đoàn ngụy). Về binh chủng có: 6 tiểu đoàn pháo binh, 2 trung đoàn cơ giới, 4 tiểu đoàn công binh.

Trung Bộ: 17%, với 20 tiểu đoàn. 16 tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm đóng (10 tiểu đoàn Âu Phi, 6 tiểu đoàn ngụy). 4 tiểu đoàn cơ

động chiến thuật đều là Âu Phi. Về binh chủng: 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 trung đoàn cơ giới, 1 tiểu đoàn công binh.

Nam Bộ: 19%, với 23 tiểu đoàn. 21 tiểu đoàn chiếm đóng (20 tiểu đoàn Âu Phi, 1 tiểu đoàn ngụy). 2 tiểu đoàn cơ động chiến lược toàn là Âu Phi.

Lào: 6%, với 7 tiểu đoàn chiếm đóng toàn là người Lào.

Campuchia: 4%, với 1 tiểu đoàn Âu Phi và 3 tiểu đoàn người Khmer làm nhiệm vụ chiếm đóng.

Trong năm 1950, địch tích cực phát triển quân ngụy, một phần để bù đắp số thiếu hụt trong đội quân viễn chinh, một phần để xây dựng quân ngụy theo chương trình "quân đội các quốc gia liên kết". Chúng đã tuyển mộ trên 55.000 lính ngụy, đại bộ phận (30.000) là lấy ở Nam Bộ.

Quân đội ngụy lúc này đã có 30 tiểu đoàn.

Để đối phó với khối chủ lực của Bộ, địch gấp rút xây dựng 7 binh đoàn cơ động (*groupement mobile*, gọi tắt là GM). Mỗi binh đoàn này tương đương với một trung đoàn, gồm 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 cụm pháo binh, 1 đại đội công binh. Lúc này mới có 4 — 5 binh đoàn đủ khả năng hoạt động.

Các binh đoàn cơ động đều bố trí ở bắc và đông — bắc Hà Nội: Binh đoàn cơ động số 1 ở Bắc Ninh. Binh đoàn cơ động số 2 ở Gia Lâm. Binh đoàn cơ động số 3 ở Vĩnh Yên, Việt Trì. Binh đoàn cơ động số 4 ở Hải Dương. Binh đoàn cơ động số 5 ở Bắc Giang. Binh đoàn cơ động Bắc Phi ở Phủ Lỗ. Binh đoàn cơ động số 7 ở Đông Triều.

Các tiểu đoàn dù đều đóng chung quanh Hà Nội.

Nghiên cứu cách bố trí lực lượng của địch, có thể thấy chúng đề phòng một cuộc tiến công lớn của ta về hướng trung du.

Cuộc chiến ở Triều Tiên nổ ra vào cuối tháng 6 năm 1950. Chỉ một thời gian ngắn, quân đội Bắc Triều Tiên đã chiếm được phần lớn Nam Triều Tiên. Mọi người đều vui mừng vì cuộc kháng chiến của Việt Nam không còn đơn độc. Riêng Bác giữ thái độ dè dặt. Bác nói với chúng tôi: "Quân đội Bắc Triều Tiên vượt giới tuyến tạm thời tiến xuống phía nam, nơi có quân Mỹ đóng, chắc chắn Mỹ sẽ phản ứng, nhất là sau khi Mỹ đã bị đẩy khỏi lục địa Trung Hoa. Cuộc chiến đấu của nhân dân Triều Tiên sẽ khó khăn và lâu dài". Khi chiến dịch Biên Giới bắt đầu nổ súng thì được tin quân Mỹ đổ bộ vào Triều Tiên, không chỉ ở Nam Triều Tiên mà cả bên trên vĩ tuyến 38. Sau đó, quân đội Bắc Triều Tiên buộc phải rút lui. Một bộ phận quân Mỹ tiến sát sông Áp Lục. Cuối tháng 10 năm 1950, Trung Quốc đã phải đưa quân chí nguyện sang Bắc Triều Tiên. Cuộc chiến đấu diễn ra rất quyết liệt. Chiến trường Triều Tiên trở thành nơi đối đầu quân sự giữa Đông và Tây, giữa quân đội Trung Quốc, quân đội Bắc Triều Tiên, máy bay Liên Xô, với quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu. Những tổn thất về người của cả hai bên đều rất lớn.

Đối với Bác, độc lập và thống nhất của Việt Nam là nguyên tắc không thay đổi. Nhưng suốt quá trình mưu tìm độc lập, tự do bao giờ Người cũng tính cách giành thắng lợi với tổn thất ít nhất bằng những sách lược khôn khéo. Từ đầu năm 1950, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được tất cả các nước xã hội chủ nghĩa công nhận. Sự kiện này mở ra một triển vọng mới cho cách mạng Việt Nam. Nhưng chúng ta cũng có thêm nghĩa vụ mới, và đứng trước những thử thách mới. Nước Việt Nam đã trở thành một tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á. Bác suy nghĩ rất nhiều.

Trong bản huấn thị ở hội nghị tổng kết chiến dịch Biên Giới, Người đã nhấn mạnh hai điều. Một, "trận thắng này mới chỉ là một thắng lợi bước đầu". Hai, "phải tranh thủ thời gian".

Những sa sút tinh thần của đội quân viễn chinh là điều cần sớm khai thác.

Chủ trương chiến lược của ta là nhanh chóng khuếch trương thắng lợi ở biên giới, liên tục tiến công tiêu diệt sinh lực địch để giữ

vững quyền chủ động, giải phóng từng vùng đất đai tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ làm thay đổi cục diện chiến trường.

Cũng trong hội nghị tại Chợ Đồn, anh Trường Chinh đã nhắc lại nhiệm vụ quân sự của Đảng năm 1950 trên chiến trường Bắc Bộ là:

"1. Giải phóng biên giới, mở thông đường giao thông vận tải quốc tế.

2. Đánh dần trung du, củng cố căn cứ địa chính, chọc thủng hành lang đông tây.

3. Phát triển du kích đến cao độ sau lưng địch, phá hoại kế hoạch chiếm đóng đồng bằng Bắc Bộ của chúng".

Lúc này, ở Bắc Bộ, đại bộ phận quân địch, gồm 51 tiểu đoàn, tập trung tại 15 tỉnh, thành ở đồng bằng và trung du, có diện tích 21.000 km² và 8.000.000 dân. Ở Tây Bắc, địch chỉ có 3 tiểu đoàn.

Nếu muốn tranh thủ thời cơ khi địch đang dao động lại chưa kịp củng cố thế phòng ngự tại đồng bằng, ta phải mở những chiến dịch nhắm vào trung du và đồng bằng, trước hết là trung du.

Đánh trung du sẽ có điều kiện tiêu diệt những sinh lực địch quan trọng, đẩy lui địch khỏi những vùng tương đối đông dân và trù phú giáp với Việt Bắc, góp phần củng cố và mở rộng căn cứ địa. Người dân các tỉnh trung du rất gắn bó với cách mạng đang trông đợi bộ đội về giải phóng. Một thuận lợi nữa là tại đây ta đã chuẩn bị được một số lương thực cho chiến dịch.

Nhưng đánh trung du là đụng vào phòng tuyến vòng ngoài bảo vệ Hà Nội. Những dải núi cao ở Việt Bắc, Tây Bắc đổ dần về châu thổ sông Hồng tới đây chỉ còn là những gò đồi trọc, cây cối lúp xúp, tiếp đến là những cánh đồng bằng phẳng không có địa hình cho bộ đội ẩn náu khi tác chiến. Trung du có một mạng đường sá, sông ngòi khá thuận tiện cho việc di chuyển xe thiết giáp và những thủy đội. Địa hình này cho phép địch phát huy sức mạnh của không quân, pháo binh và những binh đoàn cơ động. Đó là những thử thách mới đang chờ bộ đội ta.

Tôi trao đổi với đồng chí Vi Quốc Thanh về những thuận lợi và khó khăn khi bộ đội chuyển về tác chiến ở trung du và đồng bằng.

Bạn giới thiệu với chúng ta chiến thuật "bôn tập" của Giải phóng quân Trung Quốc. Bộ đội sẽ trú quân cách địch khoảng 15 kilômét, ngoài tầm pháo của chúng, bất thần tiếp cận địch ban đêm, tiêu diệt quân địch và giải quyết chiến trường trong vài giờ, quay trở về căn cứ xuất phát trước khi trời sáng. Cách đánh này cho phép ta hạn chế hỏa lực máy bay, đại bác địch, đặc biệt là hỏa lực máy bay. Nhưng chỉ có thể vận dụng nó trong đánh điểm. Nó rất phù hợp với cách đánh của ta trước đây là: giải quyết gọn cứ điểm địch trong một đêm để hạn chế ưu thế áp đảo của máy bay và pháo, vô hiệu hóa lực lượng tăng viện của địch. Chỉ có khác là lần này đánh các cứ điểm ở đồng bằng nên phải tiếp cận địch xa hơn, bộ đội sẽ bị tiêu hao nhiều hơn về thể lực.

Từ cuối tháng Chín, Bộ Tổng tham mưu đã cử cán bộ xuống phối hợp với Liên khu Việt Bắc chuẩn bị chiến trường. Hạ tuần tháng 11 năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương phê chuẩn phương án tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh, quyết định mở chiến dịch Trần Hưng Đạo, tiến công địch ở Trung Du, vùng duyên hải Đông Bắc và Liên khu 3, nhằm mục đích: — Tiêu diệt sinh lực địch. — Mở rộng khu lương thực, phát triển du kích chiến tranh. — Tranh thủ thời gian phá kế hoạch củng cố của địch.

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 2 đại đoàn, 5 trung đoàn chủ lực, 4 đại đội pháo binh, 4 tiểu đoàn bộ đội địa phương, và dân quân, du kích. Hướng chính là vùng trung du từ Việt Trì tới Bắc Giang, đòn tiến công chủ yếu nhằm vào khu vực Vĩnh Yên — Phúc Yên, có 2 đại đoàn. Hướng phụ là vùng duyên hải Đông Bắc có 2 trung đoàn, và Liên khu 3, với 3 trung đoàn.

Đảng ủy Mặt trận được chỉ định ngày 8 tháng 11 năm 1950 gồm 5 đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Trần Hữu Dực, Đào Văn Trường. Tôi là bí thư và chỉ huy trưởng mặt trận.

Chiến dịch sẽ chia thành 2 đợt hoạt động.

Đợt 1 nhằm thu hút quân viện và thăm dò cách đối phó của địch. Ta chủ trương dùng từng tiểu đoàn đứng chân trên địa bàn cách địch 10 — 15 kilômét, vận động thật nhanh tới đánh đồng loạt một số cứ điểm đột xuất trên tuyến trung du đối diện với ta. Lực lượng ta được

bố trí trên những khu vực dự kiến để tiêu diệt quân viện. Các đơn vị đánh điểm cần giải quyết chiến trường nhanh, rút nhanh, trước khi trời sáng đã trở về căn cứ.

Tới đợt 2, ta sẽ căn cứ vào cách đối phó của địch, tập trung lực lượng về một hướng địch yếu và sơ hở, vận dụng chiến thuật "đánh điểm diệt viện" từ tiêu diệt cứ điểm nhỏ, diệt viện nhỏ, tiến tới tiêu diệt cứ điểm lớn và diệt viện lớn.

Dự kiến những khó khăn trên chiến trường, Đảng ủy chủ trương làm công tác tư tưởng cho bộ đội hiểu rõ: Không nhất thiết trận đánh sau phải lớn hơn trận đánh trước, mà có thể góp nhiều chiến thắng nhỏ thành một chiến thắng lớn. Vận dụng kinh nghiệm của chiến dịch Biên Giới, Đảng ủy yêu cầu từng đơn vị vừa phát huy cao độ tính chủ động linh hoạt sáng tạo trong chiến đấu, vừa tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy theo một kế hoạch chung.

Để giữ bí mật về hướng và thời gian mở chiến dịch, 2 đại đoàn 308, 312 được lệnh ở lại biên giới cho tới gần ngày N.

Sở chỉ huy chiến dịch thời gian đầu chuyển về Khuôn Chu, chân núi Tam Đảo, sau sẽ chuyển lên đỉnh núi Tam Đảo. Tại đây có thể theo dõi tình hình mặt trận trên cả hai hướng Thái Nguyên và Vĩnh Yên.

Trước ngày lên đường đi chiến dịch, các đơn vị nhận được thư Bác. Từng phân đội cho đến tổ ba người đều động viên nhau thực hiện lời dặn dò của Bác:

"Mỗi một người, mỗi đơn vị, mỗi bộ phận đều phải:

Bí mật hơn

Nhanh chóng hơn

Kiên quyết hơn".

Tổng số quân tham dự chiến dịch Trần Hưng Đạo là 27.638 người. Trong đợt 1 chiến dịch, chúng ta chỉ đánh một số cứ điểm đại đội, hoặc đại đội tăng cường. Mục tiêu của đợt này là tiêu diệt từ 2 đến 3 tiểu đoàn. Một mục tiêu quá khiêm tốn so với chiến dịch Biên Giới.

Chúng ta vừa tiêu diệt hai binh đoàn địch trong vòng 13 ngày tại biên giới trong những trận đánh mặt đối mặt. Nhưng chỉ hai tháng sau, hôm nay, lại phải quay về cách đánh nhỏ trước đây? Chắc chắn không phải như vậy. Thời kỳ né tránh những cuộc tiến công của kẻ thù đã qua. Chúng ta bắt đầu đi tìm một trận đánh quyết định. Ta đã nhìn thấy những trở ngại khi đưa bộ đội về chiến đấu trên địa hình đồng bằng với một kẻ thù tuy đang dao động nhưng vẫn mạnh hơn ta rất nhiều về vũ khí và phương tiện.

Nhưng khi vào chiến dịch ta mới thấy chưa lường trước hết mọi khó khăn.

4

Chiến dịch Trần Hưng Đạo thường được gọi là chiến dịch Trung Du vì trung du được chọn là chiến trường chính, là nơi diễn ra những hoạt động chủ yếu của chiến dịch.

Lực lượng ta ở đây có 2 đại đoàn 308, 312 (thiếu 1 trung đoàn), 3 liên đội sơn pháo 75 ly, mỗi liên đội có 4 khẩu sơn pháo, 4 tiểu đoàn bộ đội địa phương của Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên — Phúc Yên), Bắc Ninh, Bắc Giang, và 2 đại đội công binh.

Lực lượng của địch ở 3 tỉnh trung du: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang có 14.806 người, bao gồm 9.326 quân Âu Phi, 5.480 lính ngụy và thổ phỉ. Binh đoàn cơ động số 3 của địch trú quân ngay tại Vĩnh Yên — Việt Trì. Các binh đoàn cơ động khác đóng ở Bắc Ninh, Gia Lâm, Bắc Giang, Hải Dương, Đông Triều có thể nhanh chóng can thiệp khi một nơi bị tiến công. Địch tuy đông nhưng phải phân tán để làm nhiệm vụ giữ đất. Đa số dân chúng trong vùng vẫn thuộc về ta. Trong 705 ban tề địch đã lập ở 3 tỉnh chỉ có 203 ban tề phản động, còn 502 ban đều có liên hệ với kháng chiến. Riêng tỉnh Vĩnh Phúc, được chọn làm hướng chủ yếu, là nơi địch tương đối yếu. Tại đây chúng có 4.300 người, với 2.400 Âu Phi, 1.900 lính ngụy, 5 pháo

105 ly và 4 pháo 75 ly. Địch đã lập 175 ban tề, nhưng chỉ có 20 ban tề phản động, 135 ban tề đã theo ta, 20 ban khác giữ thái độ lửng chừng. Có tình trạng này chính là do ta đã phát động được chiến tranh nhân dân. Trước áp lực mạnh của địch, lực lượng kháng chiến vẫn tồn tại bằng cách ẩn mình tại chỗ, khi có điều kiện lại xuất hiện phục hồi và phát triển phong trào. Mở những chiến dịch lớn thu hút lực lượng địch vào mặt trận chính là cách hỗ trợ tích cực cho chiến tranh nhân dân ở hậu địch phát triển.

Hạ tuần tháng 12 năm 1950, 2 đại đoàn chủ lực của ta từ Cao Bằng, Lạng Sơn bí mật di chuyển về phía nam. Bộ đội đã xa khu căn cứ hơn một năm. Những làng bản, phố xá trên dọc đường đối với họ xiết bao thân thuộc. Dưới những mái nhà tranh leo lét ngọn đèn dầu kia có những người thân đang trông chờ họ. Để giữ bí mật, không một cán bộ, chiến sĩ nào ghé qua nhà. Đoàn quân xuất hiện bất thần, đi mải miết, như một cơn lốc tràn qua khu căn cứ. Sau hai tháng học tập, củng cố, được nuôi dưỡng tốt với nguồn lương thực do Trung Quốc viện trợ, các chiến sĩ ta lại tràn đầy sinh lực, phấn khởi vì chiến thắng và mặt trận đang chuyển mình về phía nam.

Ngày 25 tháng 12 năm 1950, cả hai đại đoàn có mặt ở vị trí tập kết. Bộ đội đã hành quân mười bốn đêm liền từ biên giới Cao Lạng về tới trung du. Tới nơi là nổ súng đánh địch ngay để tạo thế bất ngờ.

Ta đã giữ được hoàn toàn bí mật trong chuyển quân. Nhưng kẻ địch vẫn tung ra một số hoạt động thăm dò. Từ trung tuần tháng 12 năm 1950, Bộ Tổng tham mưu đã thông báo cho các chiến trường xa, Bộ sẽ mở chiến dịch, các khu cần có hoạt động phối hợp, không cho địch đưa quân từ Nam tăng viện ra Bắc. Sau này chúng ta mới biết, nguồn tin tình báo quan trọng nhất mà địch thu thập được, lại chính là những bức điện mật mã của ta chuyển đi các địa phương.

Theo kế hoạch, chiến dịch Trần Hưng Đạo sẽ mở màn tại trung du vào đêm 26 tháng 12 năm 1950.

Sáng ngày 26 tháng 12, anh Lê Trọng Tấn, đại đoàn trưởng 312, báo cáo với Bộ chỉ huy chiến dịch một cánh quân địch ước chừng một binh đoàn đang tiến về Liễn Sơn, Xuân Trạch thuộc huyện Lập

Thạch, Vĩnh Phúc, là nơi 2 trung đoàn của 312 đang tập kết. Anh Tấn đề nghị cho đơn vị nổ súng tiêu diệt lực lượng này. Đây là điều đáng mừng. Ta đang định kéo quân địch ra khỏi công sự đi vào những khu vực ta đã chuẩn bị thì chúng lại tự ý tiến sâu vào vùng tự do đang có lực lượng ta!

Tôi đồng ý ngay với đề nghị của đại đoàn, và nói với đồng chí đại đoàn trưởng: "Không bỏ lỡ cơ hội tốt này. Coi như đơn vị các đồng chí nổ súng mở màn chiến dịch. Trận đầu phải thắng thật giòn giã!".

Anh Lê Trọng Tấn chỉ huy 3 tiểu đoàn đánh vận động, tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn da đen và tiêu hao nặng 1 tiểu đoàn khác. Địch hốt hoảng rút chạy bỏ lại cả trận địa pháo. Đại đoàn ngại lộ mục tiêu chiến dịch, không ra lệnh cho bộ đội truy kích. Không thấy ta đuổi theo, địch quay lại kéo pháo về Vĩnh Yên.

Viên quan tư tiểu đoàn trưởng bị bắt tại trận cùng với 300 quân, khai tên y là Pixca (*Piscard*) chỉ huy tiểu đoàn 1, trung đoàn 24 bộ binh người Xê-nê-gan (1/24 *RMTS*), thuộc binh đoàn cơ động số 8 do đại tá Muyle (*Muler*) chỉ huy, đang tham gia vào một chiến dịch càn quét có tên là "Con dế giun" (*Bécassine*).

Đại đoàn 312, vì bận tác chiến không có điều kiện tổ chức lễ thành lập đại đoàn, sau đó đã quyết định lấy ngày chiến thắng Liễn Sơn — Xuân Trạch (ngày 27 tháng 12 năm 1950) làm ngày truyền thống của đại đoàn. Chiến thắng Liễn Sơn — Xuân Trạch tạo đà phấn khởi cho chiến dịch. Tinh thần quân địch rõ ràng là chịu ảnh hưởng những thất trận ở biên giới.

Theo đúng kế hoạch, từ đêm ngày 26 đến đêm ngày 29 tháng 12 năm 1950, bộ đội ta đồng loạt tiến công nhiều vị trí địch ở cả Trung Du và Đông Bắc.

Hướng Trung Du, các tiểu đoàn thuộc 308 tiêu diệt gọn các vị trí Hữu Bang, Thần Lăn, Tú Tạo, Gò Sỏi, ấp Cà Phê, Gò Âu, và Yên Phụ. Riêng trận Chợ Thá phải dừng lại giữa chừng vì trời sáng. Trung đoàn 209 của 312 đánh Chợ Vàng hai lần không thành công.

Hướng Đông Bắc, trung đoàn 174 tiêu diệt vị trí Bình Liêu. Địch đưa viện lên Bình Liêu, nhưng trung đoàn 98 bỏ lỡ cơ hội đánh viện.

Bị uy hiếp mạnh, địch vội vã rút các vị trí Châu Sơn, Khe Mo, Phong Dụ, Hoàn Mô co về cố thủ ở Tiên Yên.

Bộ đội ta lần đầu tiêu diệt hàng loạt cứ điểm địch trên địa hình trung du, thực hiện thành công cách đánh bôn tập. Các trận đánh đều được giải quyết trong một đêm, tiến hành cùng lúc ở nhiều nơi, hạn chế khả năng chi viện bằng pháo binh, can thiệp bằng máy bay và những đội quân ứng chiến, khi trời sáng, bộ đội ta đã ra khỏi tầm kiểm soát của pháo binh địch.

Ngày 30 tháng 12 năm 1950, Bộ chỉ huy chiến dịch cho kết thúc đợt 1. Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho đợt này, loại khỏi vòng chiến đấu 1.200 quân địch, trong đó có 2/3 là Âu Phi.

Qua khai thác tù binh, ta biết địch đã phần nào phán đoán đúng hướng tiến công. Chúng dự kiến: hướng thứ nhất của ta sẽ tiến công từ Việt Trì tới Vĩnh Yên, nếu thắng sẽ tiến về Sơn Tây và Hà Nội. Hướng thứ hai sẽ đánh vào Bắc Ninh, Bắc Giang, rồi đánh thẳng về Hải Dương cắt đứt đường số 5. Đồng thời địch cũng đề phòng hướng Hải Ninh. Tuy nhiên, khi cuộc tiến công nổ ra, chúng vẫn lúng túng trong cách đối phó. Tinh thần của địch khá sút kém. Tại Xuân Trạch, khi bị bao vây, từng trung đội địch ra hàng. Ở các vị trí địch chống cự yếu ớt, thường rút vào hầm cố thủ chờ quân ứng cứu. Ở Bình Liêu, quân viện lên thấy đồn đã bị tiêu diệt lập tức rút lui.

Ngoài tiến bộ trong đánh tiêu diệt cứ điểm, công tác hậu cần chiến dịch cũng có bước phát triển. Ta đã đưa những kho gạo nhỏ vào sát mặt trận khoảng 6 kilômét, bảo đảm tiếp lương nhanh chóng cho bộ đội khi tác chiến. Bộ đội có lương khô mang theo. Các đại đội được cấp phiếu "Vận động chiến" có thể lấy lương thực, thực phẩm ngay tại chỗ, ở các xã vùng tạm bị chiếm trên địa bàn chiến dịch. Mỗi trung đoàn đều được phối thuộc từ 250 đến 300 dân công làm nhiệm vụ tải thương. Để tập trung lực lượng phục vụ chiến dịch, các trường trung cấp, sơ cấp quân y tạm thời nghỉ học; 10 bác sĩ, 91 y sĩ, dược sĩ, 264 y tá cứu thương lên đường ra tiền tuyến. Các ban quân y, trạm sơ cứu, đội phẫu thuật của đơn vị đều được bổ sung thêm thuốc men, dụng cụ.

Số thương vong trong đợt 1 của ta bằng hai phần ba của địch: 218 người hi sinh, 630 người bị thương.

5

Ngày 17 tháng 12 năm 1950, Đờ Lát cùng Lotuốcnô (*Letourneau*), bộ trưởng Bộ Quốc gia liên kết, đi máy bay riêng tới Sài Gòn.

Đờ Lát đã khẳng định uy quyền của mình ngay từ giây phút đầu tiên. Ông ta xuất hiện một mình ở khung cửa máy bay với bộ lễ phục màu trắng nổi bật. Dừng lại giây lát tay chống can, đưa mắt nhìn đám đông, rồi ông ta mới chậm rãi bước xuống cầu thang. Đờ Lát không giấu giếm thái độ lạnh nhạt và coi thường hai người tiền nhiệm về dân sự và quân sự ra đón mình. Ông ta tuyên bố cách chức tại chỗ viên tư lệnh địa phương đã tổ chức một cuộc duyệt binh thảm hại.

Ngay ngày hôm sau, 18 tháng 12, tại Bộ tổng tham mưu, Đờ Lát quyết định trả về Pháp hầu hết những người đang điều hành các bộ phận, và thay thế bằng bộ sậu do mình đem theo: Xalăng (*Salan*), vì quen biết Đông Dương, được chỉ định làm Phó tổng chỉ huy; các đại tá AnLa (*Allard*), Bôphrơ (*Beaufre*), Cônhi (*Cogny*), Graxiơ (*Gracieux*) đều là những sĩ quan đã phục vụ tại tập đoàn quân 1 dưới quyền của Đờ Lát.

Viên tướng năm sao rất nhiều tự tin, đã 62 tuổi, không có ý định chôn vùi sự nghiệp của mình trên chiến trường xa xôi tại một thuộc địa cũ của Pháp. Đờ Lát biết nhà cầm quyền Pháp muốn trao chức vụ này cho mình từ trước khi có lời đề nghị chính thức. Ông ta đã cân nhắc mọi khó khăn. Và ông ta cho rằng mình hoàn toàn có khả năng khôi phục lại tình thế, thậm chí giành chiến thắng bằng việc giữ chắc đồng bằng Bắc Bộ, và xây dựng một đội quân bản xứ thật mạnh với sự giúp đỡ của Mỹ. Ông ta sẽ làm được một việc mà tất cả các giới

chính trị, quân sự ở nước Pháp đều coi là bế tắc, góp thêm vào thành tích binh nghiệp của mình lúc cuối đời.

Cũng trong ngày, Đờ Lát được tin những binh lính ở Đình Lập, vị trí cuối cùng còn lại trên đường số 4 nối liền Lạng Sơn với Tiên Yên, đã tự động bỏ đồn rút chạy trước sức ép của đối phương.

Ngay hôm sau, ngày 19 tháng 12, Đờ Lát bay ra Hà Nội. Đúng ngày này bốn năm trước, Valuy đã làm nổ ra trận đánh trên toàn chiến trường Đông Dương. Dưới bầu trời ảm đạm một buổi chiều đông mưa phùn, tám tiểu đoàn quân viễn chinh trong những bộ trang phục cũ kỹ tổ chức một cuộc diễu binh ỉu xìu đón chào tân tổng chỉ huy. Đờ Lát rời lễ đài tiến lại gần binh lính, chăm chú ngắm nhìn họ với cặp mắt thông cảm. Chờ cuộc diễu binh kết thúc, Đờ Lát triệu tập các sĩ quan tới gặp mình. Ông ta nói với họ bằng một luận điệu hoàn toàn mới: "Cuộc chiến của chúng ta không vụ lợi, chính là vì toàn bộ nền văn minh mà chúng ta chiến đấu bảo vệ Bắc Kỳ. Chúng ta không chiến đấu để thống trị, mà cho sự nghiệp giải phóng. Chưa bao giờ chiến tranh lại cao quý như vậy. Tôi mang tới cho các bạn chiến tranh cùng với sự cao thượng của nó... Tôi cam đoan chắc với các vị, quân sự cũng như dân sự, từ nay các vị sẽ được chỉ huy". Ngày tiếp theo, Đờ Lát xuống Hải Phòng. Ông ta lặp lại cách làm ở Hà Nội: Đờ Lát cảnh cáo không thương tiếc những sĩ quan thất trận ở biên giới.

Kiểu cách riêng của Đờ Lát đã tác động đáng kể đến tinh thần sa sút của quân viễn chinh.

Ngày 27 tháng 12, bộ trưởng Lotuôcnô chuyển giao cho Đờ Lát một văn thư 23 trang trình bày những chính sách chủ yếu của Pháp ở Đông Dương và thu tóm tư tưởng của chính phủ nhằm định hướng hành động cho Đờ Lát. "Toàn bộ hành động của ngài phải dựa trên nguyên tắc: làm cho nền độc lập của các quốc gia liên kết có hiệu lực chừng nào hay chừng ấy, không coi nhẹ bất cứ điều gì có thể cần cho sự điều khiển một cuộc chiến khó khăn. Phải đem lại cho các quốc gia liên kết những phương tiện và ý chí đảm nhận lấy trách nhiệm chiến đấu chống Việt Minh, đòi hỏi chính phủ của họ cầm

quyền và dẫn đầu họ theo một chương trình hành động cho phép ngay tức khắc thành lập những đội quân quốc gia".

Về quân sự, nhiệm vụ của Đờ Lát là "phải nâng cao tinh thần suy sụp của quân đội vì những thất bại trên đường số 4, phải thích ứng với sự gia tăng chất lượng khó lường trước ở kẻ thù, và một cuộc can thiệp Trung Hoa có thể xảy ra. Trước mắt, theo quyết định của Hội đồng Quốc phòng thì nhất thiết phải bảo vệ Bắc Kỳ, kiên quyết bảo vệ xứ Thái. Nhưng tất nhiên, sự bảo vệ đội quân viễn chinh vẫn quan trọng trên hết. Trong trường hợp cuối cùng, có thể tính đến khả năng di tản bộ phận về Hải Phòng và chung quanh căn cứ Đà Nẵng. Ngược lại, sự có mặt của quân đội Pháp ở Nam Kỳ, nơi vẫn còn những lợi ích chính trị, kinh tế Pháp, là có "tầm quan trọng sống còn".

Đó là những chỉ thị mang nặng tính phòng ngự, dè chừng những biến cố xấu nhất có thể xảy ra, xác định sứ mệnh chủ yếu của Đờ Lát là không để cho đội quân viễn chinh bị tiêu diệt và duy trì một số quyền lợi của Pháp ở Nam Bộ.

Nhưng Đờ Lát có những tham vọng lớn hơn nhiều.

Ông ta không thể bắt đầu sự nghiệp trên chiến trường Đông Dương bằng một cuộc rút lui có giới hạn. Rút lui khỏi miền Bắc sẽ kéo theo sự suy sụp về tinh thần của quân viễn chinh, của quân đội các quốc gia liên kết, và sẽ là sự ra đi vĩnh viễn của Pháp. Vùng vựa lúa châu thổ sông Hồng với 8 triệu dân nếu bị Việt Minh giành lại, cùng với những vũ khí do Trung Quốc và Liên Xô viện trợ, sẽ là hiểm họa lâu dài đối với cả Đông Nam Á. Đồng bằng Bắc Bộ là chiếc then cửa (*verrou*) của Đông Dương. Nó phải trở thành nơi ngăn chặn những đợt sóng đỏ từ phía bắc tràn xuống. Trái với ý định của Chính phủ Pháp, Đờ Lát chủ trương dồn mọi nỗ lực chiến tranh vào miền Bắc, chủ yếu là đồng bằng Bắc Bộ, để xoay chuyển tình hình, giành lại quyền chủ động trên chiến trường, cuối cùng sẽ đi tới phản công. Hiểu rõ tính bảo thủ của bọn quan cai trị thực dân cũ tại Đông Dương, Đờ Lát đã đòi Chính phủ Pháp phải trao toàn bộ quyền lực về quân sự và chính trị cho mình, vì ông ta biết muốn đạt được ý đồ phải dựa vào Mỹ, và không thể bỏ qua một số yêu cầu của Mỹ.

Đờ Lát quay về Sài Gòn thì chiến dịch Trung Du nổ ra.

Đề nghị của Đờ Latua (*De Latour*) xin rút quân khỏi Tiên Yên và Móng Cái khiến Đờ Lát hết sức tức giận. Từ Sài Gòn, Đờ Lát ra lệnh phải ngừng tất cả những cuộc rút lui. Sau đó là những mệnh lệnh liên tiếp: Xalăng phải bay ngay ra Hà Nội nắm quyền chỉ huy Bắc Bộ từ tay Đờ Latua. Lấy từ Nam Bộ và Trung Bộ 3 tiểu đoàn bộ binh, 1 cụm pháo tăng cường cho Bắc Bộ. Phải điều ngay từ đồng bằng Bắc Bộ 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 binh đoàn cơ động, 1 dàn pháo tập trung vào Tiên Yên, Móng Cái để bảo vệ khu vực này bằng mọi giá. Hạm đội của đô đốc Oóctôli (*Ortoli*) phải di chuyển tới vùng biển ngoài khơi Tiên Yên, dùng trọng pháo yểm hộ cho bộ binh. Riêng Hà Nội sẽ được bảo vệ bằng 3 binh đoàn cơ động.

Ngày 31 tháng 12, Đờ Lát trực tiếp tới Tiên Yên động viên binh lính phải đứng vững trước mọi cuộc tiến công.

Chiếc máy bay Moran (*Morane*) đưa Đờ Lát tới các mặt trận. Tại đâu cũng có những cuộc duyệt binh, gắn huân chương và những lời khích lệ.

Như vậy, ở hướng phối hợp Đông Bắc, 2 trung đoàn 174 và 98 của ta đã thu hút được một bộ phận quan trọng quân địch.

Sang đợt 2 chiến dịch, Bộ chỉ huy hạ quyết tâm trên hướng chính Trung Du, sẽ tiêu diệt thị xã Vĩnh Yên, là nơi binh đoàn cơ động số 3 của địch đang chiếm giữ. Binh đoàn này đã bị thiệt hại nặng trong đợt 1. Vĩnh Yên là nơi địch yếu so với những nơi khác trên tuyến trung du. Ta sẽ tiêu diệt cứ điểm lớn, đồng thời chuẩn bị tiêu diệt quân viện. Lực lượng sử dụng là 3 trung đoàn 36, 88, 102 của 308, 2 trung đoàn 209, 141 của 312, 2 tiểu đoàn địa phương của Vĩnh Phúc và Phú Thọ cùng với 3 liên đội sơn pháo 75.

Hướng phụ từ Đông Bắc sẽ chuyển về Bắc Giang với 2 trung đoàn 174 và 98 cùng với 3 tiểu đoàn địa phương Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Yên và 1 liên đội sơn pháo 75 ly. Hướng phối hợp là Liên khu 3: Mặt trận Sơn Tây do đại đoàn 320 và tiểu đoàn địa phương Sơn Tây — Hà Đông phụ trách. Đại đoàn 304 và lực lượng địa phương chịu trách nhiệm mặt trận Ninh Bình. Mặt Tả Ngạn giao cho trung đoàn 42 và lực lượng địa phương.

Ngày 10 tháng 1 năm 1951, Bộ Tổng tham mưu tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị ở hướng chính tại sở chỉ huy chiến dịch ở Khuôn Chu, huyện Đại Từ, chân núi Tam Đảo. Tôi nói với hội nghị: "Quyết tâm của Đảng ủy trong đợt 2 chiến dịch là tập trung ưu thế binh hỏa lực trên chiến trường Vĩnh Yên đánh điểm diệt viện. Đờ Lát, Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Đông Dương sang nhận chức vào trung tuần tháng 12 năm 1950 đã tuyên bố: "Không bỏ một tấc đất nào!". Nên ta đánh điểm, diệt sẽ viện, viện nhanh và mạnh!".

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển từ Khuôn Chu lên đỉnh Tam Đảo. Chúng tôi ở tại thị trấn trên bình độ 800. Thị trấn đã bị phá hoại hoàn toàn, nhưng vẫn có thể lợi dụng những căn hầm còn lại ở các nhà nghỉ mát của viên toàn quyền Pháp cũ và Bảo Đại. Giữa mùa đông, Tam Đảo lạnh buốt, thường có sương mù. Những khi trời trong, có thể theo dõi qua ống nhòm những trận đánh trên chiến trường Vĩnh Yên.

Đờ Lát không chờ đợi đợt tiến công mới của ta. Ông ta đã nghĩ ngay tới cách giành lại quyền chủ động chiến dịch. Bôphơ đề nghị cuộc hành binh "hình thang" (*Trapeze*), sử dụng 5 binh đoàn cơ động đánh lên Thái Nguyên, nhắm vào cơ sở hậu cần của ta, theo phán đoán là ở chân dãy núi Bắc Sơn. Đờ Lát cảm thấy kế hoạch này quá nguy hiểm. Ông ta quyết định thay nó bằng một cuộc hành binh hạn chế, sử dụng 2 binh đoàn cơ động do viên quan tư Rôđông (*Redon*) chỉ huy, hướng về phía Chủ vào ngày 15 tháng 1 năm 1951.

Nhưng Đờ Lát chưa kịp thực hiện kế hoạch này, thì cuộc tiến công đợt 2 của chiến dịch Trung Du đã bắt đầu.

Để nghi binh thu hút địch, đêm 12 tháng 1 năm 1951, trên hướng thứ yếu ở Bắc Bắc, các trung đoàn 98 và 174 nổ súng trước. 174 tiêu diệt đồn Đồng Kế. 98 đánh Cẩm Lý không thành công.

Đêm ngày 13 tháng 1, ở hướng chính, trung đoàn 141 đánh vị trí Bảo Chúc nằm ở tây — bắc Vĩnh Yên 11 kilômét. Đây là một cứ điểm mạnh bảo vệ phía bắc thị xã Vĩnh Yên, có hệ thống lô cốt, hầm hào khá vững chắc, bao bọc bằng bảy lớp vật cản, do 5 trung đội địch chiếm giữ. Các trung đoàn 88, 36, và 209 chiếm lĩnh trận địa ở khu vực Cẩm Trạch, Thanh Vân, Đạo Tú chuẩn bị sẵn sàng đánh viện từ Vĩnh Yên lên.

Quân địch ở Bảo Chúc chống giữ quyết liệt. Từ nửa đêm đến 4 giờ sáng ngày 14 tháng 1, ta mới mở hết hàng rào. Trận đánh chỉ kết thúc vào buổi trưa, ta tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch. Sáng ngày 14, binh đoàn cơ động số 3 từ Vĩnh Yên chia làm hai cánh lên ứng cứu cho Bảo Chúc. Muyle, chỉ huy binh đoàn, bị cách chức sau trận Liễn Sơn, đã được thay thế bằng Vanuyssem (*Vanuxem*). Tiểu đoàn 8 Mường đi đầu tới Thủy An thì bị trung đoàn 209 chặn đánh, vội co về dãy đồi Cẩm Trạch chống đỡ. Trong khi đó, những tiểu đoàn phía sau của GM3 vẫn tiếp tục dồn lên. Chờ đợi bộ phận quân địch lọt vào khu vực dự kiến, các trung đoàn 36 và 88 nhanh chóng xuất kích, vừa vận động tiếp cận địch, vừa hình thành thế bao vây và chia cắt. Bộ đội ta và quân địch quần nhau trên một cánh đồng giữa vùng gò đồi trống trải. Quân địch có máy bay và pháo binh hỗ trợ, nhưng lâm vào thế bị động ngay từ đầu, nên dần dần tan vỡ. Binh đoàn số 3 sau trận Liễn Sơn đã được củng cố, lần này lại bị thiệt hại nặng: Quân địch tháo chạy về Vĩnh Yên. Bộ đội ta truy kích tới sát thị xã Vĩnh Yên thì dừng lại vì trời đã tối. Trên đường ta truy kích, quân địch ở một số đồn như: Tam Lộng, Mậu Thông, Quất Lưu, Mậu Lâm bỏ vị trí rút chạy.

Trong đêm ngày 14, cơ quan tham mưu báo cáo với tôi, bộ phận kỹ thuật thu được điện của Vanuyssem gửi bộ chỉ huy Bắc Bộ: "Vĩnh Yên thực sự bị bao vây" (nguyên văn: *Vinh Yen est pratiquement encerclé*). Galibe (*Galibert*), chỉ huy phân khu Vĩnh Phúc, cũng xin gửi gấp quân tăng viện. Địch ở thị xã Vĩnh Yên đang rất hoang mang. Nửa đêm, tôi gọi điện cho anh Lê Trọng Tấn, rồi anh Vương Thừa Vũ, hỏi có thể điều ngay 1 trung đoàn tập kích vào Vĩnh Yên? Nhưng cả hai đại đoàn đều không nắm được các đơn vị đang vận động, xin cho đánh vào đêm 15.

Ở hướng phối hợp: đại đoàn 320 diệt 9 vị trí nhỏ trên đường số 11 Sơn Tây — Trung Hà, tiêu diệt 1 đại đội Âu Phi, thu 1 khẩu pháo. Đại đoàn 304 tiêu diệt 6 vị trí nhỏ ở Ninh Bình. Bộ đội địa phương 5 tỉnh trung du phối hợp tác chiến từ ngày 20 tháng 12 năm 1950 đến ngày 11 tháng 1 năm 1951 thu được một số kết quả. Riêng bộ đội địa phương ở Vĩnh Tường tiêu diệt 1 đồn, 9 tháp canh, bức rút vị trí Chợ Vàng mà trong đợt 1 trung đoàn 209 đánh hai lần không thành công.

Ở Hà Nội, Xalăng ra lệnh cho binh đoàn cơ động số 1 tiến lên Phúc Yên, sẵn sàng thọc vào sườn đối phương, và 1 tiểu đoàn dù chuẩn bị nhảy xuống Đồng Đậu cách Vĩnh Yên 5 kilômét vào hôm sau.

4 giờ chiều ngày 14, Đờ Lát đang tổ chức họp báo ở Sài Gòn tuyên truyền về cuộc chống giữ ở Cẩm Lý, thì được tin dữ ở Vĩnh Yên. Đờ Lát lập tức giải tán các nhà báo, tự mình tính cách đối phó. Ông ta chỉ thị cho Xalăng và viên quan tư Rodông phải tới ngay Vĩnh Yên để lượng định tình hình tại chỗ, phối hợp hoạt động các lực lượng. Đêm hôm đó, Đờ Lát quyết định rút binh đoàn cơ động số 2 từ Lục Nam về tung vào chiến trường Vĩnh Yên, và ra lệnh cho tham mưu trưởng Anla lấy từ Nam Bộ và Trung Bộ 5 tiểu đoàn đưa ra Bắc, lập ngay một cầu hàng không bảo đảm việc vận chuyển. Đờ Lát chỉ thị cho Maricua (*Maricourt*), đại tá chỉ huy không quân, sử dụng ngay loại bom napan (*napalm*) Mỹ vừa gửi tới Hải Phòng, và huy động toàn bộ máy bay chiến đấu vào Vĩnh Yên. Vẫn lo sợ Việt Minh thu hút sự chú ý của quân Pháp về Vĩnh Yên rồi bất thần mở một cuộc tiến công từ Tam Đảo về Hà Nội, Đờ Lát ra lệnh tập trung một lực lượng bộ binh quan trọng và chiến xa, do Bôphơ chỉ huy, tại bắc thành phố về phía cầu sông Đuống.

Đêm ngày 14, tại Vĩnh Yên, ngoài tiểu đoàn Mường bị thiệt hại nhẹ, Vanuyxem chỉ còn thu thập được 240 lính kỵ binh Angiêri và 280 lính Ma rốc, đều kiệt sức, đạn dược đã cạn, thấp thỏm chờ đợi từng phút một đợt tiến công mới của bộ đội ta.

Sáng ngày 15, binh đoàn cơ động số 1 tiến lên Vĩnh Yên vấp phải trận địa của 102 ở Ngoại Trạch, Khai Quang, Mậu Thông, phía đông — nam thị xã. Bộ đội ta đánh bật cánh trái của quân địch phải lùi về

Hương Canh, đồng thời chia cắt bao vây 2 đại đội của tiểu đoàn 3 trung đoàn 1 bộ binh Angiêri (*III/1er RTA*). Quân ta dồn cả binh đoàn 1 vào thế chống đỡ. Giữa lúc đó máy bay địch xuất hiện và thả bom cháy xuống trận địa. Các chiến sĩ ta lần đầu gặp bom napan chưa biết cách đối phó. Trong ngày hôm đó, máy bay địch xuất kích 70 lần, ném xuống trận địa rất nhiều bom cháy. Bộ đội dùng vải nhựa, chăn trấn thủ trùm lên người để tránh napan. Quân địch nhân lúc đó phản công mở một con đường về phía Vĩnh Yên, nhưng suốt ngày chúng không tiến được quá 1 kilômét.

Từ trên đỉnh Tam Đảo, những lúc quang mây, không phải dùng ống nhòm cũng nhìn rõ những chiếc máy bay lao xuống trút bom lửa ở phía Vĩnh Yên.

Binh đoàn số 3 vẫn bị 209 bao vây chặt trong thị xã. Quân địch nhiều lần tổ chức đánh giải vây để bắt liên lạc với binh đoàn 1 nhưng đều bị đẩy lùi.

4 giờ 30 chiều, 1 chiếc Moran đưa Đờ Lát và Xalăng tới thị xã Vĩnh Yên thật ních người bị thương.

Đứng trên đài quan sát, Đờ Lát hỏi viên chỉ huy:

— Thế nào Rơđông, vẫn chưa kết thúc vụ rắc rối này ư?

Viên đại tá cãi lại, nếu coi đây chỉ là một "vụ rắc rối" thì không đúng. Với 18 tiểu đoàn của 2 đại đoàn 308 và 312, nếu trận đánh ở đây thất bại thì mục tiêu sắp tới của Việt Minh sẽ là Hà Nội. Đờ Lát tỏ vẻ ngạc nhiên.

Nhưng Vanuyxem đồng tình với Rơđông. Đờ Lát quay về phía Xalăng, trách:

— Xalăng, hoặc là ông đánh lừa tôi, hoặc là ông đã lạc quan tếu! Rồi ông ta hỏi Rơđông:

— Ông sợ cái gì và ông cần những phương tiện gì!

— Xin tăng cường cho binh đoàn số 1, tôi cần có một lực lượng dự trữ bảo đảm, có nghĩa là thêm 6 tiểu đoàn cùng với pháo binh.

— Ông sẽ có tất cả.

Về tới Hà Nội, Đờ Lát viết cho Rơđông: "Trong sáng mai, ông sẽ có 12 tiểu đoàn và 3 cụm pháo. Tôi nghĩ như vậy công việc có thể tiến triển"¹¹.

Buổi tối, vì phải cứu chữa thương binh và chuẩn bị đạn dược cho trận đánh ngày hôm sau, các đơn vị được lệnh rời trận địa. Vòng vây dần ra. Đêm hôm đó, binh đoàn cơ động số 1 tới được thị xã Vĩnh Yên.

Sáng ngày 16, hai binh đoàn cơ động số 1 và số 3 chia làm ba mũi đánh chiếm khu núi Đanh.

Núi Đanh là một dải núi đất chạy dài vượt lên khỏi các triền đồi trọc ở phía bắc và đông — bắc thị xã 6 – 7 kilômét, mồm cao nhất là điểm cao 210 nằm sát con đường từ thị xã lên thị trấn Tam Đảo, có khả năng quan sát và khống chế rộng một vùng chung quanh.

Trên núi Đanh đã có một bộ phận của trung đoàn 209 chiếm giữ. Khi địch tiến công lên, cán bộ, chiến sĩ ta anh dũng đánh trả, nhưng trước sức mạnh áp đảo của bộ binh, máy bay và pháo binh địch, cuối cùng bộ đội ta bị chúng đánh bật khỏi trận địa. Binh đoàn cơ động số 1 chiếm toàn bộ dãy núi Đanh, trong khi đó, binh đoàn cơ động số 3 cũng lần lượt chiếm giữ một số mồm đồi ở phía đông — bắc thị xã.

Trước tình hình trên, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định: Vĩnh Yên được tăng viện nhiều quân, địch đã củng cố phòng ngự, điều kiện đánh viện không còn, vì lực lượng viện của địch đã chia nhau chiếm giữ những điểm cao bên ngoài thị xã tạo nên một phòng tuyến liên hoàn đối phó với cuộc tiến công của ta. Những điểm cao địch mới chiếm đều chưa có công trình phòng ngự vững chắc. Ta cần bỏ phương án tiến công thị xã Vĩnh Yên, chuyển sang đánh quân địch trên dãy núi Đanh khi chúng còn thừa có thời gian củng cố công sự. Bộ đội ta đã có kinh nghiệm đánh những điểm cao địch mới lần chiếm trong chiến dịch Biên Giới.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tập trung lực lượng tiến công địch tại khu vực núi Đanh. Lực lượng được bố trí như sau: trung đoàn 36, trung đoàn 88 và trung đoàn 209 chia thành nhiều mũi tiến công quân địch. Trung đoàn 141 làm nhiệm vụ chặn đường rút lui của địch về thị xã. Trung đoàn 102 làm lực lượng dự bị chiến dịch.

Sau một buổi sáng chuẩn bị gấp rút, 13 giờ 30 ngày 16 tháng 1, các đơn vị bắt đầu xuất kích. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ngay từ lúc bộ đội ta vận động tiếp cận địch cho tới khi xung phong đánh chiếm mục tiêu. Máy bay và các trận địa pháo, dưới sự chỉ điểm của máy bay trinh sát, không ngừng trút bom napan, đạn đại bác vào đội hình quân ta. Song với tinh thần dũng cảm phi thường và kỹ thuật tiếp cận khéo léo, các đơn vị đã vượt qua được lưới lửa dày đặc của địch, tiến hành công kích. Trung đoàn 209 chiếm được các điểm cao 70, 103. 5 giờ chiều, trung đoàn 36 tiến lên điểm cao 157. Một cánh quân viện của binh đoàn cơ động số 3 từ Vĩnh Yên lên, bị trung đoàn 209 chặn đánh phải quay lui về thị xã. Trước khi trời tối, binh đoàn cơ động số 1 và tiểu đoàn dù 10 thuộc địa (*10è BPCP*) đóng trên dãy núi Đanh chặn chĩnh lại lực lượng, bố trí thành đội hình vòng tròn trên các điểm cao. Đêm ngày 16, các đơn vị của 308, 312 lại mở một đợt tiến công mới vào các cụm quân địch trên núi Đanh. địch thả pháo sáng cho máy bay ném bom và bắn đại bác dữ dội ngăn chặn những đợt xung phong của quân ta. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trên những điểm cao 47, 101, 210. 2 giờ sáng ngày 17, ta chiếm được điểm cao 101 đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn Ma rốc (II/6 RTM), chọc thủng tuyến phòng ngự của địch, nhưng lực lượng đã bị tiêu hao nhiều. Riêng ở điểm cao 210, vì thiếu hiệp đồng chặt chẽ giữa các hướng, các đợt xung phong của ta đều bị đẩy lùi.

7

2 giờ sáng ngày 17 tháng 1 năm 1951, thấy cuộc tiến công gặp nhiều khó khăn, Bộ chỉ huy chiến dịch hạ lệnh thu quân. Yếu tố bất ngờ không còn. Đờ Lát đã vơ vét những lực lượng trên toàn chiến trường Đông Dương để tập trung đối phó với 5 trung đoàn chủ lực của ta ở hướng trung du.

Lần đầu, bộ đội ta trực tiếp đọ sức với nhiều binh đoàn cơ động Pháp trong những trận đánh mặt đối mặt, cả ban ngày và ban đêm,

trên địa hình đồi núi thấp và đồng bằng. Pháp đã sử dụng những lực lượng tinh nhuệ nhất, phát huy tối đa sức mạnh các loại vũ khí do Mỹ viện trợ. Bộ đội ta đã chiến đấu 23 ngày đêm liên tục. Ta loại khỏi vòng chiến khoảng 5.000 quân địch, trong đó có hơn 2.000 tên bị bắt sống, tiêu diệt 30 vị trí, trong đó có 10 vị trí đại đội, thu được hơn 1.000 súng các loại đủ trang bị cho một trung đoàn. Một phần phía bắc các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên ở trung du, hai huyện Bình Liêu, Hoàng Mô ở Đông Bắc được giải phóng, vùng tự do tỉnh Hải Ninh mở rộng đến sát Tiên Yên, Móng Cái. Chiến tranh du kích trong vùng địch hậu trung du và Liên khu 3 bắt đầu phục hồi.

Đây là trận đánh vận động lớn thứ hai của quân đội ta. Nếu như trong trận thứ nhất trên chiến trường rừng núi biên giới, bộ đội ta đã chứng tỏ tính ưu việt của mình, thì trận thứ hai này ở vùng đồi núi thấp không có địa hình hiểm trở, không có cây cối che phủ, nhiều cánh đồng bằng phẳng, bên cạnh những ưu điểm được phát huy đã bộc lộ những nhược điểm khá rõ.

Cơ động nhanh là một yêu cầu không thể thiếu trong đánh vận động. Trong cuộc chạy đua giữa núi rừng Cao Bắc Lạng, ta thường tới đích trước quân địch một vài giờ, và đặt chúng vào tình thế bị động. Ở trung du tình hình đã diễn ra ngược lại. Với máy bay và xe cơ giới, quân địch thường di chuyển nhanh hơn ta. Tình hình địch biến động cực kỳ mau lẹ. Hướng đông — bắc khi ta bắt đầu nổ súng hoàn toàn sơ hở, chỉ một thời gian ngắn địch đã có thêm hai binh đoàn cơ động. Thị xã Vĩnh Yên đêm hôm trước, binh đoàn cơ động số 3 chỉ còn lại dăm trăm lính Âu Phi kiệt sức và tuyệt vọng, đêm sau đã trở thành một vị trí đầy ắp quân lính.

Trong đánh vận động, lượng tiêu thụ đạn dược rất cao. Một khẩu súng tối tân nhất cũng trở thành vô dụng khi không còn đạn! Toàn bộ công việc tiếp tế đạn của ta đều dựa trên đôi chân và đôi vai của những anh, chị dân công!

Chúng ta thiếu nhiều vũ khí cần cho đánh vận động. Ta không đủ vũ khí nặng để chế áp những trận địa pháo của địch. Ta hoàn toàn không có vũ khí phòng không. Do đó, những mũi tiến công và đội

hình xung phong của ta trở thành mục tiêu của máy bay cường kích và những khẩu pháo được điều chỉnh bởi máy bay "bà già".

Các chiến sĩ ta đã đánh toi tã binh đoàn cơ động số 3 ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Tú, bẻ gãy những mũi tiến công của binh đoàn cơ động số 1 có máy bay yểm trợ trên đường Phúc Yên — Vĩnh Yên và đẩy quân địch vào thế phải chống trả suốt cả một ngày, nhưng họ không thể đối phó được với bom napan và những loạt đạn pháo rơi trúng đội hình trong những đợt xung phong.

Chúng ta chưa có khả năng khắc phục những nhược điểm này.

Sáng ngày 17 tháng 1 năm 1951, chúng tôi quyết định kết thúc chiến dịch Trung Du.

8

Từ trung du trở về, tôi tới gặp Bác và anh Trường Chinh, báo cáo tình hình chiến dịch. Cách đối phó của Đờ Lát rất kiên quyết, kịp thời, khác hẳn với những tổng chỉ huy Pháp ta đã gặp. Tôi đề nghị Trung ương cho mở tiếp một chiến dịch mới. Ta cần đẩy mạnh hoạt động quân sự trước mùa mưa, không để cho Đờ Lát có thời gian củng cố lực lượng và càn quét đồng bằng. Bác và anh Trường Chinh nói chuẩn bị ngay kế hoạch. Bác nói sẽ có thư động viên bộ đội nhân dịp kết thúc chiến dịch Trung Du.

Chỉ còn hai mươi ngày nữa là tới Đại hội Đảng, Tổng quân ủy được mời họp gấp. Cuộc họp có mặt các đồng chí cố vấn.

Trung ương Đảng đã có dự kiến sau chiến dịch Trung Du sẽ mở chiến dịch ở Liên khu 3 tiến tới giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Chiến dịch Trần Hưng Đạo kết thúc không thuận lợi mang lại sự phân vân. Có ý kiến nên mở một chiến dịch theo hướng Lục Nam, vẫn trên địa hình trung du. Các cố vấn gợi ý nên đánh Móng Cái để hoàn thành giải phóng toàn bộ biên giới phía bắc.

Tôi nhận thấy trung du tuy là chiến trường quen thuộc, thuận lợi về mặt tiếp tế, nhưng phòng tuyến địch ở Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc

Giang đã được củng cố, lực lượng địch tại đây rất đông, thường xuyên đề phòng một cuộc tiến công mới của ta. Liên khu 3 có những địa bàn địch yếu, sơ hở, nhưng đường vận chuyển xa lại bị nhiều sông ngòi chia cắt, khó giải quyết vấn đề tiếp tế lương thực, đạn dược. Liên khu 3 cũng giống trung du là nơi địch có thể tăng viện rất nhanh. Thị xã Móng Cái nằm quá sâu trong vùng địch, đường vận chuyển khó, lại ở gần bờ biển dễ bị pháo của hạm đội khống chế, nếu ta giải phóng được thị xã này thì cũng khó giữ. Tổng quân ủy bàn bạc với các cố vấn. Mọi người đều nhất trí nên chọn một địa bàn xung yếu mà địch có sơ hở, vẫn trên địa hình trung du, nhưng lại có rừng núi phù hợp với những điều kiện đánh điểm diệt viện của bộ đội ta. Tôi gửi một bản báo cáo lên Thường vụ và Bác đề nghị tạm hoãn mở chiến dịch ở Liên khu 3 và chuyển hướng sang Đông Bắc. Thường vụ và Bác nhất trí.

Ngày 30 tháng 1 năm 1951, Trung ương Đảng chỉ định Đảng ủy chiến dịch gồm 5 đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Chu Văn Tấn, Hoàng Văn Thái, Trần Hữu Dực. Tôi là bí thư đảng ủy kiêm chỉ huy trưởng chiến dịch. Trung ương xác định mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, phá kế hoạch chấn chỉnh phòng ngự của chúng và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Mục tiêu đề ra là diệt từ 6 đến 8 tiểu đoàn. Chiến dịch mang tên anh hùng dân tộc Hoàng Hoa Thám.

Bộ Tổng tham mưu nhanh chóng xây dựng kế hoạch và cử cán bộ đi chuẩn bị chiến trường.

Cuộc họp Hội đồng Chính phủ được triệu tập đúng ngày Tết Nguyên đán. Theo ý Bác, tôi báo cáo về chiến dịch vừa qua, coi như quà Tết của quân đội nhân dân phiên họp đầu Xuân. Tôi trình bày những gì bộ đội đã làm được và chưa làm được trên mặt trận Trung Du. Lần này nghe xong, Bác nhận xét: "'Về Trung Du, quân đội ta đã tiến bộ nhiều. Chiến đấu với các binh đoàn cơ động địch ban ngày trên địa hình bằng phẳng, đánh quỵ cả một GM, không phải chiến dịch chưa hoàn thành các mục tiêu đề ra, mà kết quả thu được có phần vượt mức".

Chiến trường Đông Bắc mà ta lựa chọn lần này nằm sâu trong vùng địch, nơi có những trục đường 17 và 18. Đường 18 chạy từ tỉnh Quảng Yên bên bờ biển, tiếp giáp với thành phố Hải Phòng và vùng mỏ Hòn Gai, qua Uông Bí, Bí Chợ, Tràng Bạch, Mạo Khê, Đông Triều, Phả Lại về Bắc Ninh. Đường 17 chạy từ Phả Lại qua Bến Tắm đi Lục Nam. Đây là vùng vàng đen của Tổ quốc. Những khu mỏ ở Hòn Gai, Vàng Danh, Mạo Khê... đã được thực dân Pháp khai thác từ lâu. Đường 18 nằm giữa một bên là dãy núi Đông Triều hiểm trở, một bên là con sông Đá Bạc tàu chiến của địch thường qua lại. Đặc biệt ở đây có Vàng Danh là nơi cung cấp nước ngọt cho Hải Phòng. Vùng giải phóng của ta ở Đông Bắc hẹp, đường sá ít, dân cư thưa thớt phần lớn là đồng bào thiếu số gốc Hoa, tư tưởng cầu an. Cơ sở của ta tại đây yếu nên công tác chuẩn bị chiến trường gặp nhiều khó khăn.

Đảng ủy chiến dịch quyết định phương châm tác chiến là coi trọng đánh công kiên và đánh vận động ngang nhau, tùy theo tình hình phát triển của chiến dịch sẽ có quyết định mới. Như vậy là ta sẽ dùng cả đánh điểm và diệt viện nhằm tiêu diệt sinh lực địch, nhưng rút kinh nghiệm chiến dịch Trung Du, ta sẽ tránh đánh vận động trong những điều kiện bất lợi. Mức tiêu hao của bộ đội vì phi pháo trong những trận đánh ngày 16 tháng 1 năm 1951 ở Vĩnh Yên khá cao.

Bộ Tổng tham mưu đề ra hai phương án tác chiến để Bộ chỉ huy chiến dịch lựa chọn. Phương án 1 lấy đường số 17 và 18 làm hướng chính, hướng phụ là đường số 13. Phương án 2 lấy đường 13 làm hướng chính, hướng phụ là đường 17 và 18.

Sau khi cân nhắc, Đảng ủy quyết định chọn hướng chính của chiến dịch là đường 18, đoạn từ Bãi Thảo đến Uông Bí, dài khoảng 50 kilômét. Tại vùng này có ba phân khu của địch: phân khu Núi Đèo, phân khu Quảng Yên, phân khu Phả Lại, hình thành tuyến phòng thủ đường 18, bảo vệ vòng ngoài cho Hải Phòng, Hải Dương và đường số 5. Lực lượng địch trong khu vực, kể cả quân chiếm đóng và quân cơ động, là 11 tiểu đoàn; trong đó có binh đoàn cơ động số 7, đứng chân ở Phả Lại, thuộc lực lượng cơ động chung của địch. Sau chiến dịch Trần Hưng Đạo, địch đã tăng cường lực lượng cho một số

nơi như Phả Lại, Đông Triều, Mạo Khê, Uông Bí, Quảng Yên. Dự kiến, do vị trí quan trọng của đường 18 nên khi bị tiến công có nhiều khả năng địch sẽ tăng viện nhanh và mạnh bằng đường bộ, đường thủy và đường không để đối phó với ta. Địa hình rừng núi, ruộng đồng đan nhau, những đám sinh lầy mọc đầy sù vẹt nằm xen với những khu đất bằng phẳng dọc đường 18 sẽ cho phép ta đánh vận động lớn tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch.

Ta chủ trương tạo ra cái thế uy hiếp cùng một lúc cả Hà Nội và Hải Phòng ngay từ khi mở đầu chiến dịch.

Đại đoàn 304 được trao nhiệm vụ đánh địch từ Vĩnh Yên tới Việt Trì. Đại đoàn 320 đánh địch ở khu vực Sơn Tây, Hà Đông. Liên khu Việt Bắc tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Trung Du và Đông Bắc. Liên khu 3 đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Tả Ngạn và Hữu Ngạn, phá hoại giao thông trên đường số 5, số 1, số 6, số 11. Bộ Tổng tư lệnh nhắc nhở các tỉnh trung du chú trọng đánh địa lôi, phá hoại đường giao thông, đặc biệt là những cầu trên đường 1, 2, 13, và khi có thời cơ thì tiêu diệt những vị trí ở nam phần Bắc Ninh, nam phần Vĩnh Phúc, quấy rối tiêu hao các đội quân cơ động của địch.

Lực lượng tham gia chiến đấu lên tới gần 40.000 người. Dự kiến phải huy động trên 50.000 dân công, 1.263 tấn lương thực, 156 tấn đạn được để bảo đảm chiến đấu.

Đường vận chuyển từ hậu phương ra mặt trận chính dài hàng trăm kilômét, phải vượt qua nhiều đoạn độc đạo máy bay và pháo địch khống chế ngày đêm.

Thời gian chiến dịch dự tính là một tháng ở cả hướng chính và hướng phụ.

Lực lượng tham gia ở hướng chính gồm 2 đại đoàn: 308, 312, 2 trung đoàn: 174, 98 cùng 4 liên đội sơn pháo 75 ly.

Sau Đại hội Đảng, Bác từ Tuyên Quang lên Bắc Cạn phổ biến những nghị quyết của đại hội. Đầu tháng 3 năm 1951, Bác nói với tôi Người muốn đi thăm một đơn vị công binh. Tôi và anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, đi cùng Người xuống đại đội 250 bộ đội công binh. Bác nghe cán bộ, chiến sĩ báo cáo tình hình công tác, học tập, rồi hỏi "các chú ăn mấy lạng gạo một ngày?". Anh

em trả lời: "Thưa Bác, 8 lạng". Bác quay lại nói với anh Trần Đăng Ninh: "Các chú công binh lao động nặng nhọc, vất vả, cần được ăn no. Từ nay chú cho công binh ăn 9 lạng gạo một ngày". Từ sau chiến dịch Biên Giới, Bác đặc biệt quan tâm tới vấn đề giao thông. Người nhiều lần đi thăm bộ đội và dân công làm đường. Cũng trong tháng Ba, Bác đi kiểm tra việc sửa cầu và một số cơ sở vận tải, kho tàng trên đường số 8. Bác đến một đơn vị ô tô đầu tiên của Cục Vận tải, Bộ Quốc phòng, mới thành lập. Người nói: "Hiện nay nước ta chưa sản xuất được xe. Xăng dầu cũng vậy, có rất ít. Kháng chiến còn dài, chiến dịch ngày một mở rộng, yêu cầu vận chuyển ngày càng cao... Xe, xăng là mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân. Các chú phải chăm sóc xe, yêu xe như con, quý xăng như máu". "Yêu xe như con, quý xăng như máu", câu nói của Người đã khắc sâu trong lòng mỗi chiến sĩ lái xe trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ngày 3 tháng 3, Bác đi dự lễ khai mạc Đại hội thống nhất Việt Minh — Liên Việt. Việt Minh, đưa con tinh thần của người, một sáng tạo thiên tài đã đi vào lịch sử. Người bày tỏ niềm sung sướng vô hạn vì được thấy "rừng cây đại đoàn kết ấy nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một tương lai "trường xuân bất lão", và "chẳng những là toàn dân Việt Nam đại đoàn kết, mà toàn dân hai nước anh em là Cao Miên và Ai Lao cũng đi đến đại đoàn kết".

Ngày 5 tháng 3 năm 1951, Bộ Tổng tư lệnh tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị ở hướng chính tại Diên Mạc (Định Hóa). Giữa cuộc họp, Bác tới. Bác nói: "Các đồng chí sẽ đi qua dải đất lịch sử Bạch Đằng — Vạn Kiếp là dịp để các đồng chí tưởng nhớ lại tấm gương oanh liệt chống ngoại xâm của dân tộc ta, để cùng nỗ lực tiêu diệt được nhiều giặc, giành toàn thắng cho chiến dịch, kế tục truyền thống anh dũng đời trước, tiếp tục chiến đấu bảo vệ nhân dân, bảo vệ Tổ quốc".

Những cán bộ cùng lên đường lần này vẫn là số đồng chí đã tham gia chiến dịch Trung Du.

Đầu tháng 3 năm 1951, cơ quan tham mưu Pháp tin chắc rằng Việt Minh đang chuẩn bị tiếp tục một cuộc tiến công mới nhằm vào đồng bằng, với 5 đại đoàn họ đang có trong tay, đây sẽ là trận đánh lớn có quan hệ tới số phận Bắc Bộ, nhưng vẫn chưa xác định được nó sẽ nổ ra ở đâu. Nhìn cách bố trí lực lượng của ta, bộ chỉ huy Pháp cho rằng vùng Việt Trì đang bị trực tiếp đe dọa. Trước khi về Pháp đấu tranh đòi tiếp tục tăng viện cho Đông Dương, Đờ Lát đã tính toán mọi mặt nhằm chặn đứng âm mưu này. Cơ quan tham mưu đang tiến hành những biện pháp dự phòng do Đờ Lát chỉ thị, thì bỗng nhận được tin 2 đại đoàn 308, 312 đã đi vòng về phía đông, uy hiếp Phủ Lạng Thương và có thể cả Đông Triều. Đến ngày 19 tháng 3, Xalăng nhận được những tin tức cụ thể hơn: 2 đại đoàn 308, 312 cùng với 2 trung đoàn của 316 đã tập trung tại dãy núi Đông Triều, và trận đánh có thể nổ ra vào ngày 23 tháng 3 năm 1951. Ở phía tây, 2 đại đoàn khác là 304 và 320 đang hình thành một gọng kìm đe dọa Hà Nội.

Quân số ở hướng chính của ta là 25.719 người. Cùng đi với bộ đội ra mặt trận có 30.000 dân công. Bộ đội và dân công tuy đã xuất phát từ nhiều hướng nhưng vẫn tạo ra những dòng người vô tận không dễ lọt qua tai mắt quân địch. Mọi người đều mang vác nặng. Các chiến sĩ có 30 kilôgam súng, đạn, thuốc nổ, lương thực trên vai. Dân công chuyển vận gạo, đạn còn phải gồng gánh nặng hơn.

Riêng những khẩu sơn pháo lần đầu được vận chuyển bằng ngựa.

Những ngày đầu hành quân, thời tiết xấu. Đây lại là một điều may. Không có máy bay cản trở dọc đường. Cả đoàn người lọt vào vùng sau lưng địch không gây chấn động. Trên đường đi chiến dịch, các đơn vị bộ đội và dân công nhận được tờ báo Nhân Dân số 1 loan tin Đại hội Đảng họp, Đảng ta đã ra công khai. Tiếng hoan hô, hò reo nổi lên vang dậy. Nhiều đơn vị đã tổ chức ngay mít tinh để chào mừng. Hàng loạt quyết tâm thư với những lời lẽ nồng cháy gửi về Bộ

chỉ huy chiến dịch hứa hẹn khắc phục mọi khó khăn hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và quân đội trao phó.

Ngày 18 và ngày 19 tháng 3 năm 1951, Đảng ủy chiến dịch họp tại sở chỉ huy mới ở Bãi Đá, Mai Sau, cách Lục Ngạn 14 kilômét về phía nam. Các đơn vị đi trinh sát về báo cáo chưa nắm chắc địch, địa hình đường 18 trong thực tế trống trải, hẹp, khó tập kết lực lượng lớn, khó giấu quân. Hai phương án tác chiến được nêu lên: Thứ nhất là đánh điểm nhỏ để diệt viện. Ưu điểm của phương án này là chắc thắng, che giấu được lực lượng của ta. Nhưng nhược điểm của phương án là ta đánh điểm nhỏ thì địch sẽ dùng viện nhỏ, và nếu phải đợi lâu ta sẽ gặp khó khăn về tiếp tế. Thứ hai là đánh điểm lớn để diệt viện lớn. Phương án này tranh thủ được bất ngờ, địch có thể nhanh phóng đưa viện lớn tới, tạo điều kiện cho chiến dịch giành thắng lợi ngay từ đầu. Nhưng nhược điểm của nó là không bảo đảm chắc thắng.

Sau khi cân nhắc, Đảng ủy quyết định chọn phương án thứ nhất kết hợp với theo dõi sát tình hình địch, khi thấy xuất hiện điều kiện có lợi sẽ chuyển sang phương án thứ hai. Ta sẽ mở đầu chiến dịch bằng đánh một loạt vị trí bảo vệ hệ thống dẫn nước ngọt từ Vàng Danh về Hải Phòng, cắt con đường từ Quảng Yên đi Uông Bí, đồng thời bố trí 2 trung đoàn phục kích tại đây để diệt quân viện.

Nhận thấy các đơn vị nắm địch chưa chắc, Đảng ủy quyết định kéo dài thời gian chuẩn bị thêm ba ngày.

Cuộc hành quân vào vị trí tập kết cực kỳ khó khăn. Con đường độc đạo từ lâu hoang phế, nhiều đèo cao, dốc đứng, hoàn toàn không thích ứng với một cuộc chuyển quân lớn. Hơn thế, địch đã đánh hơi thấy sự di chuyển của quân ta, dùng máy bay trút bom ngăn chặn, nhiều đoạn đường lại nằm trong tầm kiểm soát của pháo địch. Trời mưa liên miên đã làm những con suối trở nên hung dữ và những đèo cao càng trở nên hiểm trở tưởng như không thể vượt qua. Chiến sĩ xung kích phải bỏ vải nhựa, chăn trấn thủ bọc thuốc nổ và gạo, bám từng mỏm đá, từng mẩu cây để leo lên trên con đường đèo, đất đã biến thành bùn đặc quánh trơn như mỡ. Đoàn quân có lúc phải đứng hàng giờ giữa suối, giữa đèo mưa rất mật, không thể tìm ra chỗ ngồi

ngủ tạm hoặc đặt ba lô. Quần áo mặc trên người ướt rồi lại khô, khô rồi lại ướt. Đáng sợ hơn là những bao gạo bắt đầu lên men. Cả 308 và 312 đều bị máy bay địch ném bom vào đội hình. Sự cản trở của máy bay và pháo địch không gây thiệt hại gì đáng kể giữa địa hình rừng núi. Nhưng điều khiến chúng tôi lo lắng là đường xấu và thời tiết đã làm suy giảm sức khỏe của bộ đội trước ngày nổ súng.

Kỳ lạ hơn cả là sức chịu đựng bền bỉ của hàng vạn dân công phục vụ chiến dịch. Trong hàng ngũ dân công có nhiều người lớn tuổi và những em thiếu niên. Hối mới biết nhiều trường học, cả thầy và trò cùng đi dân công! Phục vụ chiến dịch lần này ngoài đồng bào vùng tự do còn có những đội dân công từ vùng sau lưng địch ra, phần lớn thuộc ba tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và Quảng Yên. Người lớn tuổi là những bác công nhân khuôn vác ở Yên Viên, Gia Lâm, Đáp Cầu, những bác thuyền chài trên sông Cầu, sông Thương, sông Kinh Thầy, Đá Bạc. Trong hàng ngũ dân công có những anh, chị du kích, những cán bộ huyện, xã ở Thủy Nguyên, Kinh Môn, Yên Hưng. Đông Triều, Quế Dương, Võ Giàng... những người đã làm cho vùng tạm chiếm trở nên sôi sục mỗi lần ta tổ chức chiến dịch. Hành trang của người chiến sĩ dân công ra trận cực kỳ giản dị. Phần lớn không có chăn, màn, vải che mưa. Số đông lại là phụ nữ!... Nhưng không nghe một lời kêu ca, phàn nàn. Bộ đội hễ gặp dân công là rộn ràng lời chào thăm hỏi quê hương, tiếng reo cười khi gặp người cùng quê. Những tiếng hát, câu hò trong trẻo vang lên trong mưa, rét, sương mù.

“... Đèo cao thì mặc đèo cao

Ta leo lên đỉnh, ta cao hơn đèo...!!!”

Câu hò không biết của ai cất lên trên đỉnh đèo Thùng đêm ấy đã đi vào kho tàng văn hoá của dân tộc.

Phần thưởng lớn nhất cho bộ đội và dân công là khi leo lên đỉnh đèo, ban đêm, nhìn thấy xa xa ánh đèn điện của thành phố Hải Phòng, ban ngày, khi trời trong, nhìn thấy con đường 18 lượn vòng giữa những mỏm đồi và cánh đồng dưới chân núi.

Sau đêm vượt đèo Thùng, anh Vi Quốc Thanh nói:

— Trung Quốc có nhiều núi cao nhưng hành quân vượt qua không khó. Việt Nam núi không cao nhưng rất hiểm trở. Để quốc

đánh nhau với quân đội Việt Nam ở vùng rừng núi nhất định thua.

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển về chân núi Yên Tử. Bảy thế kỷ trước, vua Trần Nhân Tông sau khi đánh thắng giặc Nguyên đã về đây tu và trở thành Đệ nhất sư tổ của Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử. Trước chiến tranh, tôi đã có lần lên núi Yên Tử. Từ trên đỉnh núi có thể nhìn thấy thành phố Hải Phòng.

10

Đêm ngày 23 tháng 3 năm 1951, mở đầu chiến dịch, các tiểu đoàn 23, 322 của trung đoàn 88 đại đoàn 308 diệt gọn 3 vị trí Lọc Nước, Đập Nước, Sóng Trâu, không một chiến sĩ nào thương vong; trung đoàn 174 của đại đoàn 316 san bằng vị trí Lán Tháp. Toàn bộ những bố trí bảo vệ hệ thống dẫn nước ngọt từ Vàng Danh về Hải Phòng đều bị tiêu diệt. Ta hy vọng nguồn nước ngọt duy nhất của thành phố Cẩm bị đe dọa sẽ buộc quân ứng chiến của địch phải kéo tới.

Hai trung đoàn 102 và 36 dân quân dọc con đường sắt chở than từ Vàng Danh ra Uông Bí. Đại đoàn 312 đón địch từ phía Đông Triều lên. Trung đoàn 98 đánh một số tháp canh, phá cầu ở Biều Nghi quấy rối thu hút địch.

Đêm ngày 25 tháng 3, trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Chấp Khê.

Ba ngày chờ đợi đã qua. Quân viện địch vẫn chưa xuất hiện. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đánh tiếp những cứ điểm lớn trên đường 18 xung quanh Uông Bí, trong đó có những vị trí quan trọng như Bí Chợ, Tràng Bạch.

Đêm ngày 27 tháng 3, các đơn vị đồng loạt nổ súng.

Trung đoàn 102 được 2 tiểu đoàn pháo binh chi viện, chia thành bốn mũi tiến công Bí Chợ do 150 quân địch phần lớn là Âu Phi bảo vệ. Ngay từ loạt pháo đầu, chúng ta đã bắn trúng nhà chỉ huy, phá hủy đài thông tin. Xung kích nhanh chóng dùng bộc phá đánh vỡ lớp tường trình dày 60 xăngtimét và xung phong từ cả bốn phía. Đồn Bí Chợ hoàn toàn bị tiêu diệt sau 45 phút, pháo địch không kịp chi viện.

Cùng lúc, trung đoàn 36 tiêu diệt vị trí Phán Huệ. Bên phía đại đoàn 312, trung đoàn 141 cũng tiêu diệt vị trí Tràng Bạch. Quân địch hoang mang bỏ chạy khỏi nhiều tháp canh. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định đánh thẳng vào thị trấn Ôn Bí nằm trên đường 18 giữa khu mỏ than Tràng Bạch, Bí Chợ, Vàng Danh. Nhưng ngay chiều ngày 28 tháng 3, quân địch bỏ Ôn Bí chạy về Quảng Yên. Đây là một điều bất ngờ đối với ta. Cùng thời gian này, tiểu đoàn Bạch Đằng của tỉnh đã lườn sâu vào địch hậu phát động nhân dân nổi lên bao vây đồn bốt địch, phá tề, trừ gian, phá cầu cống. Các cầu trên đường 18 đều bị phá. Đường 18 bị cắt đứt một đoạn dài 40 kilômét. Nhân dân hai bờ sông Bạch Đằng và sông Kinh Thầy đánh trống, đánh mõ suốt đêm uy hiếp quân địch.

Chiến dịch Hoàng Hoa Thám diễn ra trong lúc Đờ Lát không có mặt ở Đông Dương. Phát hiện các đại đoàn 308, 312 xuất hiện ở hướng Đông Bắc, và 304, 320 ở hướng Vĩnh Phúc — Sơn Tây, Xalăng phán đoán ta sẽ từ hai hướng đánh vào Hà Nội và Hải Phòng, nên điều các binh đoàn cơ động về Trung Du và Đông Bắc. Khi cuộc tiến công nổ ra trên đường 18, Xalăng không dám tung những binh đoàn cơ động về phía rừng núi nguy hiểm, chỉ điều nhiều thủy đội xung kích đến vùng sông Đá Bạch gần đường 18, và đưa tuần dương hạm *Duguay Trouin* cùng các tàu hộ tống *Brazza*, *Chevreuil* đến vùng biển Đông Bắc sẵn sàng chi viện tối đa bằng hỏa lực để đối phó với những cuộc tiến công.

Vẫn chưa thấy bóng dáng quân viện.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định tiêu diệt Mạo Khê, vị trí then chốt án ngữ con đường tiến về Đông Triều và ra đường số 5, buộc địch phải sử dụng quân viện. Ở Mạo Khê có hai cứ điểm đại đội: Mạo Khê Mỏ và Mạo Khê Phố, nằm cách nhau 2 kilômét trên địa hình có những đồi thấp xen kẽ với ruộng nước: Ta chủ trương diệt Mạo Khê trước khi địch tăng cường lực lượng phòng ngự. Trung đoàn 209 được trao nhiệm vụ đánh Mạo Khê Mỏ, trung đoàn 36 đánh Mạo Khê Phố dưới sự chỉ huy chung của đại đoàn 312. Trận đánh sẽ diễn ra vào đêm ngày 29.

Trong ngày 29, có tin Đờ Lát đã từ Pari trở lại Hà Nội. Với sự có mặt của Đờ Lát, chắc chắn địch sẽ có những phản ứng mạnh hơn.

Buổi tối, bộ phận kỹ thuật báo cáo địch vừa tăng cường cho Mạo Khê Phố tiểu đoàn 6 dù thuộc địa (6è BPC). Điều này nằm ngoài dự kiến. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định ngừng đánh Mạo Khê Phố. Nhưng mệnh lệnh không tới kịp trung đoàn 36 trước giờ nổ súng, trong khi quân địch ở Mạo Khê Phố đã tăng từ 150 lên trên 700 tên. Trung đoàn 209 đánh Mạo Khê Mỏ đã tiêu diệt gần nửa quân đồn trú, nhưng vẫn phải rút lui vì pháo địch từ tàu chiến và Đông Triều bắn về gây nhiều thiệt hại. Trung đoàn 36 sau khi đột nhập Mạo Khê Phố nhận thấy ở đây không phải chỉ có một đại đội ngự, mà đây ập quân dù với cả xe tăng và xe bọc thép, đã chiến đấu với quân địch trong từng căn nhà cho tới khi trời sáng mới rút lui.

Bộ chỉ huy chiến dịch nhận thấy các vị trí còn lại trên đường 18 đã được tăng cường, quyết định kết thúc đợt 1.

Công viện tiếp tế cho chiến dịch trở nên khó khăn vì đường từ hậu phương ra mặt trận xa và thường xuyên bị máy bay, đại bác địch cản trở.

Mặc dù đường 18 bị uy hiếp nặng nhưng các binh đoàn cơ động của địch vẫn án binh bất động. Chúng tôi quyết định chuyển sang đợt 2, tiếp tục đánh một loạt vị trí do đại đội địch chiếm đóng. Những mục tiêu được chọn lần này đều nằm trên đường 17.

Đêm ngày 4 tháng 4 năm 1951, bộ đội ta đồng loạt nổ súng. Trung đoàn 102 đánh Bến Tắm, trung đoàn 88 đánh Bãi Thào, trung đoàn 141 đánh Hoàng Gián, trung đoàn 98 đánh Hạ Chiêu. Nhưng cả 4 trung đoàn đều đột phá không thành công! Đồng chí Vũ Mạnh Hùng, trung đoàn trưởng trung đoàn 98, hy sinh vì đạn pháo của địch. Thất bại của các trận đánh không phải do quân đồn trú có công sự phòng ngự vững chắc hoặc kiên quyết đối phó, mà chỉ vì địch đã dựng lên một hàng rào lửa bằng đại bác quanh cứ điểm ngăn cản những đợt xung phong của ta.

Sáng ngày 5 tháng 4, tôi gặp đồng chí Vi Quốc Thanh.

— Địch nhất định không tung những binh đoàn cơ động vào khu vực này. Ta cần phải thu quân.

— Đồng ý với Võ Tổng, đoàn cố vấn cũng nhận thấy nên kết thúc chiến dịch.

— Lực lượng ta đã bị tiêu hao.

— Đã nắm được số thương vong chưa?

— Tham mưu dự tính khoảng 2.000 người. Gần 500 đồng chí hi sinh, trong đó có 1 trung đoàn trưởng. Trên 1.500 đồng chí bị thương. Tỷ lệ tiêu hao giữa địch và ta là 1 trên 1.

— Trong chiến dịch này đã huy động 25 ngàn bộ đội. Thương vong chưa đầy 2% không phải là lớn. Nhiều đồng chí bị thương sẽ trở lại đơn vị.

— Ở Việt Nam chưa có chiến dịch nào số thương vong nhiều như thế này!

— Bộ đội Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn đánh lớn. Rồi đây còn phải chấp nhận những tổn thất lớn hơn nhiều. Pháo binh của đế quốc Pháp rất giỏi!

— Tôi nghĩ là phải tìm ra một cách đánh địch hiệu quả hơn.

Ngày 5 tháng 4 năm 1951 chiến dịch Hoàng Hoa Thám kết thúc. Chiến dịch để lại cho tôi một ấn tượng nặng nề.

Sau này chúng ta mới biết chiến dịch Hoàng Hoa Thám tiếp nối ngay sau chiến dịch Trung Du đã khiến cho Đờ Lát bắt đầu “lo lắng nhận ra khó khăn cực độ trong nhiệm vụ mà mình thực hiện”¹². Đờ Lát buộc phải làm trái với tính cách của mình là giữ lại những binh đoàn cơ động tránh một cuộc đụng độ ở vùng rừng núi, kiên nhẫn chờ quân ta cạn lương thực rút lui. Đờ Lát đã tâm sự với viên quan ba tùy tùng Roayê (*Royer*): “Thật kinh khủng, cái công việc mà tôi đã dấn thân vào. Đến bây giờ tôi thực sự chưa hoàn toàn biết giải thích ra sao?”¹³.

Chương Sáu: VỀ ĐỒNG BẰNG

1

Từ chiến dịch Hoàng Hoa Thám về, tôi tới gặp anh Trường Chinh. Đồng chí Tổng bí thư vẫn vui vẻ như những lần tôi từ mặt trận trở về. Ở anh, là sự kết hợp giữa tính nguyên tắc, cẩn trọng của nhà cách mạng được tôi luyện qua nhiều năm hoạt động bí mật với tính đôn hậu, trung thực gần như bẩm sinh, là một hình ảnh không thay đổi lúc nào cũng mang lại sự ấm áp và tin cậy.

Suốt chiến dịch, báo cáo gửi về Trung ương rất đều đặn. Anh Trường Chinh đã biết rõ việc tiêu diệt sinh lực địch trong chiến dịch còn hạn chế. Anh hỏi tôi:

- Anh đã nhận được nghị quyết tháng 3 của Trung ương chưa?
- Tôi đã nhận được.

Hội nghị Trung ương họp lúc tôi đang ở mặt trận. Nghị quyết Trung ương một lần nữa lại xác định: "cuộc đấu tranh của ta là cuộc đấu tranh trường kỳ và gian khổ" và "tự lực cánh sinh là chính". Đảng ta đã nhìn thấy con đường phía trước còn nhiều chông gai.

Tôi báo cáo với đồng chí Tổng bí thư những nguyên nhân dẫn tới kết quả rất hạn chế của chiến dịch. Anh Trường Chinh nói:

— Đánh nhau thế nào cũng có trận được, trận không. Mình khôn, nhưng phải nghĩ địch cũng khôn. Mình đã diệt 2 binh đoàn địch ở biên giới, vừa rồi suýt nữa thì diệt gọn GM3 ở Trung Du, địch đã rút kinh nghiệm nên lần này chúng không mắc lừa ta. Có tiếp tục "đánh điểm diệt viện" thì cũng phải biến hóa. Cần tổ chức tổng kết thật kỹ để rút ra bài học.

— Chúng tôi đã triệu tập cán bộ về trước trong khi đơn vị đang rút quân để tiến hành hội nghị tổng kết. Mời anh tới dự.

Anh Trường Chinh nói:

— Cuối tháng Ba, Bác và Trung ương đã nhận được báo cáo của anh và anh Nguyễn Chí Thanh đề nghị sau chiến dịch Hoàng Hoa Thám sẽ mở chiến dịch tại Liên khu 3, không đánh Móng Cái. Liên khu 3 báo cáo lên đã chuẩn bị cả rồi, đồng bào rất mong bộ đội về. Đánh đồng bằng khó, nhưng hiện nay ngoài trung du và đồng bằng chưa có nơi nào khác! Trung ương thấy nên mở một chiến dịch nữa trước mùa mưa. Bộ đội cần củng cố và nghỉ ngơi bao nhiêu thời gian!

— Chiến dịch vừa rồi không tiêu diệt được nhiều sinh lực địch nên cán bộ, chiến sĩ đều mong đánh tiếp. Sẽ mở chiến dịch ở Liên khu 3, nhưng cụ thể là đâu, xin báo cáo với Trung ương sau. Tôi nghĩ chỉ sau vài tuần, bộ đội có thể lên đường.

Anh Trường Chinh hẹn sẽ tới dự hội nghị tổng kết.

Trở về cơ quan, thấy có đoàn cán bộ vừa ở Liên khu 3 về đang báo cáo, tôi vào nghe luôn. Ngay trong thời gian ta tiến hành chiến dịch ở Đông Bắc, Bộ Tổng tham mưu đã phái cán bộ xuống Liên khu 3 tìm hiểu tình hình.

Qua các báo cáo, tôi được biết vì phần lớn những đơn vị Âu Phi bị dồn lên phía bắc đối phó với ta, nên lực lượng địch ở phía nam đồng bằng Liên khu 3, hầu hết là ngụy binh. Tại đây, quân cơ động ít, thế bố trí của địch phân tán, công sự chưa được củng cố nhiều. Điều đáng lo ngại là địch đã lợi dụng một số giáo dân lập tề vũ trang ở nhiều nơi, và tổ chức một mạng lưới gián điệp khá nguy hiểm. Sau khi nắm được ý định của Trung ương, Liên khu 3 đã xúc tiến công việc chuẩn bị chiến trường. Đồng chí Văn Tiến dũng được cử làm trưởng ban chuẩn bị. Mạng đường sá từ Việt Bắc về Liên khu 3 vào tới Thanh Hóa đã thông suốt. Về lương thực, huy động được 5.000 tấn thóc, một số thực phẩm. Vụ chiêm năm nay lại được mùa. Liên khu ủy đã mở lớp cán bộ phục vụ chiến dịch gồm 200 chỉ ủy viên và huyện ủy viên.

Theo đánh giá của các đồng chí vừa đi về thì so với các tỉnh ở Liên khu 3, Ninh Bình là nơi địch yếu hơn cả.

Tôi sang Diêm Mạc gặp Bác.

Nghe tôi báo cáo tình hình xong, Bác nói đã trao đổi với đồng chí Trường Chinh. Đờ Lát bề ngoài hùng hổ, nhưng không phải là anh hăng máu vọt mà rất khôn ngoan. Cũng không nên coi thường Xalăng. Chính Xalăng đã quyết định không đưa viện lên Đông Bắc trong khi Đờ Lát còn ở Pari. Nhưng cũng có thể nói: cả Đờ Lát và Xalăng vẫn còn e chủ lực ta! Trước chiến dịch Biên Giới, quân địch chỉ mong tìm được chủ lực ta đánh một trận để tiêu diệt. Bây giờ chủ lực ta đi tìm nó, chọc tức nó mà nó vẫn bấm bụng ngồi yên một chỗ không dám giao chiến với ta! Không nói là nó hoàn toàn sợ ta, nhưng nó còn đang chuẩn bị, nó sẽ chờ lúc có lợi, tìm nơi có lợi để quyết chiến với ta.

— Thừa Bác, nhiệm vụ tiêu diệt nhiều sinh lực địch lúc này rất cần, nhưng nếu chưa tiêu diệt được nhiều địch thì cũng phải đánh để nâng đỡ phong trào chiến tranh du kích. Mỗi lần ta mở chiến dịch là đồng bào hậu địch đỡ được những trận càn và chiến tranh nhân dân rất lên.

— Chú nói đúng.

Bác trầm ngâm rồi nói tiếp:

— Tình hình Triều Tiên đã tốt hơn. Chí nguyện quân Trung Quốc dùng chiến thuật "nhân hải" nên đã đẩy lùi quân Mỹ về vĩ tuyến 38. Trung Quốc có trên 400 triệu dân mới làm được như vậy. Ta phải đánh theo cách của ta. Phải hết sức tiết kiệm xương máu của chiến sĩ. Quân không cần đông. Dân ta nghèo, quân nhiều lấy gì mà nuôi! Trần Quốc Tuấn nói: "Quân quý ở tinh, không quý ở nhiều"! Bao giờ thì xây dựng xong 5 đại đoàn!

— Cố gắng trong năm nay, vừa tổ chức vừa trang bị xong. Vũ khí một phần dựa vào bạn, một phần lấy của địch, một phần do ta sản xuất.

— Mình nghĩ cũng chỉ cần 5 hoặc 6 đại đoàn. - Bác nói.

Trung tuần tháng Tư, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ tọa của Bác nghe báo cáo về chiến dịch Hoàng Hoa Thám và chủ trương mở tiếp một chiến dịch trước mùa mưa. Sau khi báo cáo về kết quả, những khó khăn, những hạn chế của chiến dịch, tôi nói Tổng quân ủy đã quyết định trong tổng kết chiến dịch sẽ tiến hành tự phê bình để rút

kinh nghiệm, đề nghị Bác và anh Trường Chinh tới dự hội nghị tổng kết chiến dịch.

Bác nói:

— Tự phê bình là cần, nhưng tự phê bình phải tăng cường đoàn kết, rút ra được bài học, kinh nghiệm, xây dựng được lòng tin vào chiến dịch sau.

Trong cuộc họp này, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hà Nam Ninh thuộc Liên khu Nam Đồng Bằng của địch. Bác lưu ý phải đặc "biệt chú ý công tác tranh thủ đồng bào công giáo vì kẻ địch ở đây có những mưu mô thâm độc nhằm lợi dụng tôn giáo để chống lại kháng chiến, chống lại cách mạng".

Ngày 20 tháng 4 năm 1951, Trung ương ra nghị quyết mở chiến dịch Quang Trung (bí danh của chiến dịch Hà Nam Ninh) ở Liên khu 3, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá tan khối nguy binh, đẩy mạnh chiến tranh du kích và tranh thủ nhân dân. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm. Tôi là bí thư đảng ủy, chỉ huy trưởng chiến dịch.

Ngày 26 tháng 4, Hội nghị kiểm điểm chiến dịch Đường 18 được tổ chức tại khu căn cứ. Bác tới hội nghị.

Người nói:

— Chú trọng phê bình mình trước, phê bình người sau, phê bình mình là chính, phê bình người là phụ. Tự phê bình và phê bình cốt để thống nhất tư tưởng. Tư tưởng có thống nhất, hành động mới thống nhất.

Tất cả mọi người phải có tinh thần phụ trách. Trước khi làm phải thảo luận cho kỹ, để chủ trương cho đúng và kế hoạch cho sát và khi đã quyết định rồi thì phải tuyệt đối phục tùng, phải vững lòng tin tưởng, phải quyết tâm thực hiện không một chút do dự.

Cán bộ cần phải thương yêu đội viên. Từ tiểu đội trưởng trở lên, từ Tổng tư lệnh trở xuống, phải săn sóc đời sống vật chất và tinh thần của đội viên, phải xem đội viên ăn uống như thế nào, phải hiểu nguyện vọng và thắc mắc của đội viên. Bộ đội chưa ăn cơm, cán bộ

không được kêu mình đói. Bộ đội chưa đủ áo mặc, cán bộ không được kêu mình rét. Bộ đội chưa đủ chỗ ở, cán bộ không được kêu mình mệt. Thế mới dân chủ, mới đoàn kết, mới tất thắng.

Quân đội đánh giặc là vì dân, nhưng không phải là "cứu tinh" của dân, mà có trách nhiệm phụng sự nhân dân. Phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu. Mỗi quân nhân phải là một cán bộ tuyên truyền bằng việc làm của quân đội. "Dân như nước, quân như cá", phải làm cho dân hết sức giúp đỡ mình thì mình mới đánh thắng giặc".

Sau chiến dịch Hoàng Hoa Thám, đây là lần thứ hai, Bác nói về mục đích và tác phong phê bình. Bác đã nhìn thấy cái gì sẽ diễn ra sau một trận đánh gặp nhiều khó khăn. Trong phê bình, trước hết là tự phê bình. Điều này đã mang lại một chất lượng mới trong những cuộc kiểm điểm rút kinh nghiệm, vì không ai hiểu được những lỗi lầm của từng người trong một trận đánh bằng bản thân người trực tiếp tham gia chiến đấu. Khi mỗi người đã nói rõ được những ưu, khuyết điểm của mình thì những lời góp ý kiến, phê phán của chung quanh cũng ít đi. Cuộc kiểm điểm rõ ràng là đạt kết quả tốt, vì nó bắt nguồn từ sự tự giác Mọi người lại phấn khởi lên đường đi vào chiến dịch thứ tư liên tiếp trong vòng tám tháng. Cũng từ đó ta thường nói "tự phê bình và phê bình" thay cho "phê bình và tự phê bình".

2

Châu thổ sông Hồng là vùng đồng bằng lớn thứ hai của cả nước chỉ đứng sau đồng bằng sông Cửu Long. Với 900.000 héc ta đất nông nghiệp và một phần sáu dân số của Việt Nam, đồng bằng Bắc Bộ được coi là kho người, kho của. Ở đây có một hệ thống đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường không nối liền miền Bắc với miền Trung, miền Nam, và thế giới bên ngoài. Gần 200 kilômét bờ biển với nhiều cửa sông lớn nhỏ, thuận tiện cho tàu, thuyền ra vào. Ngoài khơi có nhiều hòn đảo như Bạch Long Vĩ, Long Châu, Cát Bà, Cát Hải... là những vị trí tiền tiêu lợi hại và bảo vệ đất liền nằm trên biển Đông.

Đồng bằng Bắc Bộ giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến tranh vì có thủ đô Hà Nội, và nằm tiếp giáp với Việt Bắc, căn cứ địa của cả nước. Năm đầu kháng chiến toàn quốc, quân Pháp mới chiếm Hà Nội và một số thành phố, thị xã như Hải Phòng, Hải Dương, Kiến An, Hà Đông, Nam Định và những vùng phụ cận trên dưới 10 kilômét. Nhưng Đảng ta đã dự đoán sớm muộn địch sẽ mở rộng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ.

Ngày 25 tháng 11 năm 1948, Chính phủ ra sắc lệnh thành lập Liên khu 3, gồm 12 tỉnh: Hải Phòng, Kiến An, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Hòa Bình. Đó là sự hợp nhất các chiến khu 2, 3 và 11. Diện tích Liên khu khoảng 16.000 kilômét vuông. Phía đông giáp với biển Đông. Phía bắc, và tây — bắc tiếp giáp các tỉnh trung du: Quảng Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Phú Thọ. Phía tây và tây — nam tiếp giáp Sơn La, Thanh Hóa. Liên khu ủy 3 được Đảng chỉ định gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị, Đỗ Mười, Lê Quang Hòa, Nguyễn Khai; đồng chí Nguyễn Văn Trân là bí thư. Tư lệnh liên khu là thiếu tướng Hoàng Sâm, đồng chí Lê Quang Hòa là chính ủy, đồng chí Hoàng Minh Thảo là liên khu phó.

Liên khu 3 có 6 trung đoàn chủ lực: 34, 42, 48, 52 (vốn là trung đoàn Tây tiến), 64, 66. Lực lượng tuy đông, nhưng trang bị còn rất thiếu thốn. Bộ đội ta hoạt động theo phương thức "đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung" đánh nhỏ, đạt hiệu suất cao. Phong trào dân quân du kích tại đồng bằng rất phát triển. Đến cuối năm 1948, toàn liên khu đã xây dựng được 480 làng kháng chiến. Mỗi làng có lũy tre dày đặc bao quanh, hào giao thông, hầm hố chiến đấu, hầm cất giấu lương thực, hầm bí mật, trạm canh gác... Trong những đợt càn quét, số lần địch đánh vào làng kháng chiến chiếm ba phần tư tổng số những cuộc tiến công. Địch dùng cả máy bay, đại bác phá hủy các công sự, rào lũy và khi lọt được vào làng thường đốt phá, bắn giết rất dã man. Ở những làng kháng chiến như Vật Lại (Sơn Tây), Tam Hưng (Hà Đông), Nông Hóa (Hòa Bình), Liên Minh (Nam Định), nhiều làng kháng chiến dọc đường 5 thuộc các huyện Bình Giang, Thanh Hà, Kim Thành (Hải Dương), Ân Thi, Khoái Châu (Hưng Yên)... từng đại đội, tiểu đoàn địch tiến công cả ngày, thậm chí hai,

ba ngày liền bị tổn thất nhiều mà vẫn không lọt được vào làng. Đường số 5 nối liền Hà Nội với cảng Hải Phòng trở thành một mặt trận, thường xuyên "nổi sấm" lật đổ từng đoàn tàu, tiêu diệt nhiều xe vận tải của địch. Kết hợp với những hoạt động quân sự chống càn, đánh giao thông, tiêu diệt những đồn bốt lẻ..., các cuộc đấu tranh chống giặc bắt lính cùng với công tác địch vận diễn ra trên diện rộng. Mỗi người dân trở thành một cán bộ địch vận. Nhiều binh sĩ, sĩ quan ngụy đã chống lệnh đi bắn giết nhân dân, đào ngũ tập thể, quay súng bắn lại địch và làm nội ứng cho lực lượng vũ trang ta. Chỉ riêng Đông Xuân 1948—1949, ta đã đánh 14 trận nội ứng diệt 14 đồn giặc. Hơn 2.000 lính ngụy mang súng ra hàng, hoặc vứt súng trở về quê hương.

Quân địch đóng tại những thành phố, thị xã thực tế là nằm trong vòng vây của phong trào chiến tranh nhân dân rộng lớn. Các tuyến đường giao thông của địch từ Hà Nội với một số tỉnh chung quanh, đặc biệt là đường Hà Nội — Hải Phòng luôn luôn bị uy hiếp.

Cuối năm 1949, sau khi Giải phóng quân Trung Quốc tiến xuống Hoa Nam, Pháp đã có chủ trương chiếm đóng toàn thể đồng bằng Bắc Bộ "hình thành một tuyến ngăn chặn chiến lược trên miền Bắc, giành kho người, kho lương thực, phá cuộc chuẩn bị Tổng phản công của ta, bảo vệ con đường huyết mạch từ Hà Nội xuống cửa biển Hải Phòng, đề phòng trường hợp phải rút khỏi miền Bắc. Từ tháng 10 năm 1949 đến tháng 5 năm 1950, địch tổ chức 6 cuộc hành binh lớn đánh chiếm 8 tỉnh vùng đồng bằng Liên khu 3. Chúng mở liên tiếp những trận càn quét bình định, càn quét tới đâu, lập ngay ngụy quân, ngụy quyền, xây dựng đồn bốt tới đấy. Đồn bốt địch ken dày các tỉnh đồng bằng, chia cắt vùng châu thổ sông Hồng thành nhiều ô nhỏ. Giặc Pháp dùng mọi thủ đoạn khủng bố, mua chuộc, khống chế đồng bào ta, làm cho dân chúng sợ không dám ủng hộ kháng chiến. Đặc biệt, chúng lợi dụng tín ngưỡng của giáo dân và sử dụng một số cha cố phản động để gây chia rẽ lương — giáo, phá khối đoàn kết dân tộc, lôi kéo những người có đạo chống phá cách mạng. Tại vùng tạm bị chiếm, nếu phát hiện nơi nào có lực lượng vũ trang ta, chúng lập tức tung quân bao vây tiến công tiêu diệt hoặc đẩy bật lực lượng ta ra khỏi địa bàn.

Tháng 3 năm 1950, Bộ Tổng tư lệnh đã có huấn lệnh "Về nhiệm vụ quân sự năm 1950 cho Liên khu 3" (Huấn lệnh số 62HL/A3 ngày 15 tháng 3 năm 1950) xác định đồng bằng Bắc Bộ là nơi cung cấp phần lớn nhân lực, vật lực cho kháng chiến ở Bắc Bộ, vì vậy địch sẽ mở rộng phạm vi chiếm đóng để gây cản trở cho chuẩn bị Tổng phản công, và dự đoán cuộc chiến đấu ở chiến trường Liên khu 3 sẽ ngày càng trở nên ác liệt hơn, bộ đội và đồng bào Liên khu 3 sẽ gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhưng những khó khăn này chỉ có tính chất tạm thời, bộ đội và nhân dân Liên khu 3 với truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường và những tiềm năng to lớn nhất định sẽ vượt qua.

Địch chiếm đóng toàn bộ Liên khu 3 gây cho ta nhiều khó khăn mới. Hậu phương trực tiếp của chiến trường đồng bằng bị thu hẹp, chỉ còn lại vùng rừng núi Kim Bảng (Hà Nam), Lạc Thủy, Kim Bôi, Tân Lạc (Hòa Bình), Gia Viễn, Nho Quan (Ninh Bình). Để chuẩn bị chuyển sang đánh lớn, 3 trung đoàn của Liên khu được tập trung để thành lập đại đoàn 320, 1 trung đoàn kết hợp với bộ đội Liên khu 4 thành lập đại đoàn 304, 1 trung đoàn khác chuyển sang xây dựng đơn vị lựu pháo 105. Bộ đội chủ lực của Liên khu thời gian này chỉ còn lại trung đoàn 42.

Tháng 9 năm 1950 phối hợp với chiến dịch Biên Giới, lực lượng vũ trang Liên khu 3 cùng với đại đoàn 304 đã mở chiến dịch Trần Hưng Đạo¹⁴ ở Ninh Bình và vùng hậu địch, loại khỏi vòng chiến đấu gần 700 quân địch, tiêu diệt và bức rút 44 vị trí, lật đổ 3 đoàn tàu và phá hủy nhiều xe quân sự địch. Nhận thấy tinh thần sa sút của quân địch sau thất bại ở biên giới, Liên khu ủy 3 quyết định không bỏ lỡ thời cơ. Trong tháng 11 năm 1950, thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, các tỉnh đồng bằng đều đẩy mạnh đánh du kích, xây dựng làng kháng chiến, chống địch càn quét. Bộ đội và du kích bao vây quấy rối các đồn bốt địch làm chúng mất ăn mất ngủ. Ở một số nơi, đêm đêm du kích tổ chức hành quân với lực lượng rất đông, mang theo những khẩu pháo giả làm bằng thân cây chuối, kết hợp với việc tung tin "chủ lực Việt Minh" đã về làng. Quân địch hoảng hốt bỏ đồn rút chạy về thị trấn. Phong trào chiến tranh du kích nổi lên như sóng cồn quét đi từng mảng tổ chức ngụy quyền ở cơ sở. Quân địch phải co lại cố thủ trong đồn không dám ra ngoài. Ngày 6 tháng 12 năm

1950, địch rút chạy khỏi thị xã Hòa Bình. Bên tả ngạn sông Hồng, mỗi tỉnh đã có hàng chục căn cứ nhỏ sau lưng địch. Đặc biệt tại Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình ta mở được khu du kích và căn cứ du kích Nam — Bắc sông Luộc, trong đó có căn cứ du kích liên hoàn Tiên — Duyên — Hưng thuộc ba huyện phía bắc tỉnh Thái Bình. Căn cứ Tiên — Duyên — Hưng trở thành một điểm tựa rừng chắc, một bàn đạp tiến công của ta ở đồng bằng. Ở hữu ngạn sông Hồng, quân địch đối phó quyết liệt nhưng chúng ta cũng khôi phục được nhiều cơ sở, xây dựng được một số khu du kích sau lưng địch ở Hà Đông, Hà Nam, Ninh Bình.

Cuối tháng 12 năm 1950, phối hợp với chiến dịch Trung Du, lực lượng Liên khu 3 và đại đoàn 320 mở chiến dịch Mùa Xuân tại khu vực tây — bắc tỉnh Sơn Tây, qua bảy ngày chiến đấu đã tiêu diệt và bắt sống hơn 700 địch, thu vũ khí đủ trang bị cho một tiểu đoàn chủ lực và một đại đội địa phương, phá vỡ một mảng tề đồng ở khu vực tây bắc Sơn Tây.

Mặc dù phải đương đầu với những cuộc tiến công liên tiếp trên mặt trận chính, nhưng Đờ Lát vẫn coi trọng việc đối phó với chiến tranh du kích đang làm mục ruỗng đồng bằng Bắc Bộ, nơi ông ta đã đánh giá là có vai trò quyết định trong chiến tranh Đông Dương. Đờ Lát chia lại vùng châu thổ sông Hồng thành ba khu. Ngoài khu nam (*zone sud*) đã có từ trước, sở chỉ huy đặt tại Nam Định, Đờ Lát lập thêm khu tây (*zone ouest*), với sở chỉ huy ở Hà Nội, và khu bắc (*zone nord*), với sở chỉ huy ở Hải Dương. Tư lệnh khu kiêm cả trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ và tiến hành tác chiến.

Sau chiến dịch Trung Du, Đờ Lát lập tức cho các binh đoàn cơ động quay về đồng bằng càn quét, bình định. Những trận càn diễn ra với quy mô lớn hơn trước nhiều. Trong tháng 2 và tháng 3 năm 1951, lực lượng vũ trang và nhân dân Liên khu 3 phải liên tiếp đối phó với những cuộc vây quét của những binh đoàn cơ động. Cường độ đánh phá của địch chỉ giảm đi trong thời gian bộ đội chủ lực ta mở cuộc tiến công trên đường 18. Nhưng chiến dịch Hoàng Hoa Thám vừa kết thúc, những cuộc càn lớn lại tiếp tục một cách dữ dội hơn. Đờ Lát rất lo ngại chiến tranh du kích phát triển ở đồng bằng, đe dọa phía sau quân đội viễn chinh. Lo lắng của Đờ Lát tập trung vào vùng

Vĩnh Bảo, Hải Dương, nơi trung đoàn 42 của Liên khu 3 đang đứng chân.

Ngày 18 tháng 4 năm 1951, Đờ Lát huy động 15 tiểu đoàn bộ binh, 4 cụm pháo, 2 thủy đội xung kích và xe bọc thép tập trung ở Ninh Giang để mở một cuộc tảo thanh trong vùng. Cuộc hành binh do tướng Đờ Linarét (*De Linares*), tư lệnh Bắc Bộ chỉ huy. Ngày 19 tháng 4, ba binh đoàn cơ động bắt đầu càn quét khu vực trong khi tàu chiến địch tuần tiễu trên các con sông, xe tăng và những tiểu đoàn địa phương chiếm giữ mọi con đường, chia cắt khu vực thành từng ô. Những toán nhỏ binh lính đi trước thăm dò, nếu gặp bộ đội, du kích ta nổ súng thì đại bộ phận quân địch dồn tới bao vây, dựa vào hỏa lực pháo binh và sức mạnh của xe tăng để tiêu diệt. Đi sau mỗi binh đoàn có một tiểu đoàn chuyên làm nhiệm vụ lùng sục các làng, khống chế dân chúng. Qua một tuần càn quét, ngày 26 tháng 4, binh lính Pháp tới bờ biển vẫn chưa phát hiện trung đoàn 42. Nhưng buổi nhiều, binh đoàn cơ động số 1 bị 2 tiểu đoàn địa phương chặn đánh ở An Cơ. Sau đó những trận tập kích của trung đoàn 42 đã diễn ra tại những nơi quân Pháp không hề chờ đợi. Nó bắt đầu cũng như kết thúc rất nhanh khiến lực lượng cơ động của địch rất đông và mạnh không kịp đối phó. Cuối cùng, sau nửa tháng càn quét, ngày 5 tháng 5, Đờ Linarét phát hiện được trung đoàn 42 đang có mặt ở Kẽ Sặt. Đờ Linarét ra lệnh cho tướng Bécsu (*Berchoux*) tập trung lực lượng mở một cuộc hành binh mang tên Thần lằn (*Reptile*) để quyết định số phận trung đoàn 42 và kết thúc cuộc hành binh đã quá kéo dài. Cuộc tiến công được chuẩn bị kỹ lưỡng và triển khai ban đêm. Nhưng khi tiến vào Kẽ Sặt, thì toàn bộ trung đoàn 42 cũng như bộ đội địa phương và dân quân du kích đều đã biến khỏi đây.

Quân địch đã không thể tiêu diệt được lực lượng vũ trang ta rất quen thuộc địa hình lại được nhân dân che chở. Nhưng do tương quan lực lượng quá chênh lệch, sau nhiều trận càn như vậy, hầu hết các khu du kích, căn cứ du kích của ta vừa được xây dựng hoặc phục hồi từ chiến dịch Biên Giới lại chuyển thành vùng tạm bị chiếm.

Địa bàn được lựa chọn trong chiến dịch Quang Trung là ba tỉnh: Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình thuộc Khu Nam Đồng Bằng của địch.

Đây là vùng quân địch mở rộng chiếm đóng từ giữa tháng 10 năm 1949. Chúng đã nhảy dù xuống Phát Diệm, cho tàu chiến đổ bộ quân lên Xuân Trường đánh chiếm Hành Thiện, Bùi Chu, sau đó mở rộng chiếm đóng 3 huyện phía nam Ninh Bình và 6 huyện phía nam Nam Định, là những vùng tập trung đông đảo giáo dân. Chúng sử dụng giám mục Lê Hữu Từ, đã từng là cố vấn trong chính phủ của ta trước đây, đứng ra thành lập khu "Công giáo tự trị", tổ chức được 22 đại đội vệ sĩ và 1 tiểu đoàn tự lực. Mỗi nhà xứ đều có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội do linh mục trực tiếp chỉ huy. Tại Bùi Chu, chúng thành lập ra "tỉnh công giáo tự trị Bùi Chu gồm các huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu, Trực Ninh và một phần huyện Nam Trực. Tòa giám mục Bùi Chu biến thành cơ quan đầu não của ngụy quyền và hệ thống lực lượng vệ sĩ. Linh mục Hoàng Quỳnh được phong là tổng chỉ huy lực lượng tự vệ công giáo ở cả Phát Diệm và Bùi Chu. Gác chuông nhà thờ trở thành tháp canh. Mỗi nhà xứ đều có nhà tù, nơi tra tấn. Các cơ quan chỉ đạo của ta, cán bộ và lực lượng vũ trang đều bị bắt ra ngoài. Địch đã thực hiện được âm mưu chia rẽ lương giáo, biến giáo dân thành bia đỡ đạn và lính đánh thuê giết hại đồng bào, chống lại kháng chiến, biến vùng đất thánh thành những pháo đài quân sự. Bùi Chu và Phát Diệm trở thành trung tâm của lực lượng công giáo phản động ở Liên khu 3, nơi có 500 nhà thờ và 80 vạn giáo dân.

Địch ỷ vào vùng này có cơ sở giáo dân, nên lực lượng của chúng ở đây so với toàn khu là nơi yếu hơn cả. Quân chiếm đóng ở Hà Nam Ninh có 4 tiểu đoàn và 27 đại đội, hầu hết đều là ngụy binh tuyển mộ trong giáo dân. 1 tiểu đoàn bộ binh thuộc trung đoàn 6 bộ binh thuộc địa (6è RIC) đóng ở Nam Định làm nhiệm vụ cơ động tại địa phương. Tại Khu Nam Đồng Bằng, địch đóng hơn 100 vị trí, trên 20 vị trí từ đại đội trở lên, riêng tại Ninh Bình có 50 vị trí, trong đó có 9 vị trí từ đại đội trở lên.

Bác căn dặn bộ đội: "Tiêu diệt địch nhưng nhất thiết phải lấy được lòng dân. Muốn thế, các chú phải đánh thắng, giữ kỷ luật cho nghiêm và tôn trọng dân, yêu mến dân... Đánh thắng, giành lấy thắng lợi quân sự tức là đặt cơ sở cho thắng lợi chính trị".

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm 3 đại đoàn: 308, 304, 312, 5 đại đội pháo binh, một số đơn vị công binh, 4 tiểu đoàn bộ đội địa phương tỉnh và dân quân du kích. Đại đoàn 304 vừa được trang bị lại bằng vũ khí của bạn.

Vũ khí của đại đoàn hầu hết là chiến lợi phẩm thu của địch, được bổ sung cho đại đoàn 320 là đơn vị thường xuyên hoạt động ở hậu địch. Về mức tiêu diệt địch, Bộ Tổng tham mưu đề nghị một con số khiêm tốn: 3 tiểu đoàn, vì sắp tới mùa mưa, thời gian chiến dịch không thể kéo dài.

Cuối tháng Tư, chúng tôi lên đường đi chiến dịch. Cuộc hành quân từ Quảng Nạp, Thái Nguyên về Liên khu 3 tương đối xa. Cán bộ từ cấp cục trở lên được dùng xe đạp. Đầu tháng Năm, tới Nho Quan, Ninh Bình. Các anh Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Hoàng Sâm trong Đảng ủy Liên khu 3 đón ở Xích Thổ. Kể từ ngày toàn quốc kháng chiến, đây là chiến dịch lớn đầu tiên của Bộ mở ở đồng bằng. Chúng tôi gặp nhau tay bắt mặt mừng, rồi cùng về sở chỉ huy chiến dịch tạm thời đặt ở vùng Châu Sơn.

Tình hình địch có thay đổi. Một bộ phận binh đoàn cơ động số 4 vừa được điều về Phủ Lý. Đảng ủy quyết định chọn hướng chính của chiến dịch là thị xã Ninh Bình, tỉnh lỵ của Ninh Bình. Lần đầu bộ đội ta tiến công vào một thị xã ở đồng bằng Bắc Bộ sẽ tạo nên một tiếng vang lớn.

Chúng tôi nhận thấy cuộc tiến công nổ ra bất thần chắc chắn sẽ giành thắng lợi ngay từ đầu, nhưng tình hình địch sẽ biến chuyển mau lẹ, toàn khu vực lại là vùng đồng chiêm ngập nước, rất nhiều sông ngòi và có nhiều đường giao thông, thuận tiện cho việc di chuyển trên bộ cũng như trên sông của địch dưới sự yểm trợ của máy bay, đại bác, nhưng lại gây nhiều khó khăn cho ta.

Đảng ủy đề ra nguyên tắc chỉ đạo tác chiến: "đánh ăn chắc, chắc thắng mới đánh, dù đánh lớn đánh nhỏ đều phải đánh với điều kiện

nắm chắc phần thắng lợi". Rút kinh nghiệm đánh viện trên đường Đa Phúc — Vĩnh Yên, Đảng ủy nhắc các đơn vị nếu viện binh địch xuất hiện trong điều kiện có lợi cho ta thì vận động tiêu diệt địch. Trước mắt "tranh thủ tiêu diệt nhiều vị trí địch cùng một lúc. Nếu có điều kiện thì tiêu diệt viện".

Ngày 22 tháng 5 năm 191, Bộ chỉ huy chiến dịch trao nhiệm vụ cho các đơn vị: Đại đoàn 308 và đại đoàn 304 tiêu diệt một số vị trí ở thị xã Ninh Bình và vùng chung quanh Ninh Bình, Phát Diệm. Đại đoàn 320 hoạt động ở Hà Nam.

Tôi nhấn mạnh chỉ thị của Trung ương đối với chiến dịch: Tuyệt đối không được chủ quan khinh địch. Phải tranh thủ nhân dân, chú trọng vận động ngũ binh, vận động đồng bào công giáo, thi hành chính sách của Đảng trong các vùng có thể giải phóng. Với chiến dịch này, thắng lợi chính trị cũng quan trọng như thắng lợi quân sự. Trước khi chiến dịch mở màn, đại đoàn 304 và đại đoàn 320 đã có mặt ở ngay khu vực chiến dịch. Để tạo cho quân địch một sự bất ngờ, đại đoàn 308 được lệnh hành quân từ chiến trường Đông Bắc tới thắng vị trí tập kết, chuẩn bị sẵn sàng khi tới nơi là có thể nổ súng ngay. 308 phải vượt một chặng đường dài trên 400 kilômét từ vùng địch hậu Đông Bắc qua các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Nam, vượt qua ba con sông lớn: sông Lô, sông Thao, sông Đà. Một lần nữa, nhiều chiến sĩ lặng lẽ đi qua nhà, có lúc ngay trước mắt những người thân. Cuộc hành quân thâu đêm dưới những trận mưa đầu mùa. Khi trời sáng muôn vàn dấu chân đã biến đi trên con đường đầy bùn nhão.

Hạ tuần tháng Năm, nhân dân các thị trấn Đầm Đa, Chi Nê, Xích Thổ bỗng thấy xuất hiện một đoàn quân dài vô tận với đầy đủ súng ống, pháo nặng đi rất nhanh trên con đường từ Đầm Đa, xuyên về bến Đẽ, Trường Yên. Bộ đội đi mãi miết dường như không kịp để mắt tới những dãy hàng quán nhỏ đèn sáng trưng hai bên đường và đồng bào ủa ra hân hoan thì thảo với nhau:

— Quân chủ lực Việt Bắc đã về!

Trời sáng, các chiến sĩ 308 bắt đầu nhìn thấy những xóm làng nổi lên giữa làn nước bạc mênh mông, những cánh đồng chiêm lúa chín

rộ, những rặng núi đá nhấp nhô che kín cả chân trời. Họ biết mình đã tới đích đúng thời gian.

Rất lâu rồi họ mới được thưởng thức hương thơm của gạo mới, bát canh cua đồng, quả cà ghém, ăm nước chè xanh của vùng quê đồng bằng. Nhìn những chiếc bánh dày đã se mặt, những cây luồng xếp đồng trong làng, những chiếc đồ giấu dưới lùm cây ven sông..., họ biết đồng bào Ninh Bình đã chuẩn bị cho ngày này từ lâu.

Bộ đội chỉ có một ngày chuẩn bị cho trận đánh.

Chiều ngày 27 tháng 5 năm 1951, có lệnh xuất quân. Khu vực giấu quân nằm trong thung lũng Hoa Lư, nơi một ngàn năm trước cậu bé Đinh Bộ Lĩnh cưỡi trâu dùng cò lau tập trận để rồi trở thành hoàng đế của nước Đại Cồ Việt, lúc này chỉ là những cánh đồng chiêm ngập nước. Từ ven những hốc đá dưới chân Mã Yên Sơn, các chiến sĩ với súng đạn, thang ván, bộc phá rùng rùng ủa ra. Nhân dân phố Trường Yên đứng chật hai bên đường đưa tiễn bộ đội. Hàng trăm chiếc đồ nhỏ đã chờ bộ đội ở ven sông. Một khẩu hiệu được tự động dựng lên: "Hoan nghênh bộ đội về đánh Ninh Bình". Chỉ riêng kẻ địch lúc này vẫn chưa hề biết gì.

Một cán bộ quân báo tỉnh Ninh Bình hốt hải tới tìm ban chỉ huy trung đoàn 102 báo tin:

— Ở thị xã có một thay đổi. Ngoài số quân địch đóng trên núi Non Nước, ngày hôm nay vừa có thêm 1 đại đội biệt kích toàn lính Pháp tới thị xã, hiện chúng đang đóng quân trong nhà thờ Đại Phong.

Trái với thái độ lo lắng của anh, trung đoàn trưởng Vũ Yên mỉm cười nói:

— Tốt thôi.

Và anh gọi tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 79 tới trao nhiệm vụ tiêu diệt đại đội này.

Đêm ngày 28 tháng 5, tiểu đoàn 79 được quân báo của tỉnh dẫn đường, tới nhà thờ Đại Phong ở thị xã Ninh Bình. Đại đội commăngđô Phrăngxoa (*Francois*) hành quân qua đây, tin là thị xã vẫn yên bình như mọi khi, đã chọn nhà thờ làm nơi nghỉ qua đêm.

Trước sự xuất hiện bất thần của bộ đội ta, những tên lính thủy quân lục chiến trở tay không kịp, bị tiêu diệt trong vòng 30 phút.

Trận đánh vị trí Non Nước đáng lẽ diễn ra trong đêm hôm đó, nhưng vì một tiểu đoàn qua sông chậm, phải hoãn tới hôm sau.

Đại đội commăngđô Phrăngxoa bị tiêu diệt đã đánh động quân địch.

Chỉ huy Khu Nam Đồng Bằng, Gămbiê (*Gambiez*), lập tức điều động lực lượng dự bị của khu về phía sông Đáy. Tiểu đoàn bộ binh 1 và 2 đại đội biệt kích của hải quân được hải đoàn 3 chở gấp về Ninh Bình. Con trai của Đờ Lát là người chỉ huy một đại đội trong tiểu đoàn này. Mặc dù bị chặn đánh dọc đường, các toán quân vẫn kịp tới vào tối ngày 29, chiếm lĩnh những mỏm núi đá ở phía nam sông Đáy chặn con đường vào thị xã.

Đêm ngày 29 tháng 5, bộ đội ta tiến công 2 vị trí Non Nước và Gối Hạc.

Non Nước là một núi đá ở ngã ba sông Đáy và sông Vân giữa thị xã Ninh Bình, bên trên có một ngôi chùa. Nằm soi mình bên dòng sông, Non Nước được coi là một thắng cảnh. Địch chiếm Ninh Bình khi thị xã đã tiến hành "tiêu thổ", chỉ còn lại chùa Non Nước và nhà thờ Đại Phong. Lợi dụng thế núi hiểm trở, bốn bề vách đứng cheo leo, quân Pháp đã biến Non Nước thành một vị trí bảo vệ thị xã lợi hại, với hai tầng phòng ngự. Chân núi có tường khoét lỗ châu mai xây bao quanh kết hợp với rào dây thép gai. Lối lên duy nhất là một con đường bậc thang uốn lượn bên vách đá. Lực lượng bảo vệ đồn khoảng 2 đại đội.

Cách Non Nước 100 mét là núi Gối Hạc, đứng án ngữ con đường lên chạy vào thị xã. Theo địa phương thì trên núi không có địch. Ta dự kiến khi chiến dịch bắt đầu, địch sẽ chiếm đóng núi này, nên đặt kế hoạch đánh chiếm cả Gối Hạc. Vừa khớp trước khi nổ súng, viện binh địch mới từ Nam Định tới đã chia nhau đóng trên hai mỏm núi đá vôi tại đây.

Sau 2 giờ chiến đấu, tiểu đoàn 54 đã chiếm được vị trí Non Nước, diệt 200 địch, bắt sống chỉ huy. Cùng lúc, tiểu đoàn 29 tiêu diệt quân địch trên một mỏm núi ở Gối Hạc, địch ở mỏm bên bờ chạy, ta không

biết. Chỉ trong một đêm, bộ đội ta đã tiêu diệt đại bộ phận quân địch tại thị xã Ninh Bình.

Đêm hôm đó, bộ phận tin kỹ thuật của ta báo cáo địch đang hối thúc tìm cho được một tên "Bécna" nào đó mất tích ở Ninh Bình. Tôi nói với cơ quan tham mưu hỏi những đơn vị phía trước xem Bécna là ai, có phải là một sĩ quan cao cấp không? Ngày hôm sau mới biết đó là trung úy *Bernard de Lattre*, con trai của Tổng chỉ huy Đờ Lát, đã tử trận ở Gối Hạc.

Cuộc hành quân đường dài của 308 với việc đánh chiếm thị xã Ninh Bình đã được nêu lên trong một thông báo của bộ tham mưu quân viễn chinh là "cuộc hành binh của Napôlêông" đã tạo nên "hai đêm 28 và 29 tháng 5 là những đêm bi đát nhất ở Đông Dương".

Đại đoàn 304 tiêu diệt 4 vị trí nhỏ: Yên Vệ, Chùa Dầu, Yên Mô Thượng, Cổ Đồi trên đường 59 từ Phát Diệm đi Ghềnh.

Bộ đội địa phương Ninh Bình tiêu diệt 2 vị trí nhỏ: Bến Xanh; Tuy Lộc.

Hướng Hà Nam, đại đoàn 320 tiêu diệt 3 vị trí: Hưng Công, Cảnh Linh, Võ Giàng, và tiêu diệt 1 đại đội địch càn quét ở Mai Cầu, Thanh Liêm.

Như vậy là chỉ trong một thời gian ngắn, từ đêm 26 đến ngày 31 tháng 5 năm 1951, bộ đội ta tận dụng yếu tố bất ngờ đã tiến công tiêu diệt và bức rút 26 vị trí lớn nhỏ, phá tan một mảng lớn nguy quyền, làm rạn nứt phòng tuyến sông Đáy, giành thắng lợi giòn giã về quân sự và chính trị trong đợt đầu chiến dịch. Những con đường bộ nối liền Hà Nội với Ninh Bình đều bị cắt. Một điều khá bất ngờ đối với ta là binh lính nguy công giáo đối phó khá yếu ớt và đồng bào ở những vùng trước đây được coi là trung tâm công giáo phản động, không hề gây trở ngại gì cho bộ đội trong những cuộc tiến quân.

Đờ Lát nhận thấy dù đã tạm thời vực dậy được tinh thần đội quân viễn chinh suy sụp sau thất bại ở biên giới phía bắc, vẫn không thể có một giải pháp nhanh chóng cho vấn đề chiến tranh Đông Dương. Đội quân viễn chinh chưa thể mở một cuộc tiến công lớn vào khối chủ lực dày dặn, rất có bản lĩnh chiến đấu của đối phương, và ngay cả nước Pháp cũng không thể làm được việc này.

Đờ Lát quyết định xây dựng một phòng tuyến với những lô cốt boong ke (*bunker*) và một vành đai trắng bao quanh đồng bằng Bắc Bộ nhằm ngăn chặn những cuộc xâm nhập, chủ yếu từ phía bắc. Phòng tuyến bê tông này sẽ chạy qua các tỉnh trung du: Hòn Gai qua Đông Triều, Lục Nam, Bắc Giang, Bắc Ninh, Sơn Tây, tới Hà Đông, Ninh Bình. Những cuộc càn quét với quy mô lớn và dài ngày sẽ được tiến hành bên trong đồng bằng để truy quét lực lượng ta, củng cố chính quyền bù nhìn, giành trọn vẹn kho người, kho của ở Bắc Bộ...

Nhưng đây chưa phải là lối thoát.

Theo Đờ Lát, cách đối phó tốt nhất là "Việt Nam hóa" cuộc chiến tranh, đẩy mạnh quá trình "vàng hóa" đội quân xâm lược. Người bản xứ phải tự đảm đương trách nhiệm chống cộng. Cái Đờ Lát cần là có ngay 4 sư đoàn quân ngự để đáp ứng nhu cầu rất lớn về quân số không thể trông nhờ ở chính quốc. Đờ Lát đã cho lập những trường đào tạo sĩ quan ở Đà Lạt, Thủ Đức, Nha Trang, Huế, Nam Định. Nhưng muốn làm được việc này, trước hết, phải nắm được nguy quyền Bảo Đại.

Trung tuần tháng Tư, nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương của người Việt, Đờ Lát kéo thủ tướng bù nhìn Trần Văn Hữu lên Vĩnh Yên khoe khoang mình đã làm cách nào để chặn đứng những đợt tiến công quyết liệt của Việt Minh, rồi nói với y: "Sự bảo vệ những quân nhân của chúng tôi chỉ có ý nghĩa nếu nó đem lại cho nước Việt Nam đang lớn lên trong độc lập những phương tiện đủ mạnh để tự cứu để tập hợp mọi nguồn năng lượng". Người đại diện của Bảo Đại đã bày tỏ với Đờ Lát quyết tâm tiến hành một cuộc chiến đấu không khoan nhượng chống Việt Minh, kẻ thù chung của cả Pháp và Việt Nam.

Ngày 27 tháng 4, Đờ Lát quyết định mỗi tiểu đoàn trong quân đội viễn chinh phải đỡ đầu một tiểu đoàn quân ngự vừa được tổ chức.

Trong tháng 5 năm 1952, ngoài việc thúc đẩy Đờ Línarét tảo thanh ở đồng bằng, Đờ Lát tập trung vào giải quyết vấn đề chính trị với Bảo Đại, ông vua ham chơi, lười biếng, lại quá mệt mỏi vì những cuộc mặc cả kéo dài với Pháp về những quyền của một nước "độc lập".

Ngày 5, Đờ Lát lên Đà Lạt thăm Bảo Đại. Ngày 7, cả Đờ Lát và Bảo Đại cùng về Nha Trang. Trong khi chiếc du thuyền hoàng gia Hương Giang lướt sóng biển Đông, Đờ Lát đã cố làm cho ông vua bù nhìn tin là mình sẽ mang lại cho Việt Nam những quyền độc lập thực sự của một quốc gia. Buổi trò chuyện được Đờ Lát đánh giá sau đó là có tầm "quan trọng đặc biệt".

Trung tuần tháng Năm, Đờ Lát tới Singapo dự cuộc hội thảo về vấn đề bảo vệ Đông Nam Á. Đờ Lát đã trình bày với người Mỹ, người Anh về vị trí chiến lược của đồng bằng Bắc Bộ, đây chính là "chiếc chìa khóa của toàn bộ cấu trúc Đông Nam Á". Lập luận của Đờ Lát không phải không có tính thuyết phục. Mặc Đônan (Malcolm Mac Donald), đại diện Mỹ, sau đó đã nói "chiến tuyến phòng vệ Mã Lai bắt đầu từ Bắc Bộ Việt Nam". Những đại diện của Mỹ, Anh, Pháp đều nhất trí sẽ khuyến cáo chính phủ mình tổ chức một lực lượng dự bị chiến lược 4 sư đoàn, với những phương tiện không quân gấp đôi ở Đông Dương hiện nay, trong trường hợp phải đối đầu với sự đe dọa của Trung Hoa.

Giữa lúc Đờ Lát đang tập trung vào những vấn đề chính trị thì cuộc tiến công của ta nổ ra ở Khu Nam Đồng Bằng.

Hạ tuần tháng Năm, cơ quan tham mưu Pháp đã thấy có dấu hiệu những cuộc chuyển quân của một số đơn vị thuộc các đại đoàn 304, 320 ở Nam Đồng Bằng. Nhưng họ không mấy quan tâm, vì những đơn vị này đã có mặt từ trước tại khu vực. Các nhà chỉ huy Pháp vốn rất coi trọng những tin tức từ Phát Diệm. Những người công giáo chưa hề báo cáo sự xuất hiện của quân chủ lực Việt Minh ở trong vùng. Khi những trận đánh bùng lên cùng một lúc, Đờ Lát hoàn toàn bị bất ngờ.

Sáng ngày 29, ở Hà Nội, Đờ Lát lập tức vạch ra kế hoạch đối phó với cuộc tiến công. Những con đường bộ về phía nam đã bị cắt đứt,

chỉ còn lại đường thủy và đường không. Lực lượng tăng viện sẽ tới những vị trí bị đe dọa bằng hai con đường này. Hải đoàn xung kích 3 (*Dinassaut 3*) đang có mặt ở Nam Định sẽ vận chuyển ngay viện binh về Ninh Bình, và chi viện hỏa lực cho các lực lượng đang chống giữ. Đồng thời Đờ Linaurét phải đưa binh đoàn cơ động số 1 về Ninh Bình, binh đoàn cơ động số 4 về Phủ Lý. Tiểu đoàn 7 dù thuộc địa sẽ được thả xuống bắc Ninh Bình, tiểu đoàn 2 dù thuộc địa sẽ được thả xuống Thái Bình.

Số viện binh từ Nam Định đã kịp tăng cường cho thị xã Ninh Bình trong đêm 29, vẫn không cứu vãn được tình thế, và làm Đờ Lát mất đi người con trai duy nhất.

Sáng ngày 30 tháng 5, binh đoàn cơ động số 1 mới tới Ninh Bình. Địch đã mất 48 tiếng để hoàn tất những cuộc chuyển quân đối phó. Máy bay, pháo mặt đất, pháo hạm tàu trên sông bắt đầu ngăn chặn những hoạt động của bộ đội ta. Quân địch chiếm lại thị xã Ninh Bình.

Sáng ngày 1 tháng 6, Đờ Lát trao lại quyền chỉ huy cho Xalăng, rời Hà Nội đem thi thể con về Pháp.

5

Ngày 1 tháng 6 năm 1951, Đảng ủy chiến dịch họp quyết định mở đợt 2 chiến dịch sớm nhằm đẩy mạnh chiến tranh du kích, bảo vệ mùa màng, củng cố và khuếch trương thắng lợi về mặt chính trị, tranh thủ tiêu diệt thêm sinh lực địch và đưa một số đơn vị vào hậu địch.

Nhiệm vụ trao cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308 tiêu diệt vị trí Chùa Cao và đánh viện từ Ninh Bình đến Chùa Cao, chuẩn bị đánh Hoàng Đan và đánh tiếp thị xã Ninh Bình lần thứ hai.

Đại đoàn 304 đánh địch từ Bến Xanh, Phát Diệm tăng viện cho Chùa Cao bằng đường thủy và đường bộ.

Đại đoàn 320 phân tán hoạt động trên hai tỉnh Hà Nam, Hà Đông để phát triển chiến tranh du kích, đồng thời đưa 2 tiểu đoàn vào sâu vùng địch hậu ở Chợ Cháy (Hà Đông), và Thanh Liêm (Hà Nam).

Ngày 3 tháng 6, đại đoàn 304 bao vây bức hàng vị trí Núi Sâu, buộc địch rút thêm các vị trí Bình Hà, đình Phương Nại, chùa Phương Nại.

Đêm ngày 4 tháng 6, trung đoàn 88 đánh Chùa Cao. Đây cũng là một ngôi chùa trong nhiều ngôi chùa và nhà thờ ở Ninh Bình đã bị địch biến thành pháo đài. Chùa Cao nằm ở đông — nam thị xã Ninh Bình, ven sông Đáy, trên đường đi Phát Diệm, được coi là vị trí bảo vệ vành ngoài cho giáo khu Phát Diệm. Quân địch đã xây dựng những công sự bằng gạch và xi măng khá kiên cố, và trao cho 1 đại đội commăngđô bảo vệ. Được pháo chi viện từ xa, đơn vị biệt kích bị thiệt hại nặng nhưng vẫn dai dẳng dựa vào công sự chống cự. Bộ đội ta chiếm được hai phần ba đồn thì trời sáng. Địch đưa hải đoàn 3 và tiểu đoàn dù 7 theo đường sông tới giải vây.

Ngày 5, anh Hoàng Văn Thái xuống 308 trực tiếp tìm hiểu tình hình chiến đấu ở Chùa Cao.

Đêm ngày 6, 88 tiếp tục đánh Chùa Cao. Công tác tổ chức chiến đấu chậm, 3 giờ sáng bộ đội mới bắt đầu nổ súng. Đại đội commăngđô mất sức chiến đấu đêm trước đã được thay thế bằng 1 đại đội của tiểu đoàn dù 7. Binh lính dù cố cầm cự đợi viện binh. Trời sáng vẫn chưa giải quyết được vị trí, 88 phải rút lui.

Được tin vị trí Hoàng Đan đã được tăng cường, Bộ chỉ huy ra lệnh cho trung đoàn 36 ngừng đánh Hoàng Đan.

Trung đoàn 88 là một đơn vị công kiên giỏi của 308 đã nhiều lần tiêu diệt những vị trí Âu Phi trên đường số 4 trong vòng 1 giờ. Tôi nghĩ không phải chỉ vì một số khuyết điểm trong công tác chuẩn bị như phái viên đã về báo cáo, cũng không phải vì anh em quá mệt mỏi. Khó khăn lớn nằm ở chỗ khác. Đó là do thủ đoạn đối phó của địch đã thay đổi. Với khả năng bắn chính xác của pháo binh, địch đã tập trung pháo ngăn chặn những đợt tiến công ban đêm vào vị trí, kéo dài cho tới lúc viện binh và không quân kịp can thiệp. Chỉ huy

Pháp hiện đang phát huy tối đa sức mạnh của pháo binh và không quân để khắc phục sự sa sút về tinh thần của binh lính.

Khu Nam Đồng Bằng không còn là một nơi yếu như khi mở đầu chiến dịch. Chỉ một thời gian rất ngắn, địch đã rải trên dọc tuyến phòng ngự Sông Đáy, từ các thị xã Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình tới Phát Diệm 3 binh đoàn cơ động, 2 tiểu đoàn dù, 4 cụm pháo, 1 đơn vị thiết giáp, và 1 hải đoàn xung kích. Tuy nhiên, với lực lượng khá mạnh, chúng chỉ nống ra đóng lại một vài vị trí đã bị tiêu diệt chung quanh thị xã Ninh Bình, mở những cuộc càn quét nhỏ xung quanh khu vực đóng quân. Cũng như ở chiến dịch Hoàng Hoa Thám, quân địch không dám đi vào vùng núi đá, nơi chúng biết chắc chắn có bộ đội ta. Máy bay và pháo địch cũng ít oanh tạc những vùng này vì chúng biết có nhiều chỗ ẩn náu tốt. Các chiến sĩ ta vẫn có được những giờ phút hàn huyên với đồng bào sau nhiều năm xa đồng bằng, giúp dân gặt mùa, xay thóc, dạy những em nhỏ học hát, múa, thăm đền thờ vua Đinh, Bích Động, và ngắm những con thuyền thúng nho nhỏ, mái chèo được điều khiển rất khéo bằng đôi bàn chân, lướt nhanh trên sông.

Trong chiến dịch này, đề phòng địch đánh ra vùng tự do, chúng ta đã để lại đại đoàn 316 ở Thái Nguyên, đại đoàn 312 ở Phú Thọ. Hai đại đoàn này vừa huấn luyện vừa sẵn sàng chiến đấu. Đây là những đơn vị công kiên giỏi Trong 3 đại đoàn tham gia chiến dịch, trừ 308, các đại đoàn 304 và 320 đều chưa được tập huấn cách đánh công kiên đã được bổ sung thêm những kinh nghiệm của bạn. 304 vừa được trang bị vũ khí mới. 320 vẫn còn phải sử dụng những vũ khí đã có.

Ngày 15 tháng 6, Đảng ủy chiến dịch họp nhận định: Các vị trí trên đường số 1 từ Phủ Lý tới Ninh Bình đều được tăng cường. Ta sẽ chuyển sang đánh nhỏ trước khi kết thúc chiến dịch vì mùa mưa đã bắt đầu.

Trung đoàn 36 đánh địch càn quét ở Cẩm Giá, tây — nam thị xã Ninh Bình 4 kilômét, diệt 60 địch, phá 9 xe bọc thép lội nước.

Đại đoàn 320 tiêu diệt 2 vị trí nhỏ: Phố Cù và Phúc Lâm ở Hà Nam.

Trung tuần tháng Sáu, 1 tiểu đoàn của 320 thâm nhập Chợ Cháy (Ứng Hòa, Hà Đông). Khu vực này trực tiếp uy hiếp quốc lộ 1 nối liền Hà Nội với Ninh Bình. Đờ Lát vừa từ Pháp sang, quyết định phải tiêu diệt ngay lực lượng vừa thâm nhập. Định huy động 6 tiểu đoàn dù, bộ binh, cùng với pháo binh và cơ giới mở cuộc bao vây khu vực nhằm "cắt vó" lực lượng ta. Cuộc hành binh tiến hành từ ngày 18 đến ngày 20 tháng 6 dưới trời mưa tầm tã. Nhưng tiểu đoàn của 320 đã phối hợp với dân quân du kích địa phương tổ chức chống càn, diệt hàng trăm quân địch, rồi rút ra an toàn.

Ở hướng phối hợp Tả Ngạn sông Hồng, trung đoàn 42 cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích hoạt động suốt 10 ngày liền, từ ngày 20 tháng 5 đến ngày 30 tháng 5 năm 1951, đã tiêu diệt 18 hương đồn, bức rút 12 hương đồn khác ở các huyện Phủ Cừ, Tiên Lữ (Hưng Yên), Gia Lộc, Bình Giang (Hải Dương), Quỳnh Côi (Thái Bình).

Đợt hoạt động nhỏ cuối chiến dịch đạt được những kết quả đáng kể. Phong trào chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ sau một thời gian lắng xuống vì những trận càn dữ dội liên tiếp, lại được phục hồi.

Ngày 20 tháng 6 năm 1951, chiến dịch Quang Trung kết thúc.

Theo tổng kết của Bộ Tổng tham mưu, tỷ lệ thiệt hại giữa ta và địch là: ta 1, địch 1,2. Trong số quân địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, có 40% là Âu Phi. Vũ khí ta thu được, trên 1.000 súng các loại, đủ trang bị cho 1 trung đoàn mạnh. Ta đã tiêu diệt và bức rút 30 vị trí địch. Phần lớn những thiệt hại của ta là trong những trận đánh điểm, đặc biệt là trong trận Chùa Cao. Theo bạn, tỷ lệ thiệt hại như vậy là thấp. Nhưng với ta, nó khó chấp nhận, vì bộ đội ta vẫn ở trong thời kỳ vừa đánh vừa bồi dưỡng lực lượng.

Các đồng chí cố vấn khi nghe tiểu đoàn trưởng 54 báo cáo trên sa bàn về trận đánh đồn Non Nước đã nhận xét: "Đây là một trình độ công kiên có nền nếp". Lần đầu trên chiến trường đồng bằng, ta tiêu diệt được cùng một lúc 4 vị trí đại đội địch.

Từ trung tuần tháng hai năm 1950 đến trung tuần tháng Năm năm 1951, ta đã mở liên tiếp 4 chiến dịch lớn huy động từ 2 đến 3 đại đoàn, có những đại đoàn, trung đoàn tham dự liền 3 chiến dịch, riêng 308 có mặt trong suốt 4 chiến dịch.

Trong hội nghị tổng kết chiến dịch Quang Trung, đồng chí Vi Quốc Thanh nói: "Bộ đội Việt Nam thực sự là một bộ đội cách mạng. Chỉ có bộ đội cách mạng mới vượt qua được những thử thách lớn như vậy. Không đầy một năm, hành quân ngàn dặm, liên tiếp đương đầu với bom đạn của đế quốc Pháp, dù sắt đá cũng phải mòn!".

Bốn chiến dịch vừa qua trong tám tháng trên những chiến trường rất khác nhau, giống như một chiến dịch kéo dài vì thời gian liên tục của nó, vì những đơn vị tham chiến, cơ quan điều hành, với cả cách đánh hầu như không thay đổi. Chúng ta đã chuyển sang thời kỳ vận động đánh lớn.

Trong ba chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, trên cả hướng chính và hướng phối hợp, chúng ta đã tiêu diệt chừng 70 vị trí địch, trong đó có hầu hết quân địch chiếm đóng tại một thị xã đồng bằng, và nhiều vị trí trên dưới 1 đại đội. Về đánh viện, quân ta đã tiêu diệt 1 tiểu đoàn, đánh thiệt hại một số tiểu đoàn, đại đội ứng chiến thuộc các binh đoàn cơ động số 1 số 3 và số 4. Tổng cộng, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến chừng 10.000 quân địch (một nửa là cơ động), thu một số lượng quan trọng vũ khí và trang bị kỹ thuật. Các trận đánh vận động ở Liễn Sơn, Xuân Trạch, ở Thanh Vân, Đạo Tú chiến dịch Trần Hưng Đạo, trận tiêu diệt cứ điểm Bí Chợ chiến dịch Hoàng Hoa Thám, trận tiêu diệt cứ điểm Non Nước chiến dịch Quang Trung... đã nói lên một bước trưởng thành của bộ đội trong tác chiến trên địa hình trung du và đồng bằng. Nhưng, nổi cộm lên là thất bại của những trận đánh điểm Bãi Thào, Bến Tắm, Chùa Cao, bộ đội phần lớn thương vong vì pháo bắn chặn từ xa của địch.

Có những vấn đề đã khiến tôi băn khoăn từ khi kết thúc chiến dịch Trung Du, tới chiến dịch này đã trở thành một thách thức lớn.

Đờ Lát không chỉ vực dậy một bước tinh thần quân đội viễn chinh với những lời động viên mà còn đã giành được lòng tin của binh lính vì biết tập trung lực lượng nhanh chóng vào những điểm nóng, biết chấp nhận những thiệt hại nhỏ, kiên quyết khước từ giao chiến với ta trong những điều kiện bất lợi. Đờ Lát đã phát huy tối đa sức mạnh những binh khí, kỹ thuật hiện đại để ngăn chặn ta trong đánh vận động cũng như đánh điểm. Và không phải chỉ có chừng ấy. Trong hoàn cảnh lúng túng của chính quyền Pháp, với uy tín cá nhân và những kinh nghiệm dày dặn của mình, viên tướng 5 sao này đang thực thi tất cả những điểm trong kế hoạch Rove trước đây, một kế hoạch đã được ta đánh giá là thực tế và nguy hiểm.

Sau chiến thắng Biên Giới, trước sự suy sụp tinh thần nhanh chóng của đội quân viễn chinh, Đảng ta cùng với các cố vấn Trung Quốc đã cho rằng chiều hướng phát triển của bộ đội ta trên chiến trường Bắc Bộ là từ miền núi tiến xuống trung du và đồng bằng.

Đồng bằng Bắc Bộ sẽ nhanh chóng rảnh lại. Tình hình sau đây sẽ ra sao khi đại bộ phận quân chủ lực của ta đã rút đi... Những vấn đề mới đã đặt ra trước chúng ta.

Chương Bảy: MÙA HÈ NĂM 1951

1

Năm 1951 là năm nhiều thiên tai, hạn hán, lũ lụt lớn, cả nước đều mất mùa. Liên khu 4 mất từ 20 đến 40% hoa màu. 1.000 tấn muối bị ngập nước. Nạn đói đe dọa bốn tỉnh tự do Liên khu 5. Nam Bộ là nơi sản xuất nhiều lúa gạo cũng có những vùng bị đói.

Nền nông nghiệp của ta trước chiến tranh vốn rất lạc hậu. Sống trên dải đất gió mùa, nhiều thiên tai, người nông dân tuy siêng năng, cần cù, nhưng chỉ biết ngày đêm “trông trời, trông đất, trông mây”. Năm mưa thuận gió hòa thì đủ ăn, Năm gặp hạn hán, bão lụt thì đói. Những chính sách hà khắc của bọn thống trị làm cho nạn đói kéo dài triền miên, có năm lúa chín rũ ngoài đồng không người gặt, vì người trồng lúa đều chết đói trước đó.

Kháng chiến của ta dựa trên nền kinh tế tự cấp tự túc về mọi mặt, với khẩu hiệu chính là “Toàn dân tham gia sản xuất”. Năm đầu kháng chiến toàn quốc, lòng yêu nước của nhân ta đã mang lại một thành tựu mới trong sản xuất lương thực. Nông dân vùng tự do thu được 2.194.000 tấn thóc, tăng hơn 289.000 tấn so với năm 1946, và 474.000 tấn hoa màu. Đời sống người dân kháng chiến tạm đủ no.

Đồng bạc Việt Nam được phát hành từ cuối tháng Giêng năm 1946 ở Nam Trung Bộ làm thí điểm, đã nhanh chóng được cả nước sử dụng. Chấp nhận đồng bạc Việt Nam, thường được gọi là “tiền Cụ Hồ”, nhân dân ta đã biểu thị niềm tin vững chắc vào thắng lợi cuối cùng.

Lương thực dồi dào. Tiền do Nhà nước in ra theo nhu cầu. Chỉ còn lo việc đánh giặc. Nhưng tình hình thuận lợi này chỉ diễn ra trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến.

Đế quốc Pháp vốn là một thực dân cáo già. Chiến tranh xâm lược của Pháp không đơn thuần quân sự, là chiến tranh tổng lực. Pháp triệt để khai thác một nhược điểm cơ bản của ta là về mặt kinh tế, tài

chính không có nguồn hỗ trợ nào từ bên ngoài. Chúng tập trung làm hai việc: triệt nguồn lương thực và phá giá đồng bạc Việt Nam.

Pháp nhanh chóng chiếm đóng châu thổ sông Cửu Long và sông Hồng, là nơi tập trung nguồn nhân lực và lương thực của Việt Nam. Chúng bịt tất cả những con đường vận chuyển thóc lúa từ vùng bị tạm chiếm ra vùng tự do. Ở nhiều nơi, sau vụ gặt, địch bắt đồng bào tập trung thóc tại một chỗ do chúng kiểm soát, và phát lại hàng ngày theo nhu cầu của từng gia đình. Trong những cuộc càn quét, địch coi trọng việc phá hoại các phương tiện sản xuất mùa màng, thóc lúa cũng như sản phẩm Việt Minh. Chúng đánh giá bắn được một con trâu như diệt được hai du kích. Thóc lúa, hoa màu tìm được đều bị đốt hoặc đổ xuống sông. Chúng dùng đại bác, máy bay bắn phá trên những cánh đồng, cản trở nhân dân sản xuất, và dùng xe bọc thép lội nước chà trên ruộng lúa đang lên đồng. Đã man hơn, chúng ném bom phá hoại các đập nước Thác Huống, Bái Thượng, Phong Lạc, Bàn Thạch, Đô Lương làm cho trên 200.000 héc-ta ruộng đồng bị khô cạn. Trong năm 1951, chúng lập “vành đai trắng” ở nhiều vùng trung du và đồng bằng, rộng từ 5 tới 10 kilômét, biến hàng chục vạn héc-ta đất canh tác màu mỡ thành những vùng đất hoang hóa.

Đồng bạc Việt Nam bị đánh phá bằng rất nhiều thủ đoạn. Địch cấm dân chúng vùng tạm chiến không được tiêu tiền “Cụ Hồ”. Từng thời gian chúng phao tin những đồng bạc lớn 200 đồng, 500 đồng của ta không còn giá trị sử dụng, tạo nên những cơn sốt tiền 100 đồng giả tạo. Thủ đoạn chủ yếu của chúng để phá giá đồng bạc của ta là dùng tiền giả. Riêng một lần đổ bộ vào Phú Yên, chúng đã tung ra thị trường vùng tự do 800.000 tờ bạc giả. Tại Khu 8 và Khu 9 Nam Bộ, ta đã thu tới 100.000.000 tiền giả. Chúng in tiền giả dễ dàng trong khi việc in tiền của ta giữa thời chiến gặp nhiều khó khăn. Những cơ sở chế tạo giấy, cơ sở in thường xuyên phải di chuyển để tránh máy bay địch đánh phá. Tiền in ra thường không kịp để chi phí cho các chiến dịch, kể cả phát sinh hoạt phí cho cán bộ và công nhân viên. Sự thiếu thốn về lương thực cùng với những thủ đoạn phá giá đồng bạc Việt Nam khiến cho đồng tiền của ta trong những năm 1950, 1951 mất giá rất nhanh. Tại Thái Nguyên, gạo lên tới 45 đồng 1 kilôgam, trong khi sinh hoạt phí của bộ đội là 180 đồng, cộng với 5

đồng tiêu vật! Nhiều khi có tiền cũng không mua được gạo và muối, đặc biệt là muối. Như những năm trước, chúng ta lại phải khuyến khích cán bộ, chiến sĩ, đồng bào từ miền xuôi lên Việt Bắc mang theo mỗi người từ 2 đến 3 kilôgam muối.

Tình hình này ảnh hưởng trực tiếp đến sức chiến đấu của bộ đội. Trong báo cáo trình bày tại Đại hội Đảng lần thứ II, tôi đã đề nghị: “Cần phải kiên quyết cải tiến việc cấp dưỡng cho bộ đội, quy định chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu quân đội và khả năng đảm phụ của nhân dân”.

Những giải pháp Đảng ta đề ra trước đây, từ “Tuần lễ vàng”, “Ngày Đồng tâm”, “Mùa Đông binh sĩ”, “Đảm phụ quốc phòng”, “Hũ gạo nuôi quân”, cho tới việc phát hành “Công phiếu kháng chiến”, lập “Quỹ công lương”, đánh “thuế điền thổ”...mặc dù được nhân dân hưởng ứng, nay đã không còn thích hợp. Cách thu thuế bằng tiền tính theo giá thóc, cũng như mua thóc bằng tiền trong tình hình tỉ giá đồng tiền của ta luôn thay đổi khiến cho nông dân thường bị thiệt thòi. Đại hội Đảng lần II đề ra là trên cơ sở bồi dưỡng sức dân, cần có những chính sách phù hợp, công bằng và lâu dài để huy động sức người, sức của nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của kháng chiến.

Từ khi đồng bạc Việt Nam mất ổn định, đã có ý kiến đề ra trong Hội đồng Chính phủ nên thu thuế bằng thóc, nhưng thấy có nhiều khó khăn: trái với tập quán của nhân dân, phải lập kho, và phải biết cách bảo quản thóc lúa thu về... Các cố vấn Trung Quốc đã giúp chúng ta những kinh nghiệm phong phú qua việc thu thuế nông nghiệp bằng thóc đã được thực hiện ở nước bạn.

Ngày 15 tháng 7 năm 1951, Chính phủ ban hành sắc lệnh Điều lệ thuế nông nghiệp thu bằng thóc nhằm thống nhất cách thu thuế trên cả nước, đơn giản hoá chế độ đảm phụ của nhân dân, và bảo đảm công bằng. Thuế nông nghiệp được đề ra theo nguyên tắc bảo đảm cung cấp cho nhu cầu kháng chiến, phù hợp với khả năng đóng góp của mỗi tầng lớp nhân dân ở nông thôn, khuyến khích phát triển nông nghiệp. Mức thuế khởi điểm là 65 kilôgam trên một mẫu. Mức thuế của bần nông, trung nông giảm nhẹ hơn so với năm 1950. Các

thứ thuế công lương, điền thổ, thuế gia tăng, việc thu thóc theo định giá... trước đây đều bãi bỏ.

Cùng với việc ban hành sắc lệnh thuế nông nghiệp, Chính phủ còn ra những quy định cụ thể về thống nhất thu chi, cân bằng ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô. Sở Kho thóc, sở Mậu dịch, hệ thống ngân hàng và cơ quan thuế vụ được thành lập. Sở Kho thóc và sở Mậu dịch là hai ngành có liên quan mật thiết với hậu cần quân đội, nhằm đảm bảo những nhu cầu về lương thực và những sinh hoạt tối thiểu cho bộ đội.

Bác đặc biệt quan tâm tới việc ban hành sắc lệnh thuế nông nghiệp. Bác trực tiếp đi tìm hiểu tình hình, lắng nghe ý kiến dân chúng. Trước khi ban hành sắc lệnh ba tháng, nhiều đoàn cán bộ chính phủ được phái đi các Liên khu Việt Bắc, vận động nhân dân cho Chính phủ vay tạm thuế nông nghiệp vụ chiêm theo dự thảo đã được Hội đồng Chính phủ thông qua đầu tháng 5 năm 1951. Đây cũng là cách thăm dò phản ứng của nhân dân đối với chính sách thuế mới. Kết quả ngoài dự đoán. Đồng bào các nơi đều hoan nghênh thuế nông nghiệp. Số thóc thu được vượt gấp đôi dự tính ban đầu. Dự tính của ta quá thấp. Một phần, do chúng ta đã dựa trên những con số cũ chính quyền thực dân để lại. Một phần, do chúng ta chưa đánh giá đúng tình hình phát triển của nông nghiệp qua năm năm kháng chiến. Người dân Việt Nam đã thực sự tự túc về lương thực. Sau khi thực hiện vay thuế nông nghiệp vụ chiêm, anh Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Tài chính, vui mừng nói trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ: “Riêng số thóc tạm vay ở Việt Bắc đủ cho quân đội ăn tới ngày mùa!”.

Không khí nông dân nô nức đóng thuế nông nghiệp được phản ánh trong một bài hát lúc đó (nhạc của Lê Lôi, lời của Huyền Tâm):

*“Lúa tháng Năm kén tầm vàng óng
Hạt khô giòn đem đóng thuế nông
Lúa nhiều anh gánh em gồng
Kĩu cà kĩu kịt qua sông qua đò*

*Lúa nhiều chiến thắng càng to
Đồn Tây càng đổ, câu hò càng vang...”*

Từ cuối năm 1951, thuế nông nghiệp trở thành nguồn thu chính của ngân sách nhà nước trong kháng chiến, bảo đảm cho bộ đội những nhu cầu chính về lương thực.

Cũng trong năm 1951, Chính phủ ta ban hành chính sách thuế công thương nghiệp, và phát hành tờ giấy bạc “Ngân hàng Việt Nam” thay thế dần đồng bạc của Ngân khố quốc gia phát hành trước đây. Ngân hàng Việt Nam ra đời là sự tiếp cận những nguyên tắc chính quy về tiền tệ và tài chính của một quốc gia. Anh Nguyễn Lương Bằng được cử làm Giám đốc Ngân hàng Quốc gia. Tờ bạc mới của ta in ở Trung Quốc khá đẹp, được phát hành từ đầu tháng 6 năm 1951. Ai cầm tờ bạc mới cũng thấy phấn khởi.

Bộ máy làm việc của Đảng cũng như của chính quyền từ ngày cả nước kháng chiến chưa được quy định rõ ràng. Số người mỗi ngày càng phình to tại các cơ quan trung ương cũng như các khu, các tỉnh. Đội ngũ cán bộ, nhân viên là những người tham gia cách mạng từ trước và sau Tổng khởi nghĩa, và những người đi theo kháng chiến. Số đông đã trưởng thành trong công tác thực tế và trở thành những cán bộ, nhân viên có khả năng. Nhưng cũng không ít người không thích ứng với công việc. Từ khi đồng tiền mất giá, số người này đã thành một gánh nặng ở các cơ quan, trong khi tại mặt trận và đơn vị lại rất thiếu người. Vấn đề giản chính được đặt ra từ lâu nhưng chưa làm được vì nhiều lý do, trong đó có sự bịn rịn về tình cảm.

Trong một cuộc họp với Bộ Chính trị, đồng chí Trường đoàn cổ vấn Trung Quốc, La Quý Ba đã lưu ý chúng ta nên xem lại vấn đề biên chế của các cơ quan và đơn vị. Mỗi nơi đều cần những người đủ năng lực làm việc, không thể thiếu cũng như thừa. Nó liên quan trực tiếp tới sức mạnh chiến đấu cũng như ngân sách nhà nước.

Từ giữa năm 1951, các cơ quan đã xúc tiến mạnh mẽ công tác tinh giản biên chế để tiết kiệm ngân sách, nâng cao hiệu lực điều hành, và đưa số người dư thừa tăng cường cho lực lượng chiến đấu, sản xuất. Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4 đều được giảm 40% người

đư thừa. Liên khu 5 tiến hành giảm biên theo nguyên tắc kiện toàn khu, tỉnh, tỉnh giản huyện, tăng cường xã, thực hiện phương châm “kiện toàn chất, đơn giản lượng”.

Các cơ quan Bộ Tổng tư lệnh cũng như cơ quan đoàn bộ từ quân khu, đại đoàn, trung đoàn, tiểu đoàn cho tới đại đội đều sắp xếp lại theo đúng nguyên tắc tinh giản, “tinh binh, tinh cán”, tăng cường hiệu lực chỉ huy, giảm nhẹ những bộ phận gián tiếp, tăng thành phần trực tiếp chiến đấu. Trong một thời gian ngắn, cơ quan Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc đã giảm được 60% quân số đưa xuống tăng cường cho đơn vị. Cơ quan tiểu đoàn bộ chỉ còn 20 cán bộ, chiến sĩ. Phòng tham mưu của Bộ chỉ huy Bình Trị Thiên trước gồm 700 cán bộ, chiến sĩ nay còn 130 người, ở Liên khu 5, tổng quân số giảm nhưng lực lượng chiến đấu tăng gần 15%, các trung đoàn chủ lực được bổ sung quân số đầy đủ mà vẫn thành lập thêm được những tiểu đoàn mới.

2

Kết thúc chiến dịch Quang Trung, anh Nguyễn Chí Thanh bàn với tôi, cần tổ chức một đợt chỉnh huấn nhằm nâng cao trình độ giác ngộ chính trị của bộ đội. Anh Thanh có nhận xét mấy chiến dịch gần đây, trong chiến sĩ ngày càng xuất hiện những gương chiến đấu anh dũng, như tổ ba người Khương, Lục, Xá đã đột phá xuyên suốt đồn địch trong trận Non Nước, chiến sĩ Nguyễn Quang Vinh một mình bơi thuyền, dùng bộc phá đánh tàu địch trên sông Đáy... Nhưng ở một số cán bộ đã có dấu hiệu dao động, điều tra địch không đến nơi, bỏ bộ đội khi chiến đấu, tư tưởng ngại gian khổ, ác liệt khá phổ biến. Anh Thanh cho rằng phần lớn cán bộ sơ cấp, trung cấp của ta xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản học sinh, chỉ mới giác ngộ về dân tộc, còn ít giác ngộ giai cấp nên thiếu kiên định. Trọng tâm đợt chỉnh huấn này, nên nhằm vào cán bộ.

Mùa mưa đã bắt đầu. Bộ đội ta sẽ có khoảng hai tháng củng cố, học tập và nghỉ ngơi. Một năm liền hành quân, chiến đấu không

ngừng đã vượt lên sức chịu đựng của con người. Kháng chiến còn dài. Chúng tôi phải thống nhất nâng cao trình độ cả về chính trị và quân sự cho Bộ đội. Trong khi chờ Quân ủy Trung ương quyết định về nội dung chỉnh huấn, cần dành vài ngày cho cán bộ học tập về tình hình và nhiệm vụ. Thời gian qua chiến đấu liên tục, anh em ít hiểu những thay đổi rất nhanh về tình hình trong nước cũng như quốc tế. Đợt học tập này được tổ chức tại Thanh Hóa ngay sau chiến dịch rất có kết quả.

Chỉnh huấn chính trị mùa hè năm 1951 đánh dấu một mốc biến chuyển về nhận thức, tư tưởng của bộ đội.

Cán bộ trung đội và chiến sĩ học tập tài liệu “Quân đội nhân dân Việt Nam” và “Kháng chiến trường kỳ gian khổ nhất định thắng lợi”. Anh em hiểu sâu sắc hơn, quân đội ta là một quân đội kiểu mới, là con em của các dân tộc Việt Nam chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giải phóng cho nhân dân khỏi mọi sự bất công. Mỗi quan hệ giữa cán bộ, chiến sĩ trong quân đội là quan hệ giữa những người cách mạng, thương yêu, gắn bó với nhau trong cuộc chiến đấu sống còn với kẻ thù vì hạnh phúc của nhân dân. Kháng chiến dù lâu dài, gian khổ nhưng nhất định sẽ giành thắng lợi vì nhân dân ta có sự lãnh đạo của một đảng tiên phong đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc học tập ở đại đội đã củng cố niềm tin vì tình cảm giữa cán bộ, chiến sĩ trên cơ sở một nhận thức mới.

Cán bộ từ đại đội trở lên được chỉnh huấn về “Cách mạng Việt Nam”. Mục đích học tập đối với cán bộ là nâng cao nhận thức về lập trường, quan điểm, phân biệt rõ ta là ai, đâu là bạn, đâu là kẻ thù trong cách mạng dân tộc và dân chủ do Đảng lãnh đạo. Những vấn đề này không mới, vì đa số cán bộ đều là đảng viên. Nhưng đây là một dịp để anh em liên hệ giữa nhận thức với tư tưởng việc làm của mình, phân rõ đúng, sai, kiểm điểm tinh thần quyết tâm chiến đấu, phục vụ nhân dân, thương yêu đồng đội, cũng như tư tưởng ngại khó, ngại khổ, công thần địa vị, quan liêu quân phiệt, lãng phí, tham ô... Những biểu hiện tiêu cực này đã xuất hiện ít nhiều trong quân đội và cần được ngăn chặn bằng tự phê bình và phê bình. Nhiều cán bộ đã thành khẩn liên hệ những khuyết điểm, sai lầm của mình và

hứa sẽ quyết tâm sửa chữa. Quyết tâm đó được thể hiện khá rõ trong quá trình chiến đấu sau này.

Đảng ta vốn rất coi trọng tự phê bình và phê bình. Bác Hồ nhiều lần, bằng những lời lẽ khác nhau và sâu sắc, đã làm cho mọi người hiểu tự phê bình và phê bình là quy luật để tiến bộ. Sự tự giác trình bày khuyết điểm trên cơ sở nhận thức đúng đắn bao giờ cũng được hoan nghênh. Coi nhận thức là một quá trình, chúng ta biết chờ đợi, không ép buộc. Có điều nên nói là trong chỉnh huấn chúng ta đã tiếp nhận từ những cố vấn về giáo dục chính trị một cách làm khác: coi kiểm điểm tư tưởng là cuộc đấu tranh không khoan nhượng với mọi sai lầm; những ai không nêu được sai lầm nghiêm trọng sau học tập đều coi như thiếu thành khẩn, và bản tự kiểm điểm không được tập thể thông qua. Những buổi kiểm điểm thường diễn ra căng thẳng với những lời phê phán “đao to búa lớn” nhiều khi gò ép. Có người sợ bị coi là thiếu thành khẩn đã tự nhận những tội lỗi mà mình không hề mắc. Sự động viên, kêu gọi, biểu dương những gương gọi là “thành khẩn” một cách quá đáng trong học tập, đã dẫn tới biểu hiện kỳ lạ. Ở đại đoàn X, một cán bộ tiểu đoàn rất anh dũng trong chiến đấu, tự nhận mình là gián điệp của địch! Khi bị truy hỏi, anh khai ra một loạt sự việc có liên quan tới những cán bộ khác. Tổ chức mất rất nhiều thời giờ mới xác định được những điều anh “phản tỉnh” đều là do óc tưởng tượng của một học sinh trước kia đã đọc quá nhiều những truyện trinh thám! Chỉnh huấn chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Nhận thức mới về cách mạng còn đơn giản làm sao có thể thay đổi hoàn toàn về tư tưởng con người? Cách học tập này tuy mang lại những kết quả trước mắt nhưng sẽ gây những ảnh hưởng xấu trong cuộc vận động chỉnh đốn tổ chức sau này.

Công tác huấn luyện quân sự, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội ngay từ đầu chiến tranh vốn được hết sức coi trọng. Từ năm 1948, chúng ta đã mở liên tiếp những đợt “Luyện quân lập công”, những đợt vận động “Rèn cán chỉnh quân”. Nội dung và phương pháp huấn luyện luôn luôn được cải tiến sát với yêu cầu thực tế chiến đấu. Sau mỗi mùa khô chiến đấu, bao giờ cũng là một đợt huấn luyện về quân sự. Lần này đợt huấn luyện diễn ra khá dài ngày, từ tháng 6 tới giữa tháng 11 năm 1951 mới kết thúc, về kỹ

thuật, các chiến sĩ tiếp tục học 5 môn cơ bản: bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, sử dụng bộc phá và đào công sự. Về chiến thuật, các đơn vị tiếp tục học công kiên, đánh vận động ở đồng bằng, trên địa hình ruộng nước, sông ngòi theo tài liệu của Bộ Tổng tham mưu dựa vào thực tế kinh nghiệm những chiến dịch vừa qua biên soạn.

Ngay sau khi trở lại Việt Nam, Đờ Lát khẩn trương tiếp tục những nước cờ thực hiện mưu đồ “Việt Nam hoá” chiến tranh. Với cương vị Cao uỷ, Đờ Lát thúc ép bọn quan cai trị ở Sài Gòn phải nhanh chóng trao quyền hành chính cho chính phủ ngụy quyền. Ông ta nặng lời khiển trách, không giấu sự khinh miệt đối với những chỉ huy thất trận không kể ở cấp bậc nào, nhưng tỏ ra hết sức mềm dẻo, kiên trì trong việc khuyên nhủ Bảo Đại hãy sớm bắt tay vào công việc của một “quốc trưởng”. Và ông ta cũng đã thành công.

Giữa tháng 7 năm 1952, Bảo Đại ra sắc lệnh “tổng động viên”.

Bảo Đại một lần nữa bộc lộ bộ mặt bán nước chống lại dân tộc.

Nhưng Đờ Lát biết là chưa đủ. Ông ta đã nhận ra dân chúng vùng tạm chiếm vẫn hoàn toàn thờ ơ với cuộc chiến tranh. Sắc lệnh của Bảo Đại chỉ mới tạo ra cơ sở cho việc buộc thanh niên nằm dưới quyền kiểm soát của quân viễn chinh vào lính thay thế cho những cuộc ruồng bỏ bắt lính trước đây. Nhưng họ chiến đấu chống cộng như thế nào mới là vấn đề quyết định. Đờ Lát thấy trước hết phải nắm lấy tầng lớp thanh niên có học, những người sẽ trở thành sĩ quan trong đội “quân cộng hòa”. Nhân dịp trường trung học Saxolúp Lôba (*Chasseloup Laubat*) ở Sài Gòn tổ chức lễ phát thưởng cho học sinh, ông ta tới tận nơi, nói với học sinh: “Các bạn hãy xứng đáng là những con người, có nghĩa: nếu các bạn là cộng sản, hãy đi theo Việt Minh; ở đó có những kẻ chiến đấu tốt cho một lý do xấu. Còn nếu các bạn là người yêu nước, hãy chiến đấu cho đất nước, vì cuộc chiến tranh này là của các bạn... Quân đội quốc gia chính là biểu hiện của nước Việt Nam độc lập. Và sự phát triển của nó phụ thuộc vào cấp số nhân những cán bộ mà chỉ các bạn mới có thể cung ứng... Các bạn, những người được ưu đãi về văn hóa, phải đòi sự ưu đãi ấy ở vị trí đứng đầu trong chiến đấu”. Cách nói như vậy không phải không tác động tới một số thanh niên nhẹ dạ.

Nhân ngày kỷ niệm cách mạng Pháp 14 tháng 7 năm 1952, Đờ Lát cho tổ chức một cuộc duyệt binh lớn tại Hà Nội với sự có mặt của Bảo Đại. Những tiểu đoàn quân ngụy mới thành lập nằm trong đội hình những binh lính diễu hành quanh Hồ Gươm, quảng cáo cho sự ra đời của “quân đội Việt Nam”.

Cuộc đàm phán đình chiến ở Triều Tiên vừa bắt đầu đã mang lại cho Đờ Lát và ngụy quyền một mối lo. Chiến tranh Triều Tiên kết thúc có thể làm cho Trung Cộng rảnh tay, sớm can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. Đờ Lát đặt nhiều tin tưởng vào tuyến phòng thủ boongke quanh đồng bằng, có người đã ví nó như chiến lũy *Siegfried* của Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng công trình này chỉ có thể hoàn thành vào cuối năm.

Tình hình mới ở Triều Tiên càng thúc đẩy Đờ Lát phải nhanh chóng hơn trong vấn đề lập lại an ninh ở đồng bằng Bắc Bộ cũng như những vùng tạm chiếm trên cả nước.

Ở Nam Bộ, từ đầu năm 1951, Đảng ta đã quyết định thành lập Trung ương Cục thay cho Xứ ủy Nam Bộ trước đây. Đồng chí Lê Duẩn là Bí thư, đồng chí Lê Đức Thọ là Phó bí thư thường trực.

Với địa hình đồng bằng, chằng chịt sông ngòi, nằm trong quyền kiểm soát của quân địch ngay từ thời kỳ đầu chiến tranh, bị phong tỏa chặt chẽ bốn phía, lại xa Trung ương, cuộc chiến đấu của quân và dân ta diễn ra ở Nam Bộ trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn. Gần sáu năm qua, địch đã tập trung mọi cố gắng để đưa Nam Bộ trở Lại thời kỳ “vàng son” trước kia, nhằm tính chuyện chia cắt lâu dài. Từ khi Đờ Lát sang, tuy có chủ trương tập trung lực lượng đối phó với ta ở miền Bắc, nhưng không hề xao lãng Nam Bộ. Những hoạt động bình định còn được tiến hành ráo riết hơn trước.

Tướng Săngxông (*Chanson*), thay Đờ Latua đã chuyển ra Bắc, quyết tâm đè bẹp phong trào chiến tranh du kích của ta bằng cách đánh không ngừng vào các khu căn cứ, chia cắt lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ thành hai vùng dọc theo sông Cửu Long. Địch tiếp tục đóng đồn bốt, dựng thêm những tháp canh, dùng tàu; xuống kiểm soát chặt chẽ mọi tuyến đường giao thông thủy bộ, cô lập hoàn toàn Khu 7, Khu 8. Sông Cửu Long, sông Soài Rạp được cán bộ,

chiến sĩ ta gọi là “sông đầu bạc”, vì những khó khăn mỗi lần phải vượt qua. Từ Đồng Tháp Mười lên Chiến khu Đ có khi phải đi mất ba, bốn tháng. Hy sinh, mất mát luôn xảy ra trên đường vận chuyển lương thực, liên lạc từ vùng này sang vùng khác. Địch thường xuyên mở những cuộc càn quét chung quanh Sài Gòn, các thị xã, thị trấn, những khu vực có cơ sở quân sự và kinh tế. Những cuộc tiến công liên tiếp nhằm vào Chiến khu Đ, Dương Minh Châu, Đồng Tháp Mười buộc cơ quan chỉ đạo và những kho tàng của ta luôn luôn phải di chuyển. Chúng mua chuộc, lôi kéo khối Cao Đài ở Tây Ninh, đồng bào thiểu số ở bắc Biên Hòa và Đồng Tháp Mười. Những hoạt động của địch đã làm chiến trường ở Nam Bộ bị chia cắt manh mún, chỉ đạo, tiếp vận rất khó khăn, nhiều lúc đình trệ.

Đầu năm 1951, Bộ tư lệnh Nam Bộ chủ trương: Chủ động kiềm chế địch trên chiến trường Nam Bộ và tiến lên kịp với phong trào toàn quốc. Muốn chủ động kiềm chế địch phải giành giật Khu 8, tiến công kiềm chế ở Khu 7, giữ vững Khu 9, giúp cho phong trào Campuchia phát triển và phối hợp với Tây Nguyên và Cực Nam Trung Bộ. Nắm vững phương châm chiến lược “Du kích là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới”¹⁵.

Thời gian này, Trung tướng Nguyễn Bình, trên đường ra Việt Bắc, bị địch phục kích và hy sinh tại Campuchia. Đồng chí Nguyễn Bình vốn là Tư lệnh chiến khu Đông Triều trước Tổng khởi nghĩa, được Chính phủ điều động vào Nam ngay sau khi Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Hội nghị quân sự Nam Bộ tháng 11 năm 1945 nhất trí cử đồng chí làm Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Hoàng Đình Dong làm chính ủy¹⁶. Đồng chí là một chỉ huy gan dạ, xông xáo quân địch rất e ngại.

Tại chiến trường Nam Bộ có một sự thay đổi về tổ chức. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Trung ương Cục trực tiếp giữ chức Chính ủy kiêm Tư lệnh Nam Bộ, đồng chí Dương Quốc Chính là Phó tư lệnh.

Từ tháng 5 năm 1951, Trung ương Cục quyết định chia lại chiến trường Nam Bộ, thành lập Phân liên khu miền Đông và Phân liên khu miền Tây, lấy sông Tiền làm ranh giới. Một số tỉnh được sát nhập lại làm cho các địa phương đều có căn cứ, bàn đạp rộng, hành lang liên hoàn có điều kiện hỗ trợ cho nhau, giảm nhẹ bộ máy cấp

tỉnh để tăng cường cho cơ sở. Các đồng chí Trần Văn Trà, Phạm Hùng được phân công làm Tư lệnh và Chính ủy Phân liên khu miền Đông. Các đồng chí Phan Trọng Tuệ, Nguyễn Văn Vịnh là Tư lệnh và Chính ủy Phân liên khu miền Tây. Những trung đoàn Đồng Nai, Tây Đô... giải thể. Lực lượng vũ trang tổ chức lại theo hướng tiểu đoàn tập trung của phân liên khu và của tỉnh, đại đội độc lập của huyện, phát triển các binh chủng, thành lập những đội tuyên truyền vũ trang, phát triển chiến tranh du kích xuống từng xã.

Lực lượng vũ trang của ta lập tức phát huy hiệu quả chiến đấu tại Phân liên khu miền Đông.

Tháng 6 và tháng 7 năm 1951, tiểu đoàn 300 và bộ đội Nhà Bè bắn cháy và bắn chìm 42 tàu địch trên sông rạch, diệt 8 trung đội, 13 tiểu đội. Tổ đặc công của tiểu đoàn 300 đột nhập kho xăng Nhà Bè, do 3 đại đội Âu Phi luân phiên canh gác ngày đêm, dùng mìn điện gây nổ đốt cháy hơn nửa triệu lít xăng. Hai tổ đặc công nước dùng thủy lôi đánh chìm tàu Xanh Lubécbiê, chiếc tàu lớn nhất của địch, trên sông Lòng Tàu. Các tiểu đoàn 302, 303 và những đại đội độc lập cơ động đánh địch trên đường số 4, đường 13, đường 2, đường 20 tiêu diệt hàng trăm quân địch, phá hủy nhiều xe cơ giới, diệt tháp canh đột nhập thị xã, thị trấn phá hoại, tiêu diệt địch từ bên trong. Nổi bật là trận đánh Trảng Bom ngày 20 tháng 7.

Yếu khu Trảng Bom là một căn cứ quân sự quan trọng nằm trên quốc lộ 1, cách thị xã Biên Hòa 20 kilômét về phía bắc, gồm 1 chốt chính và 10 chốt phụ do một đại đội Âu Phi và 1 đại đội lính ngự canh giữ. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ, tỉnh đội trưởng tỉnh đội Thủ Dầu Một — Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ huy trận đánh. 75 chiến sĩ và cán bộ của đại đội 55 tiểu đoàn 303 và đội biệt động Thủ Biên cải trang thành những công nhân cao su đi làm về, ngồi trên hai xe vận tải. Khi xe đi ngang căn cứ địch, quân ta lập tức nhảy xuống diệt lính gác cổng, rồi xông thẳng vào đánh chiếm các lô cốt, xe bọc thép. Ở những cứ điểm xung quanh, bộ đội địa phương, đội vũ trang tuyên truyền và du kích các huyện Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Trảng Bom nổ súng phối hợp nhíp nhàng theo kế hoạch hiệp đồng. Bị tiến công bất ngờ, bọn địch trong yếu khu không kịp chống trả. Quân ta diệt 50 lính Âu Phi, bắt sống 50 tên khác cùng bọn tề điệp, dùng xe GMC

chở toàn bộ chiến lợi phẩm, trong đó có 200 súng các loại, hàng chục tấn đạn dược, thực phẩm, đồ dùng quân sự và 5 triệu đồng Đông Dương về căn cứ an toàn.

Ngày 31 tháng 7, đội biệt động Sa Đéc bắt viên tướng Săngxông, tư lệnh Nam Bộ, phải đền tội trong khi đến thị xã kinh lý.

Cuối tháng 8, quân ta đánh bại cuộc hành quân Gió lốc (*Tourbillon*) vào Đồng Tháp Mười. Bộ phận săn tàu của tiểu đoàn 309 dùng badôka bắn chìm và cháy 9 tàu, sà lan. Địch đốt cháy 700 nhà dân. Đêm 4 tháng 9, đội đặc công tỉnh Mỹ Tho đột nhập thị xã Cái Bè, thiêu hủy trên 1 triệu lít xăng, 1.000 tấn đạn, diệt hơn 80 lính Âu Phi.

Trong những cuộc càn quét, nhân dân luôn sát cánh cùng bộ đội chiến đấu tiêu diệt quân địch. Chiến sĩ thi đua của tỉnh Đồng Nai là cụ Mười Tỉnh, ở xã Lai Uyên, đã 70 tuổi.

Chiến khu Đ được xây dựng thành căn cứ đứng chân của Trung ương Cục miền Nam.

Tại Phân liên khu miền Tây, trong tháng Năm, bộ đội ta mở chiến dịch Sóc Trăng, nhằm giành dân, giải phóng đồng bào Khơme đang bị kìm kẹp, mở rộng vùng giải phóng. Chiến dịch do đồng chí Nguyễn Chánh, Phó tư lệnh Phân liên khu, chỉ huy. Tiểu đoàn 410 sau 3 giờ chiến đấu đã tiêu diệt đồn Xẻo Me, sau đó triển khai đánh quân viện. Buổi sáng, quân viện địch từ thị xã Bạc Liêu tới. Đại bác oanh kích và máy bay thả bom napan vào đội hình. Bộ đội ta kiên quyết bám trận địa, tiêu diệt 2 trung đội địch, phá hủy 7 xe. 15 giờ chiều, 1 tiểu đoàn cơ động từ Cần Thơ tiếp tục tới cứu viện. Các chiến sĩ ta chiến đấu dũng cảm dưới sự oanh tạc của máy bay và đại bác, diệt 50 tên địch, buộc chúng phải rút lui. Đánh điểm và hai lần đánh viện, có ba chục đồng chí hy sinh và bị thương, ở hướng phụ của chiến dịch, tiểu đoàn 406 đánh lui cuộc càn quét của 1 tiểu đoàn ngự, diệt gần 70 tên bắn rơi một máy bay khu trục. Ta xây dựng lại cơ sở vùng sóc Khơme ở hai huyện Thạnh Trị và Vĩnh Châu.

Tuy vậy, đây là thời kỳ đen tối nhất của Phân liên khu miền Tây. Quân địch đã lấn chiếm toàn tỉnh Bến Tre, phần lớn các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, càn quét quyết liệt ở Cần Thơ và Rạch Giá. Có nơi

tiểu đoàn chủ lực của tỉnh phải phân tán về các huyện, bám sát các cơ sở, phụ trách xã đội, nhiều chiến sĩ trở thành du kích.

Năm 1951 là một trong những năm khó khăn nhất ở Nam Bộ. Các vùng căn cứ thường xuyên nằm trong tình trạng bị bao vây, chia cắt, phải đối phó với những cuộc càn quét liên tiếp của địch. Quân Pháp chuyển giao các đội quân giáo phái cho bộ tham mưu ngụy để sử dụng vào kế hoạch bình định. Đặc biệt, chúng dùng mọi thủ đoạn bắt hàng vạn thanh niên vào lính, xây dựng được 68 tiểu đoàn ngụy các loại ở toàn miền. Nhờ đó, chúng đã bổ sung được những thiếu hụt do phải đưa 7 tiểu đoàn cơ động và 2 cụm pháo từ Nam Bộ ra Bắc hồi đầu năm.

Cách điều chỉnh lại chiến trường và lực lượng đã giúp Nam Bộ đi đúng hướng, cầm chân vững chắc 20% lực lượng địch trên chiến trường Đông Dương.

Ở Trung Bộ, ngày 24 tháng 7, địch tập trung 8 tiểu đoàn bộ binh cùng xe tăng, pháo binh, hải quân, không quân càn quét tại Phú Lộc, Thừa Thiên. Trung đoàn 101 vừa chuyển về đây lập tức cùng dân quân du kích tổ chức đánh địch. Qua bốn ngày đêm chiến đấu, trung đoàn đã loại khỏi vòng chiến khoảng 600 quân địch, đánh bại cuộc càn quét.

Ở Bắc Bộ, trong tháng 7 và tháng 8, địch càn hàng trăm lần vào vùng du kích và vùng vành đai trắng. Nhưng điều đáng chú ý không phải ở số lượng mà ở quy mô và phương thức tiến hành những trận càn. Chúng bắt đầu kết hợp chặt chẽ sức mạnh vũ khí, kỹ thuật, những binh chủng hợp thành, khả năng di động nhanh của những binh đoàn cơ động với những thủ đoạn chính trị xảo quyệt của bộ máy ngụy quyền nhằm chia rẽ dân tộc, chia rẽ tôn giáo, mua chuộc đồng bào, cô lập triệt để tiến tới loại trừ những lực lượng kháng chiến. Đồng bào ta chưa sẵn sàng đối phó với những hoạt động kiểu này.

Ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, ngụy quyền kết hợp với các giáo phái phản động mở những cuộc hành quân đánh phá vùng du kích với chiêu bài “diệt du, quét cán, càn thanh” (diệt du kích, quét

cán bộ, cán thanh niên) thay cho cuộc hành binh mang tính quân sự thuần túy trước đây do Pháp tiến hành.

Ở Kiến An, sau khi quân cơ động càn quét, ngục quân và ngục quyền tập hợp các phần tử bất mãn với cách mạng, bọn lưu manh tổ chức những đội đào hầm sấm soi khắp nơi bắt cán bộ, du kích nằm vùng. Có ngày chúng đào được 200 hầm bí mật.

Ở Hải Dương, chúng tổ chức những đội “quân thứ hành chính lưu động” (GAMO)¹⁷. Với thành phần hỗn hợp sĩ quan, binh lính, gián điệp, chỉ điểm, nhân viên hành chính, y tế, giáo dục... chuyên làm nhiệm vụ bình định. Bọn này diệt trừ các cơ sở kháng chiến, tranh thủ nhân dân bằng cách dạy học, dạy hát cho trẻ em, tặng quà cho người già, phát thuốc cho người bệnh...và lập lại ngục quyền ở cơ sở. Những đội “quân thứ hành chính lưu động” xây dựng được bộ máy chính quyền ở phần lớn các xã ở các tỉnh Hải Dương và Kiến An.

Ở Thái Bình, Hà Nam, Hà Đông, địch lập các tổ chức “cứu tế xã hội”, “trại hồi cư”, “hội giúp đỡ đồng bào hồi cư” để lôi kéo nhân dân, cán bộ ở vùng tự do về vùng tạm chiếm. Chúng lập những “đại xã” dồn dân vào các khu tập trung, cắt mọi liên hệ với kháng chiến. Đại xã Đồng Quan ở Hà Đông, Chợ Bo ở Thái Bình, Đồng Văn ở Hà Nam...là nơi địch giam giữ hàng ngàn đồng bào bị bắt từ những cuộc càn, sống trong cảnh đói khát, nắng mưa, màn trời, chiếu đất.

Tại nhiều nơi, cơ sở của ta gần như mất trắng. Có nơi 80% số cán bộ, đảng viên bị bắt, những khu du kích, xóm làng bị triệt hạ, đồng bào bị giết hại. Vùng du kích bị thu hẹp khá nhiều. Phong trào kháng chiến ở địch hậu giảm sút rõ rệt.

Thực ra, từ sau khi có kế hoạch Rove năm 1949, địch đã tập trung càn quét ở đồng bằng Bắc Bộ. Chúng không thể để hậu phương một ruỗng vì phong trào chiến tranh nhân dân của ta. Gần một năm qua, những cuộc càn quét có lúc chững lại vì địch phải dồn sức chống đỡ những cuộc tiến công liên tiếp. Lúc này, chúng đang lợi dụng triệt để thời gian chủ lực ta ngừng hoạt động để củng cố hậu phương, nhằm rảnh tay đối phó với chủ lực ta khi mùa khô bắt đầu. Điều đáng lo

ngại là cường độ càn quét gia tăng mạnh lại được kết hợp với những thủ đoạn về chính trị rất thâm độc.

Trước tình hình khó khăn ở địch hậu, Tổng Quân ủy đề nghị với Trung ương cho mở một chiến dịch nhỏ ở hướng Tây Bắc và phát động một tháng chiến tranh du kích buộc địch phải đối phó.

Ngày 11 tháng 9 năm 1951, Bộ Chính trị ra chỉ thị mở Chiến dịch Lý Thường Kiệt ở Tây Bắc, nhằm: tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, xây dựng cơ sở, đẩy mạnh chiến tranh du kích, phá khối ngụy quân Thái. Hướng chính là Phân khu Nghĩa Lộ. Lực lượng sử dụng là đại đoàn 312, 1 liên đội sơn pháo 75 ly, 2 đội công binh cùng với bộ đội địa phương các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang. Quân số tham gia gồm 8.479 người.

Bộ tư lệnh 312 được Tổng Quân ủy trao trách nhiệm điều hành chiến dịch.

Chương Tám: CÂU HỎI LỚN

1

Hạ tuần tháng Chín năm 1951, đại đoàn 312 lên đường. Đại đoàn không tham dự chiến dịch Quang Trung nên đã có thời gian nghỉ ngơi, học tập, đội ngũ được bổ sung đầy đủ, sức khỏe của bộ đội tốt.

Phân khu Nghĩa Lộ thuộc tỉnh Yên Bái. Sông Hồng chia Yên Bái làm đôi. Phía hữu ngạn, hai huyện Bảo Hà, Lục Yên là vùng tự do. Phía tả ngạn, ba huyện Văn Bàn, Trấn Yên, Than Uyên phần lớn bị địch chiếm đóng ngay từ đầu kháng chiến. Sau chiến dịch Sông Thao năm 1949, các vị trí Phố Ràng, Đại Bục, Đại Phác bị tiêu diệt, vùng tạm chiếm đã thu hẹp một phần, ở Phân khu Nghĩa Lộ, lực lượng địch có một tiểu đoàn Thái và bốn đại đội bổ sung chiếm đóng phân ra làm bốn điểm: Nghĩa Lộ, Gia Hội, Ba Khe, Thượng Bằng La, mỗi nơi có 1 đại đội, do một viên quan tư chỉ huy chung.

Ngày 25 tháng 9 năm 1951, đại đoàn 312 vượt sông Hồng tiến vào Tây Bắc. Đại đoàn chia làm hai cánh tiến về Phân khu Nghĩa Lộ. Cánh phụ do trung đoàn 165 đảm nhiệm, tiến thẳng theo đường số 13, tiếp cận Nghĩa Lộ ở hướng đông — nam. Cánh chính có hai trung đoàn 141, 209 cùng với liên đội pháo binh 75 ly, đi theo đường mòn giữa núi rừng hiểm trở, thâm nhập vào cánh đồng Nghĩa Lộ theo hướng bắc. 312 hy vọng cánh quân này sẽ tạo được thế bất ngờ. Sau này ta mới biết được địch phát hiện được 312 từ khi tới Yên Bái, và đề phòng một cuộc tiến công Nghĩa Lộ.

Ngày 30 tháng 9 năm 1951, phía cánh phụ trên đường số 13, tiểu đoàn 115 của 165 nổ súng tiêu diệt Ca Vịnh. Còn phải vượt qua tiền đồn thứ hai là Cửa Nhì mới có đường tiến vào Nghĩa Lộ.

Ngày 1 tháng 10, ở cánh chính, tiểu đoàn 166 của 209 đánh chiếm Bản Tú. Con đường từ phía bắc tiến xuống cánh đồng Nghĩa Lộ, vựa thóc lớn thứ hai của Tây Bắc, đã được mở ra.

Tiểu đoàn 1 ngụy Thái chia nhau cố thủ các vị trí Nghĩa Lộ, Gia Hội, Sơn Bục và gọi quân cứu viện.

Ngày 2 tháng 10 năm 1951, Xalăng ném tiểu đoàn dù 8 (8è BPC) xuống Gia Hội, tây — bắc Nghĩa Lộ 20 kilômét, đe dọa phía sau lưng cánh quân của 312 đang tiến về Nghĩa Lộ.

Theo kế hoạch, cuộc tiến công vào phân khu sẽ bắt đầu khi 165 đã tiêu diệt tiền đồn ở hướng đông — nam, trở về trong đội hình của đại đoàn cùng hợp sức đánh Nghĩa Lộ. Nhưng lúc này 165 chưa vượt qua Cửa Nhì. Hai cánh quân chính và phụ của đại đoàn vẫn còn cách nhau 25 kilômét. Đại đoàn trưởng Lê Trọng Tấn quyết định không chờ đợi 165, dùng những lực lượng hiện có tiêu diệt Nghĩa Lộ và đối phó với quân dù.

Đêm ngày 2 tháng 10, trung đoàn 141 tiến công Nghĩa Lộ không thành công.

Mờ sáng ngày 3 tháng 10, trung đoàn 209 bắt gặp tiểu đoàn dù cách Gia Hội 8 kilômét, đang vận động đánh vào sau lưng bộ đội ta. 209 nổ súng tiêu diệt nhanh đại đội đi đầu. Tiểu đoàn 8 dù rút chạy trở lại Gia Hội.

Ngày 4 tháng 10, Xalăng được tin tiểu đoàn 8 dù bị thiệt hại nặng, ném tiếp tiểu đoàn 2 dù (2è BEP) xuống Gia Hội. Cả 2 tiểu đoàn dù bị 209 chặn đánh ở Văn Tông và gần Nậm Mười không liên lạc được với nhau. Đêm đó, 141 tiến công Nghĩa Lộ lần thứ hai. Cùng lúc, tiểu đoàn 546 của 165 tiến công đồn Cửa Nhì ở phía đông. Cả hai trận đánh đều không thành công.

Ngày 5 tháng 10, Xalăng ném thêm tiểu đoàn 10 dù (10è BPCP) xuống Nghĩa Lộ.

Có thêm lực lượng tăng viện, mấy ngày sau đó, Xalăng định cắt đường tiếp tế của cánh quân 312 đang ở trên cánh đồng Nghĩa Lộ. Tiểu đoàn 2 dù và tiểu đoàn 8 dù tiến về phía rừng núi Khâu Vác. Những phân đội của 312 phát hiện quân dù lập tức nổ súng. Cả hai tiểu đoàn dù đều bị thiệt hại phải rút về Gia Hội.

Nhưng lực lượng của 312 cũng bị tiêu hao nhiều sau mười ngày chiến đấu liên tục. Lương thực chỉ còn hai ngày. Đại đoàn trưởng Lê

Trọng Tấn ra lệnh thu quân.

Trong khi diễn ra chiến dịch Lý Thường Kiệt, địch mở liên tiếp hai cuộc càn quét lớn ở Tả Ngạn Liên khu 3.

Suốt những năm qua, chiến trường địch hậu Tả Ngạn đã phải đương đầu với những cuộc càn quét liên miên. Nhưng trận càn lần này được tiến hành với quy mô rất lớn, nhằm mục tiêu cụ thể là tiêu diệt bằng được trung đoàn 42 của Liên khu 3, đã được mệnh danh là “trung đoàn ma”, “trung đoàn đáng sợ”.

Hạ tuần tháng Chín, bộ chỉ huy Pháp được tin trung đoàn ở vùng bắc Ninh Giang. Lần này địch quyết không bỏ lỡ cơ hội. Ngày 25 tháng 9, Đờ Bécsu, phó của Đờ Linarét, được trao nhiệm vụ triển khai cuộc hành binh “Trái chanh” (*Citron*). Khu vực càn rộng 100 kilômét vuông, nằm ở phía bắc sông Luộc và phía tây huyện Ninh Giang. Bécsu chỉ huy bốn binh đoàn cơ động: GM1, GM3, GM4, GM7 và hai thủy đội xung kích, với nhiệm vụ bủa lưới từ xa siết dần vòng vây, dồn 42 vào một khu vực nhỏ cho máy bay và đại bác oanh tạc hủy diệt. Để không đánh động đối phương, các đơn vị tham chiến đều xuất phát ban đêm từ những căn cứ đóng quân. Nhưng trong quá trình tiến quân, binh đoàn cơ động số 1 đã bị tiểu đoàn 2 địa phương chặn đánh quyết liệt, không tới kịp địa điểm vào chiều ngày 25 tháng 9 như quy ước. Vòng vây của địch chưa kịp khép chặt. Trung đoàn 42 và các đơn vị bộ đội địa phương đã chia thành những bộ phận nhỏ, được nhân dân chở đò qua bờ nam sông Luộc ra khỏi vòng vây, rút sang địa phận Thái Bình trong ngày 25.

Không chịu thất bại, Đờ Linarét mở tiếp cuộc hành binh “Trái quýt” (*Mandarine*) tại Thái Bình, lần này do đích thân y chỉ huy. Lực lượng vẫn như trước và được bổ sung thêm ba tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn thiết giáp. Ngoài mục đích loại trừ trung đoàn 42, địch còn muốn nhân đây triệt hạ khu căn cứ lớn Tiên — Duyên — Hưng, nơi đứng chân của các cơ quan chỉ đạo kháng chiến các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, bịt kín con đường cửa ngõ Thái Bình với các tỉnh Hữu Ngạn sông Hồng.

Khu căn cứ này nằm trên một địa bàn có sông Hồng, sông Luộc, sông Trà Lý và quốc lộ 10 bao quanh. Ngày 30 tháng 9, GM1, GM3

cùng 2 tiểu đoàn dù, 1 tiểu đoàn pháo binh theo đường 39 từ Hưng Yên tiến sang Thái Bình; GM4, GM7 từ quốc lộ 10 đánh lên. GM3 và GM4 được trao nhiệm vụ càn quét thật kỹ trên địa bàn tiến quân nhằm gạt lực lượng ta về phía đông. Mỗi ngày quân địch chỉ tiến vài kilômét, cố giữ cho vòng vây trên bộ không bị đứt đoạn. Đồng thời tàu chiến, ca nô và các hải đoàn xung kích kiểm soát chặt chẽ ba mặt sông. Địch nã pháo vào những nơi chúng nghi có bộ đội ta, nhằm tiêu hao lực lượng, phá hủy công sự và uy hiếp tinh thần dân chúng. Có lúc chúng tập trung 30 khẩu pháo bắn vào làng nhỏ.

Trung đoàn 42 có mặt tại khu căn cứ, cùng với lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích quyết định đánh địch để bảo vệ cho các cơ quan và nhân dân rút dần ra khỏi vòng vây.

Cuộc chiến đấu bắt đầu từ làng Nguyễn, một làng chiến đấu nổi tiếng của Thái Bình. Địch tập trung 1 trung đoàn mở cuộc tiến công. Sau những đợt pháo bắn mãnh liệt, bộ binh địch chia thành nhiều mũi tiến vào. Dân quân du kích dựa vào những hố trú ẩn, những đường hào, lũy tre dùng súng trường, lựu đạn, giạt mìn đánh trả, ngăn chặn quân địch từng bước. Sau một ngày chiến đấu, địch mới chiếm được nửa làng. Chúng phải đánh thêm cả ngày hôm sau mới chiếm được làng Nguyễn. Trong làng chỉ còn lại những ngôi nhà bị địch hủy hoại, và một số cụ già, em nhỏ. Tất cả những người cầm súng đã biến khỏi đây.

Trung đoàn 42 phối hợp với hai đại đội địa phương 61 và 131 của tỉnh Kiến An tiến công địch ở An Thái, cống Thái Thường (Duyên Hà) diệt gần 400 tên địch thu nhiều vũ khí. Dựa vào làng chiến đấu, lực lượng vũ trang ta ngăn chặn và làm chậm bước tiến của quân địch ở nhiều nơi. Ở Hòa Mỹ, tiểu đoàn dù số 7 (7è BPC) phải gọi máy bay oanh tạc và sau một trận đánh giáp lá cà dữ dội mới chiếm được làng, ở Nội Thôn, tiểu đoàn 3 lê dương có pháo 105 và 155 yểm trợ nhiều lần tiến công vào làng nhưng đều bị bộ đội địa phương đánh bật ra. Lũy tre xanh một lần nữa chứng tỏ sức bền vững trước đại pháo, máy bay và những cuộc càn.

Trong khi địch càn lớn ở Tiên — Duyên — Hưng các nơi khác ở đồng bằng đã đánh mạnh để chia sẻ lực lượng địch. Tiểu đoàn 3 Thái

Bình đánh địch ở vùng Thiên chúa giáo huyện Tiên Hải tiêu diệt vị trí Nội Lang, mở được một số xã tự do, và nhân đà thắng lợi xây dựng thêm nhiều cơ sở ở huyện Tiên Hải.

Ngày 8 tháng 10 năm 1951, cuộc càn Trái Quýt kết thúc. Sau một tuần lễ càn quét và mười lăm ngày tiếp tục sục sạo, chà đi xát lại nhiều lần trên những vùng đất hẹp, địch đã chiếm đóng lại khu vực Tiên — Duyên — Hưng với 363 làng và 280.000 dân. Căn cứ liên hoàn gồm ba huyện Tiên Hưng, Duyên Hà, Hưng Nhân ở phía bắc tỉnh Thái Bình trở thành vùng tạm chiếm. Ngoài hệ thống đồn bốt dày đặc với 195 vị trí trên toàn tỉnh Thái Bình, nay địch cắm thêm 10 vị trí.

Cũng như trước đây, những trận càn lớn của địch không cất vó được những đơn vị bộ đội ta ở địch hậu. Đây là cơ hội cho anh em ta rèn luyện trong chiến đấu để trưởng thành. Tất cả các đơn vị bộ đội đều rút ra khỏi vòng vây. Nhưng những gì mà kẻ địch có thể làm với người dân vùng mới bị chiếm thì đúng là điều đáng lo ngại.

2

Những trận càn quét với quy mô rất lớn diễn ra quyết liệt ở đồng bằng Bắc Bộ trong mùa thu khiến Bác và Thường vụ rất lo ngại. Thường vụ quyết định triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai để bàn về tình hình và đề ra những phương châm hoạt động ở hậu địch. Đồng chí Tổng Bí thư phân công tôi chuẩn bị gấp một bản báo cáo.

Cuộc họp kéo dài từ ngày 27 tháng 9 đến ngày 5 tháng 10 năm 1951.

Hội nghị nhận định tình hình chung sau ba chiến dịch ở trung du và đồng bằng, ta đã giữ quyền chủ động trên chiến trường chính, nhưng chưa làm thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ, vì chưa có ưu thế về quân sự so với địch, chiến tranh du kích của ta đứng trước nhiều khó khăn mới. Chất lượng của bộ đội còn yếu. Chiến

trường sau lưng địch và các chiến trường khác chưa phối hợp đặc lực với chiến trường Bắc Bộ. Cuộc chiến tranh toàn diện cả về chính trị, kinh tế... ở vùng tạm chiếm chưa được coi trọng đúng mức. Địch phải dùng chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” là do chúng không đủ sức chống lại kháng chiến. Chính sách ấy sẽ thất bại vì nó dựa trên áp bức và lừa phỉnh, sẽ làm cho nhân dân cả nước, nhất là nhân dân vùng bị tạm chiếm ngày càng căm thù, càng hăng hái kháng chiến.

Về quân sự, hội nghị đề ra trước mắt phải nâng cao chất lượng bộ đội chủ lực, đẩy mạnh việc xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích. Ở Bắc Bộ, đẩy mạnh vận động chiến tiêu diệt một phần sinh lực địch. Trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích Bắc Bộ cũng như các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ, phải giữ vững và phát triển chiến tranh du kích để thực hiện việc kiềm chế và phối hợp với chiến trường chính có hiệu quả hơn.

Hội nghị phân tích những khó khăn ta đang gặp phải ở hậu địch một phần do địch gây ra, một phần do ta phạm sai lầm trong chỉ đạo phong trào. Ta đã thiếu một chủ trương toàn bộ, lâu dài, không kịp thời trong chuyển hướng đấu tranh khi địch đã thay đổi thủ đoạn để bảo toàn lực lượng. Sự chỉ đạo phong trào còn giản đơn máy móc, chưa biết lấy dân làm gốc.

Hội nghị thấy cần chia hậu địch thành hai vùng: vùng tạm chiếm và vùng du kích, hoạt động theo hai phương châm khác nhau. Vùng tạm chiếm lấy hoạt động hợp pháp là chính, nhằm xây dựng và phát triển cơ sở. Cần lợi dụng mọi tổ chức của địch nắm tề và lợi dụng tề, dùng mọi khả năng hợp pháp để giác ngộ quần chúng, tập hợp và lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch. Khi có điều kiện thì lãnh đạo nhân dân chuyển lên đấu tranh vũ trang, tránh manh động, tránh trừ gian bừa bãi. Ở vùng du kích phải giữ vững và đấu tranh vũ trang, kiên quyết trừ gian, phá tề, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế, tiến tới mở rộng địa bàn và xây dựng căn cứ du kích. Nếu lực lượng địch mạnh, có thể tạm thời thu hẹp vùng du kích, và chuyển hướng đấu tranh xuống hình thức thấp hơn. Cả hai vùng đều không có giới hạn cố định mà có thể chuyển hóa lẫn

nhau. Do đó, các cấp lãnh đạo phải nắm chắc cuộc đấu tranh trong từng vùng, ở từng nơi, từng lúc để chỉ đạo kịp thời.

Ba công tác chính ở vùng sau lưng địch là: dân vận, nguy vận và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Dân vận là công tác cơ bản để đánh bại âm mưu nhằm giành giật quần chúng của địch. Nguy vận là một nhiệm vụ chiến lược. Đẩy mạnh chiến tranh du kích là việc rất quan trọng để duy trì và phát triển phong trào đấu tranh ở vùng sau lưng địch. Ba công tác này gắn liền với nhau.

Bác và anh Trường Chinh chủ trì hội nghị từ đầu đến cuối. Bác nói: “Muốn kháng chiến thành công thì phong trào du kích phải thật mạnh”. Nghị quyết Trung ương lần thứ hai là cơ sở chỉ đạo mọi hoạt động đấu tranh ở hậu địch cho tới hết chiến tranh. Cũng trong đợt này Bác viết lời tựa cho bản dịch cuốn “*Tĩnh ủy bí mật*” của nhà văn Liên Xô Phêdôrốp:

“Lần này là lần đầu tiên tôi viết bài cho một quyển sách, vì quyển sách này ra đúng dịp. Nó ra trong lúc chúng ta đang đẩy mạnh phong trào du kích.

...Du kích là một lực lượng cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi.

Tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, trong vùng địch và xung quanh vùng địch, làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng phải có du kích, thì nó thành một tấm lưới sắt, một thứ “thiên la địa võng” mà địch không tài gì thoát ra được. Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm cái gì cũng bị phá hoại. Du kích làm cho địch có mắt như mù, có tai như điếc, có chân tay như què. Một bộ phận địch thì bị du kích tĩa dần tĩa mòn. Bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không yên, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị du kích tiêu diệt nốt.

Du kích tổ chức khéo, thì toàn dân gái trai già trẻ, sĩ nông công thương, ai cũng có thể tham gia. Người thì lo đánh giặc, người thì lo tiếp tế, tình báo, liên lạc, tuyên truyền. Mọi người đều có dịp phụng sự Tổ quốc”.

Để triển khai nghị quyết Trung ương lần thứ hai, như đã dự kiến từ trước, Bộ Tổng tư lệnh ra chỉ thị phát động một tháng chiến tranh du kích bắt đầu từ trung tuần tháng 10 tới trung tuần tháng 11 năm 1951 tại Trung Du và Liên khu 3 nhằm củng cố, phát triển các cơ sở chính trị và vũ trang, đồng thời bảo vệ thóc gạo, tiến hành thu thuế nông nghiệp. Các liên khu, tỉnh có kế hoạch khôi phục phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, lực lượng vũ trang địa phương và một bộ phận bộ đội chủ lực được trao nhiệm vụ hỗ trợ và phối hợp với cuộc đấu tranh của quần chúng.

Lúc đầu, Bộ Tổng tham mưu đề nghị đưa hai đại đoàn vào hoạt động ở hậu địch. Tổng Quân ủy trao đổi, có hai ý kiến. Một ý kiến cho rằng đưa lực lượng lớn như vậy vào địch hậu trong tình hình quân cơ động địch tập trung ở đồng bằng, ta sẽ gặp nhiều khó khăn. Một ý kiến cho rằng có thể đưa vào địch hậu từng trung đoàn ở những hướng khác nhau. Tổng Quân ủy quyết định đưa một số trung đoàn chủ lực áp sát vành đai Trung Du và Liên khu 3 tham gia đánh điểm nhỏ, diệt viện nhỏ, sau đó phân tán thành đơn vị nhỏ đi sâu vào địch hậu tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền và chống địch càn quét. Đại đoàn 316 sử dụng trung đoàn 98 hoạt động ở hướng chính Bắc Giang, trung đoàn 174 ở hướng phụ Bắc Ninh; sau một thời gian, trung đoàn 176 sẽ thay thế cho 174, để 174 về Lạng Sơn chỉnh huấn. Đại đoàn 320 hoạt động ở Hà Nam Ninh, lấy trung đoàn 64 là lực lượng chính, trung đoàn 48 là phụ.

Sau một tháng hoạt động chiến tranh du kích, các lực lượng vũ trang ta tiêu diệt 2.678 quân địch (bắt sống 140). Nhưng ta không đạt được mục đích đề ra là cải thiện tình hình chiến tranh du kích ở địch hậu.

Anh Lê Trọng Tấn từ Tây Bắc về báo cáo với Bộ, chiến dịch Lý Thường Kiệt thất bại. Ta diệt và bắt khoảng 500 quân địch, không rõ số bị thương, nhưng lực lượng ta tiêu hao rất nhiều: 253 hy sinh, 964 bị thương, 87 mất tích. Anh Tấn tự nhận là lần đầu chỉ đạo một chiến dịch nên có nhiều sai sót.

Tôi thấy cách chọn hướng tiến công của đại đoàn trong chiến dịch là đúng, cách xử trí khi địch tăng viện quân dù khá linh hoạt, hỏi kỹ

anh Tấn về những nguyên nhân không thành công của chiến dịch. Anh Tấn cho rằng việc di chuyển bộ đội quá chậm nên địch đã biết và chuẩn bị đối phó. Từ Yên Bái vào Nghĩa Lộ, ta mất năm ngày hành quân vất vả, nhưng địch tăng cường quân dù từ Hà Nội lên chỉ mất một giờ! Tây Bắc là địa hình rừng núi, nhưng trong thực tế quân đội ta đánh nhau với quân dù trên đồng ruộng ban ngày như ở chiến dịch Trung Du.

Ở rừng núi, quân dù chưa phải là đối thủ của ta, nhưng trên địa hình bằng phẳng, có pháo binh và không quân yểm trợ, chúng vẫn gây cho ta nhiều khó khăn. Một số đơn vị của ta chưa quen đánh điểm. Và khi chiến dịch kéo dài, tiếp tế cho bộ đội đông, bằng quang gánh của dân công trên hàng trăm kilômét đường rừng, vẫn là vấn đề nan giải. Trước khi mở chiến dịch, đại đoàn chưa nhìn thấy hết những khó khăn này.

Tất cả đều không phải là những vấn đề mới.

Có điều đáng chú ý là một đại đoàn của ta đưa lên Tây Bắc chỉ kéo được ba tiểu đoàn dù khỏi đồng bằng Bắc Bộ một thời gian ngắn. Những hoạt động đẩy mạnh chiến tranh du kích của một số đơn vị thuộc hai đại đoàn 316, 320 ở Bắc Ninh, Bắc Giang và Hà Nam Ninh không hề làm giảm nhẹ áp lực quân địch ở Tả Ngạn Liên khu 3. Tình hình địch hậu tiếp tục xấu. Vùng du kích và những căn cứ du kích không ngừng bị thu hẹp.

3

Tôi đã nhắc Bộ Tổng tham mưu sớm có kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1951 — 1952 để báo cáo với Tổng Quân ủy. Nhưng đầu tháng 10 năm 1951 cơ quan vẫn chưa xây dựng xong kế hoạch.

Mùa đông năm 1951, khối chủ lực của Bộ đã có sáu đại đoàn bộ binh: 304, 308, 312, 316, 320, 325 và một trung đoàn. Trừ 325, năm đại đoàn đều đã nhận trang bị mới. Quân số các đại đoàn được bổ sung đầy đủ. Sau chỉnh huấn, cơ quan tham mưu đánh giá trong số

18 trung đoàn chủ lực của Bộ, có bảy trung đoàn khá, bảy trung đoàn trung bình, 4 trung đoàn còn yếu vì chưa quen đánh tập trung riêng các đại đoàn 320, 325 phải thường xuyên đảm nhiệm hoạt động ở địa phương nên lực lượng cơ động thực sự của Bộ chỉ có 4 đại đoàn.

Trên chiến trường Bắc Bộ, ngoài các đơn vị chủ lực của Bộ còn 14 tiểu đoàn bộ đội địa phương, 180 đại đội của tỉnh và huyện. Trừ các đơn vị thuộc Tả Ngạn Liên khu 3, những đơn vị khác tuy đã được bổ sung trang bị nhưng thiếu đạn, huấn luyện kém và ít kinh nghiệm chiến đấu.

Chế độ cung cấp mới được thực hiện trong quân đội. Bộ đội ăn theo định lượng, 800 gam gạo một ngày cộng với tiền thức ăn bằng giá trị 400 gam gạo. Sức khỏe bộ đội tăng lên rõ rệt. Tỷ lệ ốm đau giảm xuống chỉ còn 7—9%. Riêng đại đoàn 320 vì hoạt động ở địch hậu nhiều, số người đau yếu còn chiếm 39%.

Liên khu 5 có 5 trung đoàn bộ binh và bộ đội địa phương với quân số 37.148 người.

Nam Bộ có 11 tiểu đoàn, 51 đại đội, 155 trung đội bộ binh và bộ đội địa phương. Quân số gồm 32.678 người.

Mặt trận Lào có 4 đoàn, gồm 4.431 người.

Tổng quân số của ta là 253.270 người.

Cùng thời gian, tổng quân bộ của địch là 338.000 người. Nếu như trước đây một năm, tổng số quân của ta và địch tương đương, thì nay, quân số địch đã tăng gần 100.000 tên, tính đơn vị tăng 42 tiểu đoàn.

Trong tổng số 162 tiểu đoàn bộ binh địch, chúng bố trí ở chiến trường Bắc Bộ 86 tiểu đoàn, Trung Bộ 22 tiểu đoàn, Nam Bộ 31 tiểu đoàn, Lào 12 tiểu đoàn ngụy Lào, Campuchia 11 tiểu đoàn ngụy Miên. Địch vẫn tập trung chủ yếu lực lượng trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Về binh chủng, với sự viện trợ của Mỹ, số lượng cũng như chất lượng binh khí, kỹ thuật của địch đều tăng đáng kể. Quân Pháp hiện có 18 tiểu đoàn pháo 105 và 155 ly, 7 trung đoàn cơ giới, 7 tiểu đoàn

công binh, 225 máy bay các loại, 230 tàu các loại với 9 hải đoàn xung kích.

Tỉ lệ quân ngũ trong hàng ngũ địch đã lên tới 62%. Trong giao chiến quân ngũ chưa phải là đối thủ của ta. Nhưng chúng hơn hẳn quân Pháp trong công việc bình định. Là người Việt, chúng am hiểu đường đi lối lại, các ngõ ngách, biết mọi phong tục, tập quán, phân biệt dễ dàng cán bộ, du kích nằm vùng với người dân thường. Chúng lại có những liên hệ về gia đình, họ hàng, tôn giáo với người địa phương. Trước mắt, có một số đơn vị quân ngũ rất nguy hiểm đối với phong trào đấu tranh nhân dân ở hậu địch.

Đặc biệt ở Bắc Bộ, cuối năm 1951, chúng đã hoàn thành cơ bản tuyến phòng thủ Đờ Lát bao quanh đồng bằng Bắc Bộ. Địch dự tính xây dựng 1.200 lô cốt bê tông cốt thép ở Bắc Bộ, 500 chiếc ở miền Trung và miền Nam, nhưng lúc này chúng mới hoàn thành 800 chiếc ở Bắc Bộ, chạy dài từ bờ biển Hòn Gai qua các tỉnh Bắc Giang Bắc Ninh, Vĩnh Phúc đi ngã ba Thá (Hà Đông). Đây là tuyến công sự vững chắc, lần đầu xuất hiện trên chiến trường Đông Dương, nằm tiếp giáp với vùng tự do. Những khối bê tông đó nằm chỉ hơi nhô lên khỏi mặt đất, đủ sức chịu đựng trước mọi hoả lực công phá của ta, ngoài lưới lửa của bản thân vị trí còn được những trận địa đại bác từ xa bảo vệ. Những hệ thống phòng ngự khác nhau của địch không chỉ gây trở ngại cho bộ đội miền Trung và miền Nam trang bị còn yếu kém, mà còn là thách thức với các đại đoàn chủ lực trên miền Bắc trang bị phần lớn là vũ khí nhẹ.

Nhìn chung cả nước, nửa cuối năm 1951, địch đã giành thắng lợi lớn trên mặt trận địch hậu, một thắng lợi chúng chưa hề giành được những năm trước đó.

Tuy nhiên, địch không khắc phục được nhược điểm cơ bản của một đội quân xâm lược. Trên tổng số 162 tiểu đoàn bộ binh thì ba phần tư đã phải phân tán để làm nhiệm vụ chiếm đóng, địch chỉ dành được 41 tiểu đoàn cho khối cơ động chiến lược và chiến thuật, khối cơ động chiến lược chỉ còn 21 tiểu đoàn.

Về so sánh lực lượng, ta vẫn ở thế yếu. Địch không những đông về số lượng mà còn hơn hẳn về vũ khí, trang bị mọi mặt. Nhưng với

khối chủ lực hiện có, số lượng tương đương với khối cơ động của địch, chúng ta vẫn có thể tạo thời cơ giành thắng lợi trên chiến trường chính. Chỗ mạnh của ta là hoàn toàn chủ động tiến hành những trận đánh do ta lựa chọn.

Nhưng Đông Xuân này nên mở chiến dịch ở đâu? Mở một chiến dịch lớn thu hút được nhiều binh đoàn cơ động của địch là cách tốt nhất để cứu vãn tình hình xấu đi ở hậu địch. Và nếu ta chậm tiến công địch, chúng sẽ tiến công ta trước, đẩy ta vào thế đối phó bất lợi. Đờ Lát đang có trong tay 7 binh đoàn cơ động chiến lược có thể tiến công ta bất cứ lúc nào.

Máy bay gầm rú suốt ngày trên bầu trời Việt Bắc. Hậu phương chỉ yên tĩnh khi bộ đội chủ lực mở chiến dịch. Những hoạt động của địch không chỉ nhằm phá sự chuẩn bị chiến dịch của ta, mà còn mang tính khủng bố. Máy bay ném bom và bắn phá hàng giờ một làng mà chúng nghi ngờ. Chúng lao xuống bắn một chiếc phà qua sông ban ngày ở Phan Lương. Một trái bom rơi đúng nhà giao tế ở Bắc Cạn. Rất may hai cố vấn Trung Quốc vừa tới đó kịp ra hầm trú ẩn. Cụ Hồ Tùng Mậu, một trong những người đầu tiên tham gia Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, là Tổng Thanh tra Chính phủ, đã hy sinh vì máy bay địch trên đường vào Khu 4 công tác. Bác rất buồn, Người viết: *“Mất chú, đồng bào mất một người lãnh đạo tận tụy, Chính phủ mất một người cán bộ lão luyện, Đoàn thể mất một người đồng chí trung thành, và tôi mất một người anh em chí thiết. Mấy nguồn thương tiếc, cộng vào trong một lòng tôi”*.

Tôi trao đổi với đồng chí Vi Quốc Thanh về phương hướng mở chiến dịch Đông Xuân. Anh Vi nói trong đoàn cố vấn đã bàn bạc nhiều lần. Quân Pháp hiện đang tập trung đông ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Phòng tuyến của chúng đã được củng cố. Quân Pháp có nhiều phương tiện lại cơ động trên những đường nội tuyến nên chúng tập trung rất nhanh. Đặc biệt, đế quốc Pháp hơn hẳn quân Tưởng về hiệp đồng bộ pháo cả ban ngày và ban đêm. Ở Triều Tiên, quân đội Triều Tiên và Chí nguyện quân Trung Quốc có cả máy bay Liên Xô trợ lực, nhưng chủ yếu vẫn thắng địch bằng số đông. Việt Nam không có máy bay cũng chưa có vũ khí phòng không, đánh địch

ở đồng bằng khó đối phó với phi pháo. Và khó khăn lớn nhất vẫn là Việt Nam ít quân.

Tôi nói:

— Vừa qua ta đã mở những chiến dịch nhỏ cỡ đại đoàn để buộc địch phải phân tán đối phó, hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo địch nhưng ít kết quả. Việt Nam đã có một khối chủ lực sáu đại đoàn, không thể chỉ đánh nhỏ. Đánh nhỏ bộ đội ít tiêu hao nhưng không tạo được tình hình biến chuyển trong giai đoạn mới.

Đồng chí Vi cân nhắc rồi nói:

— Tôi sắp về Bắc Kinh họp. Chắc lần này Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ có ý kiến góp với các đồng chí Việt Nam.

Ít lâu sau ngày đồng chí Vi về Bắc Kinh, Trung ương Đảng ta nhận được thư của đồng chí La Quý Ba. Trong thư đồng chí La viết với tình hình hiện nay, tốt nhất là Việt Nam nên quay về chiến tranh du kích, tiến hành chiến tranh nhân dân thật rộng rãi để hạn chế những chỗ mạnh của địch. Bộ đội Việt Nam cần trang bị gọn nhẹ để tăng cường tính cơ động. Đồng chí La cũng gợi ý nên chuyển đại đoàn công pháo 351 đang thành lập sang Trung Quốc để huấn luyện, khi cần tới lại kéo về.

Có thể các đồng chí Trung Quốc e ngại sẽ tái diễn ở Việt Nam một tình hình giống như ở Triều Tiên, trong lúc Trung Quốc còn chưa sẵn sàng.

Tôi nghĩ nhiệm vụ của bộ đội chủ lực lúc này là phải chứng minh được: chúng ta có thể chiến thắng trong vận động đánh lớn, cũng như đã từng chiến thắng trong vận động đánh nhỏ, với một kẻ địch bao giờ cũng mạnh hơn ta về trang bị, kỹ thuật.

Trung tuần tháng Mười, anh Hoàng Văn Thái báo cáo với Tổng Quân ủy về dự kiến kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1951—1952 của Bộ

Tổng tham mưu.

Về tình hình chiến trường Bắc Bộ, cơ quan tham mưu nhận định:

Hướng Đông Bắc địch đã củng cố. Chiến trường này giao thông, tiếp tế khó cơ sở nhân dân yếu, địa hình phức tạp, gần biển, ta ít có điều kiện tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Hướng Trung Du là nơi địch mạnh, phòng tuyến của địch vững chắc lại gần những nơi quân địch tập trung đông, ta chưa có khả năng đánh vào tuyến công sự mới.

Hướng Tây Bắc địch bố trí phân tán, phần lớn là ngụy binh, nhưng đường sá rất xấu, địa hình hiểm trở, núi rừng nhiều, nhân dân thưa thớt, cung cấp khó, ít có điều kiện sử dụng binh lực lớn. Thắng lợi ở Tây Bắc sẽ không gây ảnh hưởng lớn về chính trị.

Hướng mở chiến dịch được cơ quan tham mưu lựa chọn là Hữu Ngạn Liên khu 3. Khó khăn của hướng này vẫn là vấn đề tiếp tế, địa hình có nhiều sông ngòi chia cắt và nhiều cánh đồng chiêm. Nhưng thuận lợi là địch tương đối yếu, xa các căn cứ chính. Ta có điều kiện đánh công kiên, đánh vận động, tiến sâu vào lòng địch. Thắng lợi ở hướng này sẽ gây được ảnh hưởng lớn về mặt chính trị, tranh thủ được nhân dân, trực tiếp thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở đồng bằng, có thể phá kế hoạch giành chủ động của địch. Trong chỉnh huấn quân sự vừa qua, bộ đội ta lại vừa học đánh địch trên địa hình ruộng nước.

Bộ Tổng tham mưu đề nghị lực lượng sử dụng là 4 đại đoàn: 304, 308, 312, 320.

Tổng Quân ủy e ngại sẽ lặp lại tình hình như chiến dịch Hà Nam Ninh. Cuối cùng, Tổng Quân ủy đi tới quyết định sử dụng nhiều lực lượng cùng lúc hoạt động trên nhiều chiến trường, bắt đầu bằng đánh nhỏ, đánh phân tán để đẩy mạnh chiến tranh du kích và thăm dò cách đối phó của địch. Hữu Ngạn Liên khu 3 là hướng chính, lực lượng sử dụng đông hơn những hướng khác.

Căn cứ vào quyết định của Tổng Quân ủy, Bộ Tổng tham mưu xây dựng kế hoạch tác chiến:

Ở hướng chính Hữu Ngạn Liên khu 3 có 2 đại đoàn. Đại đoàn 320 hoạt động trong phạm vi Hà Nam, Hà Đông, Sơn Tây đưa từ 3 tới 5 tiểu đoàn vào địch hậu. Số còn lại hoạt động ngoại tuyến tạo điều kiện cho bộ đội xâm nhập. Đại đoàn 304 hoạt động trong phạm vi Nam Định, Ninh Bình ở ngoại tuyến, có điều kiện thì đưa một số đơn vị vào địch hậu.

Hướng phối hợp là Tả Ngạn Liên khu 3 và Trung Du. Ở Tả Ngạn, trung đoàn 42 và bộ đội địa phương củng cố cơ sở nhân dân, khôi phục những căn cứ vừa bị phá. Ở Trung Du, đại đoàn 316 đưa hai tiểu đoàn vào địch hậu Bắc Ninh, trung đoàn 246 hoạt động ở Phúc Yên.

Các đơn vị còn lại hoạt động ở ngoại tuyến.

Hướng phụ là Tây Bắc do đại đoàn 312 phụ trách. Trung đoàn 148 và một trung đoàn của 308 hoặc 316 hoạt động tại Nghĩa Lộ nhằm tiêu diệt 2 đến 3 tiểu đoàn địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Theo kế hoạch các hướng bắt đầu hoạt động từ trung tuần tháng 12 năm 1951, đến trung tuần tháng 1 năm 1952 sẽ rút về nghỉ và nhận nhiệm vụ mới.

Tổng Quân ủy phân công anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, cùng với đồng chí Đỗ Đức Kiên, Phó cục trưởng Cục Tác chiến xuống trao đổi với Liên khu 3 và các đại đoàn 320, 304 về kế hoạch tác chiến.

Công việc đã triển khai nhưng tôi vẫn rất phân vân. Tôi có thói quen mỗi khi làm việc gì phải nhìn thấy trước kết quả nó sẽ đem lại. Lần này tất cả đều mờ nhạt. Lực lượng ta trải ra quá rộng mà không có trọng điểm. Ta tập trung hai đại đoàn ở Hữu Ngạn Liên khu 3. Nhưng tại đây ít có khả năng tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Tình hình sẽ diễn ra như ở Bắc Ninh, Bắc Giang vừa qua. Sự có mặt của chủ lực có thể làm cho phong trào chiến tranh du kích rộ lên nhất thời. Nhưng sau khi chủ lực rút thì phong trào lại lắng xuống. Vì kẻ địch co cụm lại để né tránh chủ lực ta một thời gian sẽ tỏa ra đàn áp, khống chế quần chúng. Lực lượng địch đang không ngừng phát triển. Ta không thể vực lại phong trào đấu tranh ở địch hậu nếu không tiêu diệt được một số sinh lực địch đáng kể. Tình hình sẽ ra

sao nếu trong cả mùa khô này, sáu đại đoàn chủ lực của ta không giành được một chiến thắng tạo nên sự biến chuyển mới!

Nhưng đã sang tháng Mười một. Ta buộc phải thực hiện phương án này trong khi chưa tìm được một phương án tốt hơn.

Anh Nguyễn Chí Thanh đi phổ biến nhiệm vụ ở Liên khu 3 vừa về, lại chuẩn bị lên đường. Trung ương đã chỉ định anh Thanh điều hành chiến dịch ở Liên khu 3.

Giữa lúc đó, chúng tôi được tin Pháp vừa tung ra một cuộc hành binh rất lớn đánh chiếm thị xã Hòa Bình và đường số 6.

Đờ Lát đã chủ động tiến công ta trong mùa khô này.

Chương Chín: CHIẾN DỊCH HÒA BÌNH

1

Đờ Lát đờ Tátxinhi không phải là người thức thời trong chiến tranh Đông Dương. Ông ta thuộc hệ tư tưởng của Đờ Gôn (De Gaulle), muốn cứu vãn vị trí “cường quốc” của Pháp sau thế chiến thứ hai, bằng cách duy trì những thuộc địa dưới hình thức này hay hình thức khác. Tham vọng của ông ta không chỉ là lập lại tình thế tại Đông Dương mà phải giành chiến thắng bằng mọi giá. Đầu năm 1951, Đờ Lát đã viết cho Chính phủ Pháp: “Chúng ta không được phép thua xét về cả mặt đạo đức và những hậu quả sẽ mang lại cho Liên hiệp Pháp. Mà chúng ta có thể thắng, tôi xin bảo đảm với các ngài điều đó”. Đờ Lát không phải là người đề xuất việc trao quyền “độc lập” và xây dựng một “quân đội quốc gia” cho ngụy quyền. Những điều này đã được nước Pháp thỏa thuận với Bảo Đại bằng văn bản. Nhưng Đờ Lát kiên quyết thực thi sự cam kết đó, không để cho nó chỉ nằm trên giấy tờ.

Cuối tháng 7 năm 1951, Đờ Lát rời Việt Nam. Việc giải quyết với ngụy quyền Bảo Đại đã tạm xong. Những sự lục đục, tranh chấp quyền lực giữa các phe phái ở Hà Nội và Sài Gòn, kể cả một số phần tử bắt đầu ngả sang Mỹ, không thể giải quyết trong một lúc. Công việc cần phải làm ngay lúc này là với Mỹ. Ông ta không thể là người dâng Đông Dương cho Mỹ, mà chỉ muốn dựa vào sức mạnh của Mỹ để duy trì các nước trên bán đảo trong khối Liên hiệp Pháp. Đờ Lát đã ra sức chiều theo ý Mỹ, nhưng sự giúp đỡ của Mỹ vẫn chưa được như ông ta mong muốn. Không chỉ có thế, những hàng Mỹ đã có kế hoạch viện trợ cho quân viễn chinh, cũng như quân đội ngụy, còn không đến đúng thời hạn. Ông ta cần sự giúp đỡ tối đa của Mỹ trong chiến tranh Đông Dương, khi không còn hy vọng gì nhiều ở chính quốc. Họa vô đơn chí! Sau khi con trai chết trận tại Ninh Bình, ông ta lại biết mình đã mắc bệnh ung thư!

Chính phủ Pháp đã sắp xếp một cuộc viếng thăm của Đờ Lát tại Hoa Kỳ.

Người Mỹ vốn không ưa chủ nghĩa thực dân cổ hủ của Pháp. Nhưng Đờ Lát đã được đón tiếp với đầy đủ nghi thức ở Ngũ giác đài, gặp gỡ Tổng thống Toruman (*Truman*), những nhân vật trọng yếu của Mỹ, và xuất hiện trên vô tuyến truyền hình. Đờ Lát không từ chối bất cứ một lời mời, một cuộc phỏng vấn nào, mặc dù bệnh tật hiểm nghèo bắt đầu hành hạ ông. Ở đâu, ông cũng cố làm cho mọi người tin rằng chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Đông Dương chỉ là một, đó là sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản. Đông Dương có một tầm quan trọng về chiến lược. Nó là chìa khóa của Đông Nam Á. Mất Đông Dương sẽ kéo theo những hậu quả khôn lường đối với phương Tây. Chiến tranh Đông Dương cũng cần tới những trang bị, phương tiện như chiến tranh Triều Tiên, nhưng ít hơn nhiều. Nước Pháp không cần sự giúp đỡ nào khác ngoài sự giúp đỡ về vật chất.

Nhưng kết quả Đờ Lát gặt hái qua chuyến đi không được bao nhiêu. Mỹ chỉ mới nói sẽ cung cấp những vũ khí hiện đại cho quân đội viễn chinh và quân đội các “quốc gia liên kết”. Trước mắt, Mỹ hứa sẽ cố gắng chuyển nhanh hàng viện trợ trong kế hoạch năm 1951—1952. Có thể Đờ Lát chưa hiểu là Mỹ không muốn để Pháp thua, mà cũng không muốn Pháp thắng trong cuộc chiến tranh này. Một nước Pháp suy yếu sẽ khó đứng vững trên tiền đồn chống cộng quan trọng như Đông Dương. Nhưng Mỹ chưa chuẩn bị xong những lá bài.

Hơn ai hết, Đờ Lát biết những việc mình đã làm trên chiến trường chưa đủ. Mặc dù ông ta đã cố gắng biến hóa những cuộc điều quân xuôi ngược đối phó với những cuộc tấn công liên tiếp của đối phương, thành những “chiến công”, nhưng mọi người đều nhìn thấy đội quân viễn chinh chưa hề thoát khỏi thế phòng ngự bị động. Cái ông ta còn thiếu là phải giành lại quyền chủ động, một cuộc tiến công thực sự của quân Pháp, một chiến thắng trên chiến trường. Cuối tháng 12 năm 1951, Quốc hội Pháp sẽ bỏ phiếu về ngân sách chiến tranh Đông Dương. Chỉ có một cuộc tiến công thắng lợi mới hy vọng Quốc hội dành cho Đông Dương một ngân khoản cùng với số quân tăng viện nào đó. Một chiến thắng như vậy cũng rất cần đối với Mỹ

sau chiến tranh Triều Tiên. Và cá nhân Đờ Lát, trong những ngày cuối cùng, cũng mong đạt được chiến thắng loại này.

Cuối tháng 10 năm 1951, vừa trở lại Hà Nội, Đờ Lát tuyên bố ngay: đã tới lúc giành lại chủ động trên chiến trường, buộc Việt Minh phải tiếp nhận chiến đấu trên một địa hình do Pháp lựa chọn. Cũng giống như mọi lần, cuộc tranh luận lại nổ ra giữa hai loại ý kiến. Phái thận trọng chủ trương dành ưu tiên cho việc bình định đồng bằng Bắc Bộ. Phái táo bạo yêu cầu một cuộc tiến công quy mô lớn nhằm tiêu diệt quân đoàn tác chiến đối phương.

Đờ Lát khẳng định phải chuyển sang tiến công ở bên ngoài đồng bằng. Xalăng ngơ ngác, vì biết sau đây tổng chỉ huy sẽ trao lại trách nhiệm cho mình. Không chỉ có riêng Xalăng ngạc nhiên. Nhưng không một ai dám phản đối. Họ biết rõ cá tính của Đờ Lát. Những phương án bắt đầu được nêu ra. Phương án chiếm lại Lạng Sơn bị gạt đầu tiên, vì quá xa đồng bằng và quá gần biên giới Việt — Trung. Phương án thứ hai là tấn công Thái Nguyên hoặc Phú Thọ. Không ai tỏ thái độ mạn mà, vì nhiều người còn chưa quên cuộc phiêu lưu giữa núi rừng Việt Bắc mùa đông 1947. Cuối cùng, Xalăng đề xuất đánh chiếm Hòa Bình. Đờ Lát lập tức chấp thuận.

Hòa Bình là một nút giao thông thủy — bộ nối liền Việt Bắc với đồng bằng và miền Trung, rất quan trọng với đối phương. Địa hình Hòa Bình nhiều rừng núi, phức tạp, bộ đội Việt Minh dễ thâm nhập, sức mạnh hỏa lực của quân viễn chinh khó phát huy. Đường số 6 nối liền Hòa Bình với Hà Nội chạy giữa vùng rừng núi rậm rạp, khúc khuỷu dễ bị phục kích. Bù lại, Hòa Bình chỉ cách đồng bằng có 20 kilômét, cách Hà Nội 76 kilômét, nằm trong tầm hoạt động thuận lợi của máy bay ném bom. Ngoài đường số 6, Hòa Bình còn có sông Đà, tàu chiến qua lại dễ dàng, bảo đảm việc tiếp tế và phát huy hỏa lực của thủy quân. Hơn thế, trong tình hình hiện nay, quân Pháp chiếm Hòa Bình sẽ không gặp trở ngại, vì những đại đoàn chủ lực của Việt Minh đều ở xa, tại chỗ chỉ có một lực lượng bộ đội địa phương không đáng kể.

Bộ chỉ huy Pháp biết rõ địa hình Hòa Bình có lợi cho ta, nhưng lại cho rằng: cần phải có miếng mồi ngon thì mới nhử được đối phương

chấp nhận trận đánh do mình sắp xếp. Chiếm Hòa Bình rất phù hợp với ý đồ chiến lược lâu dài của Đờ Lát. Đây là cắt rời phần đất của Việt Minh ở Việt Bắc đã nối liền với các nước xã hội chủ nghĩa khối phần còn lại rộng lớn ở phía nam Việt Nam. Đó là bước thứ nhất để mở đường cho bước thứ hai: đánh chiếm vùng tự do Liên khu 4, và muốn làm được việc này phải dựa vào Mỹ.

Cuộc hành binh “Hoa Tuylíp” (*Tulipe*) là khúc dạo đầu. Ngày 10 tháng 11 năm 1951, 12 tiểu đoàn bộ binh và 5 cụm pháo binh của Pháp bất thần chiếm Chợ Bến, cắt đường di chuyển của bộ đội ta từ Việt Bắc xuống đồng bằng.

Ngày 14 tháng 11, cuộc hành binh “Hoa sen” (*Lotus*) tiếp nối, do chính Xaiăng chỉ huy. Lực lượng, sử dụng là 16 tiểu đoàn, 8 cụm pháo binh, 2 tiểu đoàn công binh, 2 đại đội xe tăng cùng với không quân. Buổi chiều, 3 tiểu đoàn dù nhảy xuống thị xã Hòa Bình đã bị phá trụi bên sông Đà. Nửa đêm, hai binh đoàn cơ động chia làm hai hướng, một hướng theo đường số 6 tiến về thị xã Hòa Bình, một theo sông Hồng và sông Đà tiến chiếm Tu Vũ.

Chiều ngày 15 tháng 11, Đờ Lát đích thân chủ trì cuộc họp báo tại Hà Nội, loan tin “Chiến thắng Hòa Bình”. Để tạo cho nó một tầm vóc cần thiết, Đờ Lát lớn tiếng tuyên bố đây là mục tiêu chủ yếu trong chiến lược của mình, ông ta đưa ra sự thách thức với đối phương để xem họ có chấp nhận trận chiến ở đây hay không, ông ta nói: “Hôm nay với trận tiến công Hòa Bình, ta đã gây khó khăn lớn cho đối phương. Tiến công Hòa Bình có nghĩa là chúng ta đã bắt buộc đối phương phải xuất trận. Trận Hòa Bình sẽ có ảnh hưởng quốc tế lớn”¹⁸. Phụ họa với luận điệu của Đờ Lát, những phương tiện truyền thông của địch huênh hoang: “Đây là một chiến thắng quyết định!”, “Hòa Bình sẽ là chiếc cối xay thịt nghiền nát Việt Minh!”, “Ngài đại tướng Cao ủy sẽ cho Việt Minh biết tài thao lược của mình!”...

Ngày 19 tháng 11 năm 1951, Đờ Lát tới Hòa Bình. Đây là cuộc chia tay cuối cùng của tổng chỉ huy với quân viễn chinh. Bệnh tình của Đờ Lát vẫn được giữ rất kín.

Ngày 10 tháng 11, được tin địch đánh ra Chợ Bến, tôi nói với anh Nguyễn Chí Thanh chưa nên đi Liên khu 3, chờ xem tình hình biến chuyển ra sao, vì có nhiều khả năng địch sẽ chiếm Hòa Bình.

Khi bàn kế hoạch Đông Xuân, chúng ta đã dự kiến địch sẽ tiến công trước nếu ta chậm triển khai. Những hướng địch có thể đánh ra là Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hòa Bình. Nhưng ta cho rằng địch ít có khả năng đánh ra Hòa Bình, vì đây là vùng rừng núi bất lợi cho chúng, nên không chú ý đề phòng ở hướng này. Tôi chỉ thị cho tham mưu chuẩn bị ngay kế hoạch tác chiến nếu địch chiếm Hòa Bình và tranh thủ ý kiến của đồng chí Mai Gia Sinh, cố vấn về tham mưu.

Tối ngày 14, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo chiều nay địch đã nhảy dù xuống Hòa Bình. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm. Những băn khoăn suốt thời gian qua được giải tỏa. Đờ Lát đã cho ta những cơ hội bằng vàng để tiêu diệt sinh lực địch và cứu vãn tình hình địch hậu. Tôi quyết định triệu tập hội nghị Quân ủy vào hôm sau.

Ngày 15 tháng 11 năm 1951, Tổng Quân ủy họp. Anh Hoàng Văn Thái báo cáo ý kiến của Bộ Tổng tham mưu:

— Bộ Tổng tham mưu có hai ý kiến. Đa số đề nghị đình chỉ chiến dịch ở Liên khu 3 để mở chiến dịch ở Hòa Bình có lợi hơn vì địch mới đánh ra chưa kịp củng cố phòng ngự. Hòa Bình là vùng rừng núi dễ bao vây, chia cắt địch, lại tiếp giáp với Việt Bắc, cơ động lực lượng và tiếp tế thuận lợi. Chủ lực ta lại đang ở gần, có thể tranh thủ thời gian nổ súng sớm. Mặt khác, không thể để địch chia cắt giữa Việt Bắc và các liên khu phía Nam, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn lâu dài. Ý kiến thứ hai, tuy thiếu số, nhưng cũng quan trọng. Ý kiến này cho rằng ta cứ tiếp tục kế hoạch đã chuẩn bị, không nên bị động chạy theo địch. Địch đánh ra là địch mạnh, đã có chủ định kéo chủ lực ta về phía này. Ta phải tránh chỗ mạnh, đánh vào chỗ yếu, kéo địch ra nơi khác trên chiến trường do ta lựa chọn mà đánh, không nên đi vào cái bẫy địch đã giăng ra.

— Ý kiến của đồng chí cố vấn về tham mưu như thế nào? — Tôi hỏi.

Anh Thái nói:

— Đồng chí Mai tỏ vẻ dè dặt. Về các chủ trương lớn, các đồng chí cố vấn thường có ý kiến sau khi trao đổi nhất trí với nhau. Đồng chí Mai chỉ nói không nên bị động trước hành động của địch.

Tôi hiểu là những tổn thất của ta qua mấy chiến dịch liên tiếp, đã khiến các đồng chí cố vấn thiên về những hoạt động nhỏ và phân tán để hạn chế sức mạnh của máy bay và pháo địch.

Tổng Quân ủy trao đổi và thống nhất nhận định: Địch đã giành lại quyền chủ động. Đánh Hòa Bình, chúng đã mở rộng phạm vi chiếm đóng, giành được một vị trí chiến lược quan trọng, cắt đứt liên lạc giữa Việt Bắc với Liên khu 3 và miền Nam, sẽ gây cho ta nhiều khó khăn về chính trị và kinh tế. Nhưng địch phải đưa một lực lượng cơ động lớn ra Hòa Bình, địch hậu sẽ sơ hở, chiến tranh du kích lại có điều kiện phát triển. Địch phân tán một bộ phận cơ động lên chiến trường rừng núi, giao thông không thuận lợi, trong một thời gian nữa mới củng cố được thế phòng ngự, chúng ta sẽ có cơ hội để tiêu diệt sinh lực địch.

Do đó, Tổng Quân ủy đề nghị Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cho mở chiến dịch Hòa Bình, chuyển hướng hoạt động thụ động sang tiến công địch mới chiếm đóng. Hòa Bình là hướng chính, các nơi khác là hướng phối hợp”. Mục đích của chiến dịch là: “Tiêu diệt sinh lực địch. Đẩy mạnh chiến tranh du kích”.

Để tranh thủ thời gian, trong khi chờ đợi chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng tham mưu lệnh cho đại đoàn 312, đang ở Tây Bắc, di chuyển xuống gần Hòa Bình bảo vệ căn cứ tiếp tế, bảo vệ đường vận chuyển. Riêng trung đoàn 209 bám sát địch, tranh thủ tiêu diệt một bộ phận nhỏ của địch. Những đơn vị ở gần Chợ Bến, chớp thời cơ khi địch chưa kịp củng cố công sự, chủ động tiêu hao, tiêu diệt những bộ phận quân địch làm nhiệm vụ càn quét. Liên khu 3 lợi dụng sơ hở của địch đẩy mạnh chiến tranh du kích ở đồng bằng. Bộ Tổng tham mưu trao đổi với Tổng cục Cung cấp bố trí các kho lương thực, vũ khí đạn dược ở khu trung tuyến Đồn Vàng, huyện Thanh Sơn, Phú Thọ đủ cho hai đại đoàn bước vào hoạt động.

Những tin chiến thắng đầu tiên từ mặt trận đã bay về.

Ngày 16 tháng 11, trung đoàn 64 thuộc 320 đang có mặt ở Ngoại Đáy phát hiện 2 đại đội Âu Phi vừa xuất hiện ở Tứ Đền, ngay bên sườn phía nam Chợ Bến. Những đại đội này thuộc tiểu đoàn 2 trung đoàn 3 lê dương (2/3è REI). Giữa ban ngày, bộ đội ta từ những khe đá, bụi cây ven thung lũng bất thần tiến công vào giữa đội hình quân địch. 1 đại đội lê dương bị tiêu diệt, nhiều tên bị bắt sống. Viên quan tư chỉ huy tiểu đoàn, Đờ Vanhxăng (*De Vincent*) bỏ mạng, cả cơ quan chỉ huy tiểu đoàn đầu hàng. Sau trận này, chỉ huy phân khu Chợ Bến ra lệnh cho binh lính không được đi ra ngoài căn cứ, và không được gửi thư từ.

Ngày 17 tháng 11 năm 1951, Bộ Tổng tham mưu tổ chức hội nghị trực tiếp trao nhiệm vụ sơ bộ cho các đại đoàn 308, 312, 316 và Liên khu Việt Bắc: hai đại đoàn 308, 312 di chuyển xuống sát Hòa Bình. Đại đoàn 316 kết hợp với Liên khu Việt Bắc phát triển chiến tranh du kích ở Trung Du. Đại đoàn 320 kết hợp với Liên khu 3 đẩy mạnh chiến tranh du kích ở Hà Nam Ninh. Cả 316 và 320 đều chuẩn bị sẵn sàng đưa một số đơn vị vào địch hậu khi có lệnh. Đại đoàn 304 di chuyển lên đường số 6 tham gia đánh địch ở Hòa Bình.

Ngày 18 tháng 11, theo sự phân công của Tổng Quân ủy, anh Nguyễn Chí Thanh và Hoàng Văn Thái cùng với một bộ phận nhẹ của Bộ Tổng tham mưu lên đường đi trước tới Cẩm Khê (Phú Thọ), gần Hòa Bình, để kịp thời chỉ đạo, chỉ huy tác chiến. Đồng chí Vi Quốc Thanh về Bắc Kinh chỉnh huấn chưa trở lại Việt Nam. Tôi nhắc anh Thái mời đồng chí Mai Gia Sinh, Cố vấn về tham mưu, cùng đi.

Đồng chí Mai nói với anh Thái:

— Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng cần lên đường sớm xin cứ đi trước. Tôi nghĩ sau mấy chiến dịch gặp khó khăn về cách đánh, mùa Đông này, ta nên đánh nhỏ như kế hoạch trước đây, nhằm phát động chiến tranh du kích. Lần này, Bộ Tổng tư lệnh có quyết định mới, xin để tôi báo cáo lại với bên nhà.

Tôi biết trong chiến dịch này sẽ không có mặt các cố vấn. Các đồng chí lo trách nhiệm của mình nếu ta gặp khó khăn khi tiếp tục lao vào những trận đánh lớn. Đây là điều lo ngại chính đáng mà ta cần chú ý trong quá trình chỉ đạo tác chiến.

Ngày 20 tháng 11, Bộ Tổng tư lệnh ra mệnh lệnh tác chiến cho các đại đoàn: Đại đoàn 312 có nhiệm vụ đánh địch từ thị xã Hòa Bình tới Trung Hà và hai bên tả, hữu ngạn sông Đà. Đại đoàn 316 được phối thuộc thêm trung đoàn 246, phối hợp với bộ đội địa phương hoạt động ở Bắc Giang, Bắc Ninh. Trung đoàn 98 thâm nhập vào địch hậu Bắc Ninh. Trung đoàn 174 đánh từ một đến hai vị trí ở tuyến ngoài. Trung đoàn 176 bố trí giữ mặt Lạng Sơn. Đại đoàn 308 sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 23 tháng 11 năm 1951, Bộ Chính trị họp dưới sự chủ tọa của Bác, nhất trí với đề nghị với Tổng Quân ủy chuyển hướng chiến dịch về Hòa Bình. Sau cuộc họp, tôi viết thư cho anh Nguyễn Chí Thanh và anh Hoàng Văn Thái nói lại những ý kiến của Bộ Chính trị, đây là cơ hội rất tốt, thuận lợi để tiêu diệt địch, để phát triển du kích chiến tranh rộng rãi. Cần hết sức tranh thủ thời gian, góp nhiều thắng lợi nhỏ thành thắng lợi lớn, không nên chờ đợi quá lâu. Có thể tiêu diệt ngay một, hai cứ điểm đột xuất như La Phù, Tu Vũ. Nếu đại đoàn 312 đánh công sự vững chắc chưa bảo đảm thì điều động một trung đoàn thuộc đại đoàn 308. Tôi hẹn ngày 28 tháng 11 năm 1951 sẽ có mặt ở sở chỉ huy chiến dịch.

Đêm ngày 23 tháng 11, trung đoàn 48 của 320 tiến công vị trí Đồi Sim trên đường số 21, phía nam Hòa Bình. Sau nửa giờ chiến đấu, bộ đội ta lọt vào tung thâm. Hai đại đội vừa tới chiếm đóng, số thương vong, số bỏ chạy, số đầu hàng. Viên Quan hai chỉ huy bị bắt.

Ngày 24 tháng 11 năm 1951, Ban Chấp hành Trung ương ra chỉ thị về “Nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hòa Bình của địch”.

Trung ương khẳng định: “Đây là cơ hội rất tốt để ta tiêu diệt địch”. Chủ lực và bộ đội địa phương ở trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên và chiến trường toàn quốc “phải tìm chỗ sơ hở mà đánh địch trên mặt chính và mặt sau lưng địch”. Liên khu Việt Bắc đề phòng địch đánh lên trung du và Lạng Sơn. Liên khu 4 đề phòng địch đánh vào Thanh Hóa. Nam Trung Bộ và Nam Bộ tùy tình hình cụ thể mà ra sức hoạt động, phát triển chiến tranh du kích để tiêu diệt địch và kìm hãm không cho địch điều động quân ra miền Bắc.

Bác gửi thư cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội và dân quân du kích: “Trước kia ta phải lừa địch ra mà đánh. Nay địch tự ra cho ta đánh. Đó là cơ hội tốt cho ta”.

Sau khi có chỉ thị của Trung ương, Bộ Tổng tham mưu cụ thể hóa thêm nhiệm vụ tác chiến của một số đại đoàn. Đại đoàn 304 đánh địch ở phía nam Hòa Bình, tiêu diệt một số cao điểm, cắt đứt vận chuyển của địch trên đường số 6 để phối hợp với các đại đoàn 308, 312 hoạt động trên tuyến sông Đà và vùng thị xã Hòa Bình. Đại đoàn 320 đưa đại bộ phận vào địch hậu đồng bằng: trung đoàn 64 vào Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam), 1 trung đoàn hoạt động ở Kim Sơn, Phát Diệm (Ninh Bình), 1 trung đoàn làm nhiệm vụ dự bị. Các mặt trận phối hợp phải hết sức khẩn trương, tranh thủ thời gian hoạt động sớm chừng nào hay chừng ấy, vừa hoạt động ở chính diện vừa chuẩn bị và mạnh dạn đưa lực lượng vào hoạt động ở địch hậu.

Ở hướng Tây Bắc, phát hiện trung đoàn 165 của 312 di chuyển về hướng Hòa Bình, Xalăng ra lệnh cho tiểu đoàn Thái số 3 đang càn quét ở Thu Cúc, Lai Đồng đánh vào sau lưng quân ta nhằm trì hoãn bước tiến của đại đoàn. Trung đoàn 165 kịp thời đối phó, vây chặt tiểu đoàn Thái trên hai quả đồi ở Lai Đồng. Máy bay địch phải thả dù dây kẽm gai và lương thực cho tiểu đoàn bị vây. Sang ngày 26 tháng 11, ta diệt và bắt sống gần hết tiểu đoàn, 550 tên địch. Tuy nhiên, 165 cũng bị tiêu hao.

Các trận Tứ Đền, Đồi Sim, Thu Cúc, Lai Đồng đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 quân địch.

Trước khi lên đường, tôi viết bản huấn lệnh kêu gọi toàn thể cán bộ, chiến sĩ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích: “Tìm địch mà đánh, diệt các cứ điểm mới đóng của địch, diệt các đội càn quét của chúng, cắt đứt đường giao thông liên lạc của chúng, biến sông Đà thành sông Lô năm xưa, đường số 6 thành đường số 4, tiêu diệt sinh lực địch, phá tan âm mưu chiếm đóng Hòa Bình”

Tôi lên đường tư tưởng không một chút hoài nghi, phân vân. Chiến dịch này chỉ có thắng lớn hoặc thắng nhỏ, nhưng nhất định thắng. Đáp số đã hiện lên mồn một: ta sẽ tiêu diệt được nhiều sinh

lực địch, chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ cũng như các vùng địch hậu khác sẽ được phục hồi.

3

Ngày 30 tháng 11 năm 1951, tôi tới sở chỉ huy tiền phương ở Đồng Lương, thuộc huyện Cẩm Khê, bên bờ sông Thao.

Tại Hòa Bình đã xuất hiện lần đầu một hình thức chiếm đóng quy mô lớn, với những hệ thống cứ điểm mạnh hình thành hai tuyến phòng ngự dọc đường số 6 và dọc sông Đà.

Địch đã nhanh chóng cấu trúc hệ thống phòng ngự dã chiến gồm 28 cứ điểm lớn, nhỏ với những công sự bằng gỗ, đất và hàng rào dây thép gai vây quanh. Mỗi cứ điểm có từ 1 tới 2 đại đội bộ binh, ở những vị trí quan trọng như Pheo, Đồng Hến, Ao Trạch, Chẹ, Đá Chông, Tu Vũ, địch bố trí 3 đại đội bộ binh, tăng cường 1 trung đội xe tăng, 1 đại đội pháo.

Quân Pháp tổ chức thành hai phân khu. Ở phía bắc, phân khu sông Đà — Ba Vì có 5 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn dù, 1 trung đội xe tăng, 1 tiểu đoàn pháo với sở chỉ huy đặt ở Đan Thê, do đại tá Đôđơliê (*Dodelier*) chỉ huy. Phân khu này bảo vệ con đường sông nối liền thị xã Hòa Bình với đồng bằng. Phía nam là phân khu Hòa Bình — đường số 6, có 6 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn dù, 2 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn thiết giáp, 1 đại đội xe tăng, với sở chỉ huy đặt tại Hòa Bình, do đại tá Clê măng (*Clément*) chỉ huy. Phân khu này bảo vệ con đường bộ huyết mạch nối liền thị xã Hòa Bình với Hà Nội. Một số đơn vị bộ binh, pháo binh, xe tăng chiếm giữ đường số 6. Lực lượng dự bị của địch đóng tại Trung Hà. Phân khu Chợ Bến cũng được tổ chức thành một tiền đồn bảo vệ cho Hòa Bình ở phía đông.

Rõ ràng quân Pháp có ý định chiếm đóng Hòa Bình lâu dài, và sẵn sàng chờ đón một cuộc tiến công lớn của bộ đội ta.

Ngày 1 tháng 12 năm 1951, Tổng Quân ủy họp mở rộng thông qua kế hoạch tác chiến.

Tổng Quân ủy nhận thấy trong đợt đầu chiến dịch cần tập trung đánh địch trên tuyến sông Đà — Ba Vì, vừa triệt con đường tiếp tế chủ yếu của địch trên sông, vừa đánh thông hành lang tiếp tế của ta từ hậu phương ra mặt trận, chuẩn bị khi có điều kiện sẽ chuyển phần lớn lực lượng sang đường số 6.

Trên tuyến sông Đà, địch có hai khu phòng ngự then chốt: khu La Phù — Đan Thê và khu Tu Vũ — Núi Chẹ. Ở La Phù — Đan Thê địch mạnh hơn vì gần các khu căn cứ Trung Hà, Sơn Tây, và có nhiều đường giao thông thủy bộ cho việc ứng cứu. Ở Tu Vũ — Núi Chẹ, địch tương đối yếu hơn. Hai vị trí này tuy ở gần nhau nhưng lại nằm trên hai bờ sông, chỉ có thể yểm trợ cho nhau bằng hỏa lực khi bị tiến công. So với La Phù — Đan Thê thì khu Tu Vũ — Chẹ có nhiều sơ hở.

Sau khi thảo luận cân nhắc, Tổng Quân ủy quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt cụm cứ điểm Tu Vũ — Núi Chẹ, đồng thời đánh địch vận chuyển trên sông Đà.

Nhiệm vụ mở màn chiến dịch được trao cho 308. Đại đoàn đã tham gia liền bốn chiến dịch. Từ ngày thành lập, đồng chí Vương Thừa Vũ vẫn làm chính ủy kiêm tư lệnh. Sau chiến dịch Hà Nam Ninh, để tăng cường cho đại đoàn, Bộ điều đồng chí Song Hào, Chính ủy Khu 10, về làm chính ủy 308. Anh Vương Thừa Vũ và anh Song Hào đều thấy nên chọn trung đoàn 88 đánh Tu Vũ. 88 vừa qua không thành công trong trận Chùa Cao, nhưng vẫn là đơn vị được rèn luyện nhiều trong đánh công kiên.

Các đơn vị được trao nhiệm vụ cụ thể như sau: Đại đoàn 308 sử dụng trung đoàn 88 tiêu diệt vị trí Tu Vũ, Trung đoàn 36 đánh viện cả trên bộ và trên sông, trung đoàn 102 làm lực lượng dự bị cho Bộ, bố trí nghỉ binh tại Hưng Hóa. Đại đoàn 312 sử dụng trung đoàn 209 đánh vị trí Chẹ, 1 tiểu đoàn hoạt động ở bắc Ba Vì, kiềm chế Đan Thê, đánh giao thông trên đường Sơn Tây — Đá Chông, và Trung Hà — Sơn Tây. Thời gian nổ súng là ngày 9 tháng 12 năm 1951.

Bộ Tổng tham mưu đề ra những yêu cầu về chiến thuật: Hành quân tuyệt đối giữ bí mật, đi vào ban đêm, bố trí cảnh giới nghiêm ngặt. Trú quân xa đường cái lớn, cấm khói lửa ban ngày để phòng máy bay địch. Vượt sông có kế hoạch nghiêm mật để phòng địch phát hiện, đưa bộ phận sang trước lập đầu cầu, qua sông phải trật tự, vượt sông xong phải xóa dấu vết. Đánh công kiên có kế hoạch bám sát địch, để phòng xe cơ giới, kiểm chế pháo binh địch, cố gắng kết thúc trong đêm, nếu kéo dài sang ban ngày thì phải có kế hoạch đánh quân nhảy dù. Đánh viện trên bộ phải tổ chức chống chiến xa, phá hoại cầu đường. Đánh viện trên sông phải phân tán hỏa khí, bố trí thành nhiều chặng trên một tuyến dài, có kế hoạch phòng không tích cực, làm trận địa giả...

Những người dân làm nghề đánh cá trên sông Hồng và sông Đà đã tập trung 200 thuyền lớn, nhỏ ghép thành một cầu phao trên bến Lạc Song, cách thị xã Hòa Bình 19 kilômét, để đưa đại đoàn 312 vượt sông. Nhưng cả đại đoàn đã không thể kết thúc cuộc vượt sông trong một đêm. Trận đánh Tu Vũ — Núi Chẹ phải lui lại một ngày.

Sáng ngày 9, tôi được báo cáo đêm qua, trung đoàn trưởng Nguyễn Bàng và tham mưu trưởng Nguyễn Tâm của 209 đi điều tra vị trí Chẹ, rơi vào ổ phục kích của địch, đều hy sinh. Đại đoàn đã cử trung đoàn phó Hoàng Cầm thay. Tôi linh cảm thấy việc tiêu diệt vị trí Chẹ sẽ khó khăn.

Sáng ngày 10 tháng 12, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo địch dùng 5 tiểu đoàn chia làm ba cánh càn quét vùng tây — nam Ba Vì, đúng khu vực tập kết của 312. Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho 312 đưa 209 xuất kích tiêu diệt cánh quân địch từ Chẹ càn vào khu vực Đồng Song. 209 xuất kích chậm, chỉ tiêu diệt được hai đại đội dù; số còn lại bỏ chạy. Các cánh quân khác của địch cũng rút lui bỏ dở cuộc càn.

Về sau ta mới biết, ngày 9 tháng 12, địch tìm được trong thi thể một sĩ quan ta một cuốn sổ có ghi kế hoạch 308 và 312 đánh Tu Vũ và Núi Chẹ. Xalăng quyết định mở cuộc hành binh “Hoa nhài” (*Jasmin*) đánh vào phía sau khu vực trú quân của 312 ở Ba Vì. Binh đoàn số 4 được tăng thêm tiểu đoàn dù 7 từ Văn Mông tiến về Núi Chẹ. Hai tiểu đoàn dù thuộc địa khác (1è BPC và 8è BPC) tiến theo

hai hướng nam, bắc để bảo vệ sườn cho cuộc hành binh. Tiểu đoàn dù 1 đã rơi vào trận địa của 209 bị thiệt hại nặng. Xalăng vội thu quân.

Cùng ngày, địch tăng cường cho vị trí Chẹ một trung đội xe tăng. Sau trận đánh vận động ngày 9, trung đoàn 209 không còn thời gian chuẩn bị tiến công Chẹ đêm ngày 10 tháng 12, được chuyển sang làm nhiệm vụ kiểm chế trận địa pháo ở Chẹ.

Nhiệm vụ đánh thắng trận đầu tập trung vào trung đoàn 88.

Trước đó, Bộ chỉ huy chiến dịch đã trực tiếp gặp ban chỉ huy trung đoàn 88. Trung đoàn trưởng Thái Dũng đã có mặt trong nhiều chiến dịch của Bộ. Quân Pháp thường gọi anh với vẻ trọng nể là "*commandant manchot*" (quan tư cụt tay). Tôi nói:

— Tổng Quân ủy đã cân nhắc mới trao nhiệm vụ mở đầu chiến dịch cho 88, vì thấy các đồng chí có khả năng hoàn thành, cần nhớ: Trận đầu phải thắng! Chỉ được thắng! Có nhiều khó khăn đấy. Phải quyết tâm vượt qua, vượt qua được thì trung đoàn sẽ trưởng thành.

Lần đầu, một trung đoàn của ta đánh một vị trí tiểu đoàn Âu Phi tăng cường, tôi hỏi:

— Các đồng chí có đủ lực lượng không?

Trung đoàn trưởng Thái Dũng nói:

— Trung đoàn đã được phối thuộc 1 liên đội pháo 75, như vậy là đủ. Chỉ cần chọn đúng điểm đột phá. Địch có nhiều pháo, huy động quá nhiều bộ đội không có lợi.

Tôi hỏi chính ủy Đặng Quốc Bảo:

— Tinh thần bộ đội thế nào?

— Lần trước trung đoàn không hoàn thành nhiệm vụ đánh Chùa Cao, nhưng vẫn được Tổng Quân ủy chọn mở màn chiến dịch, bộ đội rất phấn khởi. Đảng ủy sẽ làm thật tốt công tác tư tưởng. Chúng tôi tin trung đoàn sẽ hoàn thành nhiệm vụ.

Tu Vũ là một cứ điểm đột xuất nằm bên tả ngạn sông Đà, cắm sâu vào địa phận tỉnh Phú Thọ, do tiểu đoàn bộ binh Maroc số 1 (1/2e RTM), một đơn vị thiện chiến, trấn giữ. Vị trí này chạy dài khoảng

300 mét trên bờ sông Đà, chiều ngang hẹp, địa hình bằng phẳng, được chia làm 3 khu: khu A và khu B cách khu C một con ngòi rộng 6 mét. Sở chỉ huy địch ở khu A. Hỏa lực tại đây rất mạnh, gồm 5 lô cốt, có trọng liên và ĐKZ, nhiều ụ súng máy và súng cối. Ngoài ra còn 6 xe tăng và xe thiết giáp tạo thành những ổ đề kháng di động trong cứ điểm. Vị trí có hàng rào dây thép gai và bãi mìn, rộng 24 mét bao bọc. Những bãi lau chung quanh vị trí đều được phát quang, rộng 100 mét.

Ngày 10 tháng 12, anh Vương Thừa Vũ báo cáo tối nay sẽ đánh Tu Vũ mặc dù 312 chưa kịp tiến công Chẹ, đề nghị Mặt trận cho kiểm chế pháo địch ở Chẹ. Bộ chỉ huy chiến dịch chỉ thị sử dụng cả trung đoàn 36 làm dự bị, đề phòng trận đánh kéo dài sang ban ngày.

8 giờ tối, bộ đội ta vừa chiếm lĩnh trận địa thì quân địch phát hiện. Từ các vị trí Đan Thê, Đá Chông, Chẹ, pháo địch câu về tạo thành một hàng lửa bao quanh vị trí. Đại đội chủ công Tô Văn lợi dụng kẽ hở giữa những loạt pháo, nhanh chóng tiếp cận được hàng rào khu A. Các đơn vị khác, kể cả sơn pháo đi với bộ binh, đều bị đại bác địch chặn lại. Chỉ riêng tiểu đoàn 322 của 88, ở mũi diện kịp nổ súng đúng giờ quy định, chiếm được khu C nằm bên kia Ngòi Lát. Tới nửa đêm, có thêm một số đại đội bộ binh vào được tới hàng rào khu B. Ba khẩu sơn pháo bị bắn hỏng trong quá trình tiếp cận cứ điểm địch. Đại đoàn quyết định điều động trung đoàn 36 sẵn sàng tăng cường cho 88 để đánh Tu Vũ cả ban ngày.

2 giờ sáng ngày 11 tháng 10, 3 trong số 7 khẩu sơn pháo đi cùng bộ binh mới tới được trận địa khu A. Đại đội chủ công Tô Văn đã nằm đợi 5 giờ liền dưới những trận bão đại bác bên hàng rào dây thép gai. Cuộc tiến công lập tức bắt đầu. Ba khẩu pháo cùng lúc phát hỏa đánh sập ba lô cốt. Tất cả các loại súng của bộ binh phun đạn vào khu A. Xung kích nối tiếp nhau xông lên dùng bộc phá đánh tan hàng rào dây thép gai, bãi mìn và xung phong.

Ở khu B, trong lúc chờ đợi cuộc tiến công, các chiến sĩ đại đội 209 của tiểu đoàn 23 đã dùng kìm, kéo bí mật cắt phần lớn hàng rào. Nghe tiếng đại bác nổ ở khu A, biết trận đánh đã bắt đầu, bộ đội ta

lập tức giật bộc phá thổi bay hàng rào còn sót lại, tiến vào đồn địch. Các chiến sĩ nhanh chóng tỏa ra diệt liên tiếp sáu ụ súng.

Cuộc tiến công nổ ra quá muộn khiến quân địch hoàn toàn bất ngờ. Hàng rào lửa đại bác đã chứng tỏ đối phương không thể nào vượt qua. Chúng tưởng rằng trong 5 giờ qua, 29 khẩu pháo đã nghiền nát các đơn vị xung kích. Nhưng họ vẫn xuất hiện giữa vị trí như từ trên trời rơi xuống! Tất cả những tên địch sống sót đều lao chạy về phía bờ sông trước làn đạn truy kích của bộ đội ta.

5 giờ sáng, tôi được đồng chí Đặng Quốc Bảo, chính ủy trung đoàn 88, báo cáo qua điện thoại, Tu Vũ đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Từ lúc này, 88 bắt đầu có một danh hiệu mới: Trung đoàn Tu Vũ.

Tôi quyết định đi thăm Tu Vũ. Đồng chí Nam Hà, tham mưu trưởng trung đoàn 88, người đã trực tiếp chỉ huy mũi diện hoàn thành nhanh chóng nhiệm vụ, đưa tôi đi quan sát chiến trường. Tu Vũ là một cứ điểm lớn, được bảo vệ nghiêm ngặt, nằm trên địa hình hoàn toàn bằng phẳng trên bờ sông. Nhìn mặt đất thấy rõ mật độ pháo chi viện của địch dày đặc. Sau này mới biết địch đã dùng 5.000 trái pháo yểm trợ Tu Vũ. Tôi nhớ tới những trận đánh không thành công ở trung du và đồng bằng. 88 thất bại ở Chùa Cao, nhưng lần này đã vượt qua lưới lửa bắn chặn, và giành chiến thắng. Rõ ràng qua chỉnh huấn, bộ đội ta tiến bộ nhiều, cần phải rút kinh nghiệm thật kỹ trận đánh. Nó sẽ rất có ích cho ta trong chiến đấu công kiên sau này trên địa hình trung du và đồng bằng.

4

Các hướng đã nổ súng phối hợp với mặt trận chính diện Hòa Bình sớm hơn chúng tôi chờ đợi.

Hướng đồng bằng, cũng trong ngày 11 tháng 12, các chiến sĩ của đại đoàn 320 bí mật vượt qua lớp lớp đồn bốt, sông lạch, đồng lầy, và mạng lưới gián điệp, vệ sĩ thâm nhập sâu vào vùng địch hậu Ninh Bình. 2 giờ 30 sáng ngày 12, cuộc tiến công thị trấn Phát Diệm bắt

thần nổ ra. Chỉ trong vòng hai tiếng, trung đoàn 48 đã tiêu diệt toàn bộ quân địch đóng tại Phát Diệm. Một trận đánh táo bạo, quả cảm được tính toán kỹ lưỡng. Để bảo vệ đồng bào, trước khi dùng bộc phá đánh vào những nơi địch ngoan cố chống cự, bộ đội ta đã đưa mọi người ở những nhà chung quanh tản qua chỗ khác. Khi trời sáng, thị trấn đã hoàn toàn giải phóng. Phố xá, nhà thờ, tất cả đồ đạc trong nhà, gia súc, những trái cam ửng chín ngoài vườn... đều nguyên vẹn. Những tên lính tiểu đoàn 18 ngụy đã biến mất, thị trấn đầy những anh bộ đội áo xanh. Đồng bào nấu ăn, tổ chức mít tinh mừng bộ đội. Với chiến thuật được đồng chí Văn Tiến Dũng gọi là “Hoa sen nở”, trung đoàn 52 giấu quân ngay sát vị trí Chùa Cao, chờ hai đại đội địch tới tiếp viện cho Phát Diệm lọt vào trận địa phục kích trên đường số 10, mới nổ súng diệt gọn. Địch chưa hết bàng hoàng thì ngày 10 tháng 12, trung đoàn 48 diệt tiếp hai vị trí Yên Mô Thượng và cầu Xanh. Cùng thời gian, trung đoàn 64 ở địch hậu Hà Nam diệt vị trí Ngô Khê. Địch hoang mang rút chạy khỏi các chốt An Nông, Thọ Cầu, Ba Đa. Trung đoàn 64 đã phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích cùng đồng bào nổi dậy tấn công quân địch khắp nơi. Hai khu du kích Lý Nhân, và Duy Tiên được khôi phục và nối liền. Hàng trăm ngụy binh bỏ ngũ.

Hướng trung du, các đồng chí Lê Quảng Ba, Chu Huy Mân đã nhanh chóng đưa hai trung đoàn của 316 thâm nhập vùng địch hậu Bắc Ninh. Ngày 9 tháng 12, trung đoàn 98 của 316 diệt vị trí Thửa (quận lỵ Lãng Tài) do 1 đại đội và 1 trung đội ngụy bảo vệ. Binh đoàn cơ động số 7 tới chiếm lại Thửa, bị 98 diệt thêm 300 tên. Tiếp đó, 98 diệt chốt Đậu, uy hiếp vùng cầu Đuống và thị trấn Gia Lâm kề cận Hà Nội. Ngày 16 tháng 12, trung đoàn 174 của 316 đánh vị trí Larivê (*Larrivé*) do 1 đại đội da đen và 1 trung đội ngụy trấn giữ. Đây là lần đầu tiên 1 tiểu đoàn của ta, tiểu đoàn 249 do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hữu An chỉ huy, tiêu diệt một vị trí công sự mới nằm trên phòng tuyến boongke của Đờ Lát.

Tại Hòa Bình, Tu Vũ thất thủ đã gây cho quân địch nỗi kinh hoàng, vì đây là một vị trí được tổ chức phòng ngự cẩn mật nhất. Chỉ có một số ít quân địch sống sót bơi qua sông chạy về vị trí Chẽ.

Sự xuất hiện của 312 ở Ba Vì đe dọa vị trí Núi Chẹ. Xalăng phải cho tiếp tục cuộc hành binh “Hoa nhài”. Ngày 11, Bộ chỉ huy chiến dịch được tin một cánh quân 2 tiểu đoàn địch đang càn quét sườn núi phía tây Ba Vì, lệnh cho đại đoàn 312 xuất kích. 1 tiểu đoàn GM4 (114 RTM) lọt vào trận địa 209 ở xóm Sủi và bị bao vây, có nguy cơ bị tiêu diệt. Xalăng phải tổ chức một đoàn quân cứu viện tới giải vây. Sang ngày thứ ba, Xalăng đành phải kết thúc cuộc hành binh.

Thất bại của cuộc hành binh “Hoa nhài” khiến Xalăng ngã lòng. Viên tướng này đã tính trong khu vực Ba Vì chỉ có bốn tiểu đoàn của 312, bộ chỉ huy Pháp tin là với sáu tiểu đoàn bộ binh tinh nhuệ, được 5 cụm pháo và máy bay yểm trợ, có thể đánh bật quân ta ra khỏi đây. Nhưng họ đã thấy các tiểu đoàn viễn chinh hoàn toàn bất lực trước một đối phương thua kém hơn về số lượng và trang bị vũ khí nhưng “rất khó nắm bắt và rất cơ động, vận hành với một tốc độ cực kỳ nhanh chóng và biết tập trung sức mạnh vào thời điểm thích hợp”¹⁹.

Nhưng còn một điều đáng lo ngại hơn là sự xuất hiện của một mặt trận thứ hai, chí ít cũng quan trọng bằng mặt trận này, đã được khởi đầu ở châu thổ sông Hồng. Lần đầu, hai đại đoàn chủ lực 316, 320 cùng tiến công ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Những đòn binh yếu ớt bên trong phòng tuyến Đờ Lát không đủ sức đương đầu với những cuộc tiến công, trong khi phần lớn quân cơ động và quân dù bị giam chân ở đây! Xalăng quyết định điều hai binh đoàn cơ động số 1 và số 4 đang càn quét ở Ba Vì về trung du để đối phó với 316 đã lọt vào Bắc Ninh. Được tin này, Bộ chỉ huy chiến dịch đưa gấp trung đoàn 102 của 308 sang hữu ngạn sông Đà phối hợp với 312 đánh địch khi chúng rút quân. Các đơn vị của ta không bám sát đường, không nắm chắc địch, nên chỉ tiêu hao được 1 đại đội ở gần Đồng Tâm trên đường 89.

Trên đường số 6, đoạn từ Xuân Mai đến Bến Ngọc, địch đã rải 11 đại đội Âu Phi của trung đoàn 4 bộ binh Maroc (4è RTM) và bán lữ đoàn lê dương 13 (13è DBLE) chiếm giữ. Ngoài ra, còn một số đại đội ngụy đóng xen kẽ. Ở mỗi điểm cao, địch đóng từ một đến hai đại đội. Các căn cứ Xuân Mai, Ao Trạch, Gò Bùi, Đồng Bái, Đồng Bến, Thịnh Long đều có trận địa pháo sẵn sàng yểm trợ cho cả hệ thống chiếm đóng. Bên đường 21, từ Xuân Mai đến Chợ Bến, địch tổ chức nhiều

cụm điểm cao, trong đó có hai điểm cao lợi hại là Gò Mối và Đồng Tâm.

Đại đoàn 304 giao nhiệm vụ cho trung đoàn 66 phục kích hoạt động trên đoạn Chuôm — Đồng Bái, trung đoàn 9 chặn viện và đánh địch tuần tiểu, trung đoàn 57 đánh địch trên đường 21 từ Chợ Bến đến Xuân Mai bảo đảm sườn phía nam mặt trận.

Ngày 2 tháng 12 năm 1951, trung đoàn 66 phục kích trên quãng đường từ Cầu Dục đến Hang Đá cách Hòa Bình 15 kilômét về phía đông — bắc. 11 giờ 45 phút, 30 chiếc xe phủ bạt kín từ phía Xuân Mai đi lên. Cùng lúc, 4 xe chở đầy lính từ thị xã Hòa Bình xuống đón ở Cầu Dục. Ta nổ súng vào cả hai đầu của đoàn xe. Bị đánh bất ngờ, địch chống cự yếu ớt. Chỉ trong 20 phút, 66 đã tiêu diệt xong 34 xe giành thắng lợi trận đầu trên đường số 6. Ngày 7 tháng 2, tiểu đoàn 353 của trung đoàn 9 phục kích địch ở Giang Mỗ, phía tây thị xã Hòa Bình 8 kilômét, tiêu diệt 200 địch, phá hủy 10 xe, có cả xe tăng. Trong trận này, tiểu đội trưởng Cù Chính Lan nhảy lên xe tăng địch, mở nắp thả lựu đạn vào xe. Địch hất lựu đạn ra ngoài, và quay tháp pháo gạt anh khỏi xe. Cù Chính Lan lấy thêm lựu đạn, đuổi theo xe tăng và lại nhảy lên. Lần này anh chờ lựu đạn xì khói mới thả vào thùng xe. Chiếc xe tăng bị tiêu diệt. Ngày 11 tháng 12, tiểu đoàn 375 phối hợp với tiểu đoàn Cô Tô đánh địch ở vùng Dốc Kẽm tiêu diệt gần hai trung đội, phá 11 xe công binh.

Những hoạt động tích cực của 304 trên đường số 6 khiến địch la hoảng: đường số 6 đã bị cắt đứt!

Ở tả ngạn sông Đà, sáng ngày 11 tháng 12, tiểu đoàn 84 của 36 phục kích một đoàn ca nô địch ở Đoan Hạ, bắn chìm một chiếc, bắn bị thương hai chiếc. Buổi chiều, tiểu đoàn 16 của 141 phục kích ở Lạc Song, chặn đánh đoàn ca nô từ Trung Hà lên Tu Vũ, bắn bị thương hai chiếc, một chiếc khác kéo cờ trắng chạy vào bờ xin hàng.

Sau bốn ngày chiến đấu, Bộ Tổng tư lệnh quyết định kết thúc đợt 1 chiến dịch.

Tôi đã yên tâm về phương hướng hoạt động của lực lượng vũ trang ta trong Đông Xuân 1951—1952. Chỉ trong bốn ngày, trên cả chiến trường Bắc Bộ, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 23 đại đội địch,

phần lớn là Âu Phi. Riêng tại Hòa Bình, 10 đại đội bộ binh tinh nhuệ của địch bị tiêu diệt. Một số vấn đề chiến thuật đã được giải quyết. Điều rất đáng mừng là những trận đánh phối hợp nổ ra đúng lúc ở đồng bằng. Chỉ trong đợt này, đại đoàn 320 đã tiêu diệt được 800 quân địch, giải phóng hầu hết huyện Yên Mô và một phần huyện Kim Sơn, Ninh Bình. Các khu công giáo Phát Diệm, Bù Chu trước đây vốn là vùng công giáo tự trị, tự bảo vệ bằng những đội quân tự vệ công giáo. Sau chiến dịch Hà Nam Ninh, Đờ Lát rất bức tức vì hàng vạn Việt Minh đã lọt vào vùng này mà những người công giáo không hề báo tin, và các đội quân tự vệ đã bỏ chạy, không đánh khi bị tiến công. Đờ Lát quyết định hủy quyền được tự bảo vệ của hai giáo khu này, điều quân đội tới thay thế. Nhưng lần này những đơn vị “Pháp – Việt” ở Phát Diệm đã nhanh chóng tan tác trước những trận tiến công bất thần của 320.

Chúng ta đã chấp nhận thách thức của Đờ Lát. Đợt 1 chiến dịch chứng minh là ta đã có quyết định đúng.

Chương Mười: HAI MẶT TRẬN

1

Sở chỉ huy chiến dịch đã chuyển từ Đồng Lương về Xóm Gión, Tân Lập, tây Tu Vũ 7 kilômét, nằm sâu hơn về phía thị xã Hòa Bình. Ngày 15 tháng 12 năm 1951, Tổng Quân ủy họp hội nghị mở rộng.

Hội nghị đánh giá đợt 1 chiến dịch đã thành công. Dịch đã thất bại lớn cả về quân sự và chính trị. Khi chủ trương mở chiến dịch Hòa Bình, chúng ta đã có chủ định kìm chân quân cơ động địch tại đây để tạo điều kiện phục hồi chiến tranh du kích ở địch hậu. Qua thực tế chiến đấu đợt 1, chúng ta nhận thấy chiến trường địch hậu trung du và đồng bằng phải trở thành một mặt trận thực sự, phối hợp với mặt trận chính Hòa Bình, để giành thắng lợi lớn trong Đông Xuân này. Đánh mạnh trên mặt trận chính cũng như mặt trận phối hợp, buộc đối phương phải đồng thời đối phó cả hai nơi, là cách tốt nhất để tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phục hồi chiến tranh du kích ở hậu địch, giữ quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ.

Tại Hòa Bình, ta dự kiến địch sẽ củng cố các vị trí chiếm đóng, đồng thời mở những cuộc hành binh càn quét đẩy chủ lực ta ra xa. Dịch có thể chiếm lại Tu Vũ bảo vệ tuyến tiếp tế trên sông Đà, cũng có thể chuyển lực lượng từ các chiến trường khác về tăng cường cho Hòa Bình. Chúng ta cần tiếp tục tiến công địch trên sông Đà, đường số 6, tiêu diệt sinh lực địch cơ động tại khu Vực nam Ba Vì, bắc đường số 6, bắc thị xã Hòa Bình, chuẩn bị đánh điểm, diệt viện trong khu vực Đá Chông, Núi Chẹ. Nhiệm vụ của mặt trận chính trước hết là kiềm chế, giam giữ lực lượng cơ động địch cho chiến trường địch hậu ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ đánh địch.

Đại đoàn 308 được giao nhiệm vụ cắt đứt đường vận chuyển chính của địch trên sông Đà, bảo vệ đường vận chuyển của ta, chuẩn bị đánh điểm, diệt viện ở Núi Chẹ, Đá Chông.

Đại đoàn 312, được tăng cường trung đoàn 66 của 304, có nhiệm vụ tiêu diệt điểm cao 600 và vị trí Chẹ, diệt viện từ Mỹ Khê lên Ba Vì.

Đại đoàn 304 (thiếu 66) tiếp tục hoạt động trên đường số 6.

Ở mặt trận phối hợp, Tổng Quân ủy quyết định các đại đoàn 316, 320 chỉ để lại một trung đoàn bảo vệ vùng tự do, đồng thời làm lực lượng dự bị. Đại đoàn 316 đưa thêm một trung đoàn vào vùng sau lưng địch ở Bắc Ninh. Đại đoàn 320 đưa một trung đoàn vào các huyện Nam Trực, Hải Hậu, Nam Định. Như vậy, ở trung du cũng như Hữu Ngạn sẽ có mỗi nơi hai trung đoàn chủ lực của Bộ cùng với lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh chiến đấu ở hậu địch.

Các chiến trường xa, Bình Trị Thiên, Liên khu 5, Nam Bộ ra sức hoạt động kiềm chế địch, tích cực phối hợp với chiến trường chính.

Chúng ta chấp nhận thách thức của Đờ Lát trên mặt trận Hòa Bình. Tại đây ba đại đoàn chủ lực của ta trực tiếp đương đầu với lực lượng cơ động của địch lên xuống trong phạm vi từ 13 đến 19 tiểu đoàn. Chưa khi nào trên chiến trường Đông Dương, Pháp tập trung một số quân với nhiều phương tiện chiến tranh lớn như vậy vào một trận đánh, do chính bộ chỉ huy quân viễn chinh trực tiếp điều hành. Họ đã đưa tới đây những sĩ quan, chỉ huy giỏi nhất, có những người sẽ trở thành những nhân vật chủ chốt ở Điện Biên Phủ sau này. Một số công trình phòng ngự cũng như chiến thuật đã được áp dụng tại Hòa Bình được coi như mẫu mực trong những bài giảng ở trường quân sự Pháp.

Trên toàn mặt trận, quân địch đóng thành những cụm cứ điểm, hầu hết nằm trên những điểm cao dọc phòng tuyến thị xã Hòa Bình — Đường số 6, và phòng tuyến sông Đà, liên kết với nhau bằng một hệ thống hỏa lực bảo vệ từ xa. Chúng không đi tìm những trận đánh lớn với chủ lực ta trong vận động, mà chờ ta tấn công vào những điểm cao, hoặc vận động ban ngày trên những địa hình trống trải rồi dùng hỏa lực mạnh từ xa để sát thương. Kể cả trong những cuộc càn quét, hễ gặp lực lượng lớn của ta giữa địa hình rừng núi, những binh đoàn cơ động, những tiểu đoàn dù lập tức co lại.

Cách bố phòng của quân địch phản ánh nhược điểm cố hữu của quân xâm lược, chúng luôn luôn phải lo bảo vệ mạng sống của mình,

và bảo vệ những con đường tiếp tế. Lực lượng hùng hậu ban đầu của những binh đoàn tiến công nhanh chóng biến thành lực lượng phòng ngự, chỉ còn là những đại đội, tiểu đoàn giam mình trên những quả đồi rải rác thấp thỏm chờ đợi một cuộc tiến công không biết sẽ bắt đầu vào lúc nào. Đờ Lát có thể chưa tính tới trường hợp tung ra hai chục tiểu đoàn vào một cuộc tiến công nhưng lúc này người chỉ huy rất khó rút ra vài binh đoàn cơ động để ném vào một trận đánh.

Đối lại, phía trận tuyến của ta không hề có một công trình phòng ngự nào, ngoài một số hầm trú ẩn ở nơi trú quân để phòng những trận oanh kích bất ngờ. Từ chiến dịch Biên Giới, chiếc xẻng đã nằm trong trang bị của người lính xung kích. Nó được dùng để đào hầm tránh đại bác quanh vị trí địch khi chờ đợi trận đánh bắt đầu. Trận tuyến của ta được che phủ bằng tấm lưới nguy trang khổng lồ, những rừng cây, khe núi, những bản làng và bàn tay đùm bọc của nhân dân. Bộ đội ta hoàn toàn tự do đi lại trên trận tuyến của mình, tiến hành trận đánh với không gian, thời gian do mình lựa chọn.

Với lực lượng không đông hơn đối phương bao nhiêu, trang bị kỹ thuật còn yếu kém, ta chưa có khả năng tiến công tiêu diệt toàn bộ quân địch ở Hòa Bình. Nhưng chỉ riêng việc giam chân hai chục tiểu đoàn địch ở đây trong Đông Xuân 1951—1952 cho các chiến trường khác hoạt động, ta đủ giành một thắng lợi quan trọng. Ta biết rõ kẻ địch sẽ không chịu nằm yên một chỗ nếu chúng nhận ra Hòa Bình không có vai trò một cái bẫy thu hút những cuộc tiến công của quân ta.

Các cứ điểm ở Hòa Bình tuy đã được củng cố nhưng vẫn còn là công sự dã chiến, chúng liên kết với nhau thành một hệ thống nhưng vẫn nằm rải trên những tuyến dài, trong khả năng tiêu diệt của bộ đội ta. Trở ngại lớn trong các trận đánh không chỉ là lực lượng chiếm đóng vị trí, mà còn là hỏa lực chi viện từ xa của những trận địa pháo được tính toán rất kỹ lưỡng. Tôi đã nhiều lần trao đổi với Bộ Tổng tham mưu và các đơn vị tìm cách hạn chế sức mạnh phi pháo địch ban ngày cũng như ban đêm. Nhưng hoạt động kiềm chế sức mạnh pháo địch vẫn chưa hiệu quả. Chúng ta chưa có khả năng dùng pháo binh tiêu diệt những trận địa pháo của địch. Dùng súng cối để kiềm chế pháo địch không dễ dàng. Trong trận Tu Vũ, một trung

đoàn đã được phân công kiểm chế pháo địch, nhưng vẫn có hơn năm ngàn trái đại bác rơi vào đội hình quân ta! Pháo địch vẫn là trở ngại lớn nhất trong những trận công kiên.

Trung đoàn 36 nhiều lần đánh tàu địch trên sông Đà chưa thành công. Cơ quan tham mưu đã chỉ thị cho trung đoàn phải rút kinh nghiệm, sớm cắt đường vận chuyển trên sông của địch.

Trưa ngày 22 tháng 12, tôi được tin sáng nay 36 vừa bắn chìm một đoàn tàu vận tải của địch cách thị xã Hòa Bình 10 kilômét, tiêu diệt thủy đội xung kích và đại đội yểm trợ đi trên tàu. Lần này, trung đoàn đã bố trí trận địa phục kích kéo dài 6 kilômét ở khu vực Lạc Song — Đồng Việt, đón các đoàn tàu từ Bến Ngọc xuôi về Trung Hà. Trung đoàn chiến đấu với sự chi viện của pháo binh. Trận đánh chỉ diễn ra trong vòng 20 phút, bộ đội ta đã tiêu diệt 1 tàu chiến 4 ca nô.

Trận đánh ngày 22 đã làm tê liệt tuyến vận chuyển trên sông được coi là tuyến tiếp tế chính của địch. Xalăng vội ra lệnh cắt đứt cuộc hành quân càn quét ở Bắc Ninh, điều gấp hai binh đoàn cơ động số 1 và số 4 trở lại Ba Vì bên hữu ngạn sông Đà. Từ đầu chiến dịch, ta đã tổ chức một cánh quân, gồm hai tiểu đoàn của 312, do trung đoàn trưởng Lê Thùy và chính ủy Mạc Ninh chỉ huy, luồn sâu vào vùng chân núi Ba Vì, Ba Trại, đường 87 với nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, ngăn chặn những cuộc hành quân từ Sơn Tây tiếp ứng cho Chệ và Tu Vũ, thường xuyên tạo một sức ép tại khu vực này. Hai binh đoàn của địch lại tiếp tục càn quét vùng Ba Trại. Máy bay địch bắn dữ dội vào nơi chúng nghi có quân ta. Có tin bộ chỉ huy Pháp chuẩn bị lập cầu hàng không tiếp tế cho Hòa Bình, vì không riêng tuyến đường thủy, tuyến đường bộ cũng bắt đầu bị uy hiếp nghiêm trọng.

Đêm ngày 29 tháng 12, trung đoàn 141 của 312, do trung đoàn trưởng Nam Long chỉ huy, tiến công điểm cao 400 và 600, hai trong số ba điểm cao trên núi Ba Vì khống chế một phạm vi khá rộng trên phòng tuyến sông Đà. Tại điểm cao 400, chỉ trong vòng 10 phút, tiểu đoàn 16 đã tiêu diệt xong một đại đội địch, bắt sống 20 tên, hoàn thành nhiệm vụ. Trận đánh điểm cao 600 do tiểu đoàn 11 tiến hành, gặp quân địch chống cự quyết liệt, kéo dài tới 3 giờ 30 sáng. 120 địch

chết, 135 tên bị bắt. Ngày 30, Pháp cho quân chiếm lại điểm cao 600, nhưng cuối cùng cũng phải rút. Địch mất một chỗ dựa vững chắc trên phòng tuyến sông Đà.

Cũng trong đêm ngày 29, trên đường 21, trung đoàn 57 của 304 tiêu diệt Đồi Mồi, vị trí tiền tiêu bảo vệ phân khu Chợ Bến, do một đại đội Âu Phi chiếm giữ.

Đêm ngày 31, tiểu đoàn 400 của trung đoàn 9 (304) đánh điểm cao Hàm Voi, tiêu hao 1 trung đội Âu Phi.

Đồi Mồi và Hàm Voi là những vị trí rất quan trọng trên đường 21 bảo vệ sườn cho tuyến thị xã Hòa Bình — Đường số 6.

Ở trung du và đồng bằng, chúng ta đã có dịp kiểm tra sức mạnh tuyến phòng thủ Đờ Lát và kết quả chính sách bình định của Pháp và ngụy quyền đã dồn công sức tiến hành suốt năm qua.

Tuyến phòng thủ của Đờ Lát đã ngốn của đội quân viễn chinh 25 tiểu đoàn Âu Phi tinh nhuệ, 1.200 khẩu súng cối, 500 khẩu pháo từ 37 ly đến 105 ly, trên 10.000 súng trường và liên thanh các loại. 800 lô cốt boongke, những khối bê tông thấp lùn với lỗ châu mai sâu hoắm nằm sát mặt đất, như những con quái vật phục trên mọi nẻo đường từ vùng tự do dẫn vào vùng tạm chiếm, sẵn sàng dùng lưới lửa thiêu cháy bất cứ người lính, anh cán bộ, chị dân công nào định vượt qua.

Nếu như trong suốt kháng chiến chống Pháp, chúng ta không có vũ khí đủ mạnh để san bằng những chiếc boongke này, cho đến nay chúng vẫn nằm yên giữa đám lau lách ven đường như dấu ấn chiến tích đáng buồn của Đờ Lát ở Đông Dương — thì ngay từ sau khi hoàn thành cuối năm 1951, chúng đã chứng tỏ sự bất lực trong việc ngăn chặn hàng trung đoàn, đại đoàn của ta ra, vào vùng tạm chiếm.

Ở trung du, ngày 15 tháng 12, trung đoàn 174 cùng với cả đại đội sơn pháo tiến vào địch hậu Bắc Ninh. Đêm ngày 25 tháng 12, một tiểu đoàn của 98 diệt vị trí Cầu Ngà, một tiểu đoàn 174 vừa xâm nhập, với cả trọng pháo tiến công vị trí Phố Mới. Sự có mặt cùng một lúc hai trung đoàn của 316 gây xáo động vùng hậu phương của địch kề cận với Hà Nội trước đó vẫn yên tĩnh. Quân địch nằm yên trong những đồn bốt dày đặc nơm nớp lo sợ một cuộc tiến công. Trung

đoàn 176 của 316 ở lại vùng tự do, đề phòng địch đánh lên Lạng Sơn, thấy chưa có gì đe dọa, đã đưa hai tiểu đoàn vào địch hậu Bắc Giang và Hải Ninh. Một tiểu đoàn luồn sâu tới vùng du kích huyện Yên Dũng, Bắc Giang. Một tiểu đoàn về tận vùng duyên hải Hải Ninh tiêu phỉ và xây dựng cơ sở dọc đường số 4.

Ở Hữu Ngạn, đại đoàn 320 và lực lượng vũ trang địa phương khuấy động hai tỉnh Hà Nam và Ninh Bình. Bộ đội địa phương và dân quân du kích bao vây bức hàng hàng loạt vị trí. Ở huyện Lý Nhân, Hà Nam, trong một đêm, bộ đội địa phương diệt bốn vị trí địch, 800 vệ sĩ bỏ hàng ngũ trở về với gia đình. Nhân dân các địa phương hăng hái phá tề xây dựng lại cơ sở đã mất trong năm qua. Chưa đầy một tháng, lực lượng vũ trang ta đã tiêu diệt 45 vị trí tề vũ trang, phá 312 ban tề trong tổng số 380 ban tề ở tỉnh Hà Nam, diệt 115 ban tề trong số 121 ban tề ở tỉnh Ninh Bình.

Lần đầu, hai đại đoàn chủ lực của ta lọt vào địch hậu đồng bằng và trung du. Những vị trí địch đóng ở vòng trong với lực lượng đại đội, tiểu đoàn không đủ sức đương đầu với chủ lực ta. Chỉ trong một thời gian ngắn, tình hình địch hậu đã thay đổi hẳn. Những vị trí địch liên tiếp sụp đổ. Các trận địa pháo mất mục tiêu bắn vu vơ. 12 tiểu đoàn cơ động của Pháp còn lại ở đồng bằng bị điều đi ứng cứu hết nơi này qua nơi khác, chạy xuôi chạy ngược như đèn cù. Hệ thống ngục quyền, ngục quân ở trung du và hữu ngạn tan rã từng mảng lớn. Khắp vùng địch hậu diễn ra phong trào nổi dậy của quần chúng. Các khu du kích, căn cứ du kích chẳng những được phục hồi mà còn mở rộng. Căn cứ du kích của ta đã nối liền từ hữu ngạn sang tả ngạn sông Hồng, từ đồng bằng lên trung du.

Cuối tháng 12 năm 1951, Bộ Tổng tư lệnh quyết định kết thúc đợt 2 chiến dịch.

Trong hai đợt chiến đấu, trên chiến trường Bắc Bộ, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 8.000 quân địch.

Từ sau trận Lạc Song — Đồng Việt, tàu chiến và ca nô địch không còn xuất hiện trên sông Đà.

Những cứ điểm Đá Chông, Chẹ, La Phù có nhiệm vụ bảo vệ con đường tiếp tế trên sông, đã không còn tác dụng. Trong đợt hai, ta đã có quyết định tiêu diệt Núi Chẹ và Đá Chông. Nhưng cả hai trận đều bị hoãn vì bộ đội phải chuyển sang đối phó với quân địch càn quét ở Ba Vì. Việc tiêu diệt những vị trí nằm trên sông Đà lúc này đã không còn cần thiết, và tốt nhất là cứ giữ tình trạng bố trí phân tán của địch như hiện nay. Qua 20 ngày chiến đấu, quân địch tại Hòa Bình đã bị thiệt hại nặng nề. Đường tiếp tế trên sông Đà bị tê liệt. Đường số 6 luôn luôn bị cắt. Có khả năng địch phải tính đến chuyện rút quân để đối phó với tình hình đồng bằng đang ngày càng nguy ngập.

Tổng Quân ủy họp đúng vào ngày đầu năm 1952. Đợt hai của chiến dịch đã phát triển như dự kiến.

Tổng Quân ủy quyết định chuyển hướng chính của chiến dịch sang tuyến thị xã Hòa Bình — Đường số 6, tuyến sông Đà — Ba Vì trở thành hướng phụ. Ta sẽ cắt đường số 6 tiêu diệt sinh lực địch, tiếp tục kiềm chế quân cơ động địch tại Hòa Bình để các mặt trận phối hợp và vùng sau lưng địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động. Bộ đội sẵn sàng đánh tiêu diệt khi địch rút quân. Một số trung đoàn mạnh của ta vẫn còn sung sức. Ta cần tổ chức một trận đánh lớn trên đường số 6, đoạn kế cận với Hòa Bình tiếp tục uy hiếp quân địch không cho chúng rút lực lượng cơ động về tăng cường cho đồng bằng. Phương châm tác chiến vẫn là “đánh điểm diệt viện”, nhưng tùy tình hình biến chuyển có thể vận dụng linh hoạt. Chủ lực của ta sẽ chuyển sang hữu ngạn sông Đà.

Nhiệm vụ cụ thể trao cho các đơn vị như sau:

Đại đoàn 308, có trung đoàn 66 của 304 phối thuộc, phụ trách hướng tiến công chủ yếu bắc đường số 6, tiêu diệt vị trí Pheo, Đàm Huống, và diệt trận địa pháo ở thị xã Hòa Bình.

Đại đoàn 304 (thiếu 66) hoạt động trên đường số 6, từ Đồng Bến, Ao Trạch đến Xuân Mai, và trên đường 21.

Đại đoàn 312 phụ trách khu vực Núi Chẹ, Đá Chông.

Trung du và đồng bằng chống càn quét, tích cực phối hợp với chiến trường chính.

Tổng Quân ủy đồng ý với đề nghị của Liên khu 3 đưa một trung đoàn của đại đoàn 320 sang tả ngạn sông Hồng, giúp Tả Ngạn phát triển cuộc chiến tranh toàn diện.

Thời gian hoạt động chậm nhất là ngày 7 tháng 1 năm 1952.

Những hoạt động trên mặt trận phối hợp đã trở nên đặc biệt quan trọng. Tổng Quân ủy phân công anh Hoàng Văn Thái trở về hậu phương báo cáo với Trung ương và Bác về kế hoạch đợt 3 chiến dịch, sau đó ở lại giúp Tổng Quân ủy chỉ đạo các chiến trường phối hợp tích cực đẩy mạnh chiến tranh du kích. Đồng chí Hà Văn Lâu, Cục trưởng Cục Tác chiến, được cử làm tham mưu trưởng chiến dịch thay anh Hoàng Văn Thái.

Cũng vào thời gian này, Xalăng nhận thấy không có đủ lực lượng để tiếp tục bảo vệ tuyến Sông Đà. Số thương vong của các binh đoàn cơ động quá lớn và không thể bổ sung ngay. Những đại đoàn của đối phương đang di chuyển về hướng đường số 6. Ngày 6 tháng 1 năm 1952, Xalăng quyết định rút toàn bộ lực lượng trên tuyến Sông Đà, chỉ để lại cụm cứ điểm Đan Thê — La Phù gần Trung Hà (Sơn Tây). Tất cả những lực lượng rút về sẽ được tăng cường cho tuyến phòng ngự thị xã Hòa Bình — Đường số 6. Quyết định này chưa kịp thực hiện thì cuộc tiến công mới của ta đã nổ ra ở thị xã Hòa Bình và trên đường số 6.

Tôi vẫn rất băn khoăn về vấn đề làm cách nào hạn chế được sự tổn thất vì pháo địch trong những trận công kiên. Từ chiến dịch Hoàng Hoa Thám tới nay, thủ đoạn đối phó chủ yếu của địch trong những trận công kiên là tận dụng hỏa lực pháo chi viện từ xa để bảo vệ những vị trí bị tiến công. Bộ Tổng tham mưu đề nghị một cách giải quyết: dùng một lực lượng đặc biệt đánh vào những trận địa pháo. Ta đang chuẩn bị đánh một số cứ điểm trên đường số 6. Tôi trao đổi với anh Vương Thừa Vũ thử vận dụng cách này trong trận sắp tới. Đại đoàn trao nhiệm vụ cho trung đoàn 36, đơn vị đã tổ chức

cho một tổ xung kích dùng thuyền chở bộc phá, đánh chìm tàu chiến trên sông Đáy trong chiến dịch Hà Nam Ninh.

Sau mấy ngày nghiên cứu, 36 báo cáo: Những trận địa pháo chung quanh thị xã Hòa Bình đều được bộ binh bảo vệ cẩn mật. Riêng tại thị xã Hòa Bình, trận địa pháo nằm sâu trong rừng, nên sự canh chừng của địch có phần lỏng lẻo hơn. Trung đoàn có khả năng đưa một phân đội bí mật đột nhập thị xã, tiêu diệt vị trí pháo ở đây. Nhưng để giữ an toàn cho lực lượng này cần phải tổ chức một số trận phối hợp, vừa kiềm chế vừa tranh thủ tiêu diệt những cứ điểm nằm dọc đường rút ra. Phòng tuyến địch bên ngoài rắn, bên trong thị xã cứ điểm địch tuy dày, nhưng yếu hơn, lực lượng chiếm đóng đều là ngụy binh. Tôi đồng ý với phương án của trung đoàn.

Nhiệm vụ biệt kích pháo được trao cho đại đội 41, năm xưa vốn là bộ đội địa phương, đã từng đóng giả phụ nữ tiêu diệt đồn Cẩm Lý do một đơn vị Âu Phi chiếm giữ, giữa ban ngày. Trong cuộc họp dân chủ quân sự, chi bộ đảng của đại đội đã bàn bạc về các tình huống phức tạp có thể xuất hiện trong trận đánh, và đề ra những phương án khắc phục. Một số người chỉ còn lo khi rút ra. Mặc dù các đồn địch đều bị đơn vị bạn kiềm chế, nhưng đường vào đã lộ, lại còn thêm thương binh, liệu có tránh khỏi thương vong? Một đảng viên nói: “Khi đầu đang bị cả tổ ong đốt, địch còn chú ý gì tới đàn kiến bò dưới chân!”. Nhận xét có lý, làm mọi người yên lòng. Chi bộ quyết định lựa chọn ra 41 cán bộ, chiến sĩ (vừa đúng với phiên hiệu của đại đội), bỏ lại toàn bộ súng trường cồng kềnh, chỉ trang bị thủ pháo, thuốc nổ, tiểu liên, mìn xung kích để đánh giáp lá cà và làm đồn khiêng thương binh khi rút ra... Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định những hoạt động của 36 tại thị xã Hòa Bình sẽ hình thành hướng phối hợp trong khi hai trung đoàn 102, 66 đánh các vị trí Pheo, Đàm Huống ở hướng chính. Cơ quan tham mưu mặt trận được phân công giúp đỡ thêm về trình sát, và thông tin cho 36 hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi viết một lá thư tay gửi đại đội 41 trước giờ xuất kích:

“Các đồng chí được nhận nhiệm vụ xung phong ngay vào trung tâm địch, diệt hỏa lực của chúng, giúp các bạn chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ của mình.

*Đó là một vinh dự lớn.
Bí mật và bất ngờ,
Anh dũng và kiên quyết,
Nhanh và gọn!*

Tôi tin các đồng chí sẽ làm tròn nhiệm vụ, và trước khi các đồng chí ra trận, tôi gửi các đồng chí lời chào quyết thắng”.

Chúng ta đã huy động ba trung đoàn vào những trận đánh mở đầu đợt 3 chiến dịch đêm ngày 7 tháng 1 năm 1952.

Sẩm tối, đại đội 41 của tiểu đoàn 84 đã có mặt trước cánh đồng trũng dẫn vào thị xã Hòa Bình, nằm kẹp giữa Xóm Dúng và Đồi Dè đều có quân địch. Ánh trăng đêm rằm giúp họ nhìn thấy trận địa pháo địch nằm sâu phía trong. Nhưng họ biết trăng sáng sẽ là trở ngại lớn trên đường tiến nhập. Đại đội trưởng Chu Tấn quyết định để lại bộ phận cáng thương bên ngoài, lệnh cho các chiến sĩ chỉnh đốn trang bị thật gọn nhẹ, bỏ con đường mòn trống trải, lội qua những đám ruộng lầy ít bị quân địch chú ý, tiến thẳng tới mục tiêu. Họ đi qua ruộng bùn không để phát ra tiếng động, rồi vượt qua sân bay. Trước giờ nổ súng, họ đã có mặt bên hàng rào dây thép gai của trận địa pháo.

Cùng thời gian đó, các đại đội 61, 62 của tiểu đoàn 80 đã áp sát quanh hai vị trí Đồi Cháy và Đồi Dè, các đại đội 42 và 43 của tiểu đoàn 84 cũng bám sát vị trí Khuỷu và vị trí Rậm nằm dọc con đường rút ra của những chiến sĩ biệt kích pháo.

12 giờ 30. Chỉ sau một ánh chớp bộc phá, hàng rào dây thép gai bảo vệ trận địa pháo bị thổi bay, các chiến sĩ của đại đội 41 lập tức có mặt bên trong trận địa. Viên quan ba chỉ huy, mặc quần áo ngủ, phân trần với người chiến sĩ đang tím ngực hấn: “Tôi là quan ba chỉ huy pháo binh đây mà!”. Hấn tưởng lầm người đứng trước mặt là một ngục binh. Nhiều pháo thủ bỏ vị trí chạy trốn. Bộ đội ta nhanh chóng nhét bộc phá vào nòng pháo phá xong bốn khẩu 105 vẫn nằm im trong ụ.

Nghe tiếng nổ phát ra từ trận địa pháo, tất cả các đơn vị xung kích đồng loạt nổ súng. Pháo 75 của ta cũng bắt đầu trút đạn vào

ngôi nhà hai tầng duy nhất của thị xã, nơi viên đại tá Clêmăng đã chọn làm sở chỉ huy.

Bị tiến công bất thần, quân địch hoảng loạn. Những cứ điểm chính Đồi Thông, Ba Vành bị pháo ta kiềm chế thỉnh thoảng mới bắn những loạt đạn vu vơ. Trong vòng không đầy một giờ, hai tiểu đoàn của 36 đã tiêu diệt gọn bốn vị trí: Đồi Cháy, Đồi Dè, Khuỷu, Rậm và một trận địa pháo. Thắng lợi vượt bậc! Những vị trí Khuỷu, Rậm trước đó chỉ giao cho bộ đội kiềm chế, thấy thời cơ thuận lợi, các đơn vị đã tiêu diệt.

Nhưng ở hướng chính, trên đường số 6, hai trận đánh đồn Pheo và Đầm Huống đều không thành công.

Đồn Pheo, trọng điểm của đợt tiến công, là một vị trí mạnh, do tiểu đoàn 2 thuộc bán lữ đoàn lê dương thứ 13 trấn giữ. Cứ điểm chia làm ba khu: đồi Pheo, làng Pheo và đồi Miều. Ngoài hỏa lực của bộ binh, ở đây địch còn có 4 đại bác 105 ly và 1 trung đội xe tăng phối thuộc, cộng với sự chi viện bằng hỏa lực pháo từ những trận địa chung quanh. Địa hình Pheo khá phức tạp, bất lợi cho phía tiến công. Tuy vậy, Pheo vẫn nằm trong khả năng tiêu diệt của 102, một trung đoàn công kiên dày dạn kinh nghiệm, từ đầu chiến dịch vẫn được để dành cho nhiệm vụ quan trọng.

Thắng lợi của các đơn vị bạn trong những trận công kiên trước đó đã làm cho 102 chủ quan. Công tác điều tra cứ điểm quá sơ sài. Khi phổ biến kế hoạch tác chiến, bàn cát của trung đoàn không thể hiện rõ sự bố phòng cẩn mật của địch. Cấu trúc phòng ngự của trung tâm đề kháng Pheo sau này được chọn làm thí dụ giảng dạy trong nhà trường quân sự của Pháp. Lực lượng tiến công của ta bị sử dụng phân tán, chia đều ba tiểu đoàn đánh ba nơi. Tư tưởng chủ quan của cán bộ truyền sang chiến sĩ. Đơn vị trợ chiến khi ra trận không mang theo cơ sở đạn dự trữ, vì anh em cho rằng: “Đánh một loáng là xong, mang làm gì cho nặng!”. Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ nói trong tổng kết trận đánh: “Khi chuẩn bị thì tư tưởng chủ quan, đơn giản, kế hoạch đại khái, qua loa. Cho nên khi tiến công thì “đột phá nhập nhằng, tung thâm rối loạn, kiềm chế ma trôi”. Đại đoàn cũng chịu

trách nhiệm một phần vì nắm tình hình không sát, không phát hiện kịp thời những sai lầm về tư tưởng và tổ chức của cấp dưới”.

Trận Pheo không thành công khiến cho dự kiến đánh viện của ta không thành. Thất bại này cũng có phần trách nhiệm của Bộ chỉ huy chiến dịch. Trong quá trình chuẩn bị, chúng tôi chú ý tới trận biệt kích pháo nhiều hơn, vì đây là một nhiệm vụ mới mẻ, bộ đội phải lặn sâu vào thị xã, vượt qua hàng loạt vị trí dày đặc, Hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt địch rồi chỉ có một lối ra. 36 chuẩn bị rất chu đáo nên đã thành công.

Những hoạt động của 36 ở thị xã đã khiến cho Clêmăng, chỉ huy phòng tuyến, hoảng hốt yêu cầu Xalăng tăng viện gấp 1 tiểu đoàn Âu Phi. Ngay hôm sau, Xalăng phải ném tiểu đoàn 2 dù (*2è BPC*) xuống thị xã Hòa Bình.

Trong hai ngày 8 và 9 tiếp đó, Xalăng gấp rút tiến hành cuộc hành binh “Hoa tím” (*Violette*) đã dự kiến, đưa toàn bộ lực lượng trên tuyến Sông Đà về thị xã Hòa Bình và—đường số 6.

Đây là màn đầu chuẩn bị cho cuộc rút lui.

3

Theo kế hoạch, trong đợt 3 chiến dịch, đại đoàn 320 sẽ đưa một trung đoàn vào Tả Ngạn Liên khu 3. Nhưng đảng ủy đại đoàn nhận thấy tình hình Hữu Ngạn đã tạm ổn định, đề nghị chỉ để lại đây trung đoàn 66, đưa cả hai trung đoàn 48 và 52 sang Tả Ngạn và sẽ ở lại lâu dài. Như vậy cả đại đoàn 320 đều thâm nhập vào địch hậu ở đồng bằng Bắc Bộ. Riêng ở Tả Ngạn, từ trước tới đó chỉ có trung đoàn độc lập 42 và bộ đội địa phương, lần đầu, với sự xâm nhập của hai trung đoàn của 320, sẽ có một lực lượng bộ đội chủ lực tương đương với một đại đoàn.

Con đường hành quân của đại đoàn 320 xuyên qua những đồn bốt dày đặc của năm huyện, hai tỉnh, và phải vượt qua ba con sông. Đại đoàn đã cho một bộ phận đi trước đánh mở đường. Trung đoàn

64 hoạt động mạnh ở Phủ Lý thu hút sự chú ý của quân địch. Sau năm ngày lườn lách, cánh quân thứ nhất đã từ phía nam thị xã Nam Định đặt chân lên đất Thái Bình ngày 17 tháng 1 năm 1952. Cánh quân thứ hai phải dừng lại ba ngày ở hữu ngạn sông Hồng vì binh đoàn cơ động số 4 đang càn quét ở khu vực này đã phát hiện đại đoàn vượt sông, cố tìm cách ngăn cản. Máy bay địch rà soát và ca nô tuần tiễu ngày đêm trên sông. Đơn vị phải tổ chức đánh địch ở Hoàn Lộ, Đò Quan, cầu Vô Tình, buộc địch phải co về Cổ Lễ, tạo thời cơ vượt sông. Các đơn vị địa phương đã huy động hàng trăm con thuyền, hàng trăm chị em phụ nữ chở đồ, xóa dấu chân sau khi bộ đội hành quân, giúp bộ phận còn lại của đại đoàn vượt sông an toàn...

Đảng ủy mặt trận Tả Ngạn được thành lập gồm các đồng chí: Đỗ Mười, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Khai, Dương Hữu Miên. Đảng ủy quyết định huy động toàn bộ lực lượng ào ạt tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng các khu căn cứ du kích, khu du kích, đẩy mạnh chiến tranh du kích phá ngụy quyền, ngụy quân, phục hồi cơ sở nhân dân.

Ngày 31 tháng 1 năm 1952, đại đoàn 320 tiêu diệt vị trí La Cao trong hệ thống chiếm đóng của địch ở các huyện Kiến Xương, Tiền Hải. Cùng lúc, tiểu đoàn bộ đội địa phương Thái Bình bao vây bức hàng 9 vị trí tề vũ trang ở Tiền Hải, sau đó phát triển lên các huyện Kiến Xương và nam huyện Vũ Tiên.

Các tiểu đoàn Thanh Lũng, Kiên Trung, tiểu đoàn pháo binh của 320 vượt sông Trà Lý giải phóng hai huyện Thái Bình, Thụy Anh. Ngày 8 tháng 2, ta tiến công vị trí Chợ Cống diệt và bắt 132 địch, thu 1 khẩu pháo 105.

Ở bắc Thái Bình, dân quân du kích bức hàng hàng chục vị trí, trong đó có vị trí Tạ Xá huyện Tiên Hưng do 1 đại đội địch đóng giữ.

Sự có mặt của 320 đã thúc đẩy phong trào đấu tranh ở Tả Ngạn Liên khu 3 vùng lên mạnh mẽ. Trong khi bộ đội chủ lực tiến công những vị trí lớn, đồng bào và dân quân du kích kéo tới uy hiếp, gọi hàng, tước vũ khí bọn hương dũng, tổng dũng trong các tháp canh, hàng vạn giáo dân kéo lên đồn kêu gọi con em là “vệ sĩ” trở về. Các gia đình có con em đi lính ngụy kéo vào thị xã, thị trấn đòi cho biết

tin người thân, đòi trả chồng con về làm ăn. Có nơi nhân dân dùng gậy tre, đòn gánh đuổi theo quân địch rút chạy. Toàn bộ các hệ thống phòng ngự của địch đều rung chuyển. Vùng địch hậu Tả Ngạn sống lại không khí những ngày Tổng khởi nghĩa.

Trên mặt trận Trung Du, trung đoàn 174 phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích ở nam phần Bắc Ninh diệt đồn Vân Thai, diệt đồn Kênh Vàng mở rộng vùng giải phóng Gia Lương, mở đường sang huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

Ngày 23 tháng 1, hai tiểu đoàn của 174 vượt sông Thái Bình sang phối hợp với tiểu đoàn chủ lực Quảng Yên tiêu diệt vị trí An Lật và Vân Tài, bắt sống bốn nhân viên ngục quyền đang họp ở bất quận. Ngày 24 tháng 1, tiểu đoàn Bạch Đằng chống càn ở Nam Sách diệt 300 địch, phá các tháp canh dọc đường số 17. Tiểu đoàn 251 của 174 đánh vị trí Đạm Trai, diệt và bắt 55 địch, thu toàn bộ vũ khí.

Một bộ phận của trung đoàn 98 bao vây bức hàng vị trí Mỗ Điền bên bờ sông Đuống, thu 30 súng. Tiểu đoàn Thiên Đức của Bắc Ninh diệt đồn Tiên Xá.

Ta cắt đường 38, uy hiếp đường số 5, buộc địch một lần nữa lại phải rút quân từ Hòa Bình về để cứu nguy cho Trung Du.

Ngày 7 tháng 2 năm 1952, bộ tư lệnh đại đoàn 316 trực tiếp chỉ huy cuộc vây hãm vị trí Thiên Thai và bố trí đánh viện cả trên đường bộ và đường sông. Trong hai ngày 7 và 8, ta đánh bại nhiều đợt tiến công của địch, bẻ gãy cuộc hành binh giải vây Thiên Thai, diệt 300 địch hầu hết là Âu Phi.

Ở Bắc Giang, tiểu đoàn 888 của 176 đã vào vùng địch hậu Yên Dũng, cùng bộ đội địa phương nhiều lần pháo kích vào thị xã Bắc Giang, đánh bật cuộc hành quân càn quét của một tiểu đoàn địch ở An Chư, kiểm soát thuyền bè đi lại trên sông Lục Nam, sông Thương. Ngày 31 tháng 1, tiểu đoàn phối hợp với tiểu đoàn 61 Bắc Giang phục kích quân địch đi cứu viện, diệt 100 tên, phá 5 xe tăng, 4 xe ô tô bắt 5 lính Âu Phi.

Hai đại đoàn chủ lực của ta cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích vừa được phục hồi, đã làm mưa làm gió trên mặt trận hậu địch ở cả trung du và đồng bằng. Với gần hai phần ba lực lượng

cơ động bị giam hãm ở Hòa Bình, những tiểu đoàn cơ động còn lại ở đồng bằng và trung du nhanh chóng bị tiêu hao, không đủ sức để bảo vệ hệ thống phòng ngự cũng như bộ máy ngụy quyền ở vùng tạm chiếm.

Trên mặt trận Hòa Bình, từ sau khi rút phòng tuyến Sông Đà, quân Pháp đã hoàn toàn chuyển sang thế phòng ngự. Mọi cố gắng của địch từ ngày 10 đến ngày 31 tháng 1 năm 1952 đều nhằm khai thông con đường số 6 đã bị đại đoàn 304 cắt đứt.

Tổng Quân ủy nhận được thư của anh Hoàng Văn Thái từ hậu phương gửi ra. Anh Thái viết: “Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đồng ý với chủ trương đợt 3 của chiến dịch và nhấn mạnh:

— Hướng chủ lực chủ yếu là cắt giao thông, kiềm chế và bao vây Hòa Bình. Lợi thì đánh, không lợi thì cho bộ đội nghỉ, không nên dùng nhiều lực lượng, tránh những trận tiêu hao, tránh điều động nhiều làm cho bộ đội mỏi mệt. — Thời gian không nhất thiết là tháng 1 năm 1952, có lợi thì có thể kéo dài để giữ chủ lực địch ở hướng này, để địch hậu có đủ thời gian phát triển và củng cố. — Địch đánh ra Hòa Bình về mặt quân sự căn bản là thất bại. Ta tạm thời mất Hòa Bình nhưng khôi phục lại địch hậu đó là một thắng lợi lớn”. Hồ Chủ tịch dặn: “Ngay lúc này cần có kế hoạch nếu địch rút Hòa Bình thì ta khuếch trương về quân sự, chính trị như thế nào cũng phải chuẩn bị trước”.

Sau đợt tiến công lớn ngày 7 tháng 1 năm 1952, chúng ta chủ trương tiếp tục cắt đường số 6, bao vây thị xã Hòa Bình, đưa thêm pháo vào khống chế thị xã và sân bay, cắt đứt đường hàng không, và tiến hành nhiều hoạt động nhỏ để tiêu hao quân địch.

Hai chiếc Junker hạ cánh xuống sân bay đã bị pháo ta bắn trúng không thể cất cánh. Địch phải kéo xác máy bay ra khỏi đường băng. Đêm ngày 9 tháng 1, hai ngày sau khi tiêu diệt trận địa pháo, trung đoàn 36 lại phát huy cách đánh này lập thêm một chiến công mới. Một tổ ba người của đại đội 43, tiểu đoàn 84, do một trung đội trưởng chỉ huy bí mật tiến qua sáu vọng gác, lọt vào sân bay, dùng bộc phá đánh hỏng chiếc máy bay đậu trên sân, và rút lui an toàn. Lần này quân địch để mặc chiếc Junker nằm giữa đường băng. Và

không còn một chiếc máy bay nào dám hạ cánh. Sau đường thủy đến đường không của Hòa Bình bị cắt đứt.

Hòa Bình rõ ràng là một thị xã bị bao vây. Trước ngày quân Pháp tới, thị xã đã được phá hoại, chỉ còn lại ngôi nhà gạch của “quan lang” Đình Công Tuấn. Ngôi nhà cũng đã bị pháo ta phá hủy đêm ngày 7 tháng 1. Cả thị xã trở trụi với mấy chiếc máy bay nằm trên đường băng chết lạng. Sở chỉ huy của Clémăng đã chui xuống mặt đất. Các khẩu pháo và xe tăng đều núp trong ụ đất. Toàn bộ quân địch phải ăn ngủ dưới hầm. Mỗi lần binh lính đi lại, ra bờ sông lấy nước, đều nhón nhác lo trúng đạn bắn tỉa của quân ta. Một chiếc xe chở đồ tiếp tế lên Đồi Gai trúng mìn bộ đội ta cài ngay trước cổng đồn. Một tiểu đội của đại đội 62 đã bí mật bò lên hẻm Đồi Dè, dùng thủ pháo đánh sập lô cốt chôn vùi cả số quân địch bên trong. Thỉnh thoảng từ những cứ điểm lại rộ lên những tràng liên thanh hoảng hốt vì những hoạt động quấy rối của quân ta.

Ngày đầu trung tuần tháng 1 năm 1952, quân báo của 308 báo cáo ở thị xã Hòa Bình địch treo cờ rủ. Chúng tôi không biết có nhân vật cao cấp nào của nước Pháp vừa qua đời? Hôm sau mới biết Đờ Lát đã chết và được truy tặng Thống chế. Mọi người đều nhận thấy sự ra đi đột ngột của Đờ Lát lúc này sẽ tác động xấu tới tinh thần quân đội viễn chinh.

Sau khi từ Việt Nam về, bệnh tình Đờ Lát đã rất nặng, nhưng ông ta vẫn tiếp tục nghe báo cáo về tình hình chiến sự tại Hòa Bình, trực tiếp gặp Tổng thống Pháp đề nghị mở cuộc họp Thượng Hội đồng Liên hiệp Pháp (*Haut Conseil de Union Francaise*), và gửi một bức điện cuối cùng cho Xalăng chuyển lời yêu cầu Bảo Đại tới Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 1951, vì sự có mặt của Bảo Đại đúng vào ngày kỷ niệm chiến tranh Đông Dương sẽ tạo ra “hiệu quả tâm lý chính trị cao hơn”. Khi được biết Bảo Đại sẽ đến thăm Hòa Bình, Đờ Lát vui vẻ nói với vợ: “Cuối cùng, tôi đã thuyết phục được ông ta phải đi thanh tra các binh lính trên chiến trường. Bây giờ ông ta đã nhập cuộc với họ”.

Tết Nhâm Thìn sắp tới. Hậu phương năm nay dành những tình cảm triu mến nhất cho các chiến sĩ ở mặt trận. Đường từ hậu

phương ra tiền tuyến nườm nượp những đoàn người gồng gánh quà Tết cho bộ đội. Bánh chưng xanh, chè lam Phủ Quảng, đường phèn Nho Quan, thuốc lá Ba Vì, chè búp Đồng Lương, đỗ xanh Phú Thọ, gạo nếp Hòa Bình..., những món quà tình nghĩa này đã phải vượt qua những cung đường lửa. Các đoàn văn công cũng ra mặt trận đưa lời ca, tiếng đàn tới tận chiến hào, tới nơi điều trị thương binh. Cán bộ, chiến sĩ truyền tay nhau tờ thiếp hồng có in bài thơ Xuân Nhâm Thìn của Bác Hồ:

*“...Trường kỳ và gian khổ
Chắc thắng trăm phần trăm”.*

Sẽ là một thiếu sót nếu không nhắc ở đây một sáng kiến đã mang lại sự cải thiện rất quan trọng trong đời sống các chiến sĩ ngoài mặt trận. Khói lửa từ những bếp của anh nuôi đã nhiều lần làm lộ vị trí trú quân, dẫn đến những tổn thất xương máu. Công việc thổi nấu đều phải tiến hành ban đêm để phòng máy bay địch. Bộ đội trong mùa đông vẫn phải ăn cơm nguội, uống nước lạnh. Một chiến sĩ nuôi quân ở trạm quân y của đại đoàn 308, đã có sáng kiến đào những đường rãnh thoát khói bên sườn núi, nối liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Khói từ trong lò bếp bốc lên qua các đường rãnh, chỉ còn là một dải hơi nước tan nhanh khi rời khỏi mặt đất. Từ đó anh nuôi có thể thổi nấu ban ngày ngay cả khi máy bay trinh sát địch bay trên đầu. Bộ đội bắt đầu được ăn cơm nóng, uống nước nóng. Bếp Hoàng Cầm, mang tên người sáng tạo ra nó, đã phát huy hiệu quả trong tất cả những chiến dịch sau, kể cả trong những năm chống Mỹ bộ đội trú quân trên dải Trường Sơn. Đồng chí Hoàng Cầm đã trở thành chiến sĩ thi đua của đại đoàn 308.

Ngày 27 tháng 1 năm 1952, đúng vào ngày Tết Nguyên đán, Tổng Quân ủy họp quyết định kết thúc đợt 3 chiến dịch.

Tình hình mặt trận đang chuyển biến nhanh. Các binh đoàn cơ động của địch đều bị thiệt hại nặng không còn khả năng tìm kiếm một trận đánh lớn với ta. Với lực lượng rút từ phòng tuyến Sông Đà về, hệ thống phòng ngự của địch ở thị xã Hòa Bình và trên đường số 6 đã được củng cố khá chặt chẽ, đặc biệt là hỏa lực pháo binh, ở

đồng bằng, địch không còn đủ lực lượng cơ động đối phó với những hoạt động ngày càng mạnh của các lực lượng vũ trang. Theo tình thế chung hiện nay, dù muốn hay không, Xalăng cũng phải rút quân khỏi Hòa Bình.

Tổng Quân ủy quyết định: “Tranh thủ tiêu diệt sinh lực địch, tiếp tục kiềm chế lực lượng của chúng, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở hậu địch, tranh thủ chấn chỉnh lực lượng nhất là bộ đội chủ lực để khi có thời cơ đánh mạnh trên mặt trận Hòa Bình, đường số 6. Ta chỉ sử dụng một phần ba lực lượng để tiếp tục bao vây Hòa Bình và chia cắt đường số 6”.

Phương châm hoạt động là: “Đánh nhỏ, phát triển tốt bậc hành động phá hoại, gây rối, tích cực tiêu hao địch, khi ta thực hiện được chấn chỉnh rồi, nếu địch chưa rút Hòa Bình thì ta có thể tổ chức đánh điểm, diệt viện. Nếu địch rút, tranh thủ tiêu diệt bộ phận cuối cùng của chúng”.

Căn cứ vào quyết định của Tổng Quân ủy, tham mưu xây dựng kế hoạch đánh địch rút chạy:

- Đại đoàn 308 (thiếu 102) được phối thuộc trung đoàn 209 thuộc 312, phụ trách khu vực từ thị xã Hòa Bình tới Ao Trạch, có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch rút lui ở quãng đường này, nặng về phía bắc.

- Đại đoàn 312 (thiếu 209) được phối thuộc trung đoàn 102 của 308, phụ trách từ Pheo đến Ao Trạch, nặng về phía nam, sẵn sàng tiêu diệt địch từ Phương Lâm tới Pheo, phối hợp với 308 đánh địch từ Pheo đến Ao Trạch, và phối hợp với đại đoàn 304 ở khu vực Đồng Bái.

- Đại đoàn 304 phụ trách từ Ao Trạch đến Xuân Mai, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận nhỏ của địch. Một trung đoàn chuẩn bị vào hoạt động ở vùng Chợ Cháy, Xuân Mai và Mai Lĩnh.

Ngay sau đó, Bộ Tổng tham mưu triệu tập các đơn vị trao nhiệm vụ.

Thời gian qua, đại đoàn 304 (thiếu 66) với nhiệm vụ bám sát đường số 6 đánh điểm nhỏ, diệt viện, đánh giao thông, đã tiêu diệt

bảy đại đội Âu Phi, phá hủy nhiều xe cơ giới và pháo binh làm cho tuyến vận chuyển đường bộ của Pháp lâm vào tình trạng tê liệt.

Ngày 10 tháng 1 năm 1952, Bộ chỉ huy chiến dịch nhận được báo cáo, địch tập trung một lực lượng rất lớn quân cơ động và quân dù ở Xuân Mai. Ngày 11 tháng 1, lực lượng này tiến quân về phía Ao Trạch. Địch tiến quân rất chậm. Chúng chiếm những điểm cao hai bên đường số 6, và cho phát quang tất cả những bụi rậm, lau lách có thể trở thành nơi ẩn nấp của quân ta. Mỗi lần bị chặn đánh, chúng không ham chiến đấu, ngừng tiến quân, tìm nơi ẩn nấp và gọi máy bay, đại bác oanh tạc dữ dội vào đội hình của ta. Ba ngày sau, những tiểu đoàn dù đi đầu cuộc hành binh mới tới Ao Trạch. Địch biến vùng Ao Trạch thành một “thị xã Hòa Bình mới” với 13 cụm pháo binh. Từ đây tới Hòa Bình, quân địch bị 304 kiên quyết chặn đánh. Các chiến sĩ ta giành giật với quân địch từng mỏm đồi. Những tiểu đoàn dù bị thương vong nhiều, phải quay trở lại Ao Trạch. Địch đưa binh đoàn cơ động số 1 lên thay. Bộ binh địch hết sức tránh những trận đụng độ trực tiếp với quân ta, không tiếc dùng bom đạn đẩy bộ đội ta ra xa trục đường số 6. Mãi tới ngày 13 tháng 1, đoàn quân này mới tới gần thị xã Hòa Bình. Chúng đã phải bỏ ra 21 ngày đêm để vượt một quãng đường dài hơn bốn chục kilômét.

Trình sát theo dõi quân địch ở Hòa Bình vẫn không thấy động tĩnh. Chúng tôi phán đoán địch khai thông đường số 6 để bảo vệ tuyến vận chuyển duy nhất còn lại, và cũng để chuẩn bị cho trường hợp phải rút quân khỏi Hòa Bình. Bộ chỉ huy chiến dịch trao nhiệm vụ cho quân báo 308 bắt tù binh để khai thác. Sau ngày Tết Nguyên đán, anh em đưa về một lính Pháp đóng ở đồn Pheo. Hắn bị một tổ quân báo của ta chộp bắt khi ra giếng ngay gần đồn lấy nước. Tên lính trẻ, cổ đeo chiếc thánh giá bằng bạc, nói rất nhiều về cuộc sống rất khổ cực của binh lính Pháp ở Hòa Bình, chui rúc trong các hầm hố... nhưng khi hỏi tới ý đồ sắp tới của chỉ huy Pháp thì y hầu như không biết gì, vì y mới là một binh nhất. Y nói từ sau khi Đờ Lát chết, và nhất là gần đây, các sĩ quan tỏ ra buồn bã. Họ luôn nói với nhau những tin thất bại ở đồng bằng, và cho rằng nếu không rút khỏi Hòa Bình thì có thể bị tiêu diệt...

Đờ Lát chết đã mang theo hy vọng giành chiến thắng ở Đông Dương. Đúng lúc này, Liên minh Bắc Đại Tây Dương yêu cầu nước Pháp phải góp 12 sư đoàn vào việc phòng thủ châu Âu. Chiến tranh Đông Dương mỗi ngày đã ngốn của nước Pháp 1 tỉ franc. Những cuộc tranh cãi lại tiếp tục diễn ra trong chính phủ và quốc hội. Những nhà chính trị Pháp vẫn còn chịu ảnh hưởng lời những tướng lĩnh Pháp đã mở đầu cuộc xâm lược Đông Dương. Một số đồng ý với Ganliêni (*Joseph Gallieni*): “Ai nắm được Bắc Kỳ, người đó nắm được Đông Dương”, một quan điểm được Đờ Lát rất ủng hộ. Một số đồng ý với Lyôtây (*Louis Hubert Lyautey*), coi Nam Bộ là “phần đất có ích tại Đông Dương”, thấy nên rút về Nam Bộ. Những người cầm đầu nước Pháp nghiêng về giải pháp quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương, nhưng họ cho rằng thời cơ chưa đến, cần chờ cho “quân đội Việt Nam” hình thành. Họ hy vọng qua cuộc đàm phán ngừng bắn ở Triều Tiên sẽ có cơ hội tiếp xúc với Trung Quốc, và thuyết phục được Trung Quốc cam kết tôn trọng “độc lập của Việt Nam”! Trừ những người cộng sản Pháp, chiếm 143 ghế ở quốc hội, kiên quyết đòi chấm dứt chiến tranh bằng cách điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh, Chính phủ Pháp cũng như số đông những thành phần ở Quốc hội đều nhận thấy không có một giải pháp quân sự ở Đông Dương, nhưng họ cũng không thể chấp nhận một cuộc điều đình với chúng ta, và phải dựa vào Mỹ để tiếp tục chiến tranh cho tới lúc tìm ra một lối thoát có lợi.

Để thay thế cho Đờ Lát ở Đông Dương, Chính phủ Étga Phô (*Edgar Fauré*) trao cho tướng Gôchiê (*Gautier*) và Xalăng tạm quyền. Nhưng chính phủ này cũng không còn tồn tại bao lâu.

Ngay sau khi Đờ Lát chết, Xalăng đã âm thầm chuẩn bị cho việc rút lui khỏi Hòa Bình. Cuộc hành binh “Cái phễu soi” (*Speculum*) được tiến hành từ ngày 11 đến ngày 31 tháng 1 năm 1952 nhằm đẩy bộ đội ta ra xa đường số 6 chính là bước đầu tiên. Xalăng đã vét hầu hết lực lượng cơ động còn lại ở đồng bằng Bắc Bộ, gồm binh đoàn cơ động số 1 của Đờ Lát, nhiều tiểu đoàn dù vào cuộc hành binh, và giao cho đại tá Gin (*Gilles*) chỉ huy.

Quyết định rút Hòa Bình của Xalăng, được Lotuốcnô chấp thuận ngày 5 tháng 2 năm 1952.

Kế hoạch rút quân được hoạch định hết sức thận trọng và tuyệt đối bí mật. Thị xã Hòa Bình và đường số 6 đang nằm trong vòng vây của ba đại đoàn. Ngoài Đờ Linaurét, chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ, có hai người được phân công thực hiện kế hoạch là Gin và Đuycuốcnô (*Ducourneau*), viên trung tá mới được cử thay đại tá Clê măng quá mất tinh thần từ sau cuộc tiến công của bộ đội ta vào thị xã Hòa Bình. Đuycuốcnô phải nhảy dù xuống thị xã vì sân bay không còn sử dụng được.

Gin và Đuycuốcnô đã chụm đầu vào bàn bạc một kế hoạch rút quân được mệnh danh là “cuộc hành binh cầu vồng” (*operation Arc—en—ciel*). Nó gồm 5 “pha” với 5 màu sắc cầu vồng, tương ứng với 5 cung độ được chia ra trên đoạn đường từ thị xã Hòa Bình tới Xuân Mai. Pha màu trắng là khởi đầu cuộc rút quân ở thị xã Hòa Bình. Pha màu đỏ là đoạn tiếp theo từ Bến Ngọc tới xóm Pheo. Pha màu lam là đoạn giữa Đồng Bến và Ao Trạch. Pha màu vàng là đoạn từ Đèo Kẽm tới Mộ Thôn. Pha màu lục là đoạn cuối cùng từ Mộ Thôn tới Xuân Mai.

Với cơ quan tham mưu và những người thực hiện, mọi công việc chuẩn bị cho cuộc hành binh “Cầu vồng” đều được che giấu dưới hình thức hoạt động tăng cường chung cho các vị trí đề phòng một cuộc tiến công. Từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 2, Gin ra lệnh cho binh đoàn cơ động số 1 càn quét và chiếm đóng khu núi phía đông đường số 6 nằm giữa Xóm Pheo và Bến Ngọc, coi như để nối liền phòng tuyến đường số 6 với thị xã Hòa Bình. Đêm ngày 17 tháng 2, trung đoàn 141 của 312 tiến công quyết liệt một trong những điểm cao địch mới chiếm đóng, nhưng không thành công. Khó khăn lớn nhất đối với Gin là làm cách nào đưa được 5 tiểu đoàn ở thị xã Hòa Bình đang bị trung đoàn 36 bám riết, từ bên kia sông Đà sang đường số 6. Với những điểm cao mới chiếm gần Bến Ngọc, những tiểu đoàn ở thị xã sẽ được bảo vệ khi qua sông.

17 giờ ngày 22 tháng 2 năm 1952, 5 tiểu đoàn địch ở thị xã lạng lẽ vượt sông Đà. Tuy nhiên, vẫn lo bị đánh bất ngờ, Gin ra lệnh cho các trận địa pháo bắn chặn tất cả mọi ngã đường bộ đội ta có thể xuất quân.

Nửa đêm, tôi thức giấc vì tiếng đại bác địch nổ dồn dập. Chỉ khi bị bộ đội tiến công địch mới bắn pháo dữ dội như thế này. Thấy triệu chứng khác thường, tôi nghĩ cuộc rút quân của địch đã bắt đầu. Chúng cần tiêu thụ hết số đạn dự trữ ở các kho để khởi rơi vào tay ta. Tôi bảo cơ quan tham mưu ra lệnh cho các đơn vị theo dõi sát tình hình, sẵn sàng xuất kích ngay nếu địch rút lui.

Trung đoàn 36 ở bắc thị xã Hòa Bình nhận được lệnh nhưng do trời tối và bị pháo bắn chặn, mãi sau khi trời sáng mới tới thị xã. Đại bộ phận quân địch đã qua sông, chỉ còn một bộ phận của tiểu đoàn 2 dù (2è *BEP*) và tiểu đoàn 3 bán lữ đoàn lê dương thứ 13 (*III/13è DBLE*) đang được máy bay và đại bác địch bảo vệ chặt chẽ, tiếp tục qua sông. Các chiến sĩ 36 kiên quyết tiến công. Trận địa pháo của ta bí mật bố trí ở khu vực Bến Ngọc đồng loạt nhắm đạn vào đội hình quân địch đang rút lui ở cả hai bờ sông Đà. Một chiếc ca nô bị bắn chìm, một số xe cơ giới bị phá hủy. Nhưng do đạn pháo chuẩn bị không đúng yêu cầu, lẫn nhiều đạn khói, nên đã tạo một tấm màn che khuất cho địch lợi dụng chạy thoát. Tới buổi trưa, những tên Pháp cuối cùng mới qua sông hết.

Buổi chiều, trung đoàn 209 tiến công vị trí Xóm Pheo khi binh lính lê dương của GM 1 đang rút khỏi đây. Bộ đội ta đánh mạnh vào sau đội hình của chúng. Máy bay địch nối nhau lao xuống trút bom và bắn vào quân ta bảo vệ cho binh lính lao về phía đoàn xe đậu trên đường số 6. Trận địa phòng không 12 ly 7 của ta bắn rơi tại chỗ 1 chiếc *Bearcat*.

Trung đoàn 9 và trung đoàn 57 của 304 bố trí trận địa xuất kích xa, lại bị pháo binh và máy bay địch ngăn cản, nên có mặt muộn trên đường số 6. 3 giờ sáng ngày 24, trung đoàn 9 bắt kịp cái đuôi quân địch ở phía đông Đèo Kẽm, lập tức nổ súng. Những chiếc xe đi phía sau đều phải dừng lại. Trời sáng, 12 máy bay khu trục do một chiếc *Moran* chỉ điểm, vừa bắn vừa ném bom vào đội hình quân ta để mở đường cho những chiếc xe cuối cùng rút chạy về Xuân Mai.

Nếu so với việc rút Cao Bằng của Các-păng-giê thì cuộc rút quân của Xalăng khỏi Hòa Bình đã thành công. Bộ đội ta chỉ tiêu diệt được khoảng 6 đại đội địch, phá hủy hai chục xe cơ giới và thu vài trăm tấn đạn. Chúng ta chờ đợi một kết quả lớn hơn nhiều. Quân Pháp đã dùng tới 30.000 viên đạn pháo để yểm trợ cho cuộc rút lui. Đây là “chiến công lớn” duy nhất của đội quân viễn chinh Pháp trong Đông Xuân 1951—1952.

Cho tới lúc đó, chiến dịch Đông Xuân 1951—1952 là chiến dịch dài ngày nhất, địa bàn chiến đấu rộng lớn nhất, tiêu diệt sinh lực địch cao nhất, giải phóng đất đai nhiều nhất. Thời gian chiến dịch dài hơn ba tháng. Đây là một chiến dịch kép. Một chiến dịch gồm hai mặt trận. Mặt trận chính là Hòa Bình, mặt trận phối hợp là vùng địch hậu trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Trong suốt quá trình chiến dịch, hai mặt trận này đã gắn bó với nhau một cách hữu cơ, cùng tạo điều kiện cho nhau để giành thắng lợi. Có thể nói nếu không có thắng lợi ở nơi này thì cũng không có thắng lợi ở nơi kia. Tổn thất chung của địch là trên 20.000 tên, 14.030 chết, 7.219 bị bắt. Ta giải phóng 6.000 kilômét vuông với trên hai triệu dân. Vũ khí của địch bị phá hủy có 13 máy bay, 17 tàu xuồng, 20 khẩu pháo, 9 đầu xe lửa và 20 toa xe, 291 xe cơ giới các loại. Tổn thất của ta ở mặt trận chính và mặt trận phối hợp là 11.193 người, trong đó có 2.692 đồng chí hy sinh.

Riêng ở mặt trận Hòa Bình, ta tiêu diệt trên 6.000 quân địch, thu 788 súng các loại, 88 vô tuyến điện, 24 khẩu pháo cối, giải phóng 1.000 kilômét vuông với 20.000 dân. Thành tích tiêu diệt và giải phóng đất đai ở các mặt trận phối hợp so với mặt trận chính, lớn hơn nhiều. Nhà sử học Bécna Phôn (*Bernard Fall*) đã viết: “Chiến dịch Hòa Bình đối với Pháp cũng tổn thất về sinh mạng và trang bị không kém gì chiến dịch Biên Giới và chiến dịch Điện Biên Phủ sau này”.

Địch có thể nhanh chóng bổ sung quân số và những trang bị đã bị loại khỏi vòng chiến đấu, cũng như giành lại một số vùng đất đai vừa giải phóng, nhưng không thể cứu vãn được tình thế chiến tranh đã chuyển qua một giai đoạn mới bất lợi. Những hy vọng về chiến thắng vừa nhen nhóm trở lại trong chính giới Pháp đã tàn lụi với cuộc tiến

công Hòa Bình. Nhà cầm quyền Pháp ngày càng mệt mỏi vì chiến tranh Đông Dương. Chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh” được Đờ Lát đặt rất nhiều hy vọng, đã chứng tỏ sự hạn chế của nó ở đồng bằng Bắc Bộ. Người nông dân Việt Nam không dễ bị lừa phỉnh và càng khó khuất phục. Xalăng đã phải thú nhận trong hồi ký của mình: “Ngày cũng như đêm từng giờ, từng phút đặt ra cho tôi biết bao vấn đề nan giải. Việc nỗ lực bình định châu thổ sông Hồng trở nên vô ích...”.

Chiến dịch Đông Xuân 1951—1952 là một biểu hiện tập trung của nghệ thuật chiến tranh toàn dân trong kháng chiến chống Pháp. Ba thứ quân trong trận đánh dài ngày trên một chiến trường rộng lớn đã chứng tỏ khả năng phối hợp nhịp nhàng, những cách đánh muôn màu muôn vẻ của chủ lực, bộ đội địa phương, cũng như dân quân du kích đã vô hiệu hóa một đòn tiến công chiến lược của địch, đồng thời làm cho chúng rối tung không biết tìm cách nào đối phó. Trong lúc lực lượng ta vẫn như trước đây, chúng ta đã giành lại quyền chủ động từ tay quân địch. Chiến thắng Hòa Bình củng cố niềm tin: với chiến tranh toàn dân, dù lực lượng vũ trang ta còn có hạn, ta vẫn có thể giành quyền chủ động trên chiến trường chính để đi tới chiến thắng. Cả hai nhà sử học Pháp Giăng Lacutuya (*Jean Lacouture*) và Philip Đơville (*Philippe Devillers*) đã nhận xét: “Đờ Lát đã phải lao vào một cuộc chiến gay go và tốn kém và cũng từ đây nước Pháp hoàn toàn mất chủ động buộc phải quay về phòng ngự”.

Tôi đã đi thăm thị xã Hòa Bình và khu vực Đồng Bến, Đồn Pheo, nơi đã diễn ra những trận đánh không thành công của bộ đội ta trên đường số 6. Trước mắt tôi hiện ra một hình thái phòng ngự mới của quân Pháp ở miền rừng núi. Nó Hoàn toàn khác với các cứ điểm của địch trước đây. Khi tiến đánh một cứ điểm nằm trong một hệ thống, bộ đội ta lúc nào cũng bị đạn bắn thẳng của địch đe dọa từ nhiều phía, có khi từ cả bốn phía. Thất bại trong trận Đồn Pheo không phải không có những lý do mới.

Cuộc đọ sức quyết liệt giữa quân và dân ta với Đờ Lát bắt đầu từ Trung Du đã kết thúc với chiến dịch Hòa Bình.

Theo lời Đannô (*J.P. Dannaud*), một cộng sự viên của Đờ Lát, thì vào tháng 10 ở Rôma, Đờ Lát đã tâm sự: “Phần việc của tôi thế là xong”. Đannô nói vui: “Vâng, thưa Tướng quân, chỉ còn mỗi việc là thắng trong cuộc chiến tranh này”. Đờ Lát lắc đầu: “Cái gì có thể làm được, tôi đã làm. Tôi đã vận hành. Phần còn lại đã có binh sĩ và các tướng”.

Đờ Lát cũng biết cuộc chiến này sẽ khó khăn và lâu dài. Nhưng trong số những tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương, Đờ Lát là người kiên quyết và nhiều tự tin nhất, muốn theo đuổi nó tới cùng. Khi cuộc đàm phán ngừng bắn ở Triều Tiên bắt đầu, tháng 8 năm 1951, Đờ Lát đã nói với Tổng thống Pháp Vanhxăng Ôriôn: “Tôi xin thề là nếu bây giờ ngài ra lệnh cho tôi chuẩn bị đàm phán hòa bình, tôi sẽ lập tức xin ngài cho tôi từ chức”.

Có thể nói trong một năm nhậm chức, Đờ Lát đã xoay chuyển được tình thế, đưa đội quân viễn chinh thoát khỏi tình hình suy sụp sau thảm họa Cao Bằng, làm bộc lộ những nhược điểm của bộ đội ta khi chuyển sang thời kỳ đánh lớn. Ông ta đã chứng minh là người Pháp chưa thể thua trong cuộc chiến tranh này. Đờ Lát còn muốn trở thành người sẽ đem lại chiến thắng. Nhưng chủ trương mà ông ta tưởng là khôn ngoan, trao “độc lập” và dựa vào Mỹ để xây dựng một quân đội cho ngụy quyền, đã dẫn đến sự ra đi vĩnh viễn của đội quân viễn chinh. Đó là bi kịch của Đờ Lát. Chiến tuyến boongke ở đồng bằng Bắc Bộ không phải là khó khăn lớn nhất mà Đờ Lát để lại cho ta. Với việc mở đường cho chủ nghĩa thực dân mới vào Việt Nam, Đờ Lát đã mang đến cho ta một hiểm họa lâu dài.

Người Pháp nói Đờ Lát đã sớm ra đi để khỏi phải chứng kiến sự thất bại của mình. Đây là một tướng tài của nước Pháp trong thế chiến thứ hai. Ông ta không có điều kiện như Đờ Gôn để thú nhận sai lầm của mình sau khi cuộc chiến kết thúc.

Khi đó ta chưa biết trận Hòa Bình là cuộc tập dượt lớn của bộ đội ta chuẩn bị cho trận Điện Biên Phủ sau này.

Chương Mười Một: CHUYỂN HƯỚNG LÊN TÂY BẮC

1

Tháng 2 năm 1952, Thủ tướng Étga Phô tuyên bố nước Pháp không thể cùng lúc đương đầu với gánh nặng chiến tranh Đông Dương và nghĩa vụ đóng góp vào việc phòng thủ Châu Âu. Cuối tháng 2, Phô từ chức. Tháng 3 Ăngtoan Pinay (*Antoine Pinay*) lên thay, khẳng định tiếp tục những chính sách về Đông Dương của những người tiền nhiệm, sẽ tăng cường ngân sách để tiếp tục chiến tranh bằng cách dựa hẳn vào Mỹ và huy động tối đa sự đóng góp của những quốc gia liên kết.

Ngày 1 tháng 4 năm 1952, Ăngtoan Pinay quyết định trao quyền Cao ủy Đông Dương cho bộ trưởng các quốc gia liên kết Lotuốcnô kiêm nhiệm, và chính thức bổ nhiệm Xalăng làm Tổng chỉ huy lực lượng vũ trang Pháp tại Đông Dương. Nhưng tháng 5, Hội đồng Quốc phòng Pháp lại quyết định giảm số lượng quân viễn chinh 15.000 người, như vậy, lực lượng trên bộ 189.170 người sẽ còn 174.170 người. Xalăng chỉ có thể tăng cường lực lượng quân sự của mình bằng quân đội các quốc gia liên kết. Từ cuối tháng 2 năm 1952, Lotuốcnô và Bảo Đại đã đề ra kế hoạch đưa số quân ngự từ gần 15 vạn lên 40 vạn vào cuối năm 1953. Nhưng Bộ chỉ huy Pháp không tin tưởng vào chất lượng quân ngự.

Tính đến tháng 1 năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Đông Dương 120.000 tấn phương tiện chiến tranh, trong đó có 178 máy bay, 170 tàu các loại, nhiều chiến xa, đạn dược và phương tiện truyền tin. Mỹ đã đảm nhiệm 40% chiến phí, bằng 146 tỷ franc, có 86 tỷ là phương tiện chiến tranh. Tuy nhiên, Mỹ chưa thật mặn mà trong việc giúp đỡ Pháp tại Đông Dương. Mỹ đang bận đối phó với chiến tranh Triều Tiên chỉ là một lẽ. Cái Mỹ cần sau khi bị đẩy khỏi lục địa Trung Hoa, là Đông Dương sẽ nằm trong vòng ảnh hưởng của Mỹ.

Từ chiến dịch Biên Giới, qua năm cuộc đổ sức trực tiếp với quân địch trong những chiến dịch lớn, ta đã có được bài học quan trọng là

biết hơn về địch và về mình.

Trước đây ta thường hiểu sức mạnh của địch là ở vũ khí, trang bị hiện đại, chỗ yếu của địch là tinh thần, một công cụ xâm lược, một đội quân đánh thuê. Nay ta đã thấy rõ thêm cái mạnh của một quân đội nhà nghề. Chỉ huy Pháp đều được đào tạo chính quy theo chuyên ngành từ những trường quân sự có kinh nghiệm lâu đời. Quân đội Pháp có một đội ngũ chuyên môn về binh khí kỹ thuật. Binh sĩ đều được huấn luyện kỹ trước khi tung ra chiến trường. Cách đào tạo này kết hợp với những vũ khí hiện đại phát huy cao độ sức mạnh trong những trận đánh lớn. Công tác tham mưu, tình báo, hậu cần trong quân đội Pháp rất có nền nếp. Địch biết cách khai thác mọi yếu tố để tìm hiểu tình hình và những hoạt động của ta. Quân Pháp đặc biệt giỏi trong bố trí phòng ngự. Tại Đông Khê, không đầy 3 đại đội của địch có thể đương đầu với 2 trung đoàn chủ lực của ta trong suốt 52 giờ liền. Đồn Pheo trong chiến dịch Hòa Bình được chính các chuyên gia quân sự Pháp coi là một mẫu mực trong tổ chức phòng ngự cứ điểm. Quân Pháp biết rút kinh nghiệm kịp thời những trận đánh thất bại. Cũng trên địa hình rừng núi nhưng cuộc rút lui của quân Pháp ở Cao Bằng và ở Hòa Bình hoàn toàn khác nhau... Các cố vấn Trung Quốc nhiều lần nói pháo binh Pháp rất giỏi và quân Pháp rất giỏi chiến đấu hiệp đồng binh chủng. Gần đây ta thường nói về tinh thần bạc nhược của binh lính Pháp trong chiến dịch Biên Giới.

Nhưng không thể không nghĩ tới sự chống trả quyết liệt của quân Pháp trong những trận đánh cứ điểm, một số nơi những tên lính cuối cùng chỉ chịu hạ vũ khí sau khi đã bắn hết đạn.

Về phía ta, chúng ta đã thấy rõ những nhược điểm của một quân đội cách mạng đơn thuần là bộ binh khi chuyển sang đánh lớn trên địa hình đồng bằng, nơi địch có thể phát huy tối đa sức mạnh binh khí kỹ thuật và tính cơ động cao của một quân đội hiện đại. Ta không chủ trương khắc phục nhược điểm này bằng cách dùng số lượng đông thay cho chất lượng. Sự phát triển của quân đội ta về mặt số lượng cũng đã tới giới hạn. Tổng quân số của ta trong năm 1952 là 244.800 người, kém năm trước 8.970 người. Chủ lực của Bộ vẫn là 6 đại đoàn, riêng đại đoàn 325 mới có 1 trung đoàn được trang bị vũ khí mới. Tình hình kinh tế tự túc tự cấp trong chiến tranh không cho

phép ta tổ chức thêm quân đội. Trừ các đại đoàn của Bộ được bạn trang bị vũ khí, các đơn vị khác đều phải sử dụng những vũ khí chiếm được của địch hoặc do ta sản xuất. Sự giúp đỡ của bạn còn có hạn vì Liên Xô còn phải lo đối phó với chiến tranh lạnh ở Châu Âu, Trung Quốc đang tham gia chiến tranh ở Triều Tiên. Trong khi đó, với việc tăng cường quân nguy được Mỹ trang bị vũ khí, địch đã đưa tổng quân số lên 404.000 người. Nếu vào tháng 12 năm 1950, tỷ lệ quân số giữa ta và địch tương đương, thì nay địch đã vượt lên khá xa, ta: 1, địch 1,65.

Tuy nhiên, sau khi địch phải rút chạy khỏi Hòa Bình, ta phán đoán trong năm 1952, địch chưa có khả năng mở một cuộc tiến công ra vùng tự do Bắc Bộ. Chúng ta cần giữ quyền chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Đồng bằng và Trung du không phải là địa bàn thuận lợi để mở chiến dịch lớn trong mùa khô tới. Trước mắt, Tổng Quân ủy chủ trương để các đại đoàn 320 và 316 ở lại địch hậu thêm một thời gian hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích, củng cố các khu và căn cứ du kích, tranh thủ tiêu diệt thêm lực lượng địch và chuẩn bị chống càn. Hướng tiến công chính của bộ đội chủ lực trong Thu Đông 1952—1953 sẽ là chiến trường rừng núi.

Ngay từ tháng 3 năm 1952. Tổng Quân ủy đã quyết định sẽ mở một chiến dịch lớn ở Tây Bắc, vùng rừng núi duy nhất địch còn kiểm soát được tại Bắc Bộ. Tây Bắc có vị trí chiến lược lớn trong chiến tranh Đông Dương, có quan hệ tới vận mệnh cách mạng và kháng chiến Lào. Tại Bắc Bộ hiện nay, lực lượng địch ở Tây Bắc mỏng và yếu nhất. Nhưng đây lại là nơi địch không thể bỏ. Nếu địch đưa lực lượng cơ động từ đồng bằng lên Tây Bắc, chúng ta sẽ có cơ hội tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch tại chiến trường do ta lựa chọn. Quyết định sớm của Tổng Quân ủy đã tạo cho các cơ quan một thời gian dài để chuẩn bị chiến trường. Chúng ta đã có năm tháng rưỡi chuẩn bị cho chiến dịch Tây Bắc.

Ngày 22 tháng 4 năm 1952, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ ba. Hội nghị nhận định với hậu phương lớn là các nước xã hội chủ nghĩa, cuộc kháng chiến của ta đã có cái thế vững chắc hơn bao giờ hết, nhưng trong bối cảnh quốc tế hiện nay, với so sánh lực lượng lúc này còn yếu hơn địch, ta chưa có khả năng

giành một thắng lợi quyết định trong chiến tranh. Cuộc kháng chiến của ta vẫn là “trường kỳ kháng chiến” và “tự lực cánh sinh”, về tác chiến, trên toàn quốc vẫn phải theo phương châm “du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ”. Đối với bộ đội chủ lực, hoạt động ở địch hậu vẫn chủ yếu là dùng du kích chiến, sử dụng binh lực linh hoạt, khi tập trung mở chiến dịch, khi phân tán luân lưu hoạt động. Phải giữ vững cuộc đấu tranh ở vùng sau lưng địch bằng cách thống nhất bộ máy chỉ đạo, sửa đổi phương thức công tác, nâng cao chất lượng bộ đội địa phương, giải quyết vấn đề tổ chức và cung cấp cho dân quân du kích, đẩy mạnh công tác nguy vận nhằm phát triển chiến tranh du kích chống địch càn quét như Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai tháng 10 năm 1951 đã đề ra. Trên chiến trường toàn quốc, ở cả mặt trận chính và mặt trận sau lưng địch, toàn thể chiến sĩ và đồng bào cần ra sức thi đua tiêu diệt sinh lực địch, phá âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp.

Để đẩy mạnh công tác chuẩn bị, chuyển sang tổng phản công, Trung ương Đảng quyết định tiến hành chỉnh đốn công tác mặt trận, công tác chính quyền, đặc biệt là mở một đợt chỉnh quân và chỉnh Đảng nhằm nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ dân tộc, nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật của bộ đội. Quân đội ta thực sự là quân đội cách mạng của nhân dân, vì nhân dân, một quân đội chiến đấu giỏi. Chỉnh quân đi đôi với chỉnh Đảng được coi là nhiệm vụ trọng tâm. Có làm tốt được nhiệm vụ này mới đưa cuộc kháng chiến vượt qua những khó khăn mới, mau đi tới thắng lợi hoàn toàn.

Các cố vấn Trung Quốc không đánh giá cao thắng lợi chiến dịch Hòa Bình như chúng ta, nhưng hoàn toàn tán thành chủ trương chuyển hướng tiến công về vùng rừng núi với việc mở chiến dịch Tây Bắc.

Chúng ta đã hiểu, với so sánh lực lượng hiện nay và trong một vài năm tới, phải khai phá một con đường mới, mở ra một phương hướng chiến lược mới để giành thắng lợi. Pháp không còn đủ sức để tự mình tiếp tục chiến tranh, buộc phải dựa vào Mỹ. Sự can thiệp của Mỹ, từ giúp đỡ vũ khí đang chuyển sang nắm quân đội nguy để chuẩn bị gạt Pháp. Bảo Đại ngày càng lộ rõ bộ mặt bán nước.

Nguyễn Văn Tâm vừa thay Trần Văn Hữu làm thủ tướng chính phủ bù nhìn đã công khai tỏ thái độ chống cộng quyết liệt. Mỹ đang cố biến chính quyền tay sai và quân đội nguy thành công cụ chống cộng mới ở Đông Nam Á, đưa chiến tranh xâm lược Đông Dương vào quỹ đạo chiến tranh chống cộng của “thế giới tự do”. Trên cơ sở kháng chiến lâu dài, có cách nào để kết thúc cuộc chiến với Pháp trước khi Mỹ trực tiếp nhảy vào Đông Dương? Đó cũng là mối quan tâm chính của Đảng ta và Bác từ sau khi Mỹ bị đẩy ra khỏi lục địa Trung Hoa.

2

Như chúng ta đã dự đoán, sau thất bại chiến dịch Hòa Bình, Bộ chỉ huy Pháp quay trở về mở những cuộc càn quét lớn để bình định vùng tạm chiếm nhằm tiếp tục chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh của Đờ Lát. Trong mùa Hè và mùa Thu năm 1952, quân Pháp đã mở 21 trận càn ở Bắc Bộ, 46 trận ở Trung Bộ, 28 trận ở Nam Bộ.

Riêng ở Bắc Bộ, nơi những khu căn cứ du kích ở vùng tạm chiếm không những đã phục hồi mà còn mở rộng trong mùa Đông năm 1951, địch dồn mọi nỗ lực nhằm giành lại quyền kiểm soát đồng bằng. Những trận càn đều tiến hành với quy mô lớn từ 8 tới 20 tiểu đoàn bộ binh, 3 đến 7 tiểu đoàn pháo binh, kết hợp với những đơn vị thiết giáp, những thủy đội xung kích và máy bay. Mỗi trận thường kéo dài từ 3 đến 4 tuần, nhằm mục đích nếu không tiêu diệt được lực lượng vũ trang ta thì cũng đẩy ra ngoài phòng tuyến Đờ Lát, tạo điều kiện cho các đội “quân thứ hành chính lưu động” lập lại bộ máy thống trị. Sự có mặt những đơn vị chủ lực ta ở địch hậu khiến cho quân Pháp không thể tiến hành công việc bình định như những năm trước đây. Mặt trận hậu địch đã thực sự trở thành chiến trường diễn ra những trận đánh quyết liệt.

Trên dải đất hẹp Bình Trị Thiên, từ đầu tháng 3 đến hết tháng 6 năm 1952, đại đoàn 325 sau khi nhận trang bị mới, đã triển khai một đợt tiến công dài ngày vào khắp vùng hậu địch.

Anh Trần Quý Hai, đại đoàn trưởng 325, đã mở đầu bằng trận đánh điểm diệt viện tại Nam Đông và trên đường 74. Đêm ngày 3 tháng 3 năm 1952, trung đoàn 95 nổ súng tiêu diệt các vị trí Vạn Kim, Nam Tây và Tiền Nam Đông. Ngày 8 tháng 3, bộ đội ta bao vây và tiến công khu đồn chính Nam Đông, đe dọa tiểu khu Quảng Trị và vùng Gio Linh. Ngày 13 tháng 3, địch phải dùng máy bay yểm trợ, đưa hai tiểu đoàn ứng chiến từ Đông Hà lên để giải vây cho Nam Đông. Chúng tiến quân rất thận trọng, cho máy bay bắn phá và bộ binh lùng sục hai bên ven đường. Buổi trưa, quân địch chỉ còn cách Nam Đông 4 kilômét, bắt đầu chủ quan, tin là ta không dám giao chiến với chúng giữa ban ngày. Đúng lúc đó trận đánh nổ ra. Các khẩu đội ĐKZ thiêu cháy hai xe bọc thép và một ô tô chở đầy bộ binh. Tiểu đoàn 15 bộ đội địa phương bịt kín đường rút lui của địch. Các chiến sĩ trung đoàn 95 tổ chức nhiều mũi đồng loạt xung phong, chia cắt quân địch thành những toán nhỏ. Viên thiếu tá chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa chết tại trận. Sau 4 giờ chiến đấu, bộ đội ta tiêu diệt 770 quân địch, thu hàng trăm súng các loại và đạn dược. Đêm hôm đó, trung đoàn 95 san phẳng đồn Nam Đông. Báo chí Pháp xôn xao bình luận về trận đánh này.

Cũng trong đêm ngày 13, trung đoàn 101 tiêu diệt vị trí Sơn Tùng ở Bắc Thừa Thiên. Sáng ngày 14, địch đưa một tiểu đoàn ứng chiến từ tiểu khu Thừa Thiên lên định đóng lại Sơn Tùng, nhưng sa vào trận địa phục kích của trung đoàn, bỏ lại hàng trăm xác chết.

Ở Quảng Bình, ngày 15 tháng 3, trung đoàn 18 vận động tiến công một tiểu đoàn ứng chiến địch đi tiếp viện tại khu vực Vạn Lộc — Hoàn Lão, nơi địch coi là vùng an toàn, diệt 250 tên địch.

Trong tháng 3 năm 1952, bộ đội địa phương, dân quân du kích trên khắp các địa bàn ở Bình—Trị—Thiên dồn dập nổ súng tiến công địch. Hệ thống chiếm đóng của chúng sụp đổ từng mảng. Giao thông trên đường số 1 bị uy hiếp nghiêm trọng. Trên hướng bắc Thừa Thiên, trung đoàn 101 san phẳng một hệ thống cứ điểm gồm hơn 10 đồn bốt xung quanh thành phố Huế, mở rộng vùng căn cứ du kích Bao Vinh vào sát cửa ngõ nội thành Huế. Ánh đèn điện ban đêm từ thành phố Huế đã tỏa sáng đến cả khu giải phóng.

Trước tình hình nguy ngập của Bắc Trung Bộ, Xalăng buộc phải rút ba tiểu đoàn cơ động ở Bắc Bộ, trong đó có hai tiểu đoàn dù, do đại tá Đuycuôcnô chỉ huy, vào tăng viện cho miền Trung. Nhưng cho tới khi phải quay về miền Bắc, cả ba tiểu đoàn này đã không làm được gì để cải thiện tình hình.

Tháng 5 năm 1952, đại đoàn 325 lại mở một cuộc tiến công mới ở Quảng Bình. Đêm ngày 18 tháng 5, trung đoàn 95 tiêu diệt vị trí Sen Bàng ở huyện Quảng Trạch. Đêm ngày 30 tháng 5, trung đoàn 95 đánh vị trí Cửa Phù, Hang Bò và thị trấn Ba Đồn. Trung đoàn 18 đánh vị trí Mỹ Hòa. Lực lượng địa phương vây đánh các chốt Cự Lai, Thuận Anh, Cổ Trai, Gia Viễn... Phía bắc Quảng Bình ầm ầm tiếng súng. Điện kêu cứu tới tấp bay về Đồng Hới. Bọn chỉ huy Pháp ở Quảng Bình không còn biết phải đưa quân tăng viện cho nơi nào. Các vị trí Cửa Phù, Hang Bò, Mỹ Hòa lần lượt bị san phẳng. Các đồn chốt lẻ trong vùng như Cự Lai, Thuận Anh, Cổ Trai, Gia Viễn cũng nối nhau tan vỡ trước sự vây đánh của lực lượng địa phương.

Ở khu vực Ba Đồn, cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Vị trí Ba Đồn nằm sát đường số 1 là vị trí quan trọng nhất trên tuyến phòng thủ bắc sông Gianh. Ở đây có hệ thống công sự nhiều tầng, nhiều lớp do lực lượng hỗn hợp Âu Phi và ngụy bảo vệ. Trung đoàn 95 sau khi quét sạch các vị trí vành ngoài, đã nhanh chóng tiến vào đánh khu đồn chính nằm giữa thị trấn. Địch dùng pháo 75 và súng cối chống cự rất quyết liệt. Bộ đội bị thương vong nhiều. Trời sáng tư lệnh đại đoàn lệnh cho trung đoàn chuyển sang bao vây vị trí, củng cố bộ đội chuẩn bị đánh quân tiếp viện. Quân tiếp viện địch chia làm hai cánh, một cánh đi theo đường số 1, có máy bay và xe bọc thép yểm hộ, từ Đồng Hới tiến về Ba Đồn, một cánh đi theo sông Gianh, với 5 ca nô chở đầy quân tiến về thị trấn. Cả hai cánh quân đều bị các chiến sĩ trung đoàn 95 và 18 chặn đánh. Hai ca nô bị bắn chìm, nhiều xe cơ giới bị thiêu cháy. Hàng trăm quân địch bị tiêu diệt. Bọn địch sống sót quay đầu tháo chạy về Đồng Hới. Tối hôm đó, trung đoàn 95 tiêu diệt nốt khu đồn chính tại thị xã Ba Đồn.

Mùa hè năm 1952, đại đoàn 325 và lực lượng vũ trang Bình Trị Thiên đã có tiến bộ vượt bậc. Thời kỳ đen tối của Bình Trị Thiên từ ngày đầu chiến tranh đã thực sự chấm dứt.

Những hoạt động ở Bình Trị Thiên cũng như ở các chiến trường địch hậu trong mùa Hè là sự phối hợp không thể thiếu để đối phó với những cuộc tiến công hủy diệt của quân Pháp nhằm vào những đơn vị chủ lực ta tại vùng địch hậu Bắc Bộ.

Sự có mặt của quân chủ lực ta tại vùng châu thổ sông Hồng tạo một sức ép thường xuyên chung quanh Hà Nội, giam chân lực lượng cơ động của địch, duy trì thế chủ động của ta trên chiến trường chính Bắc Bộ. Chừng nào địch chưa bình định được các tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ, chúng vẫn sa lầy trong thế bị động, không thể tính tới một mưu toan về chiến lược nhằm đảo lộn tình thế chiến tranh.

Ngay sau chiến dịch Hòa Bình, chúng ta đã tích cực đối phó với những cuộc càn quét lớn của địch. Bộ Tổng tham mưu chuyển một số tiểu đoàn hoạt động lâu ngày ở hậu địch, bị tiêu hao và mệt mỏi, ra vùng tự do củng cố, nghỉ ngơi một thời gian, đồng thời điều động một số đơn vị thay thế. Trung đoàn 57 của 304 vào địch hậu Nam Định hỗ trợ cho đại đoàn 320 nằm trên địa phận Thái Bình. Trung đoàn 46, chủ lực của Hữu Ngạn Liên khu 3, từ Nam Định sang Hà Nam tăng cường cho trung đoàn 64 của 320 vẫn đứng chân tại đây. Hai trung đoàn 174 và 98 của 316 tiếp tục đẩy mạnh hoạt động ở địch hậu Bắc Ninh, đe dọa cửa ngõ phía bắc Hà Nội. Trung đoàn 176 của 316 đứng ở khu giáp ranh, thường xuyên đột nhập vào vùng địch hậu Vĩnh Yên, Phúc Yên. Để nắm tình hình và chỉ đạo chống càn kịp thời, Bộ Tổng tham mưu đã tổ chức mạng thông tin trực tuyến với hai đại đoàn 316, 320 và tăng giờ liên lạc với các đơn vị ở địch hậu.

Các đơn vị chủ lực ở đồng bằng cũng chủ động chuẩn bị chiến đấu chống càn. Từ đầu tháng 3 năm 1952, Đảng ủy đại đoàn 320 đã xây dựng xong kế hoạch, dự kiến âm mưu, khu vực càn quét và lực lượng địch sẽ huy động. Thái Bình và Hà Nam sẽ là hai mục tiêu chính. Địch sẽ tập trung lực lượng đông hơn ta từ 5 tới 10 lần trong mỗi cuộc càn, và tận dụng ưu thế về không quân, pháo binh, cơ giới và tàu chiến. Đảng ủy chủ trương dàn rộng các đơn vị trên nhiều khu vực, lấy tiểu đoàn làm đơn vị tác chiến chính, kết hợp chặt chẽ đánh trong vòng vây với đánh ngoài vòng vây, đánh địch trong chuyển quân, tiếp tế là chính, dựa vào dân mà đánh, đánh để bảo vệ nhân dân. Đồng bào hậu địch đã có nhiều kinh nghiệm chống càn. Nhân

dân Thái Bình góp hàng triệu ngày công đào đường, khơi hào làm tê liệt hai con đường huyết mạch số 10 và số 39. Các thôn xóm củng cố làng chiến đấu, hầm, hào, chôn giấu thóc lúa, chuẩn bị cơ sở đón thương binh. Nhiều nơi dỡ nhà dìm cột kèo xuống ao, phân tán cả những đồng cỏ lác dành cho bộ đội nấu cơm đề phòng địch đốt phá.

Đầu tháng 3 năm 1952, địch mở hai cuộc càn nhỏ, lực lượng mỗi cuộc 3 tiểu đoàn, ở Từ Sơn (Bắc Ninh) và Yên Lạc, Vĩnh Tường (Vĩnh Phúc). Tại những nơi này địch đều vấp phải sự chống trả của bộ đội ta, bị tiêu hao nặng, nên phải rút quân về.

Từ trung tuần tháng Ba, Xalăng bắt đầu những cuộc hành binh lớn nhắm vào đại đoàn 320.

Ngày 10 tháng 3, cuộc hành binh “Lội nước” (*Amphibie*) bắt đầu. Tướng Bécsu chỉ huy 15 tiểu đoàn với pháo binh, cơ giới và sự yểm trợ của nhiều máy bay tiến công vào khu căn cứ du kích Lý Nhân và Bình Lục ở Hà Nam, nơi có trung đoàn 64 đang hoạt động. Bộ Tổng tham mưu đã thông báo cho trung đoàn 64 ý đồ của địch, kèm theo những chỉ thị chống càn. Trung đoàn trưởng Lê Ngọc Hiền đã kết hợp lực lượng vũ trang địa phương kịp thời bố trí trận địa chờ địch. Pháo địch dồn dập nổ dọn đường cho quân cơ động từ bốn mặt tiến vào khu căn cứ. Dân quân du kích và bộ đội địa phương bám sát từng thôn xóm chiến đấu chặn địch. Binh đoàn cơ động số 1, số 4 và số 7 không thể nào chấp được vòng vây. Quân địch gục ngã trước lũy tre làng vì những loạt đạn bắn ra bất thần. Nhiều tên vấp phải mìn, tụt xuống hố chông. Nơi nào cũng có súng nổ. Địch không phát hiện được bộ đội chủ lực ở đâu, sa lầy giữa cánh đồng chiêm, làm mồi cho những loạt đạn bắn tỉa. Mỗi ngày quân địch chỉ tiến được bốn, năm kilômét. Trong bốn ngày, từ ngày 10 đến ngày 13 tháng 3, trung đoàn 64 đánh bốn trận lớn ở Mạc Lũ, Mạc Thượng, Tảo Nha, Thượng Nông, Vạn Thọ. Tiểu đoàn bộ đội địa phương đánh địch ở Cổ Ngựa, Tử Thanh, Tiên Khoán. Bộ đội địa phương, dân quân du kích bám địch liên tục ở Yên Khê, dọc đường 62. Hàng ngàn đồng bào ngày đêm phá đường, phá cầu, đắp ụ ngăn cản giao thông trên các trục đường số 1, số 21, số 62, số 63 và đê sông Hồng.

Sau 10 ngày, cuộc càn ở Lý Nhân, Bình Lục kết thúc với 500 tên địch chết và bị thương. Địch phải rút hai vị trí Tảo Nha và Xuân Khê. Các căn cứ du kích của ta vẫn đứng vững. Ta mở thêm khu du kích Nhân Bình ở huyện Lý Nhân.

Ngày 27 tháng 3, Đờ Lina-rét mở tiếp cuộc hành binh “Thủy ngân” (*Mercur*e) ở Thái Bình. Lần này, địch huy động lực lượng lớn hơn, gồm 5 binh đoàn cơ động số 1, số 2, số 3, số 4 và số 7 (tương đương 20 tiểu đoàn bộ binh), 2 tiểu đoàn cơ giới, 60 khẩu pháo, 500 xe, 6 tàu chiến, 40 ca nô và 3 tiểu đoàn dù nhằm bao vây các huyện Thái Ninh, Kiến Xương, Tiền Hải và một phần huyện Vũ Tiên, nơi có hai trung đoàn của 320 cùng với Bộ tư lệnh đại đoàn và Tỉnh ủy Thái Bình. Khu vực này rộng khoảng 700 kilômét vuông, nằm kẹp giữa hai con sông, phía bắc là sông Diêm Hộ, phía nam là sông Trà Lý, phía đông là biển. Xalăng tập trung mọi lực lượng với tham vọng giành một thắng lợi chưa bao giờ đạt được trong chiến tranh là: xóa sổ một đại đoàn chủ lực của ta!

Bộ Tổng tư lệnh thông báo cho 320 biết quy mô cuộc hành quân, các hướng tiến công của địch, để đại đoàn kịp thời xử trí. Mặc dầu 320 có nhiều kinh nghiệm hoạt động địch hậu, nhưng trước quy mô lớn chưa từng thấy của cuộc càn, tôi hết sức lo lắng. Cơ quan tham mưu được chỉ thị theo dõi từng giờ không kể ngày đêm. Tổng Quân ủy điện cho đồng chí Đỗ Mười, Bí thư Khu ủy Tả Ngạn, đồng chí Nguyễn Khai, Tư lệnh khu và đồng chí Văn Tiến Dũng tìm cách đưa đại đoàn vượt ra ngoài vòng vây tiến lên phía bắc Thái Bình và Hưng Yên.

Từ ngày 27 tháng 3, năm binh đoàn cơ động địch chia thành năm mũi tiến vào khu càn. GM1 và GM4 từ phía tây thị xã Thái Bình, GM3 và GM7 từ hướng bắc, GM2 từ hướng nam được hỏa lực pháo binh và không quân dọn đường, cùng xe tăng và xe lội nước hình thành một đường vòng cung, từ ba mặt dồn lực lượng ta về phía biển ở hướng đông, nơi tàu chiến địch đã kiểm soát chặt chẽ.

Đại đoàn 320 chủ trương để một tiểu đoàn của trung đoàn 48 cùng với dân quân du kích chiến đấu làm chậm bước tiến của GM1 và GM7, đại bộ phận chia làm hai cánh, trung đoàn 52 ở Thái Ninh

men theo bờ biển tiến lên phía bắc Thái Bình ra khỏi vòng vây, bộ phận còn lại của trung đoàn 48 ở Kiến Xương cùng với cơ quan chỉ huy đại đoàn sẽ vượt sông Hồng vòng lên Tiên — Duyên — Hưng tổ chức đánh địch ngoài vòng vây.

Ngày 28 tháng 3, địch dùng máy bay, đại bác đánh phá dữ dội khu vực sở chỉ huy đại đoàn. Từng đoàn máy bay *Hellcat*, B26 thay nhau trút bom phá và bom napan xuống làng Lưu Phương huyện Kiến Xương. Chung quanh sở chỉ huy đại đoàn đã có 32 hố bom sâu hoắm, đất lấp gần kín cửa hầm chỉ huy. Sở chỉ huy phải chuyển ra gò đất bên ngoài làng.

Rõ ràng quân địch ít nhiều phát hiện khu vực sở chỉ huy đại đoàn 320. Tôi điện gấp cho anh Dũng: “*Anh Hùng vượt vây sang Nam Định bàn với Thanh Giang²¹ đánh phối hợp ngoài tuyến. Văn*”. Bộ Tổng tham mưu trực tiếp chỉ thị cho trung đoàn 57 ở Nam Định phải lập tức đẩy mạnh hoạt động để phối hợp với cuộc chiến đấu của 320 bên Tả Ngạn. Tôi chỉ yên lòng khi được tin anh Dũng và cơ quan chỉ huy đã vượt sông Hồng quay về Hưng Nhân — Thái Bình tiếp tục chỉ huy chiến đấu. Trong lúc đó, máy bay địch thả truyền đơn xuống Hà Nam và Thái Bình rêu rao: “Đại đoàn 320 không còn nữa... Đã tiêu diệt được tướng Dũng”!

Những cuộc hành binh với lực lượng lớn này một lần nữa lại không tạo được thế bất ngờ. Việc điều động binh lực, xe cộ lớn đã không qua mắt nhân dân ta. Vòng lượn chiếc máy bay thám thính trên bầu trời tố cáo khu vực quân địch chú ý. Xe tăng, pháo nặng, phương tiện hành quân cơ giới buộc địch phải lệ thuộc vào những trục đường giao thông ít ỏi ở đồng bằng. Hỏa lực trọng pháo, xe tăng, pháo hạm, máy bay không tìm ra mục tiêu trên cánh đồng trống vắng và những ngôi nhà tre lá nằm sau lũy tre xanh để phát huy sức mạnh hủy diệt của chúng. Với binh lực đông, dù không bị lực lượng vũ trang ta chặn đánh từng bước, quá trình siết vòng vây kết hợp với săn lùng bộ đội, du kích thường diễn ra rất chậm, dành đủ thời gian cho bộ đội ta di chuyển khỏi khu vực nếu không muốn chấp nhận một trận đánh bất lợi. Hơn nữa, với một vòng vây rộng, quân địch dù đông tới đâu cũng không thể lấp kín mọi khoảng trống, đặc biệt là ban đêm, để ngăn những đơn vị nhỏ, trang bị gọn nhẹ, di

chuyển bằng chân, thoát ra ngoài, ở Hà Nam, địch bao vây tiến công một ngôi làng nằm giữa cánh đồng lúa chiêm, khi thấy trong làng im tiếng súng, chúng tiến vào thì bộ đội và dân quân du kích đã biến mất. Các chiến sĩ đã ra khỏi làng ngay trước mũi súng của chúng bằng cách trườn mình giữa cánh đồng chiêm lúa xanh tốt. Khi vượt sông Hồng từ tả ngạn qua hữu ngạn để vòng về phía sau mũi tiến công của GM2, anh Văn Tiến Dũng đã quyết định chọn cửa Ba Lạt là nơi con sông đổ ra biển có tàu chiến và ca nô địch qua lại như mắc cửi. Địch đã không nghĩ ta lại chọn đoạn sông rộng nhất và nguy hiểm nhất này để vượt qua. 2 giờ 30 sáng ngày 29, khi tàu chiến địch vừa buông neo, những chiếc ca nô ngừng di chuyển là lúc hai chiếc thuyền gỗ to được đồng bào nhẹ nhàng lao xuống nước. Những mái chèo nhịp nhàng lướt sóng, không để nước chảy xiết cuốn thuyền ra biển, đưa cả cơ quan từ bờ bắc qua bờ nam an toàn.

Ngày 29, những mẻ “cát vó” của GM2, GM1 và GM4 ở hợp điểm La Cao, Trình Phổ đều rỗng tuếch. Khó khăn của những đơn vị luôn càn là có hàng ngàn đồng bào đi theo, trong đó có những thanh niên không muốn bị quân địch bắt đi làm bia đỡ đạn. Hai tiểu đoàn từ Tiền Hải, sau khi vượt sông Trà Lý, đi lên phía bắc thì vấp phải GM3 từ Thụy Anh tiến về Thái Ninh để dồn quân ta vào khu hợp điểm. Bộ đội và lực lượng địa phương chặn đánh quân địch ở Thần Đầu, Thần Hống (huyện Thái Ninh) trong ngày 28, cho đồng bào lui về sau đi vòng ra bờ biển.

Đêm ngày 28, các đơn vị quyết định tiếp tục kế hoạch tiến lên phía bắc, bằng cách đi theo mép biển bên sườn binh đoàn cơ động số 3, vượt sông Diêm Hộ ra khỏi vòng vây đánh vào phía sau quân địch. Cuộc hành quân với những cánh thương binh và gần một vạn đồng bào diễn ra chậm chạp trong đêm. Trời sáng, đơn vị đi đầu mới đến ngang thôn Bích Du. Đội hình đã kéo rất dài, cái đuôi còn ở Vọng Hải. Chỉ huy trung đoàn cho ngừng cuộc hành quân, ra lệnh cho các đơn vị bám vào các làng ven biển chuẩn bị chiến đấu chặn địch bảo vệ nhân dân. Quân ta rơi vào thế bất lợi. Lưng quay ra biển, tàu chiến địch sẵn sàng nhả đạn, những chiếc ca nô có thể đổ bộ quân lên bờ bất cứ lúc nào. Trước mặt là đường 39 rất thuận lợi cho quân cơ động địch triển khai tiến công.

Chiều ngày 29, chỉ huy GM3 phát hiện một lực lượng lớn quân ta đang có mặt dọc theo bờ biển. Chúng lập tức chia thành hai cánh quân tiến công vào Bích Du và Vọng Hải. Suốt ngày 30, địch tập trung mọi cố gắng vào Bích Du, nơi chúng nghi có tới hai ngàn quân ta. Thực ra ở đây chỉ có hai đại đội và 1 trung đội hỗn hợp cùng với cơ quan chỉ huy của trung đoàn 48. Chín chiếc máy bay B26 trút hàng trăm trái bom, máy bay khu trục thì nhau ném bom napan, pháo binh dồn dập nã đại bác dọn đường cho bộ binh tiến công. Thôn Bích Du nhỏ bé ngang dọc mỗi chiều chưa đầy 300 mét, nhà cửa cây cối đều bị phá trụi, không còn một luống rau xanh. Nhưng bốn cuộc tiến công lớn trong ngày đều bị đẩy lui, địch bỏ lại rất nhiều xác chết. Đến chiều tối, quân địch vẫn chưa lọt được vào thôn. Nhưng chúng tin đã siết chặt vòng vây tới mép bờ biển chỉ chờ đợi giờ “cát vó”. Ngày hôm sau, địch tiến vào thì trong thôn không còn ai! Ban đêm, thủy triều xuống đã để lại một dải cát, nước rất nông, tạo một con đường êm mịn cho cả tiểu đoàn cùng với hàng ngàn dân tiếp tục đi lên phía bắc và vượt sông Diêm Hộ. Cũng trong đêm đó, tiểu đoàn ở Vọng Hải lợi dụng lúc địch sơ hở, đã vòng ngay bên sườn GM7, vượt vòng vây đi về phía tây — bắc tới Đông Quan.

Ngày 1 tháng 4 năm 1952, tất cả các tiểu đoàn của 320 đã vượt ra khỏi trung tâm của trận càn ở Tiền Hải, bắt đầu chủ động đánh vào sau lưng quân địch. Sáng ngày 14, một đại đội commăngđô đi tuần trên đê Trà Lý đến Quán Đống rơi vào trận địa phục kích của tiểu đoàn Tiên Yên mới vượt vây từ Kiến Xương ra. Trong một trận đánh chớp nhoáng, cả đại đội địch hoàn toàn bị xóa sổ. Sáng ngày 24, đến lượt một trung đội công binh đi trên 8 xe vận tải từ Thái Bình về Tiền Hải bị tiêu diệt. Trên sông Luộc, sông Trà Lý, 3 ca nô và hàng chục tên địch bị chết chìm dưới dòng nước. Tiểu đoàn Yên Ninh diệt liền hai vị trí Duyên Lãng và Phúc Duyên cùng với 100 tên địch ở huyện Hưng Nhân. Cùng thời gian, trung đoàn 57 ở địch hậu Nam Định đánh lui hai tiểu đoàn của GM4 ở Ngọc Liễu, bẻ gãy cuộc tiến công của ba tiểu đoàn địch ở Ngọc Giá, trung đoàn 98 tấn công vị trí Lạc Thổ ở Bắc Ninh, diệt vị trí Làng Hồ, vị trí quan trọng còn lại ở Thuận Thành, buộc địch phải điều động một binh đoàn cơ động về Bắc Ninh.

Trận càn lớn “*Mécquya*” phải kết thúc sau 18 ngày. Trong thời gian này, đại đoàn 320, bộ đội địa phương và dân quân du kích Thái Bình đã đánh gần 200 trận lớn, nhỏ, loại 1.750 quân địch khỏi vòng chiến đấu. Phong trào chiến tranh du kích ở địch hậu Thái Bình không hề suy giảm. Đại đoàn 320 vẫn trụ vững ở Tả Ngạn.

Trong tháng 5 và tháng 6, chúng tôi theo dõi có lúc từng giờ hai cuộc hành binh mang mật danh “Lạc đà” (*Dromadaire*) và “Chuột túi” (*Kangourou*). Cuộc càn “Lạc đà” gồm bốn binh đoàn do Gin chỉ huy, nhắm vào trung đoàn 42 ở vùng bắc sông Luộc kéo dài nửa tháng. Cuộc càn “Chuột túi”, được địch nhắc nhiều đến địa danh Chợ Cháy, nhắm vào trung đoàn 46 ở vùng Phú Xuyên, Ứng Hòa, Kim Bảng. Các trung đoàn 42 và 46 có kinh nghiệm đối phó với những cuộc hành binh nặng nề và chậm chạp này, đã kết hợp cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn quân địch làm thất bại hoàn toàn âm mưu “cắt vó” của chúng.

Sang tháng 7 năm 1952, địch chuyển sang càn quét nhỏ với lực lượng từ 2 đến 3 tiểu đoàn trong vòng hai, ba ngày, từ 1 đại đội đến 1 tiểu đoàn với thời gian từ một đến hai ngày. Những cuộc càn này chỉ nhắm vào bộ đội địa phương và dân quân du kích.

Không phải chỉ do địch nhận thấy những cuộc hành binh lớn tốn kém và ít hiệu quả, mà còn do các binh đoàn cơ động đã bị tiêu hao nhiều và quá mệt mỏi. Sau chiến dịch Hòa Bình, những binh đoàn này chỉ có ba tuần lễ nghỉ ngơi và băng bó những vết thương rồi tiếp tục lao vào những cuộc hành binh kéo dài suốt mùa Hè, chúng đã kiệt sức.

Những cuộc hành binh lớn ở địch hậu Bắc Bộ đều diễn ra với hình thức vây quét cổ điển. Nhược điểm lớn của địch là không xác định được mục tiêu cụ thể vì lực lượng ta bao giờ cũng bố trí phân tán từng tiểu đoàn và luôn luôn cơ động. Chúng buộc phải chọn một khu vực tương đối rộng, tổ chức vòng vây lớn và tiến hành rà quét khi siết chặt vòng vây.

Tình hình trung du và đồng bằng Bắc Bộ đã hoàn toàn thay đổi từ sau kế hoạch Hòa Bình. Năm 1948, chúng ta phải đưa từng tổ công tác, từng trung đội vũ trang tuyên truyền về thôn xóm tìm chỗ đứng

chân cho những đại đội độc lập. Năm 1951, địch đã thiết lập được bộ máy hành chính ở vùng nông thôn với sự che chở của những hệ thống đồn bốt trên hầu khắp các tỉnh trung du và đồng bằng, những khu du kích, căn cứ du kích bị thu hẹp tới mức tối thiểu nằm chơ vơ giữa vùng địch kiểm soát. Đưa một đơn vị lớn vào vùng địch hậu lúc này được coi như mạo hiểm. Nhưng sau chiến dịch Hòa Bình, những khu du kích và căn cứ du kích đã mở rộng rất nhiều. Những khu du kích mới hình thành tạo nên chỗ đứng chân và địa bàn cơ động rộng rãi cho bộ đội chủ lực ở địch hậu. Nếu những trận đánh lớn trên địa hình đồng bằng, trung du thường gây bất lợi cho ta, thì những trận đánh với từng tiểu đoàn diễn ra trong thời gian ngắn, ở những nơi do ta lựa chọn, đã khiến cho quân địch mất khả năng đối phó. Chúng ta đã quay về chiến thuật vận động đánh nhỏ với những đơn vị được trang bị tốt hơn và thiện chiến hơn. Chiến thuật này hạn chế tới mức thấp nhất sức mạnh binh khí kỹ thuật hiện đại của địch bằng cách làm cho chúng mất mục tiêu và mất cơ hội chộp bắt ta. Tính cơ động cao trên mọi địa hình của “binh đoàn tác chiến nhỏ” (*petit corps de bataille*) đã khiến cho những binh đoàn cơ động của địch, được tổ chức rất mạnh, trở nên nặng nề, xoay trở chậm, ít có cơ hội giành chiến thắng.

Nhưng không phải kẻ địch không có lần gặp may.

Sau khi quân địch mở những cuộc hành binh lớn ở đồng bằng, Bộ Tổng tham mưu rất lo lắng cho hai trung đoàn của 316 đang hoạt động ở trung du. Trung đoàn 98 và 174 đều là những đơn vị quen đánh tập trung, chưa có kinh nghiệm chống càn lớn. Giữa tháng 3 năm 1952, Tổng Quân ủy quyết định cho rút cả hai trung đoàn trở về vùng tự do chỉnh huấn, chuẩn bị chiến dịch Thu Đông. Lệnh được phổ biến ngay cho Bộ tư lệnh 316 đang dự hội nghị tổng kết chiến dịch Hòa Bình ở Bộ. Trung đoàn 174 đã rút ra kịp thời. Riêng 98, vì ở sâu trong hậu địch Bắc Ninh, đang chuẩn bị tiêu diệt vị trí Lạc Thổ, nên đại đoàn chưa bắt được liên lạc.

Ngày 14 tháng 4 năm 1952, tướng Cônhi (*Cogny*) thay Bécsu chỉ huy Khu Bắc, mở cuộc hành binh “Poóctô” (*Porto*) chiếm Thuận Thành nhằm giải tỏa đường 38, gần nơi 98 trú quân. Trung đoàn từ phía nam sông Đuống di chuyển lên phía bắc sông, chọn thế có lợi ở

phía sau lưng quân địch. Ngày 18, Cônhi mở tiếp cuộc hành binh “Pôlô” (*Pololo*) với ba binh đoàn cơ động tiến hành càn quét khu vực nằm giữa cầu Đuống và thị xã Bắc Ninh, đặt 98 vào giữa vòng vây. Trung đoàn quyết định nổ súng đánh địch. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt từ chiều ngày 18, tại ba ngôi làng ở Quế Võ (Bắc Ninh), nơi trung đoàn trú quân. Tại Đại Vi Thượng, bộ đội ta tiêu diệt một tiểu đoàn của GM2. Cônhi bắt đầu phát hiện 98 đang nằm trong khu vực và quyết định không bỏ lỡ cơ hội. Ngay trong ngày và đêm hôm đó, Cônhi điều thêm ba binh đoàn cơ động GM1, GM3 và GM7, mở tiếp cuộc hành binh thứ ba “Tuyếccô” (*Turco*) nhằm tiêu diệt lực lượng ta. Ngày 19, trung đoàn 98 ở trong thế bị bao vây bốn phía, kiên quyết chiến đấu không cho quân địch lọt vào làng. Đêm ngày 19, trung đoàn mở một con đường ở phía tây để trở về vùng tự do. Vì thiếu kinh nghiệm, cả trung đoàn cùng rút theo một con đường. Bộ phận đầu đi lọt. Nhưng bộ phận sau bị quân địch chặn đánh dữ dội. Đáng lẽ phải kiên quyết đánh mở đường để vượt ra, bộ phận này lại quay về vị trí trú quân cũ. Ngày 20, quân địch với lực lượng đông áp đảo, được máy bay, trọng pháo yểm trợ và xe tăng mở đường, tiến vào ba ngôi làng. Bộ đội ta bị thương vong nhiều nhưng vẫn chặn được quân địch bên ngoài lũy tre. Đêm ngày 20, trung đoàn lại tổ chức vượt vòng vây. Nhưng phòng tuyến bao vây của địch dày đặc kéo dài 3 kilômét. Chính ủy trung đoàn Lê Quang Ấn và tham mưu trưởng Bùi Đại hy sinh. Một số chiến sĩ lợi dụng đêm tối, phân tán rút ra vùng tự do. Suốt tám ngày đêm chiến đấu liên tục, trung đoàn 98 đã loại khỏi vòng chiến đấu gần 1.000 quân địch, nhưng đây là lần đầu, ta mất 600 cán bộ và chiến sĩ trong một trận càn. Một giá quá đắt cho những sai sót đáng lẽ ra có thể tránh được.

Cuộc chiến đấu mùa Hè mở ra khả năng duy trì chiến tranh du kích ở vùng hậu địch Bắc Bộ ngay cả khi ta không mở chiến dịch lớn ở chính diện, địch tập trung toàn bộ lực lượng cơ động để đánh phá phong trào. Với những đơn vị chủ lực không đông, có cách đánh thích hợp, chiến tranh du kích sẽ giữ vững và phát triển ở vùng sau lưng địch đúng với vị trí chiến lược của nó trong giai đoạn mới, tạo một thế uy hiếp thường xuyên trên những địa bàn xung yếu, kìm chân một lực lượng lớn quân địch. Đây chính là cách tạo điều kiện

tốt nhất cho những đại đoàn chủ lực giành chiến thắng trên mặt trận chính diện.

Chúng ta dự đoán trong mùa khô tới, với những binh đoàn cơ động quá mệt mỏi suốt mùa Hè, địch khó có khả năng mở một cuộc tiến công lớn ra vùng tự do.

3

Miền Tây Bắc (Bắc Bộ) gồm bốn tỉnh: Yên Bái, Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, rộng khoảng 44.300 kilômét vuông, dân số ước 440.000 người, là một vùng rừng núi trùng điệp. Nhiều dãy núi cao hơn 1.000 mét, riêng mỏm Phăngxipăng trên đỉnh Hoàng Liên Sơn, cao 3.142 mét. Phía đông tiếp giáp với căn cứ địa Việt Bắc, phía nam giáp tỉnh Hòa Bình, nối liền với các tỉnh thuộc Liên khu 3, Liên khu 4, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, phía tây giáp Thượng Lào. Tây Bắc có một vị trí chiến lược quan trọng đối với cách mạng ở Đông Dương.

Trừ một phần tỉnh Yên Bái và Lào Cai là vùng giải phóng và mới giải phóng, phần lớn Tây Bắc vẫn nằm dưới sự thống trị của thực dân Pháp và bọn thổ ty, lang, đạo phản động. Cơ sở chính trị của ta ở đây còn non yếu. Dân cư Tây Bắc thưa thớt, thuộc nhiều dân tộc, đa số là người Thái, cuộc sống nghèo đói, nhiều người chưa có dịp tiếp xúc với cách mạng.

Mặc dù chúng ta có những đơn vị Tây tiến thời đầu chiến tranh, những đội tuyên truyền xung phong đi rất sâu vào Tây Bắc từ năm 1948, nhưng để tổ chức một chiến dịch lớn thì chiến trường này với cơ quan tham mưu của ta vẫn còn ít nhiều xa lạ. Thời gian chuẩn bị sớm, từ tháng 3 năm 1952, đã giúp ta khắc phục một phần nhược điểm này. Trình sát của Bộ đi nghiên cứu chiến trường về báo cáo, vào Tây Bắc chỉ có hai trục đường chính: Từ Yên Bái vượt sông Hồng, theo đường 13 vào Ba Khe, Phù Yên, vượt tiếp sông Đà tới Cò Nòi gặp đường 41 đi lên Sơn La, Lai Châu; từ Hòa Bình theo đường

6 đi lên Mộc Châu gặp đường 41 đi tiếp. Những con đường này đều bị phá hoại nhiều, chỉ còn từng đoạn ngắn giữa các đồn chốt địch xe ô tô còn đi được. Đặc biệt, nhiều đoạn tiếp giáp với vùng tự do của ta bị phá hoại lâu ngày biến thành rừng không dấu vết.

Quân địch ở Tây Bắc được tổ chức thành Khu tự trị Tây Bắc, gọi tắt là ZANO (*Zone Autonome Nord – Ouent*), gồm 8 tiểu đoàn, trong đó có 5 tiểu đoàn ngụy Thái và 3 tiểu đoàn cơ động người Phi. Ngoài ra có 40 đại đội ngụy Thái làm nhiệm vụ chiếm đóng. Pháo có 11 khẩu các loại. Địch bố trí thành bốn phân khu: phân khu Nghĩa Lộ, phân khu Hồng Đà, phân khu Sơn La và phân khu Lai Châu. Ngoài ra còn có tiểu khu Tuần Giáo. Toàn khu, địch đóng 400 cứ điểm phần lớn là trung đội, chỉ có 40 cứ điểm đại đội. Riêng hai vị trí Nghĩa Lộ, Mộc Châu, được coi là hai lá chắn bảo vệ cửa ngõ Tây Bắc, mỗi nơi có 1 tiểu đoàn, công sự được củng cố vững chắc. Viên quan tư Tiriông (*Tirillon*) vốn là một sĩ quan thời kỳ thực dân Pháp, đã có mặt ở Tây Bắc từ năm 1940, chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ tuyên bố: “Phải 5 năm nữa Việt Minh mới đủ khả năng đánh Nghĩa Lộ”! Rõ ràng với cách phòng thủ này, địch chưa đánh giá được những tiến bộ của quân đội ta mấy năm qua. Chúng vẫn hy vọng vào sự tăng viện nhanh chóng lực lượng cơ động từ đồng bằng như trong chiến dịch Lý Thường Kiệt.

Khó khăn nổi lên là vấn đề tiếp tế lương thực và đạn dược trong một chiến dịch dài ngày. Những con đường tiếp tế từ Thái Nguyên, Thanh Hóa ra mặt trận đều từ 200 đến 300 kilômét. Theo dự kiến rất khó huy động lương thực tại chỗ. Cách khắc phục vấn đề này là phải sửa đường để sử dụng xe cơ giới. Và phải huy động một lực lượng lớn dân công. Nhưng số dân công tăng lên thì nhu cầu lương thực cũng tăng theo! Nhu cầu vật chất của chiến dịch ước tính khoảng 9.000 tấn lương thực, thực phẩm, 120 tấn vũ khí, đạn dược và dụng cụ thuốc men cần thiết để cứu chữa cho khoảng 5.000 thương binh.

Kế hoạch giữ bí mật phương hướng chiến dịch được hoạch định tỉ mỉ. Ta cần duy trì sự bố phòng của địch như hiện nay tới trước giờ nổ súng. Phải che giấu mọi hoạt động chuẩn bị và tìm cách đánh lạc hướng Bộ chỉ huy Pháp. Việc sửa chữa những đường trục vận

chuyển bằng ô tô, đường 13 từ Chủ Chè đi Yên Bái vào Ba Khe, đường 6 từ Hòa Bình lên Suối Rút và đường Hồi Xuân lên Suối Rút, được tiến hành từ nơi xa địch trước. Cơ quan hậu cần không chuyển vật phẩm lên lót ổ, lập chân hàng bên hữu ngạn sông Hồng, mà phải tập kết ở tả ngạn, tổ chức vận chuyển theo sát các mũi tiến công khi chiến dịch mở màn. Ta tiến hành một kế hoạch nghi binh lớn. Trung đoàn 238 ở Bắc Ninh, Bắc Giang mang tên mới: Đại đoàn 316! Trung đoàn 246 ở Vĩnh Yên, Phúc Yên mang tên đại đoàn 308. Trung đoàn 91 ở Sơn Tây, Phú Thọ được gọi là đại đoàn 312. Đài thường trực của các đại đoàn chủ lực dự chiến dịch Tây Bắc đều bố trí ở lại vị trí cũ, tiếp tục phát tin liên lạc định kỳ đúng phiên thường lệ theo mật mã cũ để đánh lừa địch. Đúng ngày triển khai chiến dịch, Bộ Tổng tham mưu bất thần thay đổi mật mã, tổ chức tập trung dân quân tiến hành những cuộc chuyển quân rầm rộ ở Vĩnh Phúc, Hà Đông, Hà Nam, Ninh Bình, đồng thời đưa hai đại đoàn 304 và 320 vào hậu địch cùng lúc các đơn vị tham gia chiến dịch Tây Bắc lên đường... Ngày 17 tháng 9 năm 1952, Cao ủy Lotuốcnô trả lời phỏng vấn của các nhà báo Mỹ một cách đầy tin tưởng: “Việt Minh sẽ tiến công đồng bằng”! Đờ Lina-rét vẫn bố trí 29 trong số 32 tiểu đoàn cơ động vào việc phòng thủ hai bờ nam, bắc sông Hồng.

Từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 9 năm 1952, Bộ tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị. Các Liên khu Việt Bắc, Liên khu 3, Liên khu 4, Mặt trận Tây Bắc đều có mặt. Cấp chỉ huy các đơn vị tham gia chiến dịch từ trung đoàn trở lên được triệu tập.

Bảy trung đoàn chủ lực thuộc các đại đoàn 308, 312, 316 cùng với binh chủng phối thuộc có nhiệm vụ tiêu diệt phân khu Nghĩa Lộ mở màn chiến dịch Tây Bắc. Tiểu đoàn 910 của Mặt trận Tây Bắc luồn sâu vào vùng địch hậu ở Quỳnh Nhai (tây — bắc Sơn La 68 kilômét) với nhiệm vụ tranh thủ nhân dân, củng cố và mở rộng cơ sở chính trị, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương chuẩn bị cho những hoạt động tiếp theo của chiến dịch.

Trung đoàn 176 của 316 ở lại Phú Thọ phòng ngừa quân địch đánh ra. Trong trường hợp này, một trung đoàn của 308 sẽ quay về phối hợp tiêu diệt sinh lực địch.

Liên khu 3 có nhiệm vụ tăng cường hoạt động kiềm chế lực lượng địch không cho chúng tăng viện lên chiến trường chính hoặc đánh ra vùng tự do.

Tư tưởng chung của bộ đội lúc này vẫn hướng về đồng bằng. Khi trao nhiệm vụ, tôi nhấn mạnh: “Ở đồng bằng cũng như ở Tây Bắc, ta đều có điều kiện tiêu diệt địch, nhưng ở Tây Bắc ta có nhiều thuận lợi để tác chiến tập trung và tiêu diệt địch nhiều hơn. Ở đồng bằng và ở Tây Bắc, ta đều có nhiệm vụ và điều kiện tranh thủ nhân dân, song ở Tây Bắc việc tranh thủ nhân dân có ý nghĩa đặc biệt hệ trọng. Vì ở đây âm mưu phá hoại đoàn kết, chia rẽ dân tộc của địch rất thâm độc, các thế lực thù địch còn mạnh, còn khống chế được đại bộ phận các dân tộc. Giải phóng một bộ phận đất đai ở Tây Bắc là thực hiện một phương châm có ý nghĩa quan trọng về chiến lược, để mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc, giữ vững đường giao thông quốc tế và tạo những điều kiện mới cho cách mạng Lào. Cả ba nhiệm vụ tiêu diệt địch, giải phóng đất đai, tranh thủ nhân dân đều quan trọng và quan hệ mật thiết với nhau, nhưng nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch có vị trí đặc biệt, vì có tiêu diệt nhiều sinh lực địch mới làm được tốt hai nhiệm vụ kia. Chúng ta vừa đánh phá hệ thống bình định, kìm kẹp của địch, vừa tổ chức tấn công địch trong công sự, vừa bố trí lực lượng thích đáng đánh địch trong vận động, đánh địch đến cứu viện. Tìm mọi cách kéo địch ra khỏi công sự, lôi viện binh địch đến mà tiêu diệt...”.

Bộ Tổng tư lệnh quy định “10 điều kỷ luật” của quân đội là “hết sức tôn trọng, giúp đỡ dân, không xâm phạm tài sản của dân, hết sức tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của dân, giao thiệp với dân không được nói dối, tuyệt đối phải giữ lời hứa...”.

Mấy ngày hội nghị, thời tiết xấu, mưa kéo dài. Cuộc họp sắp kết thúc, bỗng thấy Bác tay cầm gậy, hai ống quần xắn cao, từ ngoài tươi cười đi vào. Anh em đã được báo trước Bác sẽ tới, nhưng không ai nghĩ Người lại đến giữa lúc trời mưa lớn, nước suối quanh vùng đều dâng cao. Tiếng hò reo hân hoan vang dậy. Bác kể:

— Trời mưa to, nước lũ đổ về. Khi đến một con suối, nước đang chảy rất mạnh, thấy bờ bên kia có một nhóm đồng bào đang ngồi đợi nước xuống. Mình nghĩ: cần sang thì phải sang, nếu không đi ngay e các chú phải đợi, mất thời giờ. Thế là mình cùng mấy chú nữa quyết tâm cởi quần áo ngoài, tay sào, tay gậy lần sang được! Thấy vậy, nhóm đồng bào bên kia cũng quyết tâm lội nước sang được bên này... Đó là bài học cho các chú. Bất kỳ việc gì to hay nhỏ, nếu mình có quyết tâm thì đều làm được, mà còn lười cuồn được người khác cũng quyết tâm như mình...

Bác nói tiếp:

— Trung ương và Tổng Quân ủy đã cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường sắp đến và quyết tâm là chiến dịch này phải đánh cho thắng lợi. Quyết tâm đó từ Trung ương qua các chú mà đến người chiến sĩ. Quyết tâm đó phải thành một khối thống nhất từ trên xuống dưới từ dưới lên trên... Quyết tâm phải thấm nhuần sâu sắc đến mọi người. Gặp thuận lợi thì phải quyết tâm phát triển, gặp khó khăn thì phải quyết tâm khắc phục. Gặp cái dễ mà không quyết tâm phát triển thì nó có thể biến thành cái khó, gặp cái khó mà quyết tâm khắc phục thì cũng thành dễ...

Trong ngày hôm đó, Trung ương Đảng ra quyết định thành lập Bộ chỉ huy chiến dịch, chỉ định tôi làm Chỉ huy trưởng, anh Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng, anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm chính trị, anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm cung cấp.

Qua chính huấn mùa Hè, tinh thần trách nhiệm của cán bộ lên rất cao. Mặc dù biết Tây Bắc là một chiến trường địch yếu, đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ vẫn cùng một bộ phận cán bộ 308 đi trinh sát Nghĩa Lộ theo hướng đèo Khâu Vác. Đây là một nhánh đuôi dãy Hoàng Liên Sơn, quanh năm mây phủ, đã sang mùa khô nhưng khí hậu rất ẩm ướt, và địa hình cực kỳ hiểm trở. Ba tháng trước, một tổ quân báo của Bộ đi điều tra chiến trường, một chiến sĩ đã sảy chân sa xuống vực sâu hy sinh. Đại đoàn trưởng xác định: “Bằng mọi cách ta phải vào được Nghĩa Lộ, không phải chỉ tới chân hàng rào, mà phải vào tận trong hàng rào thứ hai của cứ điểm địch để điều tra”. Dọc đường khó thở nẫu, mỗi người phải mang theo sáu nắm cơm

ăn dần. Đèo cao, rừng rậm, suối sâu, thác dữ. Muối như trấu ném, vắt như dòi. Mỗi khi ngồi nghỉ, đứng lên phải vuốt lại từng ngọn cỏ tránh kẻ địch phát hiện. Quần áo luôn ướt sũng. Lúc đói chia nhau mấy quả ổi rừng. Những tiểu đoàn trưởng, sức đương trai còn phải gắng chịu đựng. Trong số cán bộ trung và đại đoàn lớn tuổi hơn, anh Vũ mắc bệnh dạ dày kinh niên, trung đoàn trưởng Vũ Yên đang bị lên một cái nhọt ở bắp đùi, trung đoàn trưởng Thái Dũng chỉ còn một cánh tay trái, trèo dốc luôn luôn bị ngã.

Một buổi trưa, ngồi nghỉ trên đèo, nhìn nhau ai nấy mặt mũi đều hốc hác. Cởi giày ra coi, đôi bàn chân nước ăn trắng bệch. Có đồng chí, chân bị loét, nhìn thấy cả thịt. Đại đoàn trưởng bỗng cất tiếng hỏi:

— Các đồng chí vẫn nắm vững bài học quyết tâm của Bác đấy chứ!
— Báo cáo, vẫn nắm vững! — Mọi người cùng bật lên, vui vẻ trả lời.

Và họ tiếp tục lên đường, vượt qua những ngày gian khổ, hiếm nghèo đáp ứng những yêu cầu cao nhất trong nhiệm vụ chuẩn bị chiến trường.

Bài học quyết tâm của Bác lại hiện ra mỗi lần các đơn vị gặp khó khăn trong suốt chiến dịch.

Tối ngày 7 tháng 10 năm 1952, bộ đội bắt đầu vượt sông Hồng tiến vào Tây Bắc.

Mùa mưa ở Tây Bắc năm nay kéo dài, nước sông vẫn to. Hai tỉnh Phú Thọ, Yên Bái huy động hơn 450 chiếc thuyền, phà. Các khu vực Mậu A, Cổ Phúc, Âu Lâu, mỗi nơi đều có bến vượt. Trong bốn đêm liền, trên 30.000 bộ đội, dân công cùng với binh khí kỹ thuật đã được đồng bào đưa qua sông an toàn.

Lần đầu cách đây hơn 5 năm. Đó là sau khi rút khỏi Hà Nội, trên đường lên Việt Bắc, tôi đã từ Phú Thọ đi thăm Lào Cai và Sapa trên một chuyến tàu lửa trước khi phương tiện giao thông này biến mất trong chiến tranh. Và chỉ nửa năm sau đó, phần lớn những nơi tôi đi qua đã trở thành vùng tạm chiếm.

Chúng ta đã chú ý rất sớm tới vị trí chiến lược của Tây Bắc. Giữa lúc còn đang bao vây Hà Nội, trong Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất tháng 1 năm 1947, Bộ Tổng chỉ huy đã quyết định mở mặt trận miền Tây, và bắt đầu có những đoàn quân Tây tiến. Bộ đội ta đã cùng nhân dân Lào chiến đấu, nhanh chóng làm chủ tuyến sông Mã và Sầm Nưa, thọc sâu bao vây Sầm Nưa gây cho địch rất nhiều khó khăn. Địch đã phải điều lực lượng giải vây Sầm Nưa, thay quân ở Sơn La, rút khỏi Chợ Bờ, Lương Sơn ở Hòa Bình. Sau cuộc tiến công chiến lược Thu Đông năm 1947 vào căn cứ địa Việt Bắc, quân địch đã cố mở rộng phạm vi kiểm soát ở Tây Bắc ra tới hữu ngạn sông Hồng nhằm cô lập Việt Bắc, phong tỏa biên giới Việt — Trung, bảo vệ Thượng Lào.

Từ rất sớm, tôi đã nghĩ tới một đạo quân vu hồi chiến lược từ Việt Bắc qua Tây Bắc, Thượng Lào đi dọc đường sông Mê Công với những vùng trù phú không thiếu lương thực, những căn cứ của bạn ở Trung Lào và Hạ Lào, tiến xuống Nam Bộ. Con đường này chắc ít khó khăn hơn so với tuyến đường dọc miền Trung phải vượt qua đầy rẫy quân địch, và nhất là nó sẽ tạo ra thế bất ngờ.

Cuối năm 1947, một đội vũ trang tuyên truyền Lào — Việt do đồng chí Cayxôn Phômvihản và đồng chí Thao Ma chỉ huy đã từ Tây Bắc tiến về hoạt động ở Xiềng Kho, một đội khác gồm 30 chiến sĩ Lào hoạt động ở Hứa Mưong, hai nơi này đều thuộc tỉnh Sầm Nưa. Đầu năm 1948, Bộ Tổng chỉ huy chỉ thị cho Liên khu 10 phá kế hoạch chiếm đóng Tây Bắc của địch bằng cách đưa các đội xung phong công tác, đội vũ trang tuyên truyền, và đại đội độc lập vào vùng địch hậu phát động phong trào toàn dân đánh giặc, tiến tới mở rộng căn cứ địa Tây Bắc. Bốn đội Xung phong Quyết Thắng, Xung phong Quyết Tiến, Xung phong Trung Dũng, Xung phong Tây Bắc đã lên đường. Tháng 2 năm 1948, Tổng Quân ủy đã chỉ đạo Liên khu ủy và Bộ tư lệnh Liên khu 10 tổ chức Ban xung phong Lào Bắc, hoạt động ở Thượng Lào...

Phải chăng con đường đang thực sự mở ra với chủ trương chuyển hướng chiến dịch của ta...

Vượt sông Hồng ở phía bắc thị xã Yên Bái, một đêm không trăng, trời đầy mây. Đứng trên phà, nước sông chảy xiết, nhìn bờ bên kia núi rừng tối đen. Vó ngựa chập chững trên đường 13 bị bỏ lâu ngày lầy lội, hết xuống dốc lại lên đèo, luôn có những khe núi cắt ngang. Những bản làng trên dọc đường dân đã bỏ đi, không một ánh lửa, lạnh lẽo.

Một chiến sĩ trung đoàn 102 đã làm mấy câu thơ:

Một chiều qua bến Âu Lâu

Bản làng hoang vắng, lòng sầu xót xa

Đại quân đã vượt Hồng Hà...

Sau khi qua sông, các đơn vị chia thành nhiều hướng. Mũi tiến công chính, trung đoàn 88 và trung đoàn 102 theo đường mòn đi xuyên rừng vượt đèo Khâu Vác vào vị trí xuất phát tiến công Nghĩa Lộ. Trung đoàn 209 và trung đoàn 165 theo đường Thụy Cờng, Nậm Bàng tới bao vây Gia Hội, chặn đường rút của quân địch từ Nghĩa Lộ về Sơn La. Trung đoàn 36 đi theo đường 13 qua đèo Bụt tiến vào Ca Vịnh, Cửa Nhì là hai tiền đồn của Nghĩa Lộ đứng chặn ở hướng tây.

Trên đường hành quân, bộ đội nhận được thư của Bác:

“Gửi các cán bộ và chiến sĩ.

Chiến dịch này là chiến dịch quan trọng. Các chú phải đánh cho thắng.

Tất cả các chú, cán bộ cũng như chiến sĩ, đều phải:

- Quyết tâm chiến đấu, triệt để chấp hành mệnh lệnh.*
- Bền bỉ, dẻo dai, vượt qua mọi gian khổ, khắc phục mọi khó khăn.*
- Thương dân, trọng dân và tốt với dân.*
- Tiêu diệt thật nhiều địch, giành cho được toàn thắng.*

Bác chờ tin thắng lợi của các chú để khen thưởng các chú”.

Trời mưa, phần lớn các con đường đều hẹp, chỉ đi được một người. Nhiều đoạn đèo dốc đứng, mũi người đi sau chạm vào chân người đi trước. Mỗi cánh quân đều có dân công gồng gánh lương thực, đạn dược đi theo, đội hình kéo dài vô tận. số lượng dân công huy động trong chiến dịch đông hơn bộ đội. Mũi tiến công chính có đêm chỉ đi được năm, sáu kilômét! Điều này nằm ngoài dự kiến. Tham mưu đề nghị lui thời gian nổ súng lại hai ngày.

Sở chỉ huy chiến dịch đóng ở Khe Lóng, đông — nam Nghĩa Lộ 15km. Từ đây, ngoài con đường chạy vào Nghĩa Lộ, còn một con đường đi Phù Yên, Gia Phù tới Tạ Khoa bên sông Đà, hướng phát triển chính của chiến dịch.

Bộ phận trinh sát của ta bám Nghĩa Lộ báo cáo về quân địch mới tăng cường cho phân khu thêm 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 8 Tabo, và đòi sở chỉ huy phân khu từ vị trí Nghĩa Lộ Phố về đồi Pú Chạng, đang củng cố thêm công sự phòng ngự. Những thay đổi này chưa có gì đáng kể. Núi rừng Tây Bắc âm u sương mù vẫn im ắng. Tôi không hiểu vì sao cuộc chuyển quân rất lớn trong những ngày qua vẫn chưa bị địch phát hiện. Người Pháp đã viết thời gian này tìm thấy trong xác một sĩ quan Việt Nam tài liệu về một chiến dịch quy mô sẽ mở ra ở Bắc Lào, hướng thứ nhất từ Sơn La, Điện Biên Phủ nhắm vào Luông Phabăng, hướng thứ hai từ Mộc Châu qua Sầm Nưa nhắm vào cao nguyên Trấn Ninh. Bộ chỉ huy Pháp coi đây chỉ là “một động tác tâm lý nhằm che đậy những hoạt động chuẩn bị đánh đồng bằng”. Đúng là bộ chỉ huy Pháp không tính tới sự chuyển hướng tiến công của ta lên Tây Bắc. Nguồn tin chủ yếu của địch vẫn do bộ phận nghe trộm vô tuyến điện cung cấp. Địch tin là các đại đoàn chủ lực của ta còn ở những vị trí cũ phía bắc và phía nam đồng bằng Bắc Bộ. Từ ngày 20 tháng 9 ta chuyển sang mật mã mới thì cơ quan tình báo Pháp hoàn toàn mất phương hướng.

Nghĩa Lộ là một thung lũng chiều rộng từ 3 đến 8 kilômét, chiều dài 15 kilômét. Đây là một trong bốn vựa lúa ở Tây Bắc. Trên cánh đồng rộng, lúa chín vàng, một con ngòi êm đềm chảy ngang, các làng bản đều có hàng rào bao quanh, giống như những trại tập trung. Thị

trấn Nghĩa Lộ hiện lên giữa cánh đồng, với những ngôi nhà tranh, nhà ngói xen nhau. Đồn Nghĩa Lộ Phố nằm ở cuối thị trấn trên một gò nhỏ, khá bằng phẳng, vốn là trại lính khố xanh cũ, được củng cố công sự khá vững chắc, do 400 quân bảo vệ. Một sân bay chạy dài từ đây tới hai ngọn núi cao nhọn hoắt, địa hình hiểm trở. Đó là Nghĩa Lộ Đồi, vừa chuyển thành sở chỉ huy phân khu có hơn 300 quân địch.

Ngày 14 tháng 10 năm 1952, chiến dịch Tây Bắc mở màn.

Trung đoàn 174 đánh Ca Vịnh, trung đoàn 141 đánh Sài Lương, hai vị trí nằm ở phía tây Nghĩa Lộ. Phát hiện lực lượng lớn của ta, quân địch ở hai cứ điểm này đều tháo chạy. Cùng ngày, ở phía nam, trên đường ra sông Đà, trung đoàn 98 tiêu diệt vị trí Gia Phù.

Mặc dù một loạt vị trí chung quanh phân khu bị tiêu diệt nhưng bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội, vẫn chưa nhìn thấy tầm vóc của cuộc tiến công. Ngày 15, Đờ Linaurét điều một tiểu đoàn bộ binh lê dương lên Nà Sản nhằm bảo vệ Sơn La. Trong ngày, Tiriông, chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ, ném đại đội Tabo, vừa được tăng cường, về phía Khâu Vác thăm dò lực lượng của ta. Một đơn vị của 312 tiêu diệt gọn đại đội này ở Nậm Mười.

Ngày 16, quân địch ở các vị trí Thượng Bằng La, Ba Khe và một loạt vị trí nhỏ chung quanh những cứ điểm vừa bị tiêu diệt, tự động bỏ đồn rút chạy. Đờ Linaurét đã thấy tình hình nghiêm trọng ở Nghĩa Lộ, vội ném tiểu đoàn dù 6 thuộc địa (*6è BPC*) của Bigia (*Bigéard*) xuống Tú Lệ, cách thị trấn hơn 30 kilômét, hòng làm giảm áp lực nhắm vào phân khu. Đây là cách làm của Xalăng trong chiến dịch Lý Thường Kiệt năm trước. 312 đã có mặt ở hướng này, đang chuẩn bị đánh Gia Hội.

Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho 308 bao vây địch chặt ở Nghĩa Lộ, không cho chúng rút chạy về Sơn La, và nhanh chóng tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Ngày 17, trong khi Tiriông chưa hiểu vì sao đại đội Tabo đi về phía Khâu Vác mất tăm, hai trung đoàn của 308 đã từ đỉnh núi cao 1.500 mét đổ xuống chiếm lĩnh trận địa chung quanh Nghĩa Lộ. Lợi dụng sương mù, từ 9 giờ sáng, các tiểu đoàn xung kích 102 cùng với

pháo binh và súng phòng không đã có mặt trên những quả đồi đối diện với Pú Chạng đợi giờ nổ súng. Trung đoàn 88 chỉ còn chờ trời tối là sẽ tiến vào Nghĩa Lộ Phố. Phía đông, trung đoàn 36 đã bao vây Cửa Nhì, tiền đồn cuối cùng của Nghĩa Lộ trên đường từ Yên Bái vào.

Trong hội nghị phổ biến chiến dịch, Bác hỏi trung đoàn trưởng Vũ Yên, vừa qua đã đánh đồn Pheo:

— Lần này chú định thế nào?

— Thưa Bác, trận đánh trước cháu đánh chưa tốt, trận này cháu quyết đánh thắng.

Vũ Yên đã đề nghị đại đoàn trao cho 102 nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Pú Chạng, nơi địch đặt sở chỉ huy phân khu. Anh hứa với đại đoàn trưởng: “Chúng tôi cố gắng tiêu diệt Pú Chạng chậm nhất là 5 tiếng”.

14 giờ 30 phút, súng cối 102 ly của ta bắt đầu bắn vào trận địa pháo 105 ly ở Nghĩa Lộ Phố, tạo điều kiện cho các mũi xung kích của 102 dàn đội hình tiếp cận hàng rào cứ điểm Pú Chạng. Ba tốp máy bay *Hellcat*, rồi một tốp máy bay B26 nối nhau xuất hiện trên bầu trời. Chúng vừa trút bom phá, bom napan, vừa bắn vào trận địa pháo và những nơi chúng nghi có bộ đội ta. Các chiến sĩ phòng không nổ súng bắn rơi 2 chiếc *Hellcat*. Xung kích chờ dứt tiếng bom là băng qua màn khói, bám sát hàng rào, mở cửa đột phá dưới hỏa lực dữ dội từ trong đồn bắn ra. Có người trúng napan, lăn mình dập lửa, rồi lại tiếp tục tiến lên. Đại đội chủ công 267 lọt vào đồn, nhanh chóng thực hiện thọc sâu, chia cắt quân địch. Sau 3 giờ tác chiến, trận đánh kết thúc tại hầm ngầm cố thủ giữa cứ điểm. Ta bắt sống 177 quân địch cùng với viên quan tư chỉ huy phân khu Tiriông.

Trung đoàn 88 đánh Nghĩa Lộ Phố, vào chiếm lĩnh trận địa chậm, mãi 3 giờ sáng ngày 18 mới nổ súng. Địch dùng máy bay thả pháo sáng, bắn vào trận địa ta. Bộ đội vừa đối phó với máy bay, vừa tiêu diệt những ổ đề kháng trong cứ điểm. 8 giờ sáng ngày 18, ta tiêu diệt hoàn toàn Nghĩa Lộ Phố, bắt 235 tên địch, với cả viên đại úy Bécbe (*Barberre*) chỉ huy quân tăng viện. Trong số vũ khí thu được có 2 khẩu lựu pháo 105 và hàng ngàn viên đạn.

Cũng trong đêm ngày 17, trung đoàn 98 tiêu diệt sở chỉ huy tiểu khu Phù Yên. Ngày 18, quân địch ở Vạn Yên rút chạy. Đêm ngày 18, trung đoàn 36 kết thúc số phận đồn Cửa Nhì, diệt và bắt sống 214 quân địch.

Sau trận Pú Chạng, tôi được tin đồng chí Vũ Phương, chiến sĩ thi đua của trung đoàn 102, hy sinh khi đã hoàn thành nhiệm vụ tiêu diệt đồn địch, đi ra thì trúng bom của máy bay. Tôi biết Phương trong một tối lửa trại ở tiểu đoàn 18. Anh bộ đội bé nhỏ, xinh xắn, xuất hiện với điệu múa Mèo làm rộ lên tiếng cười. Điệu múa đã mang lại cho anh cái tên trêu mếu: Phương Mèo. Người cán bộ vui nhộn ấy, đã chiến đấu với quân địch ở bến Bình Ca, đã chỉ huy bộ đội đánh thắng trận Non Nước, và lần này trận Pú Chạng. Tôi lặng đi một lát với ý nghĩ rồi đây sẽ có nhiều cán bộ, chiến sĩ ưu tú tiếp tục phải hy sinh.

Sự sụp đổ nhanh chóng của Nghĩa Lộ được đánh giá là một bất ngờ bi thảm (*tragique surprise*) đối với bộ chỉ huy Pháp ở Hà Nội, vì nó đặt toàn phân khu vào tình trạng tuyệt vọng, không thể dùng lực lượng dù để cứu nguy, báo hiệu những thất bại tiếp theo còn nghiêm trọng hơn. Xalăng từ Sài Gòn vội vã bay ra Hà Nội, ra lệnh cho tiểu đoàn 6 dù rút ngay về Nà Sản. Xalăng không thể để mất thêm tiểu đoàn dù con cưng này sau khi Nghĩa Lộ thất thủ. Trước áp lực của 312 ở hướng tây — bắc, quân địch ở Gia Hội bỏ đồn rút về Tú Lệ, nhập vào lực lượng ở đây, cùng với tiểu đoàn dù 6 chạy về phía sông Đà. Trung đoàn 165 truy kích liên năm ngày đêm, diệt và làm tan rã hàng trăm quân địch. Một tờ báo phương Tây viết về 6è BPC sau khi rút chạy khỏi Tú Lệ: “kiệt sức, nhem nhuốc, người đầy vết, run lên vì sợ hãi và sốt rét lê chân về tới Nà Sản”. Tiểu đoàn này phải đưa về Hà Nội củng cố vì mất tinh thần.

Ở đông — nam Lai Châu, mũi vu hồi của tiểu đoàn 910 (trung đoàn 148) tiêu diệt vị trí Nậm Dìn, đánh tan 1 tiểu đoàn nguy Thái và tiểu đoàn cơ động 17 Tabo (*17e Tabor*) tới cứu viện.

Ngày 23 tháng 10, đại đoàn 312 đã có mặt bên bờ sông Đà.

Chỉ sau 11 ngày đêm chiến đấu, ta đã giải phóng vùng hữu ngạn sông Thao, tả ngạn sông Đà, từ Vạn Yên đến Quỳnh Nhai, làm chủ

con đường 13 nối liền Yên Bái với Nghĩa Lộ. Ta tiêu diệt 500 quân địch, bắt sống trên 1.000 tên, trong đó có 300 lính Âu Phi, nhiều sĩ quan chỉ huy phân khu Nghĩa Lộ và tiểu khu Phù Yên, thu hàng ngàn súng các loại và nhiều quân trang quân dụng.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc đợt 1.

Sở chỉ huy chiến dịch từ Khe Lóng chuyển về Gia Phù gần Tạ Khoa trên vùng đất vừa giải phóng.

Hướng chiến dịch được giữ tới giờ phút chót đã giúp ta giành thắng lợi lớn trong đợt đầu, hạn chế được tổn thất. Một vùng đất rộng lớn nối liền sông Hồng với sông Đà đã thuộc về ta. Hai cánh quân của chiến dịch đã có mặt trước Mộc Châu và Sơn La, mũi thọc sâu xuất hiện trước Tuần Giáo đe dọa Lai Châu và đặt Sơn La vào thế bị bao vây. Tuy nhiên, số tiêu diệt sinh lực địch chưa cao. Trừ bộ phận đóng tại phân khu Nghĩa Lộ bị tiêu diệt gọn, những đơn vị khác của địch chỉ bị tiêu hao nặng. Một phần vì địch đánh hơi thấy quân ta là bỏ vị trí tháo chạy, một phần vì ta chưa thực hiện được bao vây chặt và truy kích địch ban ngày.

Một khó khăn mới xuất hiện. Vùng giải phóng nhanh chóng mở rộng kéo những tuyến tiếp tế giữa núi rừng hiểm trở dài thêm hàng trăm kilômét. Ngay sau chiến thắng, bộ đội đã thiếu gạo.

Tuyến vận chuyển từ Mậu A qua đèo Khâu Vác vào Nghĩa Lộ theo kế hoạch mỗi ngày vận chuyển 15 tấn, chỉ thực hiện được 6—7 tấn, thậm chí có ngày nửa tấn. Bộ đội ở Nghĩa Lộ là nơi gần hậu phương nhất cũng bị đói. Cơ quan tham mưu đề nghị tạm ngừng hoạt động quân sự và tập trung bộ đội đi vận chuyển gạo.

Anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp, được tin vội từ hậu phương ra mặt trận. Sau khi tìm hiểu tình hình, anh Ninh quyết định bỏ tuyến vận chuyển Khâu Vác, tuy kín đáo, ít bị máy bay đe dọa, nhưng chỉ là đường mòn qua nhiều đèo cao, suối sâu chuyển sang đường 13 vận chuyển bằng cơ giới. Những tuyến đường này bị hỏng nặng từ lâu. Công binh ra sức sửa đường dưới bom đạn của máy bay địch, gần một tháng mới thông xe đưa gạo từ Phú Thọ lên. Ta cũng quyết định sửa gấp đường 14 từ Hồi Xuân lên Xóm Lồm để vận chuyển gạo từ Thanh Hóa cho chiến dịch, và sửa đoạn đường số

6 từ Suối Rút lên Mộc Hạ. Ngoài số ô tô có hạn, dân công Thanh Hóa còn có sáng kiến dùng xe đạp thồ thay quang gánh. Mỗi xe đạp có thể đưa mức vận chuyển lên từ năm tới mười lần so với quang gánh. Từ sau chiến dịch Tây Bắc cho tới hết chiến tranh chống Mỹ, xe thồ trở thành một phương tiện vận chuyển quan trọng của bộ đội ta.

Hệ thống phòng ngự bên tả ngạn sông Đà sụp đổ khiến Pari rất lo lắng. Plêven thúc giục Xalăng nhanh chóng đối phó. Xalăng vội vã tăng cường thêm cho Tây Bắc 9 tiểu đoàn, cộng với 7 tiểu đoàn còn lại, đưa quân số ở Tây Bắc lên 16 tiểu đoàn và 32 đại đội. Dịch phân tán lực lượng cơ động từ đồng bằng lên Tây Bắc là điều ta mong đợi.

Quân địch ở Tây Bắc dồn về Nà Sản và Lai Châu nằm bên hữu ngạn sông Đà. Hai nơi này được tổ chức thành hai mặt trận. Mặt trận Sơn La, kéo dài từ Mường Sải tới Mộc Châu, do đại tá Gin chỉ huy. Gin là người đã tổ chức cuộc rút lui của Pháp ở Hòa Bình. Lần này Gin được Xalăng trao trọng trách lập một phòng tuyến bên sông Đà ngăn chặn bộ đội ta vượt sông, và xây dựng một tập đoàn cứ điểm ở Nà Sản. Lực lượng dành cho phòng tuyến ngăn chặn là 5 tiểu đoàn. Gin tổ chức thành 3 chi đoàn, chiếm đóng 3 khu vực: Hát Tiếu — Mường Lùm, Tạ Khoa, Bản Hoa, là những nơi ta có thể vượt sông. Các chi đoàn này dựa vào những cứ điểm cũ, mở rộng thêm, đưa vị trí tới sát bờ sông. Mặt trận Lai Châu do tên đại tá Lagioa (*Lajoix*) chỉ huy, có 4 tiểu đoàn, chia nhau đóng giữ thị xã Lai Châu, Phong Thổ, Pác Mả và Điện Biên Phủ. Ngoài ra, ở Tuần Giáo, Mộc Châu, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, mỗi nơi địch đóng 1 tiểu đoàn.

Riêng việc xây dựng tập đoàn cứ điểm ở Nà Sản đòi hỏi phải có thời gian từ bốn tới năm tuần lễ. Ở đây đã có sẵn một sân bay dã chiến và căn cứ của đơn vị bảo vệ sân bay. Địch phải lập cầu hàng không để vận chuyển vật liệu, phương tiện, vũ khí từ Hà Nội lên, và huy động nhân lực lớn để xây dựng một hệ thống cứ điểm nhiều lớp, nhiều tầng xung quanh sân bay. Xalăng quyết định giành thời gian cần thiết này bằng cách mở một cuộc hành binh đánh lạc hướng nhằm vào căn cứ hậu cần chiến dịch ở Phú Thọ.

Trước sự thay đổi bố trí phòng ngự của địch bên hữu ngạn sông Đà, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương: trong đợt 2 tập trung lực

lượng ở hướng chính, gồm 6 trung đoàn của 308, 312, 316 và đại đoàn công pháo 351, nhằm tiến công khu vực Tạ Khoa — Ba Lay — Mộc Châu, phá vỡ khu vực phòng thủ chủ yếu của địch trên tuyến sông Đà, tạo điều kiện tiêu diệt địch ở Sơn La, Nà Sản; đồng thời tăng cường lực lượng cho mũi thọc sâu ở hướng phụ đông — nam Lai Châu, nhằm giải phóng Quỳnh Nhai, sau đó phát triển xuống Tuần Giáo, Luân Châu, Thuận Châu phối hợp với những hướng chính. Lực lượng ở hướng phụ gồm trung đoàn 165, tiểu đoàn 910 của trung đoàn 148 cùng với lực lượng vũ trang địa phương. Hướng phụ sẽ nổ súng trước để thu hút sự chú ý của địch.

Tôi trao nhiệm vụ cho đồng chí Bằng Giang, chỉ huy cánh quân thọc sâu, sau khi giải phóng Tuần Giáo, đánh về Thuận Châu để phối hợp với hướng chính, sẽ tách ra 1 tiểu đoàn cùng với một phân đội pháo mở một mũi vu hồi nhanh chóng tiến vào giải phóng Điện Biên Phủ, nơi quân Pháp mới đưa một tiểu đoàn ngụy Lào tới chiếm giữ. Ta không để các cố vấn biết việc này vì bạn chưa quen với chiến trường Việt Nam, có thể coi đây là một chủ trương mạo hiểm.

Trong lúc ta đang tích cực chuẩn bị vượt sông Đà thì được tin ngày 5 tháng 11 năm 1952, một lực lượng lớn quân địch do Đờ Lina-rét, tư lệnh Bắc Bộ, trực tiếp chỉ huy, đánh lên Phú Thọ, đe dọa hậu phương của chiến dịch. Đây là cuộc hành binh Loren (*Lorraine*). Địch đã huy động vào cuộc hành binh này phần lớn lực lượng cơ động ở Bắc Bộ, gồm 13 tiểu đoàn bộ binh của các binh đoàn cơ động số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, 3 tiểu đoàn dù, 2 hải đoàn xung kích, 4 tiểu đoàn pháo binh, 2 tiểu đoàn cơ giới, 7 đại đội công binh.

Ta đã dự kiến khi mở chiến dịch Tây Bắc, địch có thể đánh lên Phú Thọ, nên đã bố trí tại đây trung đoàn 176, 1 tiểu đoàn của trung đoàn 246 cùng với bộ đội địa phương với nhiệm vụ ngăn chặn quân địch, bảo vệ nhân dân, bảo vệ kho tàng. Bộ chỉ huy chiến dịch nhận định cuộc hành binh “Loren” là hoạt động đối phó bị động, nhằm thu hút lực lượng ta về để giảm nhẹ áp lực ở Tây Bắc, địch không có ý định chiếm đóng Phú Thọ. Ta quyết định chỉ rút khỏi đội hình chiến dịch 1 trung đoàn, nhanh chóng quay về tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, cùng với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương phá âm mưu địch tiến sâu vào hậu phương ta. Đơn vị được trao nhiệm vụ là 36.

Trung đoàn vẫn do tiền phương Bộ Tổng tư lệnh chỉ huy. Thời gian nổ súng đánh địch ở Phú Thọ được quy định chậm nhất là ngày 14 tháng 11 năm 1952, trước khi đợt 2 chiến dịch bắt đầu.

Mục tiêu và kế hoạch đợt 2 chiến dịch vẫn không thay đổi.

5

Trước sự rút chạy hốt hoảng của địch, các cánh quân ta từ nhiều hướng, ào ạt theo đường lớn đổ về những khu vực quân địch đang dồn lại. Không còn là những chiến sĩ “Tây tiến đoàn binh không mọc tóc” trong bài thơ của Quang Dũng năm xưa, các binh đoàn tràn đầy sinh lực tiến quân với khí thế chiến thắng. Thời gian này đã ra đời bài hát của Nguyễn Thành trong đội văn công 308:

*Qua miền Tây Bắc, núi vút ngàn trùng xa
Suối sâu, đèo cao, bao khó khăn ta vượt qua
Bộ đội ta vâng lệnh Cha già
Về đây giải phóng quê nhà...*

Bài hát này còn vang lên trong những đêm hành quân mỗi lần bộ đội tiến vào Tây Bắc sau này, kể cả chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 7 tháng 11 năm 1952, trung đoàn 165 ở hướng thọc sâu nổ súng ở Quỳnh Nhai. Địch lầm tưởng đây là hướng chính, lập tức tăng cường từ đồng bằng lên Lai Châu 2 tiểu đoàn. Địch cũng đồng thời tăng cường cho Nà Sản 2 tiểu đoàn.

Ngày 8 tháng 11, quân địch ở Tuần Giáo và Luân Châu hoang mang rút chạy. Địch vội điều 1 tiểu đoàn dù và 1 tiểu đoàn ngự tới tiểu khu Quỳnh Nhai. Bị bộ đội ta chặn đánh thiệt hại nặng, chúng rút chạy về Lai Châu và Thuận Châu.

Lúc này, ở mặt trận Phú Thọ, quân địch đã lên tới Yên Bình, cách căn cứ xuất phát của ta 150 kilômét. Chúng chỉ chạm trán với những lực lượng nhỏ của quân ta. Chúng không gặt hái được gì ngoài việc

phá một vài kho lương thực và súng đạn ta bố trí phân tán trong rừng. Sự có mặt 30.000 quân Pháp ở đây mang lại cho Bộ chỉ huy Pháp một gánh nặng mới. Cuộc hành binh đã giam chân phần lớn lực lượng cơ động ở Phú Thọ trong tình hình địch hậu đồng bằng trở nên nóng bỏng với sự uy hiếp của đại đoàn 320 và đại đoàn 304. Nó cũng thu hút hầu hết lực lượng vận tải đáng lẽ phải dùng tiếp tế hàng ngày cho tập đoàn cứ điểm Nà Sản đang hình thành. Mặt khác, có thể đã phát hiện một bộ phận chủ lực của ta ở Tây Bắc đang quay về đe dọa phía sau lưng chúng, trung tuần tháng Mười một, Xalăng ra lệnh rút quân.

Trung đoàn 36 mở một cuộc hành quân thần tốc về Phú Thọ. Nhiều chiến sĩ của ta là con đẻ của miền đất trung du này. Bộ đội đi suốt ngày đêm. Các chiến sĩ nuôi quân dùng đòn gánh khiêng nồi trên vai, vừa đi vừa nấu cháo, nấu nước phân phát cho bộ đội.

Ngày 13 tháng 11, trung đoàn 36 đã có mặt ở Phú Thọ và khẩn trương chuẩn bị cho trận đánh.

Ngày 17 tháng 11, một đoàn xe của GM4 về tới Chân Mộng trên đường số 2 lọt vào trận địa phục kích của quân ta. Trận đánh diễn ra quyết liệt cả buổi chiều và buổi tối hôm đó. Trung đoàn 36 tiêu diệt và bắt sống 400 quân địch do viên quan tư Kecgaravat (*Kergaravat*) chỉ huy và 44 xe cơ giới. Đường số 2 trở thành mồ chôn giặc Pháp. Trong trận này, tiểu đoàn trưởng Sơn Mã, một cán bộ chỉ huy rất dũng cảm, hy sinh. Trước khi diễn ra trận đánh, địch bắt được một chiến sĩ tân binh của trung đoàn 36. Tên anh là Lê Văn Hiến. Mặc dù bị địch tra khảo, Hiến nhất định không chịu khai tên đơn vị nên đã bảo đảm được tính bất ngờ của trận đánh. Bị bộ đội và dân quân du kích đánh chặn liên tiếp trên đường rút quân, ngày 23 tháng 11, quân địch mới về tới Việt Trì. Đêm ngày 24 tháng 11, trung đoàn 36 truy kích tới nơi, tiêu diệt vị trí Núi Quyết, một vị trí tiền tiêu của Việt Trì, xóa sổ một đại đội cùng với sở chỉ huy tiểu đoàn 1 ngự Mường.

Tại Tây Bắc, việc tổ chức cho bộ đội vượt sông Đà không dễ dàng. Ta đề ra yêu cầu bí mật, nhanh chóng vượt sông, nhưng đồng thời phải sẵn sàng vượt sông bằng sức mạnh.

Sông Đà khá lớn, nước chảy rất xiết. Thời tiết mùa đông giá lạnh. Bên kia sông là vùng địch kiểm soát, không thể bắc cầu phao qua sông. Lại không có phương tiện vượt sông. Từng đơn vị phải tự làm bè mảng. Bộ đội ta nhiều người chưa biết bơi hoặc chỉ biết bơi chút ít. Phải bàn bạc cách qua sông an toàn, bảo vệ được vũ khí, đạn dược lương thực khỏi bị ướt, cách đưa vũ khí nặng sang sông, cách đối phó trong trường hợp bị pháo binh, máy bay và bộ binh địch ngăn chặn.

Các đơn vị đều tổ chức một bộ phận gồm những người bơi giỏi sang sông trước chiếm lĩnh đầu cầu để đảm bảo bến vượt.

Cũng đúng ngày 17 tháng 11, trên hướng chính của chiến dịch, bộ đội ta đã vượt sông Đà và bắt đầu nổ súng.

Trong đêm 17, trung đoàn 209 tiêu diệt vị trí Bản Hoa. Đêm tiếp theo, trung đoàn 141 tiêu diệt vị trí Ba Lay. Với hai trận đánh, đại đoàn 312 đã tiêu diệt gọn tiểu đoàn 3 Maroc và 1 đại đội ngự binh, bắt viên tiểu đoàn trưởng Rukét (*Rouquette*), xóa sổ chi đoàn này.

Ngày 18 tháng 12, trung đoàn 102 tiêu diệt vị trí Hát Tiếu, trung đoàn 88 tiêu diệt vị trí Mường Lụm, xóa sổ tiếp chi đoàn Bêthônốt (*Béthenot*). Chi đoàn Phavrô (*Favreau*) hốt hoảng bỏ Tạ Khoa chạy về Cò Nòi. Đại đoàn 308 truy kích quét sạch phòng tuyến địch bên bờ sông Đà.

Ngày 19 tháng 11, địch điều 2 tiểu đoàn dù và 1 tiểu đoàn lê dương từ Nà Sản lên lập một khu phòng thủ mới ở Chiềng Đông, Yên Châu, Cò Nòi để ngăn chặn quân ta phát triển theo trục đường 41 tiến về Nà Sản, Sơn La. Lực lượng địch tại khu vực đã lên đến 5 tiểu đoàn. Trung đoàn 88 tiêu diệt gọn tiểu đoàn ngự số 55 và 1 đại đội dù. Khi bộ đội ta tới Chiềng Đông và Cò Nòi thì cả 4 tiểu đoàn có mặt tại khu vực đã bỏ vị trí rút chạy về Nà Sản. 88 tiếp tục truy kích tới Nà Sản, bị chặn lại trước vị trí tiền tiêu Pú Hồng. Đêm đó, trung đoàn tập kích vị trí Pú Hồng nhưng không thành công.

Cũng trong ngày 19, trung đoàn 174, có trung đoàn 98 phối hợp, đánh Mộc Châu. Mộc Châu là chiếc lá chắn trên đường số 6. Trận đánh được chuẩn bị rất kỹ. Bộ chỉ huy chiến dịch theo dõi diễn biến từng giờ. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt. Giờ đầu các mũi tiến

công ở hướng chủ yếu đột phá không thành công. Nhưng mũi thứ yếu chiếm được hai vị trí tiền tiêu phát huy các loại hỏa khí yểm hộ cho các hướng phát triển. Các mũi lần lượt chiếm các lô cốt, ụ súng, trận địa pháo. Sau 2 giờ 15 phút chiến đấu, quân địch đầu hàng. Viên tiểu đoàn trưởng Vanhxăng (*Vincent*) đã từng ở Tây Bắc trên hai mươi năm bị bắt sống.

Mộc Châu bị tiêu diệt, địch ở vị trí Chiềng Pan, sông Con, Tạ Say, Sa Piệt, Tạ Khoa...vội vã rút chạy.

Đường số 6 được khai thông, bảo đảm việc tiếp tế vận chuyển cho chiến dịch. Cửa ngõ vào Tây Bắc đã mở rộng.

Ở hướng thọc sâu đông — nam Lai Châu, từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 11, các tiểu đoàn của 165 tiến vào Mường Sải tiêu diệt 4 đại đội địch, sau đó diệt thêm một đại đội ngụy ở Mường Piềng. Địch ở Thuận Châu bỏ chạy. Trung đoàn 165 tiếp quản Thuận Châu, đánh viện diệt 2 đại đội Âu Phi từ Điện Biên Phủ về định tăng cường cho Thuận Châu.

Ngày 18 tháng 11, địch rút Sơn La. Trung đoàn 165 tiếp quản Sơn La, truy quét bắt gần 500 tàn binh địch và trên 100 nhân viên ngụy quyền. Đồng chí Bằng Giang cho 1 tiểu đoàn truy kích địch về phía Nà Sản, 1 tiểu đoàn truy kích về Điện Biên Phủ. Tiểu đoàn đi về phía Nà Sản phải dừng lại trước tập đoàn cứ điểm. Tiểu đoàn đi về Điện Biên Phủ đã bắt gọn tiểu đoàn ngụy Lào số 58 (58è BCL) với viên thiếu tá tiểu đoàn trưởng Xica (*Sicard*).

Hướng phụ hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, tiêu diệt trên 400 địch, bắt sống 1.000, giải phóng một vùng đất rộng lớn gồm 6 huyện: Than Uyên, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo, Mường La, Thuận Châu, Điện Biên Phủ và thị xã Sơn La, rộng khoảng 3.000 kilômét vuông với 100.000 dân. Hành động táo bạo, quả cảm của mũi thọc sâu với lực lượng không đông, đã tạo nên sự bất ngờ, mang lại thắng lợi lớn. Theo kế hoạch dự kiến, giải phóng tây — bắc Sơn La là nhiệm vụ của đợt 3 chiến dịch.

Sang đợt 2 của chiến dịch, hướng phối hợp ở đồng bằng Liên khu 3 bắt đầu hoạt động mạnh.

Ngày 14 tháng 11, trung đoàn 48 (320) đánh 3 vị trí địch ở Phát Diệm, diệt 3 tiểu đội Âu Phi thuộc tiểu đoàn 26 BMTS. Trung đoàn 57 (304) phục kích quân địch tăng viện cho Phát Diệm bắn đắm 3 tàu chiến, bắn cháy 1 chiếc khác, diệt 500 lính Âu Phi thuộc binh đoàn cơ động số 2 đi trên tàu. Tiếp đó, 304 tiêu diệt vị trí Bến Xanh.

Ngày 17 tháng 11, trung đoàn 57 (320) tiến công 1 vị trí, phục kích tiêu diệt 1 đại đội địch, phá hủy 19 xe. Trung đoàn 64 mới vào địch hậu Hà Nam, Nam Định, tiêu diệt 3 vị trí địch và diệt 1 đại đội đi càn quét, mở rộng thêm căn cứ ở vùng đồng chiêm.

Ngày 25 tháng 11 năm 1952, đợt 2 chiến dịch Tây Bắc kết thúc.

Sở chỉ huy chiến dịch chuyển về phía tây Tạ Khoa trên đường đi Cò Nồi.

Nhìn chung, trong đợt 2 chiến dịch, các chiến trường đều hoạt động tốt. Riêng ở Tây Bắc, ta đã tiêu diệt thêm khoảng 3.000 quân địch, trong đó có 2 tiểu đoàn *3/1 RTM*, *3è BAT*, phần lớn 2 tiểu đoàn ngụy *55* và *56 BVN*, một bộ phận tiểu đoàn dù *2è BPC*. Ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Sơn La trừ Nà Sản, một số vị trí nhỏ ven sông Mã và một bộ phận đất đai quan trọng thuộc tỉnh Lai Châu.

Tại Tây Bắc, toàn bộ quân địch đã dồn về Nà Sản và thị xã Lai Châu. Tổng số quân địch ở Nà Sản có khoảng từ 36 tới 38 đại đội, trong đó có 4 tiểu đoàn lê dương tương đối nguyên vẹn, 2 tiểu đoàn Bắc Phi và 2 tiểu đoàn Thái mới phục hồi. Địch đóng trên 24 cứ điểm đại đội và 4 cứ điểm trung đội. Các cứ điểm đều bố trí trên đồi cao, công sự dã chiến, bao bọc chung quanh sân bay, trận địa pháo và sở chỉ huy. Tập đoàn cứ điểm được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, nhưng tinh thần binh lính sút kém nhiều do những thất trận vừa qua. Địch chỉ có một cách tiếp tế duy nhất là không quân.

Về phía ta, thương vong trong cả hai đợt chiến dịch tuy ít, nhưng sức khỏe bộ đội giảm sút nhiều vì liên tục chiến đấu và truy kích đường dài. Tinh thần quân và dân đều phấn khởi vì đang trên đà thắng lợi. Ta cũng đã giải quyết được vấn đề tiếp tế, nhờ những tuyến đường vận chuyển cơ giới thông suốt từ hậu phương lên tới gần Nà Sản. Lực lượng ta lúc này còn 36 đại đội, tương đương với lực lượng quân địch.

Trên cơ sở những nhận định đó, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định triển khai đợt 3 chiến dịch theo đúng kế hoạch. Mục tiêu của đợt 3 là tập trung toàn bộ lực lượng tiến công tiêu diệt địch ở Nà Sản, giành toàn thắng cho chiến dịch. Phương châm tác chiến là: Đánh chỗ yếu trước, chỗ mạnh sau, bao vây toàn diện, công kích có trọng điểm, đánh ngoài vi trước, tranh thủ mở một mặt rồi đánh vào tung thâm.

Mở đầu đợt 3 chiến dịch, ta chủ trương tập trung lực lượng đợt phá vào các điểm tựa ở vòng ngoài, từ đó khống chế pháo binh địch và sân bay, phát triển chiến đấu vào trong, tạo thời cơ tiêu diệt tập đoàn cứ điểm.

Đêm ngày 30 tháng 11, hai tiểu đoàn của 308 cùng phối hợp đánh vị trí Pú Hồng (điểm cao 753). Sau 1 giờ 45 phút chiến đấu, bộ đội ta tiêu diệt Hoàn toàn 4 trung đội của binh đoàn cơ động số 1 đóng tại đây, bắt sống viên quan ba chỉ huy Mêtét (*Métais*). Cùng lúc, 1 tiểu đoàn của 312 tiến công vị trí Bản Hời. Sau hơn một giờ chiến đấu, đại đội địch đóng tại vị trí bị tiêu diệt. Nhưng ngày hôm sau, dưới sự yểm trợ của máy bay và đại bác, địch mở nhiều đợt xung phong đánh bật bộ đội ta ra khỏi Pú Hồng và chiếm đóng lại vị trí.

Đêm ngày 1 tháng 12, trung đoàn 209 tiến công Bản Vây, cứ điểm chính trong cụm cứ điểm phòng ngự ở phía nam Nà Sản, do 2 đại đội lê dương bảo vệ. Trung đoàn 174 được phối thuộc 1 tiểu đoàn của 308, đánh vị trí Nà Si. Cả hai trận đánh đều không thành công. Trời sáng, địch dùng máy bay oanh tạc vào đội hình quân ta và bắn trên 5.000 quả đạn pháo để cứu nguy cho các cứ điểm.

Trong ngày 2 tháng 12, địch thả dù tăng cường thêm cho Nà Sản hai tiểu đoàn.

Những cứ điểm bộ đội ta đánh trong đợt này chỉ có quân số từ đại đội tăng cường tới 2 đại đội. Chúng không mạnh hơn Nghĩa Lộ, Pú Chàng, Mộc Châu...về công sự cũng như địa hình phức tạp. Trong từng trận đánh, ta đều sử dụng những đơn vị có kinh nghiệm, và tập trung ưu thế binh lực. Nhưng vì đâu phần lớn trận đánh đều không thành công? Một nguyên nhân là bộ đội mỗi một sau nhiều ngày truy kích, đội hình các đơn vị đều xộc xệch. Nhưng so với chiến dịch Biên Giới thì sự mệt mỏi và xáo trộn trong đội hình lần này chưa bằng.

Trong từng trận đánh, cán bộ và chiến sĩ ta đều có quyết tâm tiêu diệt địch rất cao. Nguyên nhân chính là do những cứ điểm này nằm trong hệ thống cấu trúc chặt chẽ của một tập đoàn cứ điểm. Người Pháp coi đây là một chiến lược ngăn chặn mới. Muốn đánh bại chiến lược này, cần phải có thời gian.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định kết thúc chiến dịch Tây Bắc.

Ngày 10 tháng 12 năm 1952, hội nghị sơ kết chiến dịch được tổ chức ngay tại sở chỉ huy tiền phương, gần Tạ Khoa.

Chiến dịch Thu Đông năm 1952 đã thành công vượt mức dự kiến.

Ở hướng chính Tây Bắc, ta đã tiêu diệt và bắt 6.029 quân địch, trong đó có hơn 1.000 Âu Phi và nhiều sĩ quan. Ta còn thu được thắng lợi quan trọng ở Phú Thọ, tiêu diệt 1.711, bắt 173. Chúng ta đã thành công trong nhiệm vụ tranh thủ nhân dân và giải phóng đất đai. Vùng mới giải phóng ở Tây Bắc rộng 28.000 kilômét vuông với 250.000 dân. Ở hướng đồng bằng Liên khu 3, ta đã tiêu diệt 12 vị trí cỡ đại đội, diệt 4.031, bắt 1.846, mở rộng nhiều khu căn cứ cả ở tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng. Tính chung toàn Bắc Bộ sau hai tháng chiến đấu, ta tiêu diệt và bắt 13.850 quân địch, trong đó có nhiều đơn vị tiểu đoàn và đại đội, thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Chủ trương của Tổng Quân ủy trong chiến dịch này là đánh vào chỗ yếu và hiểm yếu của địch, buộc chúng phải tăng viện đối phó, tiêu diệt sinh lực, giải phóng một vùng đất chiến lược, đã khẳng định tính đúng đắn của nó. Với việc chuyển hướng tiến công lên Tây Bắc, ta tiếp tục đánh địch trên cả hai mặt trận: rừng núi và đồng bằng. Chiến dịch Tây Bắc mùa khô năm 1952 đã khẳng định một phương hướng chiến lược mới được mở ra từ chiến dịch Hòa Bình. Ta hoàn toàn có khả năng điều động quân địch từ đồng bằng lên rừng núi để chiến đấu giành thắng lợi.

Phần lớn những đơn vị có mặt ở Tây Bắc đã tham gia chiến dịch Biên Giới. Một lần nữa họ lại chứng kiến cảnh quân địch hốt hoảng rút chạy khỏi những cứ điểm như ong vỡ tổ. Không phải mọi người đều bằng lòng khi có lệnh kết thúc chiến dịch. Tôi nói:

— Ta chủ trương đánh Nà Sản do căn cứ báo cáo và tình huống giữa địch và ta lúc đó. Sau cuộc tiến công không thành công, địch lại tăng viện cho Nà Sản, nếu đánh nữa thì không chắc thắng trong khi đó vùng giải phóng của ta rất rộng mà chưa được củng cố, chủ trương đình chỉ cuộc tiến công Nà Sản là chính xác để tích cực củng cố và phát triển những thắng lợi vừa qua. Ta không đánh Nà Sản, địch có thể đánh lan ra vài nơi trong vùng mới giải phóng. Nhưng tình hình hiện nay ở Tây Bắc khác trước là bọn nguy quân, nguy quyền bị tiêu diệt phần lớn, nhân dân Tây Bắc đã giác ngộ và tham gia kháng chiến, chủ lực ta còn ở lại bảo vệ địa phương thì âm mưu địch quay trở lại Tây Bắc sẽ gặp nhiều khó khăn...

Theo chủ trương của Bộ Chính trị, tôi tổ chức một cuộc họp cán bộ Khu Tây Bắc bàn kế hoạch giữ vững và phát huy thắng lợi của chiến dịch. Cuộc họp thống nhất cần chú trọng thực hiện những chính sách dân tộc của Đảng, đoàn kết toàn thể các dân tộc Tây Bắc nhằm xây dựng Tây Bắc thành một căn cứ địa vững chắc của cả nước.

Trung đoàn 174 và một bộ phận pháo binh ở lại Tây Bắc cùng với bộ đội địa phương ngăn chặn quân địch ở Nà Sản. Hai trung đoàn 141, 98 cùng với một bộ phận pháo binh do đại đoàn trưởng 312 Lê Trọng Tấn chỉ huy, đi theo đường Cò Nòi, Mường Hét sang nước bạn Lào về Thanh Hóa, vừa khuếch trương chiến quả, vừa làm công tác nghi binh. Các đơn vị còn lại trở về khu căn cứ theo đường 41 và đường 13.

Mùa khô chưa kết thúc, Bộ Tổng tham mưu được trao nhiệm vụ tổ chức ngay hội nghị tổng kết chiến dịch khi về tới căn cứ, và gấp rút chuẩn bị cho một chiến dịch mới.

Trên đường về, xe chạy trên những con đường vừa được phục hồi giữa vùng giải phóng, nhìn những ngôi nhà sàn ấm áp ánh lửa, bộ đội, dân công nhộn nhịp ra vào, tôi cảm thấy một ngày mới của cuộc kháng chiến đang bắt đầu. Nhưng cũng giống như mỗi bước chuyển trong chiến tranh, những thuận lợi bao giờ cũng kèm theo những thách thức. Thách thức mới lúc này là sự xuất hiện của tập đoàn cứ điểm tại Nà Sản.

Chương Mười Hai: MÙA XUÂN SÂM NỬA

1

Tôi về tới khu căn cứ vào tháng 1 năm 1953, vừa kịp dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư. Tại hội nghị, Bác trình bày một bản báo cáo quan trọng.

Về tình hình kháng chiến, Người nhận định: Đầu năm 1952, địch thất bại to ở Hòa Bình, cuối năm, thất bại to ở Tây Bắc. Càng thất bại chúng càng điên rồ. Muốn chiếm nước ta làm căn cứ quân sự để tiến công Trung Quốc, chúng sẽ cố chết bám lấy Đông Dương, “Từ nay cuộc chiến tranh giữa ta với địch sẽ gay go, phức tạp hơn”. Để duy trì kháng chiến trường kỳ và đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, Người nêu lên hai vấn đề chính: một là, lãnh đạo kháng chiến; hai là, phát động quần chúng tiến đến cải cách ruộng đất.

Về chỉ đạo kháng chiến, Người đề ra cần tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do. Trên chiến trường Bắc Bộ, bộ đội chủ lực phải dùng vận động chiến một cách linh hoạt để tiêu diệt từng mảng sinh lực địch, đồng thời dùng công kiên chiến hút quân địch đến mà đánh, phân tán lực lượng địch, làm rối loạn kế hoạch địch và tạo điều kiện cho vận động chiến. Chiến trường sau lưng địch phải đẩy mạnh chiến tranh du kích để mở rộng và củng cố những căn cứ kháng chiến. Luôn luôn xem trọng việc huấn luyện bộ đội, bồi dưỡng cán bộ, coi đó là khâu chính trong các công tác. Phải có kế hoạch chung về việc xây dựng bộ đội, tăng cường và cải thiện dần trang bị cho bộ đội, coi trọng xây dựng pháo binh...

Về thực hiện chính sách ruộng đất, Người chỉ ra: Nền tảng của vấn đề dân tộc là nông dân vì nông dân chiếm đại đa số trong dân tộc. Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí với những điều Bác đã đề ra.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định: “Lực lượng ta phát triển không đều, ở Bắc Bộ chủ lực ta trưởng thành nhanh chóng, nhưng chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích Trung Bộ và Nam Bộ phát triển không được mấy... Vì vậy địch có thể tập trung ở Bắc Bộ đến hai phần ba quân ở Đông Dương để đối phó với ta. Trên các chiến trường Trung, Nam... chúng sơ hở nhiều. Đồng bằng Bắc Bộ là chỗ cứng của địch, các chiến trường khác tương đối mềm... Phương châm chỉ đạo chung của cuộc chiến tranh giải phóng của ta là trường kỳ kháng chiến tự lực cánh sinh, vì vậy ta không chủ quan khinh địch, không nóng vội, không mạo hiểm. Đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh kiên quyết cho kỳ thắng. Không chắc thắng thì kiên quyết không đánh”.

Hội nghị xác định phương châm tác chiến hiện thời là: “Tạm thời tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh địch ở những nơi sơ hở, đồng thời phải hoạt động ở sau lưng địch”, “bộ đội chủ lực thì vận động chiến là chính, công kiên chiến là phụ. Trên chiến trường sau lưng địch ở Bắc Bộ và các chiến trường ở Trung Bộ và Nam Bộ du kích chiến là chính”.

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Ngay sau ngày cách mạng thành công, Chính phủ đã có thông tư tạm chia ruộng đất vắng chủ cho dân cày nghèo theo nguyên tắc dân chủ và giảm tô 25%. Nhưng sau đó chiến tranh diễn ra quyết liệt, ta chưa có điều kiện làm thêm. Căn cứ vào yêu cầu cấp bách của kháng chiến, Hội nghị quyết định: “Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng: tiêu diệt chế độ sở hữu ruộng đất của bọn đế quốc xâm lược ở Việt Nam”, “thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân”. Trước mắt, trong năm 1953 “phát động quần chúng nông dân đấu tranh đòi triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, chia hẳn ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho nông dân”, “thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất”.

Tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến là một chủ trương đúng đắn của Đảng. Nó góp phần quan trọng thúc đẩy sự

nghiệp kháng chiến. Tiếc rằng trong quá trình thực hiện sau này ta vận dụng máy móc một số kinh nghiệm của bạn nên phạm phải một số sai lầm.

Năm 1952, ta đã giữ vững quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. Trong tình hình lực lượng ta còn yếu hơn địch, đây là một thành công đáng kể. Đạt được thành tựu này là do ta đã mở một mặt trận mới thực sự ở vùng sau lưng địch.

Từ đầu năm 1952, với những cố gắng của Đờ Lát trước đây, quân đội ngụy đã có 35 tiểu đoàn bộ binh, trong số đó, 20 tiểu đoàn là do người Việt chỉ huy. Cách đào tạo quân ngụy rập khuôn theo kiểu Pháp. Sĩ quan đều được tuyển mộ từ những trường trung học, huấn luyện tại các trường Đà Lạt, Thủ Đức... rồi tung ra chiến trường. Khi tác chiến, các tiểu đoàn ngụy vẫn do Pháp chỉ huy. Ở Nam Bộ, Pháp cũng từng bước bàn giao cho quân ngụy bảo vệ những địa bàn quân sự, làm công việc bình định. Quân Pháp tập trung vào nhiệm vụ càn quét, tìm diệt lực lượng ta. Chúng bắt đầu thành lập sư đoàn ngụy ứng chiến cơ động hoạt động ở từng vùng. Viện trợ vật chất của Mỹ đã tăng từ 149 tỉ franc năm 1951, lên 196 tỉ năm 1952. Mỹ gấp rút gửi sang Đông Dương máy bay, chiến xa, vũ khí nặng, đạn dược, tàu đổ bộ, xe cộ, trang bị vô tuyến điện, bom napan và chất đốt, một số lấy từ những kho dự trữ tại Nhật Bản và Triều Tiên.

Đông Xuân 1952 — 1953 là thời kỳ khó khăn nhất trên chiến trường Nam Bộ. Địch vẫn bố trí ở Nam Bộ 25 tiểu đoàn, gần nửa là Âu Phi. Bôngđi (*Bondis*) thay Săngxông, tiếp tục gia tăng các hoạt động bao vây, lấn sâu vào vùng căn cứ của ta, chiếm đóng những khu vực tranh chấp, vùng du kích, lập thêm nhiều đồn bốt, tháp canh dọc các đường giao thông, đồng thời tích cực càn quét bình định.

Chính sách bao vây chia cắt của địch gây nên tình trạng thiếu thốn trầm trọng gạo, thực phẩm, nhất là nguyên liệu, hóa chất sản xuất vũ khí ở các khu căn cứ. Trung ương đã thành lập một hành lang vận chuyển chiến lược từ Bắc Bộ vào Nam Bộ. Hàng trăm tấn hàng hóa được Liên khu 5 tiếp vận vào các bến Cù My, La Di, Hàm Tân và Xuyên Mộc. Tuyến hành lang dài 300 kilômét từ Xuyên Mộc, Bình Thuận về Chiến khu Đ xuyên qua nhiều cánh rừng, sông rộng,

suối sâu, quân địch luôn luôn rình rập, do tiểu đoàn 320 của Phân liên khu miền Đông đảm nhiệm. Tiểu đoàn còn có thêm nhiệm vụ giữ vững đường liên lạc với Trung ương vào Nam Bộ và ngược lại. Các chiến sĩ với 10, 15 kilôgam hàng trên lưng, vừa đi vừa cảnh giới, đánh địch, qua nhiều đêm mới vượt hết chặng đường. Mỗi chiến sĩ chỉ có một bộ quần áo vá để dành khi tiếp xúc với dân, thường xuyên phải ở trần... Nguyên liệu, hóa chất và các loại súng đạn được kịp thời vận chuyển đã tiếp thêm sinh khí cho các binh công xưởng và những đơn vị chiến đấu trên chiến trường.

Tháng 10 năm 1952, một cơn bão lớn chưa từng thấy bất thần ập đến. Nhà cửa, lán trại, kho tàng, hoa màu, gia súc ở Chiến khu Đ và miền Đông hầu hết bị cuốn trôi. Nước sông Đồng Nai lên cao, có chỗ 7—8 mét. Riêng ở căn cứ Dương Minh Châu, nước suối Đồi cao tới 18 mét. Hậu quả trực tiếp và nghiêm trọng nhất của bão lụt là nạn đói. Hàng vạn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ vùng căn cứ thiếu ăn. Tiêu chuẩn gạo của bộ đội từ 25 kilôgam một tháng tụt xuống còn 2,5 kilôgam. Mọi người đều phải ăn cháo. Có khi không còn cả gạo nấu cháo, bữa ăn, mỗi người chỉ có 5 — 7 hột mít luộc cầm hơi. Thừa lúc ta đang gặp khó khăn, địch mở hàng loạt trận càn quét quy mô vào các vùng căn cứ và vùng tranh chấp. Tiêu biểu là trận càn kéo dài 52 ngày đêm vào Chiến khu Đ. Bộ đội đói ăn, thiếu thuốc chữa bệnh, lại phải thường xuyên di chuyển chống càn.

Khắp nơi, bộ đội địa phương kết hợp cùng du kích và đồng bào đánh địch càn quét. Các tiểu đoàn tập trung tìm những nơi hiểm yếu tiến công buộc địch phải đối phó. Ngày 17 tháng 10 năm 1952, trong khi các lực lượng vũ trang tại Chiến khu Đ đang tập trung đánh địch càn quét, tiểu đoàn 303 kết hợp với đại đội bộ đội địa phương Lái Thiêu, tiến công đồn Bến Sắn tiêu diệt hoàn toàn 1 đại đội ngụy. Ta thu được 70 súng các loại, hàng tấn đạn dược, và hơn một tấn gạo đưa về chiến khu. Các tiểu đoàn 300, 306, 307 phối hợp với bộ đội địa phương đánh căn cứ Trảng Bàng, Bà Chợ, diệt hàng loạt đồn bốt ở Thủ Biên. Tiểu đoàn 311 đánh vào vùng Hòa An, Cao Lãnh. Tiểu đoàn 303 tiến vào vùng Lộc Ninh, tiêu diệt các bốt Thuận Lợi, Bù Na. Quân và dân Đồng Tháp Mười đánh bại cuộc càn quét lớn của địch, buộc chúng phải rút lui nửa chừng. Một bộ phận tiểu đoàn chủ

lực 302 của Phân khu cơ động sang hoạt động trên chiến trường Campuchia, giúp bạn bảo vệ những căn cứ ở miền Đông, xây dựng cơ sở, phát động phong trào chiến tranh du kích.

Tại Phân liên khu miền Tây dày đặc đồn bốt địch, tiểu đoàn 307 đánh đồn Bảy Ngàn, bắt sống 95 tên với 2 chỉ huy người Pháp, thu trên 150 súng và nhiều quân trang quân dụng. Tiểu đoàn 410 diệt gọn đồn Tràm Chệt, thu toàn bộ vũ khí. Một trung đội của huyện Giồng Riềng phục kích tiêu diệt hoàn toàn một trung đội biệt kích, chấm dứt hẳn từ đó những hoạt động biệt kích nhắm vào vùng căn cứ của ta.

Đến giữa năm 1953, sau vụ thu hoạch, nạn đói ở vùng căn cứ Phân liên khu miền Đông mới được đẩy lùi.

Trên chiến trường miền Trung, bộ đội chủ lực đã có những tiến bộ lớn. Tại Bình Trị Thiên, nhiều hệ thống phòng ngự của địch bị phá vỡ, hàng loạt vị trí bị san phẳng, buộc địch phải rút quân từ miền Bắc và miền Nam tăng cường cho Bình Trị Thiên. Bước vào Thu Đông năm 1952, Liên khu 5 mở một đợt hoạt động mạnh trên khắp chiến trường, lấy trọng điểm là An Khê. Tại An Khê, bộ đội ta đã tiến công các cứ điểm Kon Lia, Tú Thủy, Cửa An, Thượng An... Quân và dân đồng bằng, ven biển Liên khu 5, Tây Nguyên đánh địch đều khắp: phục kích tàu trên đèo Hải Vân, đánh các đoàn xe vận chuyển ở các đoạn Túy Loan — Ái Nghĩa, Tùng Sơn — Ái Nghĩa, Vĩnh Điện — Bình Long... diệt hàng trăm quân địch. Chiến dịch An Khê kéo dài đến hết tháng 1 năm 1953, buộc địch phải tăng viện trực tiếp cho An Khê 6 tiểu đoàn, và đổ bộ lên Quy Nhơn 5 tiểu đoàn để đỡ đòn cho An Khê. ở đây ta đã diệt 1.600 quân địch, giải phóng 18.000 dân, vũ khí thu được đủ trang bị cho 4 tiểu đoàn.

Những tiến bộ nổi bật trên vùng sau lưng địch diễn ra ở đồng bằng Bắc Bộ. Mặc dù hầu hết lực lượng cơ động chiến lược của địch nằm tại đây, cùng với phòng tuyến Đờ Lát và hàng trăm đồn bốt, địch vẫn không ngăn được chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Những đại đoàn chủ lực của ta tự do ra vào vùng tạm chiếm, chủ động tiêu diệt hàng loạt cứ điểm; trước đây, hiện tượng này chỉ xuất hiện khi ta mở chiến dịch lớn. Cuối năm 1952, đại đoàn 304 tiêu diệt

nhiều cứ điểm quan trọng, trong đó có vị trí Chùa Cao, trung đoàn 88 đã đánh hai lần không thành công. Trung đoàn 48 diệt vị trí Vô Tình trên đường 21, địch không biết vẫn cho máy bay thả dù tiếp tế và đưa 1 đại đội biệt kích tới tăng viện, ta tiêu diệt tiếp đại đội này. Địch buộc phải mở tiếp những cuộc càn quét với quy mô nhiều binh đoàn, nhưng không còn đủ sức kéo dài ngày, mỗi khi bị thiệt hại lớn là vội vã rút lui. Bộ đội chủ lực ta vẫn tiến hành vận động đánh nhỏ ở đồng bằng, nhưng uy lực các trận đánh ngang tầm với những chiến dịch trước đây. Tướng Mácsăng (*Marchand*), chỉ huy các cuộc hành quân ở đồng bằng Bắc Bộ, phải thừa nhận: “Đại bộ phận đại đoàn 304 và 320 đã lọt vào khu tứ giác Phủ Lý, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình và sau ngày 5 tháng 11 năm 1952 trở đi đã đánh chiếm nhiều đồn bốt, (...) nhiều trận phục kích, thiệt hại của ta rất nặng và tình hình có thể trở nên nguy kịch”. Chính một số tướng tá Pháp đã phải đánh giá: “Không thể nói là những cuộc hành quân du kích mà phải gọi là mặt trận thứ hai đã được mở ở nam đồng bằng”!

Nhưng chúng ta vẫn chưa có khả năng mở một chiến dịch lớn ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Bộ đội chủ lực ta giành thắng lợi ở địch hậu là do duy trì được chiến tranh nhân dân và biết vận dụng có hiệu quả chiến thuật vận động đánh nhỏ. Kẻ thù có sức mạnh áp đảo về vũ khí trang bị, phương tiện cơ động nhanh chóng, và chúng rất khôn ngoan không bỏ lỡ cơ hội sử dụng những ưu thế đó. Chỉ cần một sơ suất là ta phải trả giá rất đắt. Ngoài thất bại của trung đoàn 98 hồi trung tuần tháng 4 năm 1952 ở vùng cầu Đuống, Bắc Ninh, không xa Hà Nội, một thất bại đã đến với trung đoàn 101, sau một thời gian làm mưa làm gió ở Thừa Thiên, đã rơi vào giữa vòng vây của quân địch ở Hải Lăng, bộ đội phải mở một đường máu để rút ra với nhiều thiệt hại.

Chiến trường thuận lợi với ta vẫn là vùng rừng núi. Trừ chiến dịch Lý Thường Kiệt tháng 9 năm 1951, các chiến dịch ta mở ở đây đều giành thắng lợi.

Nhưng một trở ngại lớn đã xuất hiện ngay tại miền rừng núi.

Từ năm 1950, để đối phó với sự trưởng thành của bộ đội ta, địch đã xây dựng những cứ điểm đại đội, tiểu đoàn, có công sự vững chắc với lô cốt, hầm ngầm, hàng rào dây thép gai và bãi mìn bao quanh. Nhiều nơi chúng tổ chức thành cụm cứ điểm để hỗ trợ cho nhau. Với lưới hỏa lực bảo vệ từ xa, quân đồn trú cố gắng kéo dài cuộc chiến đấu qua đêm chờ quân cứu viện và máy bay can thiệp trước khi trời sáng. Cách đối phó này tỏ ra hữu hiệu trên địa hình đồng bằng và trung du, nhưng lại khó thực hiện ở vùng rừng núi là nơi bộ đội ta chỉ mong chờ quân viện tới để tiêu diệt. Địch biết rõ điều này. Trong chiến dịch Hoàng Hoa Thám, chúng chấp nhận để một số vị trí bị bao vây tiêu diệt chứ không đưa quân viện tới. Ở vùng rừng núi, vị trí đại đội, tiểu đoàn, tiểu đoàn tăng cường của địch không còn đứng vững trước những cuộc tiến công của ta. Trong chiến dịch Tây Bắc vừa qua, địch không sử dụng quân viện khi một cứ điểm bị tiến công, cũng không dùng lực lượng cơ động để chiếm lại những vị trí đã mất. Tình hình diễn ra giống như cuối chiến dịch Cao Bằng, khi một cứ điểm bị tiêu diệt là quân đồn trú ở hàng loạt cứ điểm chung quanh bỏ chạy. Nhưng khác với ở biên giới, những cuộc rút chạy ở Tây Bắc nằm trong ý đồ của chỉ huy Pháp nhằm tránh bị tiêu diệt và co cụm lại để đối phó với cuộc tiến công của ta. Từ những cứ điểm nằm rải rác, chúng đã tập trung lại thành tập đoàn cứ điểm. Bộ đội ta đã mất nhiều thời gian nghiên cứu, rèn luyện, chuẩn bị mới tiêu diệt được cứ điểm trung đội, rồi đại đội của địch. Ta chỉ tiêu diệt được cứ điểm tiểu đoàn khi bộ đội không còn phải dùng mìn búp đa. Khả năng hiện thời của ta là dùng trung đoàn tiêu diệt vị trí tiểu đoàn địch đóng riêng lẻ. Với tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, địch đã có một căn cứ lớn gấp mười lần! Nó không chỉ lớn gấp bội về quân số mà còn có thêm sân bay, trận địa pháo, những đơn vị thiết giáp tại chỗ để đối phó với các cuộc tiến công.

Hình thái tập đoàn cứ điểm xuất hiện lần đầu trên miền Bắc nước ta từ chiến dịch Hòa Bình. Nó ra đời một cách tự nhiên. Quân địch chiếm đóng một thị xã giữa rừng núi. Thị xã nằm dưới thung lũng. Những viên chỉ huy buộc phải chiếm những điểm cao chung quanh

nếu không muốn thị xã, sở chỉ huy, sân bay, kho tàng, bến phà... bị đe dọa dưới họng pháo bắn thẳng của đối phương. Những điểm cao này liên kết bằng một lưới lửa, bảo vệ sườn cho nhau khi bị tiến công.

Nhưng lần này, ở Tây Bắc, tập đoàn cứ điểm được xây dựng nhằm mục đích khác. Xalăng đã chỉ thị cho Đờ Linaurét phải thiết lập căn cứ vững chắc chung quanh một sân bay nằm giữa vùng rừng núi. Nó sẽ “buộc kẻ thù chiến đấu trên một địa hình thuận lợi cho sự phối hợp các loại vũ khí của chúng ta, có một sân bay bảo đảm việc tiếp tế thường xuyên những đơn vị chiến đấu”. Đây cũng là căn cứ xuất phát của những cuộc tiến công lớn, đồng thời là nơi sẵn sàng đương đầu có lợi với các cuộc tiến công. Lực lượng ở tập đoàn cứ điểm Nà Sản một phần là những đơn vị cơ động tăng cường từ đồng bằng lên, một phần là quân chiếm đóng từ những cứ điểm ở Tây Bắc rút về.

Tập đoàn cứ điểm đã trở thành một biện pháp ngăn chặn mới có tính chiến lược của địch. Người Pháp gọi nó bằng thuật ngữ: “chiến lược những con nhím” (*stratégie des hérissons*). Nó mang hình thái đặc thù của chiến tranh xâm lược Việt Nam. Một kẻ thù xâm lược với một sức mạnh có hạn nhưng biết rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của chủ lực ta. Nếu so với phòng tuyến bê tông của Đờ Lát hết sức tốn kém, giam chân thường xuyên 25 tiểu đoàn tinh nhuệ với rất nhiều vũ khí, thì chiến lược ngăn chặn bằng tập đoàn cứ điểm ở vùng rừng núi của Xalăng tỏ ra không kém nguy hiểm. Nó đã hạn chế khả năng giành chiến thắng của bộ đội chủ lực ta ngay trên địa hình chiến trường được coi là thuận lợi từ trước tới nay. Chúng ta chưa thể tiêu diệt một vị trí trong một tập đoàn cứ điểm mà tránh khỏi tổn thất lớn. Chiến thuật đánh điểm diệt viện, đánh địch trong vận động, đánh địch trên đường giao thông đều khó có điều kiện vận dụng. Vì tập đoàn cứ điểm tự nó có thể đương đầu với những cuộc tiến công, quân tăng viện cũng như đồ tiếp tế tới tập đoàn cứ điểm qua đường sân bay được các vị trí bảo vệ vòng trong vòng ngoài. Với tập đoàn cứ điểm, địch còn khai thác một chỗ yếu của ta là không thể duy trì số đông bộ đội tại rừng núi dài ngày, vì thiếu lương thực và khả năng vận chuyển có hạn. Địch chỉ cần chờ khi ta rút quân, lại từ tập đoàn

cứ điểm tỏa ra chiếm đóng lại những vị trí đã bỏ. Việc duy trì vùng mới giải phóng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Tập đoàn cứ điểm trở thành một thách thức mới trên đường tiến lên của bộ đội ta.

Cuối tháng 2 năm 1953, Bộ Tổng tham mưu triệu tập hội nghị nghiên cứu cách đánh tập đoàn cứ điểm. Thành phần tham dự là các trung đoàn trưởng thuộc hai đại đoàn 308, 312, những đơn vị chuẩn bị lên đường làm nhiệm vụ mới. Thời gian kéo dài 9 ngày.

Hội nghị đã bước đầu đánh giá được chỗ mạnh, chỗ yếu của tập đoàn cứ điểm. Tập đoàn cứ điểm tuy là cấu trúc liên hoàn của nhiều cứ điểm, nhưng vẫn là những cứ điểm riêng rẽ với những công sự đã chiến nằm trong hàng rào dây thép gai và bãi mìn. Những cứ điểm ở tiếp giáp cũng chỉ có thể chi viện bằng hỏa lực cho nhau khi bị tiến công. Và giữa chúng vẫn có những khe hở mà ta có thể lợi dụng. Khả năng ứng cứu bằng những đơn vị cơ động của bản thân tập đoàn cứ điểm bị hạn chế nếu ta tiến công ban đêm. Trong chiến dịch Hòa Bình năm 1952, những phân đội nhỏ của trung đoàn 36 đã vượt qua con đường độc đạo nằm giữa các cứ điểm, tiến công trận địa pháo, sân bay, và những tiểu đoàn của ta đã tiêu diệt nhanh chóng một số điểm cao trong vành đai bảo vệ thị xã.

Tuy nhiên, Hòa Bình chưa phải là Nà Sản. Và đòi hỏi với bộ đội ta trong đánh tập đoàn cứ điểm không phải chỉ là tiêu diệt quân chiếm đóng ở từng cứ điểm, mà phải giữ được vị trí đó để tiếp tục chiếm đóng ở từng cứ điểm, mà phải giữ được vị trí đó để tiếp tục phát triển vào sâu trong suốt quá trình tiến công. Như vậy, bộ đội ta sẽ phải chiến đấu liên tục cả ban đêm và ban ngày, vừa tiến công bộ binh địch vừa phải đối phó với đại bác, xe tăng và máy bay. Điều quan trọng là phải hạn chế được sức mạnh hỏa lực của bản thân tập đoàn cứ điểm. Đối với một tập đoàn cứ điểm như Nà Sản, nhất thiết cuộc tiến công của ta phải có thêm sự trợ lực của trọng pháo và cao xạ pháo. Bạn đang giúp ta xây dựng 1 trung đoàn lựu pháo, và 1 trung đoàn pháo cao xạ 37 ly đầu tiên của Liên Xô, nhưng trong mùa xuân các đơn vị này đều chưa sẵn sàng.

Còn một công việc quan trọng là chuẩn bị hậu cần. Công tác hậu cần trong chiến dịch Tây Bắc mang lại nhiều kinh nghiệm. Liên khu 3 và Liên khu 4 huy động cho chiến dịch được 5.000 tấn gạo. Khi chuyển tới Suối Rút, còn 1.250 tấn. số gạo này chuyển tiếp tới Cò Nòi, bộ đội chỉ còn nhận được 410 tấn! Trên dọc đường vận chuyển, dân công mặc dù khẩu phần hàng ngày rất hạn chế, đã ăn hết 92% số gạo đưa ra mặt trận.

Ta thường huy động lương thực từ 9 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Yên Bái. Một nửa số tỉnh này có vùng tạm bị chiếm. Nguồn lương thực chính cho các chiến dịch lấy từ Thanh Hóa. Chiến dịch Hà Nam Ninh, Thanh Hóa cung cấp 98% số gạo. Chiến dịch Hòa Bình và Tây Bắc, Thanh Hóa cung cấp 70%. Thanh Hóa là tỉnh tự do, diện tích rộng và đông dân nhất trong kháng chiến. Người dân xứ Thanh giàu tinh thần yêu nước và cách mạng. Nhưng Thanh Hóa lại là nơi ở cách xa mặt trận. Trên đường vận chuyển ra mặt trận, người dân công vừa đi vừa về có thể phải sử dụng gần hết số lương thực đem theo.

Đây là một bài toán khó. Anh Trần Đăng Ninh thấy cách tốt nhất là huy động lương thực tại chỗ. Nhưng Tây Bắc là vùng rừng núi, ruộng đất ít, người dân còn quen với tập quán du canh du cư, luôn luôn thiếu ăn. Chỉ còn cách sửa đường để vận chuyển bằng xe cơ giới. Ngoài lương thực còn pháo và đạn. Để đánh một tập đoàn cứ điểm, số lượng đạn được tiêu hao rất lớn. Và đâu phải chỉ chừng ấy. Còn thuốc men cho thương binh, lương thực cho tù binh... Nhưng muốn sửa hàng trăm kilômét đường từ hậu phương ra mặt trận cần không ít thời gian.

Khi đó chúng ta chưa biết cơ quan tham mưu Pháp đã tính toán về khả năng mang vác của dân công ta và đi tới kết luận: “quân đoàn tác chiến Việt Minh” không thể hoạt động dài ngày tại một vùng thiếu lương thực ở cách xa khu căn cứ quá 180 kilômét! Phòng nhì Pháp đã tìm ra đáp số khá chính xác. Trớ trêu thay sự tính toán này đã góp phần dẫn tới thảm họa của quân viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ.

Mỗi lần sắp kết thúc chiến dịch, một câu hỏi lại xuất hiện: sắp tới sẽ đánh đâu?

Sự chênh lệch quá lớn về vũ khí, trang bị đặt ta vào trường hợp một võ sĩ hạng nhẹ phải đọ sức với một võ sĩ hạng nặng, trên vũ đài chật hẹp trong một trận đánh kéo dài, mỗi hiệp là một mùa khô. Khi đối phương đã thuộc những miếng đánh của ta, mỗi lần vào trận càng khó.

Đặc điểm lớn nhất của chiến lược chiến tranh cách mạng là không ngừng tiến công kẻ thù, về tư tưởng chủ yếu là chiến lược tiến công. Bác đã nói điều này từ năm 1942, trong bài thơ “Học đánh cò”: “Kiên quyết không ngừng thế tiến công”. Suốt 8 năm qua, dù đánh nhỏ đánh lớn, chúng ta đã duy trì cuộc tiến công không ngừng. Do đó kẻ địch luôn luôn được tăng cường vũ khí trang bị, quân số, vẫn lâm vào thế sa lầy, bị động. Ngay từ những năm đầu kháng chiến, chiến tranh du kích của nhân dân và bộ đội địa phương kết hợp với vận động đánh nhỏ của bộ đội chủ lực, đã làm tiêu tan hy vọng giành một chiến thắng nhanh chóng của kẻ thù. Nhưng nếu muốn kết thúc cuộc chiến đã kéo dài, cần đánh bại đội quân chủ lực của địch trong một trận quyết định. Con đường ta đang khai phá dường như đã bị chặn lại trước sự xuất hiện của tập đoàn cứ điểm.

Chiến dịch Tây Bắc kết thúc sớm hơn dự kiến. Lực lượng ta tuy bị tiêu hao, nhưng việc bổ sung không khó khăn lắm, đa số là thương binh có thể trở lại đơn vị sau một thời gian điều trị. Bộ đội ta hoàn toàn đủ sức mở tiếp một chiến dịch trước mùa mưa. Chúng ta cần duy trì thế tiến công liên tục để ngăn địch tái chiếm Tây Bắc, cần quét lớn ở đồng bằng hoặc đánh ra vùng tự do. Chiến dịch Tây Bắc mở ra một phương hướng mới. Với 80% đất đai Tây Bắc giải phóng, những con đường từ đây sang Thượng Lào đều được giải tỏa. Từ lâu,

chúng ta đã nghĩ tới việc giúp bạn mở rộng căn cứ du kích ở Thượng Lào thành một khu giải phóng, nơi đứng chân của Chính phủ Kháng chiến Lào. Nay đã có điều kiện. Một mặt trận mới mở ra trên đất bạn cũng buộc địch phân tán quân đối phó, lún sâu hơn vào thế bị động trên chiến trường Đông Dương. Kết thúc chiến dịch Tây Bắc, tôi đã bàn vấn đề này với anh Nguyễn Chí Thanh, rồi chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu khi về tới Việt Bắc phải gấp rút nghiên cứu nắm tình hình địch và binh yếu địa chí Thượng Lào để trình với Tổng Quân ủy.

Thượng Lào gồm 6 tỉnh: Luông Phabăng, Sầm Nưa, Xiêng Khoảng, Viêng Chăn, Phong Xa Lỳ, Huội Sai, rộng khoảng 135.000 kilômét vuông với 1 triệu dân. Thượng Lào chia làm hai vùng: vùng rừng núi ở phía đông, giáp với Tây Bắc, vùng đồng bằng ở phía tây, dọc theo lưu vực sông Cửu Long. Thượng Lào với Bắc Bộ Việt Nam núi liền núi, sông liền sông, hai con sông Mã, sông Chu đều từ Sầm Nưa chảy về Thanh Hóa. Từ Bắc Bộ có nhiều con đường chạy sang Thượng Lào: đường số 6 từ Hòa Bình đi Mộc Châu, Pa Háng, Sầm Nưa, đường ngựa thồ từ Sơn La qua Sốp Nạo, đường từ Thanh Hóa qua Sốp Nạo đều tới Sầm Nưa, đường số 7 từ Vinh đi Xiêng Khoảng, đường từ Điện Biên Phủ qua Tây Trang đi Mường Khoa, Luông Phabăng. Về quân sự, Thượng Lào được chia thành: Khu thượng lưu sông Cửu Long, Khu Trấn Ninh, và địa hạt quân sự Phong Xa Lỳ. Quân ngụy Lào chiếm 90% tổng số binh lực ở Lào, chất lượng thấp, không có khả năng đương đầu với bộ đội chủ lực ta. Quân tình nguyện Việt Nam ở Thượng Lào được tổ chức thành 3 đoàn công tác, mỗi đoàn có từ 4 đến 6 đại đội, phân tán hoạt động tại Sầm Nưa, Xiêng Khoảng và Luông Phabăng. Lực lượng của bạn Lào có khoảng 1.500 người, được tổ chức thành 6 đại đội và 24 trung đội chia ra hoạt động ở các tỉnh, chỉ có từ 2 đến 3 đại đội tập trung. Bộ chỉ huy Pháp vẫn coi Thượng Lào là một sân sau an toàn. Sau chiến dịch Tây Bắc, địch đã chú ý Thượng Lào hơn trước vì khu đệm ở Tây Bắc không còn. Địch tăng cường cho Sầm Nưa 2 tiểu đoàn, đưa quân số ở đây lên 3 tiểu đoàn, và xây dựng thị xã Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm nhỏ. Khu vực Cánh Đồng Chum ở Xiêng Khoảng cũng được tăng thêm một tiểu đoàn.

Ngày 2 tháng 2 năm 1953. Tổng Quân ủy nhất trí mở chiến dịch Xuân Hè năm 1953 ở Thượng Lào. Tổng Quân ủy đề nghị với Bộ Chính trị và Bác cho phối hợp với các bạn Lào mở một chiến dịch ở Sầm Nưa nhằm tiêu diệt từ 2.000 đến 3.000 quân địch, giúp Chính phủ Kháng chiến Lào xây dựng hậu phương cho kháng chiến, buộc địch phân tán lực lượng cơ động, ngăn chặn âm mưu địch vẫn hồi tình hình ở Tây Bắc và bình định đồng bằng Bắc Bộ.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Chính phủ kháng chiến Lào nhiệt liệt tán thành chủ trương của ta, hứa tích cực phối hợp giành toàn thắng cho chiến dịch. Cuối tháng 2, nhiều đoàn cán bộ Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Cung cấp và các đơn vị tham gia chiến dịch lên đường trinh sát địa hình, chuẩn bị chiến trường và hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến.

Thị xã Sầm Nưa nằm dưới một thung lũng nhỏ giữa vùng rừng núi, địa hình giống như Hòa Bình tuy đồi núi xung quanh không cao bằng, cây cối ít rậm rạp hơn. Ở đây trước chỉ có một đồn chính, đồng thời là sở chỉ huy khu, với 3 đại đội khố đỏ chủ yếu là người Lào. Sau khi được tăng cường, Sầm Nưa đã có 3 tiểu đoàn, gồm tiểu đoàn dù Lào số 1 (*1er BPL*), tiểu đoàn bộ binh Lào số 5 (*5è BTL*) tiểu đoàn biệt kích Lào số 8 (*8è BCL*) và một số lính Pháp. Quân số là 1.700 người, do viên quan tư Manloplát (*Maleplatte*) chỉ huy. Rút kinh nghiệm ở Nà Sản, địch đóng thêm 10 vị trí trên những điểm cao chung quanh thị xã, xây dựng công sự kiên cố, có hàng rào dây thép gai bao quanh và hệ thống giao thông hào nối liền các vị trí. Chúng chặt nhiều cây cối để mở rộng tầm nhìn. Địch sửa chữa sân bay dã chiến ở Nà Thông và bãi nhảy dù ở Nà Viêng, Manloplát thường xuyên cho quân càn quét vùng chung quanh, tung biệt kích thăm dò lực lượng và hướng tiến công của ta.

Sầm Nưa thực sự là một tập đoàn cứ điểm nhỏ. Tiêu diệt Sầm Nưa chính là cơ hội tốt cho bộ đội ta tập dượt để tiêu diệt Nà Sản sau này.

Trở ngại trước mắt vẫn là vấn đề tiếp tế. So với Nà Sản thì đường tiếp tế từ hậu phương tới Sầm Nưa dài gấp đôi. Hệ thống đường sá ở nước bạn còn ít phát triển hơn ở ta. Một số đường lớn trước đây xe

chạy được, nay đều hư hỏng nặng, ở miền núi hầu hết là những đường mòn, đèo dốc nối tiếp. Tổng cục Cung cấp lập một hệ thống kho tàng, bến bãi trên tuyến đường dài hơn 600 kilômét từ Lạng Sơn qua Suối Rút, Mộc Châu, Sốp Hào tới Sầm Nưa. Công binh dùng thuốc nổ phá thác ở tuyến thượng lưu sông Mã. Đồng bào địa phương khiêng hàng trăm chiếc thuyền nan vượt núi tới Mộc Châu, qua biên giới, thả xuống Sốp Hào để chở hàng vào gần Sầm Nưa. Trong chiến dịch này chúng ta đã huy động 80 xe ô tô, gần 90 thuyền các loại, 2.000 xe đạp thồ, 180 ngựa thồ ngoài số dân công dùng quang gánh. Các bạn Lào hứa sẽ tích cực vận động nhân dân ra sức khai thác, huy động lương thực, thực phẩm tại chỗ. Bạn cho biết năm nay tỉnh Sầm Nưa được mùa, riêng huyện Xiêng Kho có thể huy động 200 tấn gạo, nhưng phải chuẩn bị muối để đổi cho dân.

Một khó khăn nữa là vấn đề giữ bí mật. Nếu hướng chiến dịch bị lộ sớm, địch có thể tăng cường thế phòng ngự ở Sầm Nưa, đóng thêm một số cứ điểm. Trường hợp này tuy sẽ khó khăn hơn, vẫn nằm trong khả năng giải quyết của bộ đội ta. Nhưng nếu địch biến Sầm Nưa thành một tập đoàn cứ điểm lớn, hoặc rút chạy, thì sẽ là khó khăn thực sự đối với chiến dịch, về vấn đề này cũng có thuận lợi là địa bàn mở chiến dịch vẫn nằm trên hướng Tây Bắc. Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng một kế hoạch nghi binh đánh Nà Sản từ ba hướng: sông Đà vào, Sơn La xuống, Yên Châu lên. Mọi hoạt động chuẩn bị cho chiến dịch từ hậu phương lên tới Cò Nòi, nếu lộ, địch vẫn có thể nghĩ ta chuẩn bị đánh Nà Sản. Chỉ cần hết sức giữ bí mật trên đoạn đường từ Cò Nòi sang Sầm Nưa. Kế hoạch nghi binh sẽ được đại đoàn 316 tiến hành vào cuối tháng 3 và đầu tháng 4 trước ngày mở màn chiến dịch.

Ở hướng chính Sầm Nưa, ta sử dụng 6 trung đoàn, gồm toàn bộ đại đoàn 308, hai trung đoàn của 312, và trung đoàn 98 của 316. Dự bị cho hướng này là trung đoàn 174 của 316 đang làm nhiệm vụ bảo vệ Mộc Châu. Binh chủng phối thuộc có 4 đại đội sơn pháo 75 ly (12 khẩu), 3 đại đội súng cối 120 ly (12 khẩu), 2 tiểu đoàn trọng liên phòng không 12,7 ly, 1 tiểu đoàn công binh và 1 đại đội trinh sát.

Về chiến thuật, bộ đội sẽ dùng lối bôn tập chiến dịch, từ xa ập tới bao vây toàn bộ quân địch, khống chế sân bay, bãi thả dù không cho

tăng viện, nhổ những điểm cao quan trọng ở ngoại vi, đánh sâu vào tung thâm, chia cắt quân địch để tiêu diệt.

Hướng phối hợp là Điện Biên Phủ. Trung đoàn 148 đảm nhiệm hoạt động tại khu vực sông Nậm Hu, đánh nhỏ ăn chắc, trường hợp thuận lợi thì mạnh dạn khuếch trương chiến quả.

Hướng Mộc Châu, Yên Châu, trung đoàn 165 của 312 dùng các hình thức biệt kích, tập kích vào trận địa pháo binh, sở chỉ huy địch ở Nà Sản, phục kích các đoàn xe, cùng với trung đoàn 174 của 316 kiên quyết không cho địch chiếm lại Mộc Châu.

Hướng thứ yếu là Xiêng Khoảng. Đại đoàn 304 sẽ đưa 2 trung đoàn theo đường số 7 tiến sang Lào, tiêu diệt các vị trí Noọng Hét, Bản Ban, phát triển chiến tranh du kích ở Xiêng Khoảng và Khang Khai.

Ngày 17 tháng 3, anh Nguyễn Chí Thanh thay mặt Tổng Quân ủy vào Anh Sơn, Nghệ An, cùng với đồng chí Phumi Vôngvichít, đại diện Chính phủ Kháng chiến Lào và Mặt trận Lào Ítxala, dự hội nghị quân chính của đại đoàn 304 quán triệt nhiệm vụ chiến dịch. Sau khi dặn dò các anh Hoàng Minh Thảo, Lê Chưởng, tư lệnh và chính ủy đại đoàn 304, anh Nguyễn Chí Thanh quay trở lại Việt Bắc.

Hai đêm 21 và 22 tháng 3, các đại đoàn 308, 312 lần lượt rời Phú Thọ lên đường tới địa điểm tập kết tại Mộc Châu. Do khó khăn về cung cấp, các đơn vị đều tinh giản tổ chức, tự mang lấy đạn bộ binh. Tuyến vận tải chỉ vận chuyển đạn pháo và đạn trợ chiến cho hướng chính của chiến dịch, ước tính 70 tấn.

Cơ quan tiền phương của Bộ lần này cũng gọn nhẹ, quân số so với chiến dịch Tây Bắc bớt một nửa. Bộ phận nhẹ đi trước bằng xe vận tải để kịp chuẩn bị địa điểm tổ chức hội nghị trao nhiệm vụ cho các đơn vị.

Bộ chỉ huy chiến dịch gồm có các anh Hoàng Văn Thái, Tham mưu trưởng, anh Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Chính trị, anh Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Cung cấp, và tôi, Chỉ huy trưởng. Cùng ra mặt trận, về phía bạn, có Hoàng thân Xuphanuvông, Thủ tướng Chính phủ Kháng chiến Lào, đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bộ trưởng Quốc phòng Lào,

đồng chí Xanhgapo, Thứ trưởng Quốc phòng Lào, và đồng chí Thao Ma, Bí thư tỉnh Sầm Nưa. Bộ Chính trị cử anh Nguyễn Khang, Trung ương ủy viên đặc trách công tác ở Lào, cùng đi chiến dịch.

Các cố vấn Trung Quốc tán đồng chủ trương của ta mở chiến dịch ở Thượng Lào, tin chắc bộ đội ta và lực lượng vũ trang của bạn sẽ giành thắng lợi lớn.

Ở đồng bằng Bắc Bộ, trung du và các tỉnh hậu phương, ta vẫn để lại lực lượng duy trì các hoạt động tại địch hậu và sẵn sàng đối phó nếu quân địch đánh ra. Tả Ngạn Liên khu 3 đã có thêm trung đoàn 50 bên cạnh trung đoàn 42. Nhiều tháng qua địch mở những cuộc hành binh vô vọng hòng đẩy các trung đoàn này ra vùng tự do. Bộ chỉ huy Pháp đã coi các đơn vị này là “không thể nắm bắt” (*insaisissable*). Hữu Ngạn Liên khu 3 vẫn do đại đoàn 320 đảm nhiệm. 320 sẵn sàng đánh địch nếu chúng đổ bộ lên duyên hải Thanh Hóa. Hướng trung du được bố trí 2 trung đoàn 238 và 246 (thiếu 1 tiểu đoàn). Hướng Phú Thọ có trung đoàn 176 (thiếu 1 tiểu đoàn) và 1 tiểu đoàn của 246. Hướng Hòa Bình có 1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 48 cùng với bộ đội địa phương. Phương châm chung ở các hướng này là dùng chiến tranh du kích chống địch càn quét, khi địch đánh ra vùng tự do thì đánh những trận tiêu diệt gọn từng đơn vị nhỏ của địch.

Tình hình Bắc Bộ đã khác nhiều từ sau chiến dịch Hòa Bình.

Tôi cảm thấy an tâm khi cùng bộ đội lên đường sang nước bạn.

4

Sau ba tháng, tôi lại quay về Tây Bắc. Tháng 10 năm trước vào Tây Bắc, từ Yên Bái qua sông Thao đã là vùng tạm chiếm. Bộ đội ta phải tiêu diệt những đồn bốt địch mở đường mà đi. Hơn hai tháng sau, chúng ta mới vượt sông Đà giải phóng Mộc Châu. Lần này, ngày nghỉ đêm đi chỉ mất năm ngày. Phần lớn núi rừng Tây Bắc đã là của ta. Đường 13, đường số 6 đã được sửa, xe chạy thâu đêm, rộn ràng bộ đội, dân công.

Các bạn Lào, Hoàng thân Xuphanuvông, anh Cayxôn Phômvihản đều rất phấn khởi. Cả hai nhà trí thức Lào, đều chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp, vì tự do của dân tộc mình đã tự tìm đến với chúng ta, quyết tâm đi tới cùng theo con đường Nguyễn Ái Quốc đã chọn.

Đây là những đồng chí góp phần xây dựng nền móng cho tình chiến đấu sắt son giữa hai dân tộc Việt — Lào. Dọc đường, ta và bạn cùng sát cánh bàn bạc giải quyết những tình huống mới xuất hiện.

Chúng tôi đã có những cuộc trao đổi ý hợp tâm đầu về triển vọng của cách mạng Lào, Anh Cayxôn mong muốn sau chiến dịch này, Sầm Nưa sẽ trở thành “Thái Nguyên”, Thượng Lào trong tương lai không xa sẽ là “Việt Bắc” đối với kháng chiến và cách mạng Lào.

Cơ quan tham mưu báo cáo đài phát thanh địch ở Hà Nội đưa tin các đại đoàn 308, 312 đã rời Phú Thọ, Việt Minh chuẩn bị đánh Thượng Lào hoặc Nà Sản! Địch còn nói ta sẽ tiến công Thượng Lào bằng hai hướng, từ Mộc Châu sang Sầm Nưa, và từ Điện Biên Phủ sang Luông Phabăng. Từ Sầm Nưa, quân báo của ta báo tin về tình hình địch chưa có gì thay đổi. Trinh sát ta ở Nà Sản báo cáo máy bay địch ráo riết vận chuyển lương thực, đạn dược cho Nà Sản. Đại đoàn 316 bắt đầu triển khai kế hoạch nghi binh. Chúng tôi phán đoán địch rêu rao ta sẽ đánh Thượng Lào, nhưng thực sự đề phòng một cuộc tiến công nhắm vào Nà Sản.

Cuối tháng 3 năm 1953, địch mở một cuộc hành binh lớn ở phía nam đồng bằng, nhằm vào vùng tự do hai huyện Yên Mô (Ninh Bình) và Nga Sơn (Thanh Hóa). Đây là cuộc hành binh Hôtr Anpơ (*Hautes Alpes*) huy động tới bốn binh đoàn cơ động. Địch đóng thêm 18 vị trí quanh Phát Diệm và trên đường số 1 từ Ninh Bình tới Ghềnh, đe dọa tỉnh Thanh Hóa. Chắc chắn Xalăng đã phát hiện thêm đại đoàn 304 đang tiến về phía tây trên đường số 7, muốn kéo bộ đội ta quay về. Chúng ta đã quá quen với kiểu đối phó này. Thực tế những hoạt động của địch không nhắm vào Thanh Hóa. Và ta đã có kế hoạch đối phó nếu địch tiến công Thanh Hóa. Cùng thời gian, một binh đoàn quân dù từ Nà Sản tiến về hướng Mộc Châu. Đây là cuộc hành binh Guýtta-vơ (*Gustave*). Quân dù bị những lực lượng của 165 chặn đánh kịch liệt. Binh đoàn dù chưa tới được Mường Hét thì phát hiện 308

đã có mặt ở Tạ Khoa. Đờ Linarét lập tức ra lệnh cho quân dù và tất cả những đơn vị đóng rải rác đều rút về Nà Sản trong ngày 8 tháng 4 năm 1953.

Ngày 5 và ngày 6 tháng 4 năm 1953, hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến cho các đơn vị được tổ chức tại sở chỉ huy cách Mộc Châu 20 kilômét. Trừ những cán bộ trực tiếp tham gia chuẩn bị, các đơn vị lúc này mới biết mục tiêu của chiến dịch lần này là Sầm Nưa. Đọc đường, bộ đội vẫn nghĩ sẽ đánh Nà Sản. Ai nấy đều ngỡ ngàng. Nhiều người đã chuẩn bị quyết tâm rửa hận Pú Hồng, Nà Si. Một số cho rằng mục tiêu quá nhỏ so với binh lực được huy động. Cũng có người thấy đây là chủ trương sáng suốt, vì nó hợp với trình độ tác chiến của bộ đội ta. Mọi người chỉ thực sự vui vẻ khi biết đánh Sầm Nưa là cuộc tổng diễn tập để đánh Nà Sản trong chiến dịch sắp tới.

Hội nghị nhận được thư của Bác đề ngày 3 tháng 5 năm 1953. Bác viết: “Lần này là lần đầu tiên mà các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Giúp nhân dân nước bạn là tự giúp mình”.

Bác yêu cầu bộ đội:

- “Vượt mọi khó khăn, thi đua diệt địch, chiến đấu anh dũng.
- Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân nước bạn.
- Tuyệt đối giữ gìn kỷ luật, giữ gìn danh tiếng Quân đội nhân dân Việt Nam...”.

Đại đoàn 308, được phối thuộc trung đoàn 98 của đại đoàn 316, hành quân chiếm lĩnh trận địa chung quanh Sầm Nưa, cử ba tiểu đoàn đi trước khống chế cánh đồng Mường Sầm không cho địch nhảy dù tăng viện, chặn địch ở đường số 6 không cho địch rút chạy về Xiêng Khoảng. Các đơn vị được phân công như sau: Trung đoàn 102 đánh cứ điểm ngoại vi Thou Lou. Trung đoàn 88 đánh hai vị trí Khai Đơn 1, Khai Đơn 2. Trung đoàn 98 bao vây vị trí Bản Vàn, chuẩn bị đánh vào phố Sầm Nưa cùng lúc trung đoàn 36 tiến công đồn chính.

Đại đoàn 312 đưa một tiểu đoàn đi trước bao vây kiềm chế sân bay Nà Thông, đông thị xã Sầm Nưa 1 kilômét, khống chế sân bay và bãi thả dù. Trung đoàn 209 có nhiệm vụ khống chế sân bay Nà Thông, bao vây và tiêu diệt cứ điểm Nà Thông Ngoài. Trung đoàn 141 có nhiệm vụ tiêu diệt cứ điểm Nà Thông Trong. Trung đoàn 165 tiêu diệt vị trí Nà Viêng, tây Sầm Nưa 1 kilômét.

Các đơn vị sẽ có mặt ở vị trí tập kết chiến đấu trước ngày 17 tháng 4 năm 1953. Những trận đánh Nà Thông, Thou Lou, Khai Đon 1 sẽ nổ súng cùng một lúc để mở màn chiến dịch.

Bộ Tổng tham mưu điều tiểu đoàn 888 của 98 đi trước tới sát Sầm Nưa khống chế người ra vào thị xã bao vây tin tức, giữ bí mật các hướng tiến quân trước giờ nổ súng. Ngày 9 tháng 4, đại đoàn 308 dời vị trí tập kết vượt sông Mã tiến vào đất bạn Lào.

Ngày 10 tháng 4, các đại đoàn 312 và 304 từ hai hướng cùng tiến quân vào nước bạn. Sở chỉ huy chiến dịch đi theo hướng 308.

Những ngày đầu, cuộc tiến quân diễn ra êm ả. Máy bay địch vẫn hoạt động trên đường số 6 và đường số 41. Ngày 12 tháng 4, tới bờ sông Mã, bộ phận tin kỹ thuật báo cáo một cán bộ trung đội của tiểu đoàn 888 bị địch bắt ở Sầm Nưa đã để lộ một phần kế hoạch cuộc tiến công. Đây là sự cố đáng lo ngại nằm ngoài dự kiến của ta. Bộ chỉ huy chiến dịch điện gấp cho các đơn vị, trước hết là cho đồng chí Hùng Sinh, trung đoàn trưởng 102 đang dẫn đầu đội hình tiến quân của 308: “Địch có thể rút sầm Nưa... Không bỏ lỡ thời cơ, bộ đội tăng tốc độ hành quân”.

Ngày 13 tháng 4, quân báo của Bộ bám sát địch ở Sầm Nưa báo cáo về: địch bắt đầu rút Sầm Nưa đêm ngày 12 tháng 4 năm 1953!

Lúc này, 1 tiểu đoàn của ta, tiểu đoàn 888 đi trước, đã có mặt bên ngoài thị xã Sầm Nưa. Các đơn vị khác còn cách Sầm Nưa một ngày đường. Trường hợp địch rút Sầm Nưa nằm trong dự kiến của ta. Từ Sầm Nưa về tới Xiêng Khoảng khá xa, trên 200 kilômét, chỉ có đường mòn xuyên qua rừng núi, địa hình hiểm trở. Với 1.700 quân, có cả nhân viên ngụy quyền ở Sầm Nưa cùng với gia đình đi theo, chúng tôi cho rằng địch không thể rút nhanh. Cũng có thể chúng cho rằng bộ đội ta chỉ chiếm thị xã đã bị bỏ ngỏ mà không đuổi theo.

Chúng ta vẫn còn cơ hội đuổi bắt quân địch. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cho bộ đội khẩn trương truy kích.

Tôi điện cho các đơn vị: “Các đồng chí! Địch đã bỏ Sầm Nưa chạy. Sầm Nưa đã giải phóng. Nhưng muốn giúp nước bạn củng cố căn cứ địa đó thì chúng ta phải tiêu diệt cho kỳ được sinh lực địch... Đường rút chạy của chúng khá xa, tinh thần chúng càng kém... Chúng ta phải khắc phục mọi khó khăn... chuyển thành quyết tâm diệt địch trong trận truy kích này. Đó là nhiệm vụ phải làm cho kỳ được, vượt lên thực nhanh, bám sát và chia cắt địch, chặn đường rút của chúng, tiêu diệt, tiêu diệt cho giòn, cho gọn”.

Bộ Tổng tham mưu ra một loạt mệnh lệnh. Tiểu đoàn 888, đơn vị hiện ở gần địch nhất, lập tức truy kích. Trung đoàn 102 mang theo 2 ngày gạo, 2 ngày lương khô, để vũ khí nặng lại, truy kích ngay trong đêm. Đại đội nào tổ chức xong đi trước, vừa đi vừa điều tra, gặp địch thì tiêu diệt, địch đóng tập trung thì bao vây, ghìm chân quân địch, chờ những bộ phận đến sau cùng tiêu diệt. Trung đoàn 102 đi theo đường Khang Khộ ra Nà Thông qua Sầm Nưa truy kích địch tới Bản Ban và Xiêng Khoảng. Trung đoàn 209 được lệnh đi theo 102. Bộ chỉ huy chiến dịch điện cho đồng chí Cao Văn Khánh, đại đoàn phó 308, chỉ huy toàn bộ cánh quân này. Đại đoàn 304, ở phía nam, được lệnh đánh mạnh trên đường số 7 ngăn chặn quân địch từ Sầm Nưa chạy về Cánh Đồng Chum.

Bộ chỉ huy chiến dịch cử đồng chí Đỗ Đức Kiên, trưởng ban tác chiến chiến dịch, cùng với đồng chí Nguyễn Anh Bảo, phái viên Tổng cục Chính trị, đuổi theo đại đoàn 308 làm nhiệm vụ đốc chiến. Để bảo đảm cung cấp cho bộ đội truy kích, ban cử đồng chí Nuhắc cùng đi với đồng chí Nguyễn Văn Nam, để huy động nhân vật lực tại chỗ.

Trưa ngày 14 tháng 4, chúng tôi nhận được báo cáo tiểu đoàn 888 đã bắt được toàn bộ ngụy quyền Sầm Nưa cùng với 40 lính đồng tại Mường Hàm trong đêm ngày 13 tháng 4. Bộ chỉ huy chiến dịch điện tiếp cho 308 và trung đoàn 209: “Bộ đội ta còn gặp bọn hành chính của địch đi sau, như vậy chủ lực của địch chưa xa lắm, cần phải đôn đốc bộ đội cố gắng vượt lên đánh địch dần ra hai bên rồi quét trở lại.

Cần động viên bộ đội lúc này gắng một bước thì tiêu diệt thêm một tên địch, không vì mệt mỏi, thương hại bộ đội mà bỏ lỡ cơ hội”.

Sáng ngày 14 tháng 4, trung đoàn 98 bắt kịp quân địch ở Nà Noọng, cách Sầm Nưa 30 kilômét. Manloplát không nghĩ là bộ đội ta lại đuổi theo ban đêm giữa rừng, nên đã cho binh lính nghỉ lại qua đêm ở bản Nà Noọng. Buổi sáng, khi bộ phận đi đầu của đoàn quân vừa ra tới đường thì bộ đội ta ập tới với một trận mưa đạn. Binh lính ngụy Lào không nghĩ tới việc chống cự, tháo chạy hỗn loạn. Bộ đội ta tiêu diệt 50 quân địch trong đó có viên quan ba Rút-xô-lô (*Rousselot*), chỉ huy phó tiểu đoàn 8 ngụy Lào, bắt sống 15 lính Âu cùng với 206 binh lính ngụy Lào và 5 viên quan ba người Pháp: Đờ-la-Gác (*De la Garde*), tham mưu trưởng phân khu Sầm Nưa, Ô-gien (*Euzen*), tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 ngụy Lào, Peranh (*Perrin*), Rô-hơ (*Reher*), Môóc-văng (*Morvan*), đều là chỉ huy đại đội. Theo tài liệu thì địch đã mất ở Nà Noọng 40% quân số, đại bộ phận tiếp tục chạy về phía tây.

Trung đoàn 102 và tiểu đoàn 23 của 88 vừa tới nơi, tiếp tục đuổi theo quân địch.

Trưa ngày 16 tháng 4, quân địch tới Hứa Mường trong tình trạng rệu rã, kiệt sức. Manloplát nghĩ là cuộc truy kích đã kết thúc, quyết định cho binh lính nghỉ lại hết đêm hôm đó.

Sáng ngày 17 tháng 4, tiểu đoàn 79, bộ phận đi đầu của trung đoàn 102 tới Hứa Mường. Được nhân dân cho biết quân địch vừa đi khỏi đây một giờ, tiểu đoàn trưởng Ngô Ngọc Dương, người đại đội trưởng chỉ huy trận kỳ tập đồn Cẩm Lý năm xưa, lập tức ra lệnh khẩn trương đuổi kịp quân địch. Bao nhiêu nhọc mệt sau ba ngày đêm liên tiếp truy kích trên đường đèo dốc dưới nắng hè dường như tiêu tan. Chỉ hơn một giờ sau, 79 đã bắt kịp quân địch. Ngô Ngọc Dương quyết định mở một mũi thọc sâu vào giữa đội hình quân địch, đánh dạt chúng sang hai bên đường, tiến lên đầu, đóng thành cái “nút” chặn chúng lại, sau đó tiến hành vây quét. Tổ trưởng Đặng Đình Lục dẫn đầu một tổ xung kích đánh xuyên suốt đội hình địch kéo dài hàng kilômét, xông lên phía trước chặn đầu, cho các đại đội đi sau tiến lên tiêu diệt.

Sự xuất hiện bất thần của bộ đội ta lần thứ hai trên đường rút lui, làm cho quân ngự Lào mất hết tinh thần. Chúng không còn nghe theo mệnh lệnh những sĩ quan Pháp chỉ huy, ném súng và bao đạn cho nhẹ rồi cắm đầu lao vào rừng. Những sĩ quan Pháp cũng chỉ còn cách chạy theo binh lính đã hoàn toàn tan vỡ. Bộ đội ta chia thành từng tổp tản vào rừng truy bắt quân địch. Ta tiêu diệt khoảng 1 đại đội địch trong đó có 40 lính Âu. Viên quan tư Gorudê (*Grudet*), tiểu đoàn trưởng, và viên quan ba Đenpho (*Delford*) chết tại trận. Bộ đội ta bắt thêm hai viên quan ba người Pháp chỉ huy các đại đội dù.

Đến đây, 3 tiểu đoàn địch cùng với bộ máy ngự quyền tỉnh Sầm Nưa rút chạy coi như đã bị xoá sổ. Chỉ có 220 tên, trong đó có viên quan tư Manloplát, chạy thoát vào rừng, tập hợp thành những nhóm nhỏ nhiều tuần sau đó mới lẻ tẻ tìm về được tới Cánh Đồng Chum.

Một bộ phận của trung đoàn 88 truy kích tới Bản Ban, Xiêng Khoảng, nơi đại đoàn 304 từ Nghệ An sang đã có mặt.

Bộ chỉ huy mặt trận trao nhiệm vụ cho các đồng chí Vương Thừa Vũ, Song Hào chỉ huy và lãnh đạo công tác chiến đấu ở khu vực Sầm Nưa, truy quét tàn binh trao lại cho các bạn Lào, tuyên truyền giác ngộ nhân dân, góp phần xây dựng chính quyền và lực lượng vũ trang địa phương.

5

Chỉ sau một tuần vận động truy kích địch trên đoạn đường dài 270 kilômét từ Sầm Nưa về Cánh Đồng Chum, ta đã tiêu diệt, bắt sống và làm tan rã 2.000 quân địch. Đây là trận truy kích trên chặng đường dài nhất của quân đội ta. Nó giống như một cơn lốc bất thần nổi lên trên chiến trường Lào lâu nay yên tĩnh, cuốn theo cả một hệ thống đồn bốt quân địch mất nhiều công sức xây dựng. Bộ đội ta đã

thực hiện đúng từng lời trong nhiệm vụ được trao “Đuổi địch đến cùng, tiêu diệt bằng được binh đoàn rút lui của địch. Địch chạy xa 200 kilômét cũng đuổi, 300 kilômét cũng đuổi, hết lương thực cũng đuổi”. Lần đầu đặt chân lên nước bạn, không biết đường đi lối lại, không biết tiếng nói, địa hình rừng núi vô cùng hiểm trở, chính binh lính địa phương cũng phải mất hàng tháng mới tìm về tới Cánh Đồng Chum, bộ đội ta chỉ lần theo vết giày đinh, phát cây mở đường mà đi, bất chấp nắng mưa thất thường, bất chấp đói khát, đã hoàn thành nhiệm vụ. Dân công vận tải, chuyển thương bám sát đơn vị đã dành từng nắm gạo rang, từng bi đông nước cho bộ đội trên đường đuổi địch. Thật hạnh phúc cho dân tộc có được những người con như vậy trong chiến tranh! Mệnh lệnh của người chỉ huy dù chính xác tới đâu cũng trở thành vô nghĩa nếu không được những người cầm súng trên chiến trường thực hiện một cách chủ động và sáng tạo.

Ở hướng nam, trước sự uy hiếp của hai tiểu đoàn thuộc 312 và 1 đơn vị Pathét Lào, quân địch đóng ở Mùong Sồi, Bản Phiêng, rồi Sầm Tó lần lượt bỏ đồn rút chạy.

Tại Xiêng Khoảng, sau khi Noọng Hét bị tiêu diệt, quân địch ở Bản Ban chạy về Khang Khay. Quân địch ở các vị trí Mùong Nga, Mùong Ngạn cũng bỏ chạy. Trung đoàn 57 của 304 truy kích địch tới thị xã Xiêng Khoảng. Toàn bộ quân địch ở thị xã vội rút về Cánh Đồng Chum. Tiểu đoàn Pathét Lào do đồng chí Thao Tu chỉ huy, làm chủ đoạn đường số 7 từ biên giới Lào — Việt tới Xiêng Khoảng.

Hiệp đồng với trận đánh sầm Nưa, ở lưu vực sông Nậm Hu, tiểu đoàn 910 của trung đoàn 148 cùng với các chiến sĩ Pathét Lào hoạt động trên hướng bắc. Trước sự xuất hiện của quân ta, ngày 9 tháng 4, địch bỏ các vị trí Huội Sun, Sốp Sao co về cố thủ ở Mùong Khoa. Tiểu đoàn 910 đánh vị trí Mùong Khoa không thành công, chuyển xuống phía nam Nậm Hu, ngày 21 tháng 4 diệt vị trí Mùong Ngòi, ngày 27 tháng 4 diệt tiếp vị trí Nậm Bạc.

Ngày 25 tháng 4, Bộ chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho 1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 36 và 1 tiểu đoàn thuộc trung đoàn 98 chặn địch rút chạy từ mặt trận Nậm Hu về Luông Phabăng, đồng thời cùng các

đơn vị có mặt tại đây uy hiếp trực tiếp kinh đô Lào. Bộ chỉ huy Pháp phải điều toàn bộ binh đoàn cơ động số 1, 1 tiểu đoàn dù, 2 đại đội súng cối 106 ly tới Luông Phabăng, chuẩn bị đối phó với cuộc tiến công.

Ngày 26 tháng 4, trung đoàn 98 sau khi tiêu diệt Nà Noọng, tiến công vị trí Pac Sàng diệt toàn bộ địch ở đây, đồng thời chặn đánh địch ở Bản Sẻ, làm tan rã và bắt sống nhiều tên.

Quân địch ở Mưòng Sung nằm giữa sức ép của tiểu đoàn 910 từ bắc xuống và trung đoàn 98 từ nam lên, vội vã bỏ vị trí rút chạy.

Ngày 17 tháng 5, trung đoàn 98 phối hợp với trung đoàn 148 tiến công vị trí Mưòng Khoa lần thứ hai. Vị trí này nằm trên hữu ngạn sông Nậm Hu, cách Điện Biên Phủ 50 kilômét về hướng tây nam. Ta diệt và bắt gần 300 quân địch. Viên đại úy Toliê (*Teulier*), chỉ huy Mưòng Khoa bị bắt sống.

Tính chung, trong chiến dịch Thượng Lào, ta và bạn đã tiêu diệt, bắt sống, làm tan rã gần 2.800 binh lính và sĩ quan địch, chiếm một phần năm tổng số lực lượng địch ở Lào, giải phóng trên 4.000 kilômét vuông, gồm toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một bộ phận tỉnh Xiêng Khoảng và Phong Xa Lỳ, chiếm một phần năm diện tích Bắc Lào, và hàng chục vạn dân. Cả dải đất thượng nguồn sông Mã, sông Chu đã giải phóng. Lần đầu, kháng chiến Lào có một vùng căn cứ rộng lớn. Hậu phương kháng chiến của cách mạng Lào đã nối liền với vùng tự do Tây Bắc và Khu 4 của ta. Sau khi phần lớn biên giới phía bắc Việt Nam tiếp giáp với Trung Hoa được giải phóng, đến lượt một phần biên giới phía tây giáp với Lào được giải tỏa.

Sau hội nghị tổng kết, là cuộc họp cán bộ trong bộ đội tình nguyện Việt Nam có mặt ở Thượng Lào. Tôi biểu dương tinh thần quốc tế, sự hy sinh, chịu đựng gian khổ bền bỉ của các anh em nhiều năm qua sống xa Tổ quốc, nhắc mọi người hết sức tôn trọng nhân dân Lào, phong tục tập quán của bạn, khi làm việc với các bạn Lào phải có tinh thần hoàn toàn bình đẳng, cùng bàn bạc mỗi khi đưa ra quyết định, giữ vững tình đoàn kết Việt — Lào và hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng là giúp đỡ cách mạng Lào.

Lễ mừng chiến thắng được tổ chức tại một tòa nhà giữa thị xã Sầm Nưa vừa giải phóng. Những cán bộ cao cấp trong quân đội ta và đại diện quân tình nguyện tới dự. Hoàng thân Xuphanuvông nói trong cuộc mít tinh: “Sầm Nưa giải phóng là kết quả của bao nhiêu năm đấu tranh chống quân xâm lược của các bộ tộc Lào. Sầm Nưa giải phóng là kết quả của tinh thần đoàn kết anh em giữa hai nước Việt — Lào, của sự giúp đỡ không điều kiện của nhân dân, của quân đội Việt Nam tiêu diệt kẻ thù chung”. Tiếp theo là tiệc mừng và cuộc vui liên hoan. Bà Xuphanuvông trực tiếp chuẩn bị bữa ăn cho chúng tôi, với món xôi được nấu theo kiểu của nhà vua. Sau đó mọi người hát Champa, múa Lămvông thâu đêm. Đây là buổi liên hoan quốc tế lớn nhất tôi được dự lần đầu.

Tại Xiêng Khoảng, trong cuộc mít tinh mừng chiến thắng, đồng chí Phumi Vôngvichít nói: “Thắng lợi của chiến dịch Thượng Lào là thắng lợi của tinh thần đoàn kết giữa hai dân tộc và hai quân đội Việt — Lào”.

Theo yêu cầu của bạn, chúng ta để lại trung đoàn 98 cùng với các đơn vị tình nguyện ở tại thị xã Sầm Nưa và vùng Nậm Hu. Hướng Xiêng Khoảng, đại đoàn 304 cũng để lại trên đất bạn hai tiểu đoàn.

Sầm Nưa trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng Lào trong suốt hai cuộc kháng chiến. Các bạn Lào sau đó đặt cho nó thêm một cái tên mới: Văn Xây (có nghĩa là Thắng Lợi). Trong kháng chiến chống Mỹ, năm 1971, Đại hội Đồng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ II được tổ chức tại Sầm Nưa. Đoàn đại biểu Đảng ta tới tham dự đại hội của bạn có tôi và anh Lê Văn Lương. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ Kháng chiến Lào về họp đông đủ trong không khí chan hòa, thắm thiết tình đồng chí. Bác thường nói: Sự đoàn kết trong các đồng chí lãnh đạo ở Lào là cơ sở chắc chắn để bảo đảm thắng lợi. Tôi rất vui mừng được gặp lại nhiều đồng chí đã có mặt trong chiến dịch Sầm Nưa.

Chiến dịch Thượng Lào đã hoàn thành tất cả những mục tiêu đề ra lúc đầu. Mùa xuân năm 1953 mở ra triển vọng lớn cho hai dân tộc Việt — Lào trong chiến tranh, với thế phối hợp chiến lược mới giữa cách mạng hai nước. Đó là dấu son trong lịch sử đoàn kết chiến đấu

keo sơn Việt — Lào. Cũng chưa bao giờ bạn và ta giành được chiến thắng lớn với số thương vong ít như chiến dịch này. Trong Xuân Hè năm 1953, chiến trường mở rộng, phương tiện chiến tranh và quân lính địch bị căng ra khắp nơi, hoạt động phi pháo địch là không đáng kể. Ở đồng bằng Bắc Bộ ta lại giành thắng lợi lớn, 7.200 quân địch bị tiêu diệt. Liên khu 5 diệt 970 tên.

Bộ đội ta trên đường chiến thắng trở về, vẫn tràn đầy sinh lực như khi bắt đầu vào trận. Mỗi người đều giữ lại những tình cảm, những hình ảnh tốt đẹp về các bạn chiến đấu, nhân dân và đất nước Lào. Những bản làng nhỏ nhỏ với những ngôi nhà sàn thanh bình, người dân vô cùng thuần phác, những buổi lễ buộc chỉ cổ tay, điệu múa Lămvông, bài ca Champa...

Với chiến dịch Thượng Lào, chúng ta đã khoét sâu vào nhược điểm của địch, mở rộng quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ ra cả miền Bắc Đông Dương. Suốt thời gian chiến dịch, bộ chỉ huy Pháp đã không có một hoạt động đối phó hữu hiệu. Trong thời gian ta mở chiến dịch, địch chỉ cho một số quân dù nhảy xuống Chợ Bờ, Suối Rút, Hòa Bình (cuộc hành binh *Corse*) và dùng máy bay ném bom, bắn phá con đường từ Mộc Châu đi Sầm Nưa để gây khó khăn cho việc vận chuyển tiếp tế của ta. Địch không thể mở một cuộc hành binh lớn ở đồng bằng, Tây Bắc hoặc đánh ra vùng tự do. Trên đất Lào, địch hoàn toàn bị động chạy theo sự điều động binh lực của ta mà vẫn không bảo vệ được những vùng đất chiếm đóng cùng với lực lượng đồn trú. Ở hầu khắp mọi nơi, khi phát hiện bóng dáng chủ lực ta, quân địch đều rút chạy co cụm lại thành tập đoàn cứ điểm. Phải chăng đây là trở ngại cuối cùng trên đường đi đến chiến thắng?

Trên chiến trường Bắc Đông Dương, vào Xuân Hè năm 1953, Xalăng có 37 tiểu đoàn cơ động chiến lược, buộc phải phân tán thành ba nơi: Tây Bắc, 8 tiểu đoàn; Thượng Lào, gồm cả Cánh Đồng Chum và Luông Phabăng, 12 tiểu đoàn; ở đồng bằng Bắc Bộ chỉ còn lại 17 tiểu đoàn. Tất cả đều nằm im chờ đợi cuộc tiến công của chủ lực ta. Những mưu toan giành lại quyền chủ động của Đờ Lát, với Xalăng đã trở nên bế tắc. Người Pháp bắt đầu chê trách Xalăng cứ tái diễn mãi trò “con nhím”! Bị thất bại trong ba chiến dịch liên tiếp: Hòa Bình, Tây Bắc, Thượng Lào, Chính phủ Pháp buộc phải tính tới

chuyện thay thế Xalăng. Thượng tuần tháng 5 năm 1953, chúng ta được tin Xalăng sẽ bị triệu hồi và thay thế bằng tướng bốn sao Hăngri Nava.

Khởi đầu từ mùa Đông năm 1950 với sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chiến dịch Biên Giới, đến mùa xuân này nhân dân và quân đội ta đã vượt tiếp một thời kỳ mới đầy thử thách, gian lao nhưng rất vinh quang, mở ra con đường đi tới: **điểm hẹn lịch sử Điện Biên Phủ** nửa năm sau đó, trong Đông Xuân 1953—1954.

- ¹ Binh đoàn dù (gồm: 1er BEP, 3è BCCP, 7è BCCP), Binh đoàn cơ động Bắc Phi (GMNA gồm 3 tiểu đoàn bộ binh), Binh đoàn Maroc (GTM, gồm: 1er Tabor, 2è Tabor, Tabor).
- ² *Độc La guerre d'Indochine (Chiến tranh Đông Dương)* của Yves Gras, 1992, phần III, đoạn 2: *Le désastre de Cao Bang (Thảm họa Cao Bằng)*, tr.323-366.
- ³ *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1945-1954*, tập tr. 183.
- ⁴ Yves Gras, *Sdd*, tr. 331.
- ⁵ Trong thời gian đồng chí Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc, Quang Thái ở Hà Nội hoạt động cách mạng, bị mật thám Pháp bắt năm 1943 và mất tại nhà tù Hỏa Lò năm 1944 (HM).
- ⁶ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb sự thật, Hà Nội, 1980, t.1
- ⁷ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, *Sdd*, 472-491.
- ⁸ Văn kiện Đại hội II, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, 1965, tr. 90.
- ⁹ Mặt trận Đoàn kết Liên minh Việt — Miên — Lào được thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1951. Ban chỉ đạo Mặt trận có các vị: Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Xuphanuvông, Nuhắc, Sơn Ngọc Minh, Tútxơmút.
- ¹⁰ Hội nghị Liên minh ba nước trên bán đảo Đông Dương họp tháng 9 năm 1952.
- ¹¹ Theo hồi ký của đại tá Rơđông.
- ¹² Yves Gras, *Sdd*, tr.398.
- ¹³ Như trên. Câu nói của Đờ Lát: “cest terrible, ce dans quoi je me engagé. Je re m'en rendais pas vraiment, complètement compte jusqu' à présent”.
- ¹⁴ Khác với chiến dịch Trung Du của Bộ tháng 12 năm 1950 cũng có bí danh là chiến dịch Trần Hưng Đạo.
- ¹⁵ Nghị quyết quân sự của Bộ tư lệnh Nam Bộ, năm 1951. Hồ sơ 43, phòng Nam Bộ, kho lưu trữ Bộ Quốc phòng.
- ¹⁶ *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1945-1954*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội 1990,11, tr.85,172.
- ¹⁷ *Groupement administratif mobile opérationnel*.
- ¹⁸ Theo hồi ký của Xalăng.
- ¹⁹ Yves Gras. *Sdd*, tr.432.
- ²⁰ Bí danh của đồng chí Văn Tiến Dũng.
- ²¹ Bí danh của đại đoàn 304.

Đại tướng

Võ Nguyên Giáp

Đường tôi
ĐIỆN BIÊN PHỦ



HỘI ƯC

Sach.info

TIÊU MAI thể hiện
NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN